

VĂN HÓA TÙNG THƯ SỐ 57

ĐÀO-ĐĂNG-VỸ

NGUYỄN-TRÍ-PHƯƠNG

NHA VĂN-HÓA
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN

1974

VĂN HÓA TÙNG THƯ SỐ 57

ĐÀO ĐĂNG VỸ

NGUYỄN-TRỊ-PHƯƠNG

NHA VĂN-HÓA
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC VÀ THANH-NIÊN

1974

Cùng một tác-giả

Le Culte des Ancêtres (1932)

Enquête sur la Jeunesse Vietnamiennne (1932-34)

Les Ecrivains et les Artistes Vietnamiens contemporains
(1935)

Nguyễn-trường-Tộ et son Temps (1936-37)

L'Annam qui naît (1938)

Pour la Famille la Vraie (en collaboration) : 1939

La Culture et Nous (en collaboration) 1940

Thất-Thủ Kinh-dô (Kịch lịch-sử 5 Hồi) : 1945

Thế-giới chiến-tranh lần thứ ba (1946)

Nước Mỹ và nền Hòa-bình thế-giới (1946)

Nước Nga và nền Hòa-bình thế-giới (1946)

Evolution de la Littérature Vietnamiennne contemporaine
(1949)

Nguyễn-trường-Tộ et l'Empereur Tự-Đức (1951)

Khúc nhạc Đồng quê (1954) (Bản dịch La Symphonie
Pastorale của A. Gide)

- Pháp-Việt Đại Từ-Điển 1949-52, 1963, 1970.
- Papillons Blancs (bản dịch Bướm Trắng của Nhật-Linh
1959)
- Việt-Pháp Đại Từ-Điển : 1956, 1963, 1970.
- Pháp-Việt Từ-Điển Phổ-thông : 1954-1956, 1960, 1963, 1965,
1970.
- Pháp-Việt Tiểu Từ-Điển : 1961, 1963, 1966, 1970
- Việt-Pháp Tiểu Từ-Điển : 1962, 1964, 1966, 1970.
- VIỆT-NAM BÁCH-KHOA TỪ-ĐIỂN : Cuốn I cuốn II, III.
(1959-1963)
- Ông già Goriot (le Père Goriot của H. de Balzac dịch ra
Việt-văn : 1962)
- Sức mạnh của Bất bạo-động (1965)
- Thúy-Kiều và Định-mệnh (1966)
- Nguyễn-trường-Tộ và Y-đảng Bác-Văn (1971)
- Xã-hội Nguyễn-trường-Tộ và Xã-hội Y-Đảng Bác-Văn
(1972)
- Nguyễn-tri-Phương (1974)

LỜI GIỚI-THIỆU

CHIẾN-ĐẤU cho Tổ-quốc dân-tộc, không phải chỉ trên vài ba trận-mạc hay trong chín mươi xuân-thu, nhưng chính là một cuộc tranh-đấu tinh-thần ròng-rã trong khoảng thời-gian vô-tận. Vì thế, nên dù thua trận với những khi-giới vật-chất nhất thời, nhưng có tinh-thần lưu-truyền cho hậu-thế với những cử-chỉ thái-độ của mình, tiền-bối cục ngã thì hậu-sinh kế tiếp, ngày trước không thành, năm sau lại thắng, chứng-minh câu nói của một chính-khách Trung-hoa : « Thất bại là mẹ thành công », không theo nghĩa kinh-nghiệm cá-nhân, nhưng theo lý truyền-thống dân-tộc. Đó là thành-công vinh-hiền của các bậc vĩ-nhân.

Trong lịch-sử oai-hùng của dân-tộc Việt-Nam, năm 1973 kỷ-niệm đệ nhất Bách chu-niên một vị trong số các vĩ-nhân này. Chính là 100 năm truy-niệm vong-linh Cụ NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG. Sinh-trưởng ở Thuận-hóa, làm quan kiêm thông văn vũ với ba triều vua, cụ là một chiến-sĩ khắp các mặt trận tinh-thần và vật-chất. Tuy Cụ thua trận với vũ-khí, bị quân Pháp bắt tại Hà-nội hôm rằm tháng 10 năm quí-dậu (1873),

nhưng với tinh-thần bất-khuất, Cụ đã ra đi, để lại những lời nhắn-nhủ kêu gọi bao nhiêu kẻ hậu-sinh nối gót, không nói đến thực-dân nào hay chủ-nghĩa nào, chỉ biết một trăm năm sau, mặc dù ai gọi là chậm tiến vật-chất và nghèo-nàn hữu-hình, nhưng cả thế-giới đều cảm-phục dân-tộc Việt-Nam trên con đường tranh-đấu tinh-thần.

Mang nặng tấm lòng hoài-niệm và tri-ân tiền-bối, trong chương-trình tô-chức lễ đệ nhất Bách chu-niên cụ NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG, nhà văn ĐÀO-ĐẮNG-VỸ đã viết tiểu-sử của Cụ, với những lời văn gọn-gàng, tài-liệu phong-phủ, đặc-biệt với thư-từ bút-kỳ của tên Francis Garnier, một người trong cuộc, vừa là thủ-phạm, vừa là chứng-nhân. Đào-quân viết sách này vốn là một chiến-sĩ đã từng đem ngòi bút thay viên đạn, mong làm thế nào cho đồng-bào hãnh-diện và ngoại-bang cảm-phục văn-hóa và văn-chương nước nhà, với những bộ bách-khoa từ-điền và những áng văn lịch-sử. Nay ông lại viết với tư-cách Phó Chủ-tịch Hội Bảo-tồn Cổ-đó, vì ông quan-niệm Hội này đảm-nhiệm bảo-tồn tinh-thần cồ-tịch và nhân-vật chốn Thần-kinh, làm sao cho người nay hiểu biết và yêu quý việc xưa và người xưa, cũng là một cách bảo-tồn có ý-nghĩa.

Với tư-cách và quan-niệm như thế, ông đã có nhã-ý xin lời giới-thiệu cuốn tiểu-sử Cụ NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG. Tuy biết mình không xứng đáng, nhưng cùng chia sẻ với ông những ý-tưởng trên đây, lại theo một chí-hướng với ông, và ngưỡng-mộ anh-hùng chí-sĩ, tôi dám ước nguyện những ai yêu quý đồng-bào và cảm-phục tấm gương trong hy-sinh vì Tờ-quốc, không thờ-ơ với mấy trang tiểu-sử quý-hóa này.

Thủ-đức, ngày rằm tháng 10 năm Quý-sửu (9-11-1973)

Thiên-Phong BỬU-DUỠNG,

Chủ-tịch Hội Bảo-tồn Cổ-đó.

TỰA

LÒNG hăng hái của tuổi trẻ khiến ta thường tưởng tượng việc gì cũng làm được và càng nhiều việc bao nhiêu càng thích thú bấy nhiêu. Nhưng lúc tóc đã hoa râm, ngoảnh nhìn lại khoảng đời đã đi qua, ta hoảng kinh khi thấy những việc đã làm được quá ít so với những gì ta còn muốn làm mà cứ để thời-gian trôi qua, để bao nhiêu hoài-bão vẫn chỉ là hoài-bão ! Nghĩ tiếc thay cho bao nhiêu thời giờ đã bỏ phí !

Như cuốn Nguyễn-tri-Phương đây, tôi đã muốn viết từ năm 1945 hoặc trước nữa, mà mãi đến nay mới đặt tay vào viết thực-sự. Thật tôi đã quá lỗi với tiền-nhân, và lỗi với một người bạn trẻ... là anh Nguyễn-tri-Hoàng.

Nguyên năm 1945, lúc tôi cho nhóm thanh-niên học trò của chúng tôi tập và trình-diễn một vở kịch lịch-sử nhan đề là Thất-thủ Kinh-đô nhân dịp kỷ-niệm hàng năm về việc mất Kinh-đô Huế vào năm 1885. Tục-lệ ở Huế mỗi năm đến 23 tháng năm âm-lịch đều có những lễ cúng âm-hồn rất lớn, xóm nào phường nào trong thành phố nhất là trong Thành-nội đều có dựng trai-

đàn đẽ cúng những oan-hồn đã chết vì trận chiến năm 1885 giữa ta và Pháp mà kết-quả là bị Pháp chiếm Kinh-thành, vua Hàm-Nghi chạy trốn rồi bị bắt, và nền đô-hộ Pháp đặt lên toàn cõi Việt-Nam. Năm 1945, sau khi nền đô-hộ Pháp đã bị lật đổ vì cuộc đảo-chánh Nhật ngày 9-3-1945, chúng tôi một nhóm tri-thức ở Thần-kinh họp nhau bàn : năm nay nên tổ-chức lễ Kỷ-niệm 23 tháng 5 âm-lịch một cách có ý nghĩa hơn, vì lâu ngày dân-chúng cúng bái, tụng kinh chạy đàn cũng chỉ biết là cúng âm-hồn chứ nguồn gốc của những lễ cúng này nhiều người cũng đã quên mất. Chúng tôi muốn kêu gọi lại nguồn gốc này và đánh thức dậy lòng ái-quốc, chí quyết-cường của dân-tộc sau bao nhiêu năm bị đô-hộ. Nhóm chúng tôi lúc ấy gồm có các anh Đào-duy-Anh, Nguyễn-huy-Bảo, Hoài-Thanh tức Nguyễn-đức-Nguyên, Tạ-quang-Bửu, Nguyễn-thúc-Hào và tôi v.v... Theo tôi nhớ thì sau mấy buổi thảo-luận, anh Đào-duy-Anh hình như nhận làm một buổi triền-lãm hay viết báo viết sách gì đó (xin lỗi đoạn này lâu ngày nhớ không rõ). Anh Hoài-Thanh nhận làm một bài diễn-văn và việc tổ-chức diễn-thuyết do tôi phụ-trách. Phần tôi, tôi nhận viết và cho trình-diễn một vở kịch về Thất-thủ Kinh-đô, có những vai chính là Nguyễn-văn-Tường, Tôn-thất-Thuyết, vua Hàm-Nghi, Đề-đốc Trần-văn-Soạn, Khâm-sứ De Champeaux, Giám-mục Gaspard v.v...

Hầu gần hết các vai trong kịch đều do học-sinh các trường trung-học Huế đóng, nhất là các trường Việt-Anh và Hồng-Đức mà tôi đã làm hiệu-trưởng và giáo-sư, nhưng cũng có một số anh em ở trường Khải-Định và Thuận-Hóa tình nguyện góp sức. Trong các vai chính tôi đề ý nhất một thanh-niên đóng vai Tôn-thất-Thuyết. Vai này đã làm cho nhiều anh đóng thử đều bị

loại. Đến lúc anh này lên đóng thì hay quá, ai xem cũng vỗ tay tán thưởng. Giọng điệu bộ-tịch hết sức oai-hùng, rồi đến lúc giận dữ gần như điên cuồng, anh ta đóng đều rất hay. Tôi rất thích-thú cười nói với các anh em ngồi hai bên : « Hay lắm, con cháu nhà tướng mà đóng tướng thật là oai-dũng, đúng vai lắm ! » Có anh không biết là ai hỏi tôi, tôi mới bảo : « Các anh không biết đây là Nguyễn-tri-Hoàng sao ? Đó là hậu-duệ của đệ nhất danh tướng nhà Nguyễn là Nguyễn-tri-Phương đấy ! » Lúc ấy các anh em lại càng hoan-hỷ vỗ tay ầm ầm, làm Nguyễn-tri-Hoàng cũng ngạc-nhiên cứ vừa tập diễn vừa nhìn tôi không ngớt ra chiều hỏi tại sao lại có những tràng vỗ tay liên-hồi như vậy ?

Sau buổi diễn tập, tôi gọi riêng Hoàng nói nhỏ : « Các trận vỗ tay hồi nãy thì mấy lượt đầu là để tán thưởng anh đóng rất hay và đã lột hết tinh thần của vai tướng, lúc hùng-dũng, rất uy-nghi, lúc thì dữ dội như điên khùng ngó ngàn đúng như lời ca dao đã nói :

Nước Nam có bốn anh-hùng,

Tường gian, Viêm đối, Khiêm khùng, Thuyết ngu. *

Còn những tràng vỗ tay sau là để hoan-hô một hậu-duệ của vị cựu Tổng-thống quân-vụ Đại-thần, Tráng-liệt-bá, Tri-dũng-tướng Nguyễn-tri-Phương... Đến lúc Hoàng trở mặt nhìn tôi hỏi : « Sao thầy nhớ rõ tất cả những phẩm tước của ông Cố con như vậy ? » -- « Chẳng nói đâu gì anh, chính tôi hằng ngưỡng-mộ kính-trọng vị anh-hùng có một không hai của xứ Thừa-thiên và cố ý tìm nhiều tài-liệu để viết một cuốn sách về Cụ. Vậy

* Nguyễn-văn-Tường, Hoàng-kế-Viêm, Ông-ich-Khiêm, Tôn-thất-Thuyết.

anh là người trong hậu-duệ, có tài-liệu gì lạ hay gia-phả của dòng Nguyễn-tri có thể cho tôi mượn để bổ-túc các tài-liệu tôi đã có hoặc tôi sẽ tìm thêm được sau này, thì quý hóa lắm ».

Sau câu chuyện đó thì anh Hoàng đã đem lại giao cho tôi một tập sách viết bằng tay kể lại thân-thể và sự-nghiệp oanh-liệt của Cụ Nguyễn, lại có nhiều chi-tiết không ở đâu có. Ngoài ra còn có tiểu-sử của hai Cụ Nguyễn-Duy và Nguyễn-Lâm nữa. *

Tôi mừng quá và hứa với Hoàng thế nào tôi cũng cố hoàn-thành một tác-phẩm về Nguyễn-tri Nhất gia Tam Kiệt.

Không may cho tôi, vì thời-thế biến-thiên với các cuộc tân-cư và di-cư, sách vở tản mát gởi mỗi nơi một ít, về sau phần nhiều mất cả, một số gởi các nhà quen biết, bạn bè để mỗi làng một tủ hay vài ba thùng lúc quân Pháp đổ bộ tái chiếm các tỉnh, các làng thì các nhà tôi gởi sách phần đông có tên trong sổ đen của Pháp (Vì đã bị Việt-Minh mời vào đoàn-thể này hay đoàn-thể khác như Thanh-niên cứu-quốc, Phụ-nữ cứu-quốc, Văn-hóa cứu-quốc v.v..., trong các làng các quận cũng như ở thành phố không mấy ai thoát khỏi có chân trong một đoàn-thể). Thế là Tày cho đốt cả nhà vì cho là Việt-Minh. Các tủ sách của tôi đã bị chia xẻ số-phận mà biến thành tro bụi. Có những sách nào đốt không cháy hoặc chỉ cháy sém đôi chút thì lúc Pháp bỏ đi, lại bị đồng bào ta chiếu cố tận tình : sách đóng bìa da bìa gấm thì họ lột da lột gấm để đóng quai guốc, sách bìa thường thì xé ra lấy giấy gói kẹo bánh để bán ngoài chợ hoặc dùng làm giấy vệ-sinh trong gia-đình, sách chữ Hán bằng giấy bản thì dùng vấn thuốc hút. Các bản thảo, các bản dịch từ Hán-văn hay từ

* Sau đó ít lâu thì Hoàng đi kháng-chiến, đến nay vẫn không thấy tin-tức gì, không biết còn mất.

ngoại-ngữ ra Việt-văn, những tài-liệu quý hóa bằng Hán-tự đã thu góp được..., tất cả tôi xem quý hơn vàng đều phải chịu một số-phận như các sách khác. Lắm khi đi qua các làng ở thôn quê, chứng kiến những cảnh tàn phá sách vở, dù không phải là của mình, trông thấy cũng đau đớn ngậm ngùi đến chảy nước mắt !

Minh đã như vậy, mà đi đâu gặp bạn bè quen biết hỏi ra cũng chẳng hơn chi mình, nhìn nhau méo mặt mà than dài. Ôi ! Văn-hóa Việt-Nam lại một lần nữa biến thành tro bụi !

Tôi còn nhớ lúc ấy, khi chưa có lằn ranh giới Bến-hải biển nước ta thành hai thế-giới không qua lại với nhau được, lúc đó anh Đào-duy-Anh đã ra Bắc. Có người quen gặp anh ấy trước khi người này đang kiếm cách vào Nam, anh Anh đã nhắn với tôi những lời thống-thiết sau đây : « Nhờ anh vào Huế có gặp anh Đào-dăng-Vỹ thì nhớ nói dùm tôi nhắn cố mà giữ lấy các tủ sách mà dùng, kẻo bây giờ sách vở khó kiếm, khó mua lắm, mà không khéo dễ bị tàn-phá như không. Ngoài Bắc nhiều người đã bị mất hết sách vở quý giá. Riêng tôi, mấy tủ sách của tôi mà anh Vỹ đã biết, tôi mang theo được một phần lớn lúc phải ra Bắc đều bị tiêu hủy hết rồi, phần bị bom ném trúng tan tành, phần bị đốt cháy. Hiện tôi không còn sách vở tài-liệu gì nữa, khó mà viết lách gì được ».

Lời nhắn nhủ của anh bạn làm cho tôi cảm-động đến lịng người, vì lúc đó tôi cũng đã bị mất một số lớn sách rồi. Trước năm 1945, ở Huế người ta thường đồn có ba nhà có sách nhiều nhất : đó là Phạm-Quỳnh có những tủ sách rất quý cả bằng Hán-Văn, Việt-văn và Pháp-văn rồi đến Đào-duy-Anh có nhiều sách Việt và tài-liệu chữ Hán, thứ ba là tôi có nhiều

sách Việt và Pháp vẫn nhất. Về phần bà con nhận xét về tủ sách của tôi có lẽ không đúng, vì tôi biết còn nhiều bạn có sách rất nhiều và rất quý, đó là các anh Bửu-Kế và Phan-văn-Dật, v.v...

Thế mà đã hết dầu. Sau các trận đốt phá, tôi còn bị một trận thủy-tai rất lớn (1953) phá tôi thêm mấy tủ nữa : cả bộ Bulletin des Amis du Vieux Huế của tôi bị nước lụt ngâm tan ra bùn, chỉ còn vài chục cuốn dùng được. Ngoài ra tôi còn bị hư những bản Điều-trần toàn-bộ của Nguyễn-trường-Tộ với những bản dịch ra Việt-văn *. Một phần các bản Điều-trần bằng Hán-văn còn lại, sau khi vào Sài-gòn, một ông bạn khuyên tôi đem cho Thư-viện của một cơ-quan văn-hóa chánh-phủ. Tôi nghĩ cơ-quan này có nhiều phương-tiện hơn tôi để giữ những tài-liệu quý khỏi hư hao mất mát, nhưng cách đây mấy tháng nhân cần tra-cứu lại một số vấn-đề, tôi tìm lại cơ-quan trên thì các bản văn tôi biểu lúc trước đã không còn nữa, không phải vì bị đốt mà vì dọn nhà nhiều lần nên sách vở tài-liệu đã hao hụt lần. Thật đúng là ba lần dọn nhà bằng một lần cháy nhà ! Ta chỉ nên biết thế để đỡ buồn hơn !

Dầu sao, một số sách quý và tài-liệu thân yêu tôi đi đâu cũng gồng gánh mang theo, thì số này may quá vẫn còn — Và trong đó, những sách và tài-liệu về Nguyễn-tri-Phương, tuy có mất nhưng số lớn vẫn còn. Rủi thay tập tài-liệu mà Nguyễn-tri-Hoàng trao cho tôi mà tôi xem là quý giá nhất thì bị thất-lạc, mãi sau này mới tìm ra. Thế là món nợ đối với tiền-nhân và lời hứa đối với anh Nguyễn-tri-Hoàng tôi vẫn có thể trả được, tuy rằng trả chậm. Và năm nay, nhân kỷ-niệm Một trăm năm

* Các tài-liệu này tôi đã dùng viết cuốn " Nguyễn-Trường-Tộ et son temps " đã đăng-tái hơn 80 số trên báo La Patrie annamite ở Hà-nội, và đã cho Nguyễn-Lân mượn viết cuốn Nguyễn-trường-Tộ.

ngày cụ Nguyễn-tri-Phương cùng con là Phò-mã Nguyễn-Lâm bỏ thân đền nợ nước, tôi đã quyết-tâm cho ra cuốn sách này.

Trong lúc tôi sắp tài-liệu để viết sách thì may thay, một cơ-duyên xui khiến tôi nhìn đi hóng mát ở một lều cỏ bên đường cạnh Xa-lộ thì gặp cụ Nguyễn-tri-Kiệt, nguyên Quận Trưởng Hải-lăng và Triệu-phong, là cháu gọi cụ Nguyễn-Lâm bằng Ông nội và cụ Nguyễn-tri-Phương bằng ông Cố. Cụ đã trên 60, dáng người còn tráng-khiên, cũng ra dòng dõi nhà-tướng lắm. Cụ lại còn hai ông anh trên 80 tuổi đó là cụ Nguyễn-tri-Chỉ trước làm Chánh-Nhất Tòa Thượng-Thẩm Thừa Thiên, và cụ Nguyễn-tri-Cơ, anh cụ Nguyễn-tri-Chỉ.

Sau đó cụ Kiệt với tôi đã gặp nhau nhiều lần và cụ cũng giúp tôi tìm thêm những tài-liệu đặc-biệt về Cụ Cố. Cụ đã giao cho tôi một tập tiểu-sử và một số văn-thư thì phù về cụ Tráng-liệt-bá, và kể cho tôi nghe nhiều truyền-thuyết về Cụ Cố và Cụ Phò-mã, mà tôi sẽ lần lượt kể lại trong tập sách này. Cụ cũng cho tôi nhiều tin-tức về hậu-duệ và dòng dõi họ Nguyễn-tri, hiện-tại có gần đến 500 người mà một số có danh-vọng lớn như cụ Nguyễn-tri-Chỉ mà người Trung và người Huế ai cũng biết và rất kính mến (Cụ con cụ Thượng thơ Nguyễn-tri-Kiểm và cháu nội Phò mã Nguyễn-Lâm). Về số quý vị trẻ tuổi thì nhiều vị cũng đã thành tài, có vị đã có danh phận trong quân đội VNCH, v.v... Ngoài ra còn có bà Tôn-thất-Phùng, nữ danh Nguyễn-thị-Túy một nữ Đông-y-sĩ có tiếng ở Saigon. Bà là em cụ Nguyễn-tri-Chỉ và cụ Nguyễn-tri-Kiệt, bà cũng đã cho tôi một số tài-liệu quý hóa.

*
* *

Thật là mối duyên kỳ-ngộ đã làm cho tôi gặp Nguyễn-tri-Hoàng cách đây đã 28 năm trong lúc tôi mới có ý viết về

cụ Nguyễn-tri-Phương và mới đây lúc tôi bắt tay để thực-hiện tác-phẩm Nguyễn-tri-Phương thì lại gặp cụ Nguyễn-tri-Kiệt...

Nhưng một kỳ-ngộ nữa cũng khá lý-thú là trong lúc tôi lục lợi trong tất cả các Thư-viện ở Đô-thành để tìm thêm tài-liệu, thì một cuốn sách rất hay đã rơi vào tay tôi và cho tôi biết nhiều điều mà có lẽ trước đây ít người để ý đến.

Sách này là một tác-phẩm bằng tiếng Pháp mới xuất-bản vào năm 1952 * cho nên ít ai để ý đến, vì các tài-liệu lịch-sử về giai-đoạn cận-kim đều đã xuất-bản từ lâu, hoặc được tra-cứu từ lâu : như các sách của Jean Dupuis, Ch. Gosselin, của Caillaud, của Masson v.v... chưa kể các sách và tài-liệu của Việt-Nam. Tác-giả của sách nói trên là Roger Vercel đã từng được giải thưởng Văn-chương Goncourt năm 1934. ** Nhân ông có viết một cuốn sách về Francis Garnier, hai bà cháu ngoại của Garnier là bà Thiếu-Tướng Besançon và cô Cavalier mời ông tới cho ông xem những tài-liệu về ông ngoại các bà và đã được các bà giữ kỹ gần một thế-kỷ. Đó là những bức thư mà ông đã viết cho ý-trung-nhân cũng là vị-hôn-thê của ông và sau đã thành vợ ông (bà vợ này ông để ở tại Thượng-Hải lúc ông được gọi về phục-vụ ở Đông-Dương). Các thư này đã viết từ 1869 đến 1873, ngoài ra còn có 30 trang nhật-ký. Trong thư từ và nhật-ký, tác-giả đã kể lại công-việc ông ta đã làm, đang làm và sẽ làm ngày mai và những ngày tới. Ông kể cả những kế-hoạch sắp đặt để đánh địch, cả những trận đánh nhau v.v... Thành-thử các thư và nhật-ký của

* « Mới » đối với các tài-liệu về lịch-sử thế-kỷ 19, nhất là lịch-sử Việt-Nam về thời-kỳ đó. Những sách viết về Việt-Nam trong thời-kỳ Gia-Long Tự-Đức đều đã xuất-bản từ cuối thế-kỷ 19 và đầu thế-kỷ 20.

** Về cuốn : Capitaine Conan.

ông giúp tôi bỏ-tức không ít cho những trang chính-sử của sách Việt cũng như sách Pháp *, nhất là về giai-đoạn 1861-1873.

* * *

Nhưng tại sao trong bao nhiêu năm, mà tôi vẫn không quên ý-niệm viết một tác-phẩm về Nguyễn-tri-Phương ? Lẽ thứ nhất, tiểu-sử tiên-hiền họ Nguyễn là cả một giai-đoạn lịch-sử cận-kim của nước ta, có nhiều biến-cổ trọng-đại làm xoay chuyển cả vị-thế Á-Châu, đảo lộn cả nền móng của Văn-hóa Á-Đông, và thay đổi cả bộ mặt của Thế-giới. Vì thế, biết rõ tiểu-sử họ Nguyễn làm cho ta hiểu rõ thêm giai-đoạn lịch-sử cận-đại của nước nhà và có lẽ của cả các nước quanh ta. Đó là một điều vô-cùng hữu-ích cho các thế-hệ chúng ta.

Lẽ thứ hai là tiểu-sử cụ Nguyễn là một bài học quý báu cho tất cả chúng ta, trong giai-đoạn hiện-tại, một bài học vô giá về những đức-tính kiên-nhẫn, dũng-cảm, tận-tụy phục-vụ quốc-gia, hy-sinh đến cực-độ, và liêm-khết cần-kiệm thật hiếm-có.

Lẽ thứ ba làm cho tôi muốn ghi lại công ơn của Nguyễn-tri-Phương là trong sự-nghiệp của cụ có một công-trình vĩ-đại mà ít khi được nhắc đến, đó là việc khai hoang lập ấp. Cụ đã dày công thực-hiện chánh-sách khai khẩn xứ Nam-kỳ, lập đồn-diền, tô-chức phá rừng cây ruộng, xây dựng làng xóm trong một quy-mô rộng lớn. Chánh-sách này đã giúp Nam-kỳ trở thành một nơi trù-phú, sản-xuất lúa gạo dồi-dào, chẳng những đủ nuôi dân trong Nam, mà còn đưa ra Trung ra Bắc, và sau này còn

* Ý-trung-nhân và sau là vợ của Francis Garnier tên là Claire đã sống 50 năm sau khi Garnier bị giặc Cờ-Đen giết năm 1873. Bà chết năm 1923, và lúc sắp chết còn nói mấy tiếng rất tình-tử trước khi từ-giã cuộc đời : « Anh Francis, tôi đến đây ! » (Francis, je viens). Đó có lẽ là câu nói chí tình nhất đối với một người chồng đã chết trước đến 50 năm !

Sách của R. Vercelet nói đây là cuốn : *Francis Garnier à l'assaut des Fleuves*.

bán ra ngoại-quốc. Dân nghèo nan không nghề-nghiệp dôi khất sinh trộm cắp... đều được dồn lại làm ruộng làm vườn, có lính giúp đỡ và canh-phòng giữ an-ninh cho dân an cư lạc nghiệp. Các đồn lính dựng lên bên các sở ruộng đất lớn, vì vậy mới có cái tên đồn-diền (ruộng có đồn lính canh-phòng)... Chánh-sách đồn-diền của Nguyễn-tri-Phương hình như đang sống lại với chương-trình khẩn hoang hiện-tại để định-cư dân tị-nạn.

Lẽ thứ tư là một lý lẽ rất tầm-thường, đó lòng tri ơn của một kẻ hậu-sinh ở tỉnh Thừa-Thiên đối với một tiền-nhân vô-cùng oanh-liệt và đáng kính-ngưỡng, đáng tôn thờ cho hậu-thế... mà cũng đã sinh-trưởng ở Thừa-Thiên.

Đối với một tiền-bối hiền-hách như thế mà cho đến nay người ta vẫn có vẻ hơi thờ-ơ. Đó là một cái lỗi chung của chúng ta. Một vài con đường nhỏ, một vài trường học lấy tên Nguyễn-tri-Phương đã đủ chưa? Và trước cảnh đền thờ Trung-hiếu-từ ở Chí-Long nay đã biến thành bình-địa, ta đã làm gì?

Có người có thể tự hỏi cụ Nguyễn đã thất-bại mấy trận lớn chống quân Pháp như ở Kỳ-hòa, ở Hà-Nội v.v..., như vậy cụ có đáng kính đáng phục như các vị anh-hùng khác của dân-tộc chăng? Nếu ta nghĩ như vậy thì có vẻ thiên-cận quá. Đời một danh tướng thắng trăm trận mà thua vài trận, không phải là thua. Hơn nữa cái thua của tướng Nguyễn-tri-Phương là cái thua tất-nhiên, vì đây là cái thua của cả Á-Châu, của Ấn, Tàu, Nhật, Nam-Dương, Miến-Điện v.v..., cái thua của cả một quan-niệm sống, của cả một nền văn-hóa ưa tĩnh trước một nền văn-hóa hiếu động. Hơn nữa Nguyễn-tri-Phương thất-bại trước súng ống, chứ lòng dũng-cảm, mưu-cơ chiến-thuật của ông không thua ai. Ông đã đánh hơn Cao-Mên, Xiêm-La, hơn giặc tàu Cờ Đen, hơn bao nhiêu cuộc phiến-loạn trong nước, hơn cả Pháp trong

mấy trận đầu. Từ trai trẻ cho đến râu tóc bạc phơ mà vẫn ra trước trận mạc đề bị thương mấy lần, rồi đến khi bại vì da thịt con người không chống nổi thần-công đại-bác tối-tân của Tây-Phương ông đánh chết, một cái chết oai-hùng, bỏ ăn bỏ thuốc mà chết, cái chết vinh-dự thay cho một vị tướng. khiến cho quân thù từ trước đã kính-phục ông sau càng kính-phục thêm trăm vạn lần !

Vì bao nhiêu lẽ trên, vì một lòng chí thành chí kính đối với tiên-nhân mà chúng tôi đã bao nhiêu năm tâm tâm niệm niệm viết cho được cuốn sách này. Rồi thay lúc viết nửa chừng thì bị bệnh gây cả hai xương chân phải ngồi trên xe lăn tay mà viết. Vì vậy tôi chỉ lo, trong lúc đau yếu, trí óc hoang-mang, tài-liệu dùng không hết hoặc không đúng, lời văn dang dở, thật đắc tội với tiên-nhân, và mang lỗi với độc-giả biết bao nhiêu. Vậy nhân đây xin kính lời tạ lỗi trước với tất cả những ai đã vì tiên-hiền Nguyễn-tri-Phương mà đọc đến sách này và xin quý vị rộng lòng dung-xá cho những sơ hở không tránh được, cho lời văn thô sơ sỗ nổi, thì chúng tôi cảm-tạ vô-cùng.

*
* *

Trước khi bước vào đề-tài chánh đề kể lại thân-thế và sự-nghiệp của cụ Nguyễn-tri-Phương, chúng tôi muốn đặt vấn-đề này trong một khung cảnh lớn, một khung cảnh lịch-sử bao trùm những trào-lưu từ Á sang Âu và từ Âu sang Á (Chương 1A). Sau khi các nước Âu-Châu bị các dân-tộc Á-Châu xâm lấn, từ đời tiền-sử đến thế-kỷ thứ 5, thế-kỷ thứ 12, 13, cho đến thế-kỷ 16, thì trào-lưu xâm-lấn lật ngược chiều từ Âu sang Á. Trước làn sóng dưng-mãnh từ Đại-Tây-Dương qua Thái-Bình-Dương, các nước Á-Châu, kể cả những đế-quốc vĩ-dại nhất đã phản-ứng

ra sao, đó là đề-tài của chương IB sách này. Chương IC dành để trình bày tình-trạng Việt-Nam trước cơn gió lốc đù thời mãnh-liệt đến nước ta. Chương II đến Chương IX là những chương chánh sẽ gồm nhiều mục tất cả đều liên-quan đến đời sống và sự-nghiệp của cụ Nguyễn-tri-Phương. Phần kết-luận chung sẽ đưa ra những nguyên-nhân thất-bại của ta trong gần trọn thế-kỷ 19. Những nguyên-nhân ấy sẽ được đúc kết trong chương cuối cùng là chương X.

Sau cùng đề-bỏ-túc cho đề-tài chính, chúng tôi thấy cần trình bày để giúp độc-giả rộng bề tra-cứu một số vấn-đề và tài-liệu mà chúng tôi sẽ đặt trong khuôn khổ một số Phụ-chương.

*
* *

Trước khi trực-tiếp vào đề, chúng tôi thấy có bồn-phận cảm ơn anh Nguyễn-tri-Hoàng, cụ Nguyễn-tri-Kiệt cùng bà Tôn-thất-Phùng đã giúp tài-liệu quý báu và những lời khuyến-khích chân thành để tôi viết cuốn sách nhỏ này. Ngoài ra tôi cũng xin đặt nơi đây những lời tri-ân nồng-hậu đối với các vị Chuyên-viên ở Viện Khảo-cổ, ở Thư-Viện Quốc-Gia cũng như ở Thư-Viện của Trung-Tâm Văn-Hóa Pháp đã tìm giúp và cung-cấp cho tôi những tài-liệu quý hóa để tra-cứu. Lời tri-ân cuối cùng của tôi là đối với những vị đã giúp tôi rất nhiều đề cuốn sách nhỏ này được ấn hành nhân dịp lễ Bách-chu-niên ngày tuấn-tiết của cụ Nguyễn-tri-Phương, nhất là quý-vị ở Bộ Văn-hóa Giáo-dục và ở Phủ Đốc-trách Văn-hóa.

Saigon, tháng 6 năm 1973

Tác-giả cần chi.

CHƯƠNG I

- A. NHỮNG TRÀO-LƯU TRONG LỊCH-SỬ THẾ-GIỚI
- B. CÁC NƯỚC Á-CHÂU TRƯỚC LÀN SÓNG XÂM-LĂNG CỦA TÂY-PHƯƠNG
- C. VIỆT-NAM TRONG CƠN GIÓ LỐC

A. NHỮNG TRÀO-LƯU LỚN TRONG LỊCH-SỬ THẾ-GIỚI

TỪ Á SANG ÂU

LỊCH-SỬ nhân-loại đã cho ta thấy nhiều biến-chuyển vĩ-đại từ Á sang Âu, rồi từ Âu sang Á. Từ đời tiền-sử đến thế-kỷ 15, Á-Châu không ngừng xâm lấn sang các vùng lân cận : nhiều dân-tộc Á-Châu đã tràn qua Châu Mỹ, nhiều bộ lạc Âu - Âu xâm-nhập Âu-Châu. Chỉ trong một thời-gian nào đó, người Hy-lạp và người La-Mã đã chặn đứng được làn sóng lan tràn của Đế-quốc Ba-Tur. Nhưng nhân-số ở Trung-Á đã gia-tăng đến những mức-độ buộc các dân du-mục phải xâm lấn các vùng đất thừa dân ở Tây-Phương. Các làn sóng xâm-lãng từ Trung-Á thúc đẩy các dân-tộc Nhật-Nhĩ-Man dạt sang các miền Viễn Tây, và Tây Nam. Đến thế-kỷ 5, dân-tộc Hung-nô vượt từ Á-Châu qua khắp toàn cõi Âu-Châu cho đến nước Gaule (Pháp ngày nay). Thế-kỷ thứ 7 trông thấy dân Bulgares (1) và Tur-Lạp-Phu (2) tràn vào Bá-Nhĩ-Cán, và các giống người ở Tiều-Á, người Á-rập xâm-chiếm và ở luôn tại Bắc Phi-Châu. Thế-kỷ 12 và 13 là thế-kỷ của dân Mông-Cồ. Với Thành-Cát Tur-Hãn, người

(1) Bão-gia-Lợi. (2) Slaves.

Mông-Cổ đã chiếm cả Nga-La-Tur, Hung-Gia-Lợi và Đế-Quốc Áo, và sau đó Hốt-Tát-Liệt đã chiếm trọn Trung-Hoa, quân Mông-Cổ tràn xuống Nam, gặp quân nhà Trần phải thối lui. Đế-Quốc Thổ-nhĩ-Kỳ từ Đông-Á sang đánh phá Đông Đế-Quốc La-Mã, lấy Andrinople, Macédoine và Constantinople, quân Thổ tràn đến tận gần thành Vienne (Áo) và cả ở Bắc-Phi (thế-kỷ 15, 16).

TỪ ÂU SANG Á

Đến đây, thời-kỳ oanh-liệt Á-Châu chấm dứt.

Đúng ra, từ xưa cho đến đời Trung-Cổ, các dân-tộc Âu-Á rất ít có dịp gặp gỡ nhau, trừ những động chạm dữ-dội đã kể trên. Giữa Đông và Tây con đường liên-lạc mỏng manh duy nhất là con đường Hàng lụa đi từ Bắc Trung-Hoa qua Trung-Á để dẫn đến Byzance và Tiều-Á. Một số giáo-sĩ muốn đi truyền-giáo sang Đông-Phương đã thất-bại. Cuối thế-kỷ 13, nhiều người xứ Venise đã kiếm cách qua đến Trung-Hoa, như Marco Polo. Đến giữa thế-kỷ 15 người Ý và người Bồ-đào-nha đi đường bẻ để đến Đông-phương. Christophe Colomb trong lúc đi ngược đường phiêu-lưu muốn qua Á-Châu bằng đường biển phía Tây để vòng quanh lại phía Đông, thì lại phát-minh ra Mỹ-Châu trong khi anh ta tưởng đang đặt chân lên Ấn-độ, vì thế đã gọi các thổ-dân Mỹ-Châu là dân Ấn. Nhưng người Bồ-đào-nha là Vasco de Gama vượt biển bao quanh Phi-Châu đã thật-sự đi đến Ấn-Độ bằng hải-thuyền. Trong khi người Tây-ban-nha và người Bồ-đào-nha theo Christophe Colomb xâm-chiếm Tân lục-địa là Mỹ-Châu thì một số người Bồ-đào-nha khác đã chiếm được nhiều địa-diểm ở Ấn-độ và Nam-dương và

qua giao-thương với Trung-quốc và Nhật-bản. Các nước Âu-châu đua nhau đi tìm thuộc-địa và thị-trường. Sức hành-trưởng của các Đế-quốc Âu-châu thật mau lẹ và khủng-khiếp. Các nước chậm tiến về kỹ-thuật đã sụp đổ trước làn sóng lan tràn từ Âu sang Á. Vàng bạc của các hầm mỏ Mỹ-châu đưa về Âu-châu giúp các nước này phát-triển thêm về mặt kinh-tế, kỹ-nghệ và thương-mãi. Nhưng các nước thực-dân tiền-phong như Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha đến thế-kỷ 17 yếu kém dần vì không đủ sức mạnh về hải-quân để liên-lạc và gìn giữ các xứ đã chiếm đóng. Bồ-đào-nha chỉ còn giữ được Ba-Tây ở Nam-Mỹ, Tây-ban-nha còn có mặt trên toàn cõi Mỹ-châu, nhưng không đủ sức khai-thác. Các nước có nhiều hải-thuyền lần lần thay thế các nước trên. Nước Hòa-Lan thay thế Bồ-đào-nha ở Á-Châu, và sẽ thay thế luôn nước Ý bị yếu thế vì tình-hình nội-bộ. Nước Pháp bắt đầu trỗi lên và bắt đầu có thuộc-địa ở các đảo Antilles, và chiếm Gia-nã-đại.

Chiến-tranh tràn khắp trên nội-địa Âu-Châu từ cuối thế-kỷ thứ 17 đến thế-kỷ 18 giúp cho đảo-quốc Anh rảnh tay lập một hạm-đội hùng mạnh nhất thế-giới ; thương-mãi và kỹ-nghệ Anh tiến-bộ vượt bực. Anh chiếm lại Gia-nã-đại của Pháp, đẩy Pháp ra khỏi Ấn-Độ, dành lại các thuộc-địa của Tây-ban-nha và Bồ-đào-nha. Nước Anh cũng tiến-bộ về mặt chính-trị, một nền dân-chủ tự-do được đặt trong chế-độ quân-chủ lập-hiến đại-nghị.

Ở Pháp phong-trào triết-học đưa đến cuộc Cách-mạng 1789, sau khi chế-độ quân-chủ độc-tài và rạn vỡ của triều-đại các vua Louis lần đi đến tàn lụi vì chiến-tranh, vì xa-xỉ quá lối. Nhưng vua Louis XIV cũng đã từng đưa Pháp-quốc đến một nền văn-minh mà Âu-Châu lấy làm gương mẫu. Cách-mạng đã đưa

Pháp đến một chế-độ Cộng-hòa ngăn ngủi và hỗn-độn, sau đó thi đế-quốc của Napoléon được thành-lập rồi cũng chóng tan vỡ vì Napoléon quá hiếu-chiến nên bị các nước Âu-Châu liên-kết đánh bại tại Waterloo (1815).

Anh, Pháp đua nhau tiến-bộ trên mọi phương-diện kinh-tế, chính-trị, kỹ-nghệ và phát-triển đế-quốc thuộc-địa. Tuy trong khi ấy các thuộc-địa của Anh, Tây (Tây-ban-nha), Bồ ở Mỹ-Châu nổi lên tự giải-phóng, nhưng quyền thống-trị vẫn nằm trong tay người da trắng. Hoa-Kỳ và các nước Cộng-hòa Nam Mỹ được thành-lập nhưng vẫn liên-kết với Âu-Châu về nhiều mặt.

Âu-Châu trong thế-kỷ 19 phát-triển mạnh về kinh-tế và dân-số. Các nước Âu-Châu cần di-dân, cần thuộc-địa, cần nguyên-liệu cho kỹ-nghệ, lại cần thị-trường để bán sản-phẩm kỹ-nghệ. Vì đó mà cuộc chạy đua chiếm thuộc-địa lại diễn ra mãnh-liệt và man-dại đối với các nước Á-Châu. Nước Anh sau khi đẩy Pháp ra khỏi Ấn-Độ, đã toàn chiếm nước này (1849), rồi chiếm Miến-điện (1887), sau khi đã chiếm Tân-gia-ba, Aden, Hương-cảng. Nước Pháp tiến qua Đông-Dương, nước Nga qua Tân-Cương, Tây-bá-lợi-Á... Tư-bản Âu-Châu xuất-ngoại trang-bị cho các nước hậu-tiến và giúp cho nền thương-mãi Âu-Châu phát-triển và tràn ngập thế-giới. Lối 40 triệu người da trắng đã di-dân đến các nước khác.

Chính trong hoàn-cảnh chung đó, nước Việt-Nam đã bị chinh-phục, các quốc-gia lớn khác ở Á-Châu bị lấn át... và mỗi nước sẽ đi đến một tương-lai khác nhau.

B. CÁC NƯỚC Á-CHÂU TRƯỚC LÀN SÓNG XÂM-LƯỢC CỦA ÂU-CHÂU

ẤN-ĐỘ

Ấn-Độ là một nước lớn như cả một lục-địa, giáp giới phía Bắc với Hi-mã Lạp-sơn, phía Tây với Á-phú-hãn và Ba-Tur, phía Đông với Miến-Điện, phía Nam với Ấn-dộ-dương, nay chia thành Hồi-quốc phía Tây và Cộng-hòa liên-bang Ấn ở phía Đông và Nam, Bengla Desh ở Đông-bắc.

Từ xưa, những đường đèo vượt núi ở phía Tây-Bắc Ấn-Độ vẫn là những đường xâm-nhập của nhiều bộ-lạc và dân-tộc đã lần ạt vào Ấn. Những người chinh-phục Ấn xưa nhất có lẽ là người A-ri-a, đó là thời-kỳ Vệ-Đà, tiếp theo là thời-kỳ Bà-la-môn. Những quá-dáng của Bà-la-môn đã đưa tới sự thăng-lợi của Phật-Giáo vào khoảng thế-kỷ 5 trước T.C.

Sau đó Ấn lại bị Ba-Tur xâm chiếm (Darios), rồi đến Hy-Lạp (vua Alexandre), rồi vua Xi-ri (thành-lập triều-dại Maurva), rồi Scythes... Sau triều-dại Gupta (thế-kỷ 4), Ấn lại bị quân Hung-Nô đánh chiếm (thế-kỷ 5, 6), rồi dân Hồi cũng

bắt đầu vào nội-địa Ấn và chiếm cả những vùng rộng lớn (thế-kỷ 10) đến cả cao-nguyên Deccan ở phía Nam. Về sau người Hồi cũng chia rẽ nhau, thống-đốc mỗi tỉnh tự tách rời lập thành những vương-quốc nhỏ (Bengale Đông : 1328-1352, Bengale Tây : 1341-1352 ; Deccan : 1347-1527, Khandesh, Maiwa, Jauñpur v.v...) Các vua Ấn chạy xuống miền Nam, ẩn núp trong vương-quốc Vijayanagar... Nhưng Tamerlan lại xâm-nhập Ấn từ 1398, và một hậu-duệ ông ta là Baber thành-lập Triều-đại Mông-Cổ (thế-kỷ 16). Từ thế-kỷ 17, con cháu Baber cũng chia rẽ giành quyền nhau và Đế-quốc Mông-Cổ cũng như các tiểu-quốc Hồi đều hỗn-loạn.

Sau thế-kỷ 16, thì các vương-quốc Hồi và Ấn tranh-chấp nhau dữ-đội và cùng đánh các triều Mông-Cổ còn lại...

Nhiều chủng tộc, nhiều tôn-giáo, nhiều ngôn-ngữ, nhiều giai-cấp lãnh-đạo từ ngoài xâm-nhập vào, một tổ-chức xã-hội cực-kỳ phong-kiến với những vua chúa, quan-nhân, nhà buôn rất sang-trọng và xa-xỉ..., nhưng các cùng-dân đời khổ hơn tất cả mọi nơi khác : đó là một cái yếu của Ấn-Độ trong một thàn-xác đồ-sộ. Vì vậy, lúc gặp gỡ với Tây-Phương, Ấn đã làm một miếng mồi ngon cho các nước da trắng đang đua nhau chạy tìm thị-trường và thuộc-địa.

Sau khi Vasco de Gama đã tìm ra đường thủy đến Ấn, người Bồ-đào-nha lần lượt đến xứ này để buôn bán (thế-kỷ 15, 16), theo sau là người Hòa-lan (thế-kỷ 17), rồi người Pháp và người Anh. Các Hội buôn người Pháp, nhất là thời Dupleix, choán được nhiều thị-trấn và đất đai ở Trung và Nam Ấn, nhưng sau người Anh được chánh-phủ họ yểm-trợ nên đã dần dần đuổi người Pháp và bành-trướng thêm thế-lực của họ vào

toàn cõi Ấn-Độ. Sau chánh-phủ Anh trực-tiếp thu-phục Ấn và đặt quyền cai-trị lên toàn xứ. Nữ-hoàng Anh Victoria sẽ là nữ Hoàng-đế Ấn kể từ 1877 : Ấn đã hoàn-toàn thành một thuộc-địa Anh.

THÁI-LAN

Thái-Lan, trước 1939 gọi là Siam, và theo người Việt gọi Xiêm-la hay Tiêm-la, là một vương-quốc tương-đối nhỏ và yếu vào thời-kỳ các nước Tây-Phương tràn qua Á-Đông. Nhưng trong khi nhiều nước lớn hơn, mạnh hơn, đông dân hơn... đã bị mất chủ-quyền độc-lập hoặc bị uy-hiếp nhục-nhã thì Thái-Lan đã may mắn vô-cùng giữ được chủ-quyền và luôn luôn được thanh-bình và từ từ theo đường tiến-bộ và phát-triển chắc-chắn. Dân Thái hạnh-phúc thay !

Thổ-dân xưa ở Xiêm-La là người Môn quy-tụ trong hai nước : phía Nam nước Dvaravati theo Phật-giáo, và nước Haripunjaya ở miền Bắc. Trên các vùng cao-nguyên Korat ở miền trung, giáp giới Ai-Lao thì có các dân-tộc Khmer, miền bán-đảo Mã-Lai thì có các dân-tộc Nam-Dương. Thế-kỷ 11 và 12, người Khmer chiếm được nước Dvaravati của dân Môn... Nhưng từ thế-kỷ 8, đã có các dân-tộc Thái nguồn-gốc tại vùng sơn-cước tỉnh Vân-Nam của Trung-quốc, vì bị người Tàu lấn áp nên di-dân theo các thung-lũng và vào chung sống với các dân Khmer, Môn và Miến-Điện. Người Thái đã lập nhiều cơ-sở ở Miến; ở Xiêm họ lập được nhiều tiểu-bang vào thế-kỷ 13, chiếm nước Haripunjaya của dân Môn rồi lấn át

luôn dân Khmer. Người Thái đô-hộ cả hai vương-quốc Lào là Van-tượng và Luang-Prabang. Quyền-bính vua Thái Rama Kham-Beng tràn xuống miền Nam vào tận Mā-Lai. Người Thái tuy chiến-thắng nhưng chịu ảnh-hưởng nhiều của văn-hóa Khmer và Môn, và các vua Thái sau đều theo đạo Phật tiền-thừa. Vua Ou-Thong lập thủ-đô tại Ayuthia (thế-kỷ 14). Các vua sau củng-cố thế-lực tại Mā-lai và ngay tại Cao-Mèn. Sự hòa-hợp các dân-tộc Thái, Môn và Khmer lập nền-tảng cho quốc-gia Xiêm-la, nhưng nước này lại bị một tai-họa lớn vì người Miến-Điện chiếm-đoạt toàn cõi về thế-kỷ 16. Một tướng Thái vào cuối thế-kỷ 16 và đầu thế-kỷ 17 đã đánh đuổi được quân xâm-lãng và thành-lập một triều-dại mới...

Sau khi dẹp xong loạn-lạc trong nước, người Thái tiếp-xúc với người Nhật và người Bồ-đào-nha để buôn bán ra ngoài-quốc (thế-kỷ 16). Tiếp theo người Bồ, đến người Hòa-Lan cũng đến lập nghiệp ở Xiêm (thế-kỷ 17). Cuối thế-kỷ 17, người Xiêm lại giao-thiệp với người Pháp, cho các giáo-sĩ Pháp vào nước truyền-giáo, trao đổi sứ-thần với Pháp, giành độc-quyền thương mại nhiều hàng-hóa cho Pháp. Nhưng vua Louis XIV lại thừa cơ cho quân chiếm thành Bangkok và thành Merqui. Dân-chúng Xiêm nổi loạn, truất ngôi vua, giết thủ-tướng (hình như gốc Pháp). Từ đây Xiêm lại thực-hiện chánh-sách bế-môn tỏa cảng, phải đánh nhau với Khmer, đương đầu với hai cuộc xâm-lãng của Miến-Điện... làm tình-trạng Xiêm khốn-đốn về mọi mặt. Một đại-tướng gốc người Tàu đã cứu-vãn Xiêm, đánh đuổi quân Miến, lập lại nền bảo-hộ trên Cao-Mèn và Vương-quốc Van-Tượng (thế-kỷ 18), nhưng rồi ông ta bị một ti-tướng (Chao Chatri) giết chết và tiến ngôi, rồi tự xưng vương với tên Rama đệ nhất. Rama (1782-1809) lập thủ-đô tại Bangkok, và

tái lập nền ngoại-thương làm cho kinh-tế quốc-gia thịnh-vượng lại với sự xuất-cảng gạo, cà-phê, bông vải, đường, gỗ quý v.v... Sự thịnh-vượng tiếp-tục đến triều vua Rama II (1809-1824), Rama III (1824-1851), nhưng phần lớn là làm lợi cho Hoa-kiều và đã lôi cuốn sự thèm khát của dân Anh. Nước Anh đã buộc vua Rama IV (1851-1868) ký hiệp-ước 1855 công-nhận cho người Anh nhiều đặc-quyền và giảm thuế xuất nhập cảng tối-thiểu đối với người Anh. Nhà vua thấy cần ký với những cường-quốc khác như Pháp chẳng hạn những hiệp-ước tương-tự để họ kiềm-chế nhau. Vì Anh và Pháp gờm nhau nên hai nước này đã đồng ý để cho Xiêm trung-lập và độc-lập (1896). Anh đã chiếm Ấn, Miến, Pháp chiếm Cao-Mên, Ai-Lao, Việt-Nam... Xiêm phải công-nhận các tình-trạng trên, nhưng giữ được độc-lập và tránh bị lôi cuốn vào các cuộc chiến-tranh tàn phá như ở các nước lân-cận...

TRUNG-QUỐC

Sau một thời-dại thần-thoại truyền-kỳ (*Tam Hoàng Ngũ Đế* lối hơn 5.000 năm, đến 2.208 tr.TC.), chúng ta đi vào đời *Tam Đại* : *Hạ Thương Châu* (Tây-Châu và Đông-Châu : 1134 - 722 tr.T.C) có nhiều chứng-tích lịch-sử của dân-tộc Hán ở lưu-vực Hoàng-hà. Người Hán đã vào lưu-vực Hoàng-Hà, nhưng chung quanh vẫn còn nhiều cường-địch : Sơn-Nhung, Bạch-Địch, Tây-Nhung, Kinh-Man, Lai-Di. Nhà Châu yếu dần, và ta đi vào đời *Xuân.Thu* (722-749 tr.T.C) là đời các chư-hầu (lúc đầu nhà Châu có đến hơn 1.000 chư-hầu) xâu xé, xâm-chiếm, tranh-hùng và thôn-tính lẫn nhau cho đến lúc chỉ còn những nước lớn là *Tề, Sở, Tần, Lỗ, Vệ, Tống, Yên, Trịnh,*

Ngô, Việt (đời này là đời Khổng-Tử ở nước Lỗ). Hết đời Xuân-Thu đến đời *Chiến-quốc* (403-221 tr.T.C.) cũng còn là đời các nước tranh-hung. Nước Tần uy-hiếp các nước yếu hơn hay nhỏ hơn và tiêu-diệt cả nhà Châu, thống-nhất Trung-Hoa. Nhà Tần thôn-tính Lục-quốc, tự lập làm hoàng-đế thay nhà Châu, và tự đặt tên là Thủy-Hoàng. Tần (221-206 tr.T.C.) bỏ chế-độ phong-kiến chư-hầu và chia nước thành quận huyện, xây Vạn-lý trường-thành, dựng cung A-phòng và Hoàn-lăng ở Ly-Son, đốt sách xưa, giết hại sĩ-phu. Chế-độ hà-khắc khiến nhân-dân dò-thán, anh-hung các nơi đều nổi dậy, nhà Tần chỉ có hai đời thì bị diệt. Nhà Tiền-Hán (206 tr.T.C. — 8 s.T.C.) với Lưu-Bang là kẻ binh-dân khai-sáng. Vua Hán lập lại một số chư-hầu, phong hầu cho họ hàng và công-thần, còn lại vẫn giữ phần lớn quận huyện. Các vua Hán bành-trướng thế-lực ra các khu-vực Tứ-Xuyên, Quí-Châu, Nam-Việt, Triều-Tiên, Tân-Cương, v.v... và giao-thông với Trung-Á, Ba-Tur, Ấn-Độ. v.v... Văn-học, mỹ-thuật cũng phát-triển. Sau thời-kỳ bị Vương-Mãng soán ngôi, nhà Hán được phục-hung: đó là đời Hậu-Hán (25-219 s.T.C.) lại bành-trướng thêm thế-lực, chế-ngự Tây-Vực và Tân-Cương, binh-phục Hung-Nô, đề-cao văn-học, cổ-lệ sĩ-phong, lễ-giáo. Sau khi nhà Hán suy-vong, Trung-Hoa bị một hồi loạn-lạc (Tam-quốc, Tấn, Ngụy, Tùy...) cho đến đời *Đường* lập-nghiệp (năm 618 — 907) một nền văn-hóa rực-rỡ được phát-triển mạnh mẽ. Đạo Phật xâm nhập Trung-Hoa và hòa-đồng với Khổng-giáo và Lão-giáo. Giáo được dùng để viết và nghề in trên bản khắc, chữ khắc xuất-hiện trước Âu-Tây. Đời Đường khuếch-trương thế-lực đến tận Ấn-Độ, Ba-Tur, Giao-Châu, Phù-Nam, Chân-Lạp, Bali và Java. Thương-mãi, kỹ-nghệ, thủ-công-nghệ, văn-học đều tiến-bộ. Nho-giáo, Phật-giáo cũng thịnh-hành.

Nhưng sau 300 năm trị vì, nhà Đường cũng đi đến giai-đoạn suy-yếu và Trung-quốc lại loạn-lạc, cho đến lúc nhà Tống được thành-lập (960 - 1127), kỹ-nghệ, thủ-công-nghệ và thương-mãi thịnh-vượng thêm, nền mậu-dịch với ngoại-quốc cũng được mở rộng. Nhưng nông-dân vẫn nghèo khổ, vì vậy loạn-lạc nổi lên khắp tứ phương. Nhà Tống suy-vong. Sự thống-nhất Trung-Hoa chỉ được lập lại do một triều-đại ngoại-quốc : triều Nguyên (1279 — 1368) do quân Mông-Cổ của Thành-Cát Tư-Hãn và tiếp theo là Hốt-Tất-Liệt (Nguyên Thế-Tổ) sáng lập : Mông-Cổ bây giờ hùng-cứ từ Cao-Ly đến Tây-Bá-Lợi-Á, Trung-Á qua đến Nga-la-tur và Âu-Châu. Quân Mông-Cổ chỉ bị bại lúc muốn xâm-lược Nhật-Bản và Việt-Nam. Sự giao-thông với Tây-Phương mở mang thêm sau khi Marco Polo đã qua làm quan ở Triều-đình Nguyên. Vì nạn kỳ-thị chủng-tộc, cuối cùng nhà Nguyên cũng bị dân Trung-Hoa nổi lên chống đánh khắp nơi, đến đời nhà Minh do một loạn-tướng Trung-Hoa thành-lập thì Trung-Hoa mới tạm yên với một triều đại do người Hán-tộc sáng-lập sau khi đánh đuổi được quân Nguyên về Mông-Cổ. Nhà Minh tồn-tại được gần 300 năm (1368 — 1660) : các nhà vua Minh sau cùng yếu hèn đã để cho bọn hoạn-quan lạm quyền và gây loạn trong nước. Đặc-biệt dưới triều Minh, nghề làm đồ sứ tiến-bộ vượt bậc, nhưng việc tài-chánh và nội-thương, ngoại-thương đều suy kém. Quân Mãn-Châu đã thừa loạn ở Trung-Quốc mà xâm-nhập vào Bắc-Kinh và lần lần chiếm cả nước, lập nên nhà Thanh (1644 — 1911). Triều Thanh chỉ được thịnh-vượng dưới hai đời vua Khang-Hy và Càn-Long. Nhưng đến đầu thế-kỷ 19, lại bắt đầu suy-vi. Một nền cai-trị cò-hủ theo truyền-thống hàng ngàn năm không hề được cải-tiến, nền văn-hóa cứ theo cái học từ-chương không thay đổi, những khoa-học tân-tiến

không hề được nghiên-cứu. Thêm vào đó, các nạn tranh quyền giữa quan-lại và các cuộc nội-loạn do người Hán đẩy lên chống lại người Mãn-Châu càng làm cho nội-bộ Trung-Quốc càng nát bầy. Trung-Quốc vào giữa thế-kỷ 19 như một con người không-lờ bị bệnh trầm-trọng không thuốc chữa...

Trong lúc ấy các nước Âu-Tây đang đua nhau xâm-chiếm Á-Đông. Nước Anh tìm đất để bành trướng kỹ-nghệ và thương-mãi. Sau trận Nha-phiến chiến-tranh (1840 — 1842), Trung-Quốc thua, phải nhường đảo Hương-Cảng cho Anh và phải mở 5 hải-cảng cho tàu Anh vào buôn bán, kể cả đem nha-phiến vào bán cho người Tàu. Năm 1844, nước Pháp lại được quyền bảo-hộ các giáo-hội gia-tô truyền-giáo ở Trung-Quốc. Trong lúc Hồng-tú-Toàn khởi loạn (Thái-bình Thiên-Quốc), các nước Tây-Âu thừa cơ lấn áp triều Mãn-Thanh, liên-quan Anh Pháp đánh Quảng-Châu và Thiên-Tân (1857-1858), rồi lại đánh Bắc-Kinh (1860), buộc Trung-Quốc phải ký hòa-ước Thiên-Tân và Bắc Kinh, mở thêm thương-khẩu cho tàu ngoại-quốc vào, các nước Âu Mỹ được quyền đặt sứ-quán tại Bắc-Kinh. Nga ép Trung-Hoa cắt đất phía bắc Hắc-long-giang nhường cho Nga và được thông-thương tại Tân-Cương. Thời-kỳ này cũng là thời-kỳ Việt-Nam đang bị Pháp làm cho khốn-đốn, và Triều-đình Việt-Nam bất thông thời-vụ lại đi cầu cứu một nước đang rối reng như mình, có điều Trung-Quốc lớn quá nên các nước Âu Mỹ và sau cả Nhật nữa, đều ép buộc ký nhiều hiệp-ước bất-bình-đẳng chia ảnh-hưởng và quyền-lợi ở Trung-Hoa, lập tô-giới ở nhiều thị-trấn lớn... nhưng vì gờm nhau nên vẫn để Trung-Hoa giữ được chủ quyền độc-lập, tuy nhiều nước đã xâm-nhập và vây bọc Trung-Hoa : Nga, Đức, Anh, Pháp, Mỹ, Nhật...

NHẬT-BẢN

Nhật-Bản là một nước kỳ-lạ nhất trong các nước Á-Châu. Cùng trong một tình-trạng bế môn tỏa quốc, lạc-hậu và phong-kiến cũng như Trung-Hoa, như Ấn-Độ, như Việt-Nam v.v... mà chỉ trong vòng nửa thế-kỷ, trong lúc các nước khác khốn-đốn khổ-nhục với các cường-quốc Tây-phương thì Nhật, sau khi tiếp-xúc với Âu-Tây đã trỗi dậy rất mau lẹ và trở thành một cường-quốc ở Đông-Phương, không thua kém gì các cường-quốc Tây-Phương.

Nhật-Bản là một đảo-quốc gồm 1.042 đảo lớn nhỏ nằm dài liên-tiếp nhau trên một bề dài hơn 4.000 km, với một diện-tích là 368.844 km² (Việt-Nam : 334.230 km² với Bắc-Việt 164.000 km² và Nam-Việt 170.230 km²), và một dân-số ngày nay lên quá 100 triệu dân. Diện-tích đất đai đã eo hẹp cho số dân quá đông mà tỉ-số đất trồng trọt được lại quá thấp : 15% trên diện-tích chung. Vì vậy nông-nghiệp ở Nhật rất tiến-bộ đề, với một diện-tích tối thiểu, có thể sản-xuất tối đa. Ngư-nghiệp cũng hết sức tiến-bộ và khoa-học ; ngành này dùng đến hơn 1,5 triệu người và đem lại trung-bình 45 ký cá tôm cho 1 người dân trong 1 năm.

Tiền-công-nghệ cũng rất đáng kể : những nghề về tre, gỗ, sơn, hàng lụa, đồ chơi, đồ đồng, đồ gốm và đồ sứ vẫn hoạt-động mạnh mẽ bên các đại kỹ-nghệ tân-tiến.

Người ta thường bảo Nhật đứng hàng thứ 3 về kinh-tế trên thế-giới. Theo tôi, có lẽ nói như thế chưa đúng lắm. Đứng đầu kinh-tế trên hoàn-cầu là Hòa-Kỳ thì đúng rồi, nhưng Nga-Sô đặt vào hàng thứ nhì thì không đúng. Nếu chỉ kể về

súng đạn, về hỏa-tiến và bom nguyên-tử thì đúng, nhưng khi trong nước dân-chúng còn thiếu thốn đủ mọi mặt như thiếu ăn thiếu mặc, thiếu giày đi, thiếu áo ấm, thiếu phương-tiện xê dịch tối-thiểu, thì nước đó chưa phải là một đại-cường kinh-tế. Đó là chưa kể về mặt tinh-thần : ràng bó ép buộc, tù đày khổ-dịch giết chóc, đó là những hiện-tượng thoái-hóa của loài người. Nước Nhật là một nước tự-do dân-chủ, nước giàu thì dân đều hưởng. Đó là điều đáng kể nhất. Vậy nên Nhật đáng ở hàng thứ nhì trên thế-giới về kinh-tế.

*
* * *

Nhưng tại sao Nhật tiến-bộ vượt bực hơn tất cả các nước Á-Châu ? (1)

« Cho đến giữa thế-kỷ 19, nước Nhật cũng không hơn gì Việt-Nam, nội-tình rối beng, phe phái tranh quyền gây nhiều cảnh tương-tàn, đổ máu, dân-tinh khốn-đốn, luôn luôn bị đói kém vì kinh-tế lạc-hậu, thiên-tai liên-miên. Nhật giữ được độc-lập lâu dài cũng chỉ nhờ địa-thế, nước biển bao bọc tứ bề, mà nước Trung-Hoa không-lỡ thường gây cuộc xâm-lãng các lân-quốc lại kém về thủy-quân nên trải qua bao nhiêu thế-kỷ nước Nhật đã tránh khỏi nạn ngoại-xâm. Nhưng tinh-thế ấy cũng tạo nên cho người Nhật khối óc tự-cường tự-lập, sĩ-khí rất cao. Tinh-thần hiếu học, tìm tòi nghiên-cứu đã giúp cho Nhật chóng phá-ttriển trong thời-kỳ gặp gỡ Đông-Tây.

Chính sách Mạc-Phủ lúc đầu cũng là chính-sách bế môn tỏa quốc như các triều-đình Việt-Nam. Nhưng các phong-trào

(1) Đoạn văn sau đây, chúng tôi trích ở bài diễn-văn do chúng tôi thuyết-trình trong buổi lễ Bách chu niên Nguyễn-trường-Tộ do Tinh-Việt Văn-Đoàn tổ-chức với Hội Nguyễn-trường-Tộ ngày 22-11-1971. Bài diễn-văn này với nhan-đề là "Xã-hội Nguyễn-trường-Tộ và Xã-hội Y-Đặng Bác-Văn" đã được đăng trong một số đặc-biệt của Văn-Đoàn.

học-thuật luôn luôn tiến bước. Phái Tống-học và Chu-tử học-phái đã dựa vào uy-quyền Mạc-Phủ mà hoảng-phát, nhưng vẫn có các học-phái khác đã chống lại lối học từ-chương ngấm vịnh mà lập ra Cồ-nghĩa học-phái chuyên về khảo-cứu và phát - huy truyền - thống dân-tộc nên cũng gọi đây là phong - trào Quốc - học. Sau đó lại có Dương-Minh học-phái theo thuyết Tri-Hành hợp nhất đời nhà Minh của Trung-Hoa (thuyết của Vương-dương-Minh).

Bên cạnh các học-phái này, thì ngay từ thế-kỷ 17 dưới thời-kỳ Mạc-Phủ đang nghiêm-khắc giữ chính-sách bế môn tỏa cảng mà đã có một phong-trào Lan-Học là cái học do các Thương-gia Hòa-Lan du nhập với các tư-tưởng học-thuật Tây-Phương. Sau này phái Lan-Học lấy tên là Dương-Học tức là Âu-Học, vì cái học đó do những người ở ngoài Đại-dương du-nhập vào quốc-gia Nhật-Bản. Từ cuối thế-kỷ 17 và đầu thế-kỷ 18 đã có người Nhật viết những sách khảo-cứu về Tây-Phương như bộ Hoa-Di Thông thương-khảo của Tây-Xuyên Như-Kiến (Nichikawa Shoken), Tây-dương Ký-văn, Thái-Lâm dị-ngôn của Tân-Đỉnh Bạch-Thạch, rồi những sách Đại-số-học, Phát-vi toán-pháp, Y-dược bản-thảo, Nhân-thề giải-phẫu, Bách-khoa sự-diễn (dịch bộ Bách-khoa Toàn-thư của Pháp ra thành 68 quyển, đến năm 1841 mới hoàn-thành). Về sau lại có sự hợp-tác giữa các học-giả Nhật và học-giả Tây-phương để viết nhiều sách khảo-cứu về Tây-học rất bổ-ích. Sang đầu thế-kỷ 19 thì đã có những trường tư-thục về Dương-học mở ngay tại nước, và thời Minh-Trị Thiên-Hoàng thì đã có nhiều chuyên-viên ngoại-quốc, nhất là người Đức và Pháp đến phục-vụ tại Nhật-Bản.

Điều đáng chú-ý cho ta, là trong lúc chánh-quyền Nhật Bản cấm-chỉ ngoại-nhân và ngay cả sách vở Tây-phương du-

nhập vào trong nước, thì nhiều người thuộc các tầng lớp xã-hội, thuộc đủ phe phái vẫn lén lút giao-thiệp với ngoại-nhân để học ngoại-ngữ và tìm cách đem nhiều sách Tây-phương về để khảo-cứu và phiên-dịch ra Nhật-ngữ để phổ-biến trong dân-gian. Nhiều thanh-niên đã trốn đi du-học ngoại-quốc. Phái Dương-học mỗi ngày mỗi bành-trướng lại gặp sự chống đối ngấm ngấm của phái Tống-nho nên Mạc-Phủ đã đàn áp phái Dương-học và nhiều học-giả có công lớn với Tân-học đã bị kết tội tù đày và nhiều học-giả cùng nhiều nhà tri-thức đã tự-sát vì phẫn-úat... Tuy-nhiên những hy-sinh này sẽ đem lại nhiều lợi-ích cho quốc-gia Nhật-Bản về sau.

Trong thời-gian này ở Trung-Quốc đã xảy ra trận Nha-phiến chiến-tranh (1839-1842) do người Anh gây ra, và nhiều thuyền bè của các nước Tây-Phương vẫn lui tới ở Á-châu làm cho Mạc-Phủ càng hoảng sợ và lần lần đã rời tay với bọn Dương-học và chuẩn-bị đối-phó với Tây-phương. Việt-Nam cũng bắt đầu bị Pháp và Tây-ban-nha đến gây sự vì vấn-đề cấm đạo và giết đạo...

Năm 1853, Hạm-đội Hoa-Kỳ của Tu-lệnh Hải-Quân Perry đến uy-hiếp, và các hạm-đội Nga và Pháp Anh cũng lui tới ở hải-phận Nhật đầy vẻ đe dọa, khiến Mạc-Phủ phải ký hiệp-ước và mở bang-giao với Hoa-Kỳ, và kế-tiếp năm 1855 Hiệp-ước Nga-Nhật lại được ký-kết, rồi đến Hiệp-ước Nhật-Hòa (1856), Nhật-Anh v.v... Những Hiệp-ước này đều là Hiệp-ước bất-bình-dẳng đối với Nhật, nhưng vì nhiều nước tranh nhau nên Nhật vẫn còn tự-chủ.

Với các Hiệp-ước trên thì chánh-sách bế môn tỏa cảng đã bị phá tan, chế-độ Mạc-Phủ bắt đầu suy-tàn để Thiên-

hoàng tự quyền lo chỉnh-đốn việc nước, và cuộc canh-tàn Nhật bắt đầu. Các học-giả và thanh-niên xuất-ngoại hoặc công-khai, hoặc lên lút như Y-Đặng Bác-Văn (Ito Hirobumi) và Tinh-Thương-Nghị (Inoué Kowashi) đều trở về phục-vụ tổ-quốc (1863). Các sĩ-phu đã tạo cho Nhật một môi-trường thuận-tiện để Âu-hóa và phát-triển mạnh. Hoàn-cảnh xã-hội do đám sĩ-phu Dương-học đã tạo cho Nhật đủ điều-kiện để tiến-bộ mau chóng.

Riêng Y-Đặng Bác-Văn đã có công lớn cho nền Duy-Tân nước Nhật. Từ buổi thiếu-thời, ông đã theo phong-trào Dương-học, và sớm đã trốn đi du-học các nước Tây-Phương. Năm 1868, ông đã dự vào cuộc đảo-chánh của phái Tát-trường (Choshun) đánh đổ chế-độ Mạc-Phủ, và dành lại toàn-quyền cho Thiên-Hoàng trực-tiếp xử-trị việc nước. Năm 1869, ông vào nội-các năm chức Thứ-Trưởng Tài-Chánh; năm 1871-1872 ông đi Hoa-Kỳ trong phái-bộ Iwakura, và năm 1883 ông lại được cử đi nghiên-cứu các Hiến-pháp ngoại-quốc và ông đã trở lại Hoa-Kỳ và đến Anh, Bỉ, Đức. Chính ông đã chịu ảnh-hưởng nhiều của chính-thể Đức-Quốc đề thảo ra hiến-pháp mới của Nhật. Và từ khi ông lên nắm quyền Thủ-tướng năm 1885, nước Nhật mới bắt đầu tiến-bộ mạnh mẽ trên con đường Duy-Tân, sau những năm lục-đục chia rẽ phe phái và Tân, Cựu từ lúc Minh-Trị lên ngôi, tức là từ 1868... Chẳng bao lâu, Nhật đã đủ sức can-thiệp vào nước Đại-Hàn, đánh bại quân Mãn-Thanh (1894) chiếm Đài-Loan, và được nhượng bán-đảo Liêu-Đông. Năm 1902, Nhật ký hiệp-ước đồng-minh với Anh-quốc để chặn đường Nga tiến xuống miền Nam lục-địa Á-Châu. Năm 1905, Nhật lại đánh thắng Nga ở trận hải-chiến Đối-Mã. Các Hiệp-ước bất-bình-đẳng lần lần

được hủy bỏ và hiển-nhiên Nhật đã đứng ngang hàng với các cường-quốc Tây-Phương.

Buồn thay, trong thời-gian ấy, Việt-Nam ta đã lần-lượt bị Pháp đánh bại : Đà-Nẵng bị bắn phá năm 1847 rồi 1858, Gia-Định bị mất năm 1859, ba tỉnh miền Đông Nam-Việt bị chiếm năm 1862, rồi ba tỉnh Miền Tây năm 1867, thành Hà-Nội bị hạ năm 1873, Hiệp-ước Việt-Nam nhận Pháp đô-hộ được ký năm 1883 và 1884.

*
* *

« Bình-tâm mà xét cho kỹ, thì tuy vào buổi giao-thời giữa Đông-Tây sĩ-khí nước Nhật tuy cao, bản-tính người Nhật rất chịu khó, cố gắng và kiên-nhẫn, tuy hoàn-cảnh rất thuận-tiện cho phong-trào Duy-Tàn đời Minh-Trị sau này..., nhưng Nhật đã có cái may mắn hơn Việt-Nam là nhờ nhiều cường-quốc Tây-phương đến Nhật một lúc, và Nhật tuy bị bắt buộc nhưng cũng đã kịp thời ngoại-giao với tất cả các cường-quốc ấy, để ngoại-nhân vì cái thế liên-lập giữ miếng nhau mà không riêng một nước nào có thể dành riêng cho mình miếng mồi Nhật-Bản. Giả-tử lúc đó, riêng một Hoa-Kỳ hay Anh-quốc đánh chiếm Nhật để đô-hộ mà không bị các nước khác cản-trở, thì Nhật cũng khó bề thoát khỏi ách lệ-thuộc ngoại-bang, dầu cho trình-độ Âu-học đã đi trước nước ta.

Nói như vậy không phải để làm giảm giá sự tiến-bộ của người Nhật nhưng chỉ đặt cho những sự thật lịch-sử đúng với vị-tri của nó. Một quốc-gia cũng như một cá-nhân vẫn có cái may và cái rủi mà có lẽ định-mệnh đã dành cho mình !

Tự-trung cái hay và cái đáng kính-phục nơi nước Nhật và nơi người Nhật là : các cấp lãnh-đạo và những trí-thức tài-ba lỗi-lạc đã can-dảm và kiên-trì với một lòng ái-quốc vì dân vì nước đến cực-độ ; thêm vào đó dân-tộc Nhật-Bản là một dân tộc cần-cù kiên-nhẫn, cố gắng và chịu khó chịu cực và rất kỷ-luật. Cái chìa khóa của sự tiến-bộ kỳ-lạ của Nhật-Bản là trí óc của người lãnh-đạo Nhật, và bàn tay của dân-chúng Nhật.

*
* *

C. VIỆT-NAM TRONG CƠN GIÓ LỐC

Lịch-sử dân-tộc nào cũng có khi thăng khi trầm, khi thắng khi bại, khi vinh-quang thịnh-vượng, khi nhục-nhã trầm-luân : Ai-Cập, Hy-Lạp, La-Mã, Pháp, Đức, Ba-Tur, Thổ-Nhĩ-Kỳ, Trung-Hoa..., có nước nào hay dân-tộc nào tránh khỏi luật thăng trầm của lịch-sử ? Lịch-sử là một cuộc tái diễn vô-tận (L'histoire est un éternel recommencement), au đó cũng là một chân-lý cho người đời suy-ngẫm để khi thắng thì không kiêu, khi bại thì không nản !

Riêng nước Việt-Nam ta có lẽ là một nước chịu đựng nhiều biến-cổ đau khổ nhất trong lịch-sử nhân-loại. Nước ta đứng cạnh một òng lảng giềng không-lò tham-lam vô-độ, tàn-bạo quá mức, hề mỗi lần trong nước không phân ly chém giết nhau, thì lập-tức lo toan xâm-lấn lân-bang, không mấy lúc để cho ai yên. Vì thế mà Việt-Nam sau trót ngàn năm bị Bắc-thuộc, đến thời-đại tự-chủ, nước Tàu cũng chẳng mấy lúc để cho ta yên : hết nhà Tống đánh Lê Đại-Hành và Lý Nhân-Tôn, đến đời Nguyễn đánh nhà Trần rồi bị bại, nhà Minh xâm-lăng Việt-Nam mãi đến đời Lê-Lợi mới đánh đuổi được quân ngoại-xâm, sau cùng lại đến đời Mãn-Thanh qua đánh chiếm Thăng-Long rồi bị đại-bại về tay vua Quang-Trung...

Nước Tàu đất rộng dân nhiều nên hay giữ mộng thôn-tinh ta đã đành, mà các dân-tộc ở phía Tây, phía Nam, Tây-Nam cũng không ngớt gây rối cho ta. Ai-Lao, Chiêm-Thành, Chân-Lạp, Cao-Mên, Xiêm-La..., các nước này lúc yếu thì cầu ta, nhưng hơi mạnh lên là cố gây hấn, đều có ý nuốt trửng nước Nam nếu họ đủ sức. Vì vậy theo lẽ sống còn mà ta phải chống cự, phải đề-phòng, rồi cuộc có nước đã không nuốt được ta, còn bị tiêu-diệt vì mãi lăm le thôn-tinh nước ta mà phải tiêu tan mất nước.

Ngoài những cuộc ngoại-xâm phải chống trả, trong nước ta lại luôn luôn bị xáo trộn vì phiến-loạn, vì giặc cướp, vì tranh quyền., rồi thì nạn bão lụt, hạn-hán luôn luôn tàn-phá xừ-sở.

Do bao nhiêu tai-họa như vậy mà dân-tộc này dầu khổ cực, dầu nghèo nàn vẫn còn được cái hãnh-diện là vẫn được tồn-tại và còn cố vươn mình lên trở thành một nước tự-do phú-cường... nếu! Nếu ta không vì lý-thuyết này hay tôn-chỉ khác mà dùng súng đạn ngoại-lai chém giết anh em cùng máu huyết trong nhà!

*
* *

Trải qua bao nhiêu ách nạn, nước Việt-Nam vào đầu thế kỷ 19, nghĩa từ Vua Gia-Long thống-nhất sơn-hạ và lên ngôi cửu-ngũ, quốc-gia Việt-Nam là một nước oai-hùng ở Đông-Á, có lẽ còn hơn Nhật-Bản thời bấy giờ. Vua Quang-Trung Nguyễn-Huệ đã đại thắng quân Mãn-Thanh là đoàn quân đã từng chinh-phục nước Trung-Hoa và lập Thanh-Triều lừng danh ở Á-Châu. Trận đánh oanh-liệt ấy đã xảy ra đầu

năm 1789 là năm có cuộc Cách-mạng lớn ở Pháp. Quân Tây-Son của Quang-Trung đã làm rung động cả nước Tàu và dân các tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây đã dùng đùng đùng di-cư tránh xa biên-giới Việt-Hoa vì sợ Nguyễn-Huệ thừa thắng đánh sang Trung-Quốc như đời Lý-Thường-Kiệt.

Trước Nguyễn-Huệ thì nhà Trần đã từng đánh thảm-bại quân Mông-Cổ và Trung-Hoa của nhà Nguyên là đạo quân vô-dịch đã chiếm Trung-Quốc và đã làm rung động cả đến Âu-Châu, Ba-Tur và Ấn-Độ (thế-kỷ 13). Sau nhà Trần đến đời Lê-Lợi, trong mười năm khô-chiến cũng đã toàn thắng quân nhà Minh (thế-kỷ 15).

Đối với các nước láng giềng khác đã từng khuấy phá biên-thùy dân-tộc Việt, thì cuộc Nam-tiến trong mấy thế-kỷ đã đem lại toàn-bộ nước Chiêm-Thành vào bờ cõi Việt-Nam. Chân-Lạp, Nam-Chiếu và Ai-Lao đã từng ở dưới sự đô-hộ và che chở của các triều-đại nước ta. Ngoài ra, quân Xiêm-La cũng đã nhiều lần bị quân Tây-Son, cũng như quân nhà Nguyễn đánh lui để bảo-vệ cho Cao-Miên, và giữ nền tự-chủ cho Việt-Nam.

Cho đến Miến-diện cũng đã từng nếm mùi thất-bại chua cay trước quân Việt-Nam. Nguyên lúc Nguyễn-Ánh bị Tây-Son đánh bại, chạy qua tá-túc ở Xiêm-la, gặp lúc nước này bị quân Miến-diện xâm-lãng đánh bại, Nguyễn-Ánh tình-nguyện đem quân bản bộ ra giúp và đã đánh đuổi được quân Miến ra khỏi bờ cõi nước Xiêm, làm cho cả nước láng giềng này báí-phục mà Miến-Điện cũng kính sợ.

Như vậy là từ phương Bắc đến phương Nam và qua đến phương Tây, dân Việt-Nam đều được kính nể.

Vua Gia-Long sau khi thắng Tây-Sơn và thống-nhất sơn-hà còn làm cho Việt-Nam có một địa-vị bền vững hơn nữa.

Tuy-nhiên trong cái thế thắng của vua Gia-Long, trong sự phục-hưng của nhà Nguyễn, đã ngầm có những cái thế bại cho Việt-Nam về sau này.

Việc giết hại các công-thần nguyên-huân lập-quốc như Nguyễn-văn-Thành và Đặng-trần-Thường vì những chuyện nhỏ nhặt không ra gì..., việc ấy thêm vào việc cho voi xé xác mẹ con nữ-tướng Tây-Sơn là Bùi-thị-Xuân, việc quật mỏ Nguyễn-Huệ và dùng dầu lau vua Quang-Trung để đi tiêu..., những sự việc ấy lịch-sử đã phê-phán là quá dã-man và nhỏ nhen.

Về sau, vua Gia-Long lại lập con thứ làm Thái-Tử kế nghiệp, thay vì lập dòng chính là con Hoàng-tử Cảnh, đó cũng là một nguyên-nhân cho sự suy-đồi về sau.

Tuy việc lập vua Minh-Mạng kế vị là hợp-lý vì lúc ấy con Hoàng-Tử Cảnh là đích-tôn còn quá bé nhỏ, mà Triều Nguyễn mới xây-dựng lại sau bao nhiêu năm bị chinh-chiến với Chúa Trịnh rồi với Tây-Sơn, thì việc duy-trì cho dòng họ Nguyễn phải cần một nhà vua thông-minh và đã lớn tuổi. Vậy nhưng việc phế lập đã gây chia rẽ giữa công-thần, và phái Lê-văn-Duyệt đã nâng đỡ ngành đích-tôn, về sau luôn luôn bị vua Minh-Mạng nghi ngờ, và cái án Lê-văn-Duyệt bị san bằng mồ mã, truy-nguyên cũng vì vua mới không dung kẻ cựu-thần nhiều công làm cho vua cũng đố-ky, nhưng cũng vì các công-thần này đều là bạn chiến-sĩ với Hoàng-tử Cảnh xưa, nên bị vua thù ghét

Lòng đố-ky và nghiêm-khắc của nhà vua còn tỏ lộ ra đối với cả hoàng-thất trong các nhánh khác, cho nên vua đã làm ra một bài thơ Đế-Hệ để lấy mỗi chữ trong ấy làm chữ lót cho hậu-duệ của chi-nhánh mình. Còn con cháu các Hoàng-tử khác, cũng như hậu-duệ của các Chúa Nguyễn xưa, đều phải đặt danh-hệ riêng biệt. Bài thơ của Vua Minh-Mạng có mấy câu như sau đây chúng tôi xin nhắc lại :

*Miên Hường Ưng Bửu Vĩnh,
Bảo Quý Định Long Tường,
Hiền Năng Kham Kế Thuật,
Thế Thoại Quốc Gia Xương.*

Mỗi chữ của bài thơ chỉ thế bậc trong Đích-Hệ, tức là Đế-Hệ kể từ con vua Minh-Mạng : như Miên hay Mân chỉ thế-hệ con vua Minh-Mạng (như vua Thiệu-Trị là Miên-Tông), Hường chỉ thế-hệ cháu nội (như vua Tự-Đức húy là Hường-Nhậm hay Hồng-Nhậm) v.v... Con cháu của anh em vua Minh-Mạng đều thuộc về Phiên Hệ và cũng có những bài thơ riêng cho mỗi Hệ...

Ngoài ra nhiều kẻ khác cũng bị nghi ngờ và đối đãi lạnh nhạt là các người Pháp đã từng giúp Nguyễn-Ánh trong các cuộc tranh hùng với Tây-Son như : Chaigneau và Vannier v.v... Về sau các người này đều chán nản mà về nước cả. Những việc này xảy ra trong khoảng các năm 1820-1820.

Vả chẳng, đây là một thiếu sót làm cho nước ta đã mất một cơ-hội quý hóa để dùng các triều-thần gốc nước Pháp mà tìm hiểu biết thêm Thái-tây, mở tầm mắt ra ngoài cái thế-giới bé mọn tỏa cảng của các nước Á-Đông. Nếu Hoàng-Tử Cảnh còn sống và kế ngôi vua Gia-Long thì lịch-sử Việt-Nam có lẽ đã có một chiều hướng khác chẳng, và có lẽ ngoài cái nho-học

(thứ nho-học từ-chương của nhà Tống, chứ không phải cái học Vương-Dương-Minh đã thịnh-hành ở Nhật-Bản), chúng ta đã sớm thu-thập được thứ Dương-học như người Nhật đã làm, hoặc ít ra cũng hiểu cách đối đãi ngoại-giao mà lập cái thể cùng mở rộng nước đón tiếp giao-thương với tất cả các cường-quốc như Xiêm-Lã đã làm để giữ được nền độc-lập.

Thật ra, không phải là người Pháp không có ý dòm ngó nước ta từ lâu. Ngay như việc Giám-Mục Bá-Đa-Lộc lúc cầu-viện tới nước Pháp để giúp Nguyễn-Ánh cũng đã hứa với Pháp-triều là sẽ nhượng cho Pháp quần-đảo Côn-Sơn và hải-cảng Đà-Nẵng. Việc ấy đã không thành vì nước Pháp đang gặp hồi hỗn-loạn, còn các người sang giúp nhà Nguyễn chỉ là nhóm người phiêu-lưu đi theo Giám-Mục Adran đó thôi, thế mà sau này Pháp vẫn đòi thi-hành, và đã bị triều-đình ta từ-chối, vì Pháp không chính-thức giúp gì cho nhà Nguyễn cả.

Lòng nghi-ky của vua Minh-Mạng và hậu-duệ ông ta đối với con cháu các hoàng-tử khác và cả ngay với người trong Đê-hệ đã làm cho nhà Nguyễn có một chính-sách hà-khắc đối ngay với người trong họ Nguyễn-phước. Những vị hoàng-tử và con cháu thường chỉ có tước mà không có vị, có danh vương hầu bá tử mà không có chút quyền-bính trong tay, chỉ được lãnh một số lương của vua cấp để sống và chơi bời. Ai đã đọc qua cuốn Tuy-Lý-Vương của Trần-Thanh-Mại thì biết cái cảnh sa-đọa của con cháu nhà vua đời Tự-Đức.

Các nho-sĩ trong nước thì chỉ theo cái học từ-chương của Tống-nho để thi đậu làm quan, gặp việc gì ở đời cũng đem Ngũ Kinh Tứ Thư ra chứng-dẫn, mỗi lời nói thường viện-dẫn những Khổng-Tử viết, Mạnh-Tử viết, chớ không tìm

tôi thêm nữa, tuy là người Tây-Phương đã có mặt ở Đường-Trong cũng như Đường-Ngoài từ thế-kỷ 16, lập thương-mãi ở Phố Hiến ngoài Bắc, ở Hội-An tại Trung, lập lò đúc đồng sắt ở Thuận-Hóa. Các triều-thần chỉ biết thờ vua và hưởng nhàn, và gặp việc khó chỉ biết hưởng về nước Tàu để lấy làm gương. Nhưng Trung-Quốc thời bấy giờ cũng lúng-túng như ta, chỉ biết tự tôn tự đại, khi gặp người Tây-Phương đến lần áp cũng chịu thua và đầu hàng liên-tiếp.

Thời bấy giờ cũng có một số người sáng suốt và đã hấp-thụ được những kiến-thức của Tây-Phương, cũng đã có dịp xuất-ngoại, mắt thấy tai nghe những cái hay cái lạ của nước ngoài đem về trình bày cho Triều-đình ta như trường-hợp ông Nguyễn-trường-Tộ, ông Nguyễn-Điều v.v... Cái học của Nguyễn-trường-Tộ tiên-sinh là do các Linh-Mục người Tây-Phương truyền cho, và cũng do các Linh-mục này mà tiên-sinh và các bạn tiên-sinh như Nguyễn-đức-Hậu, Nguyễn-Điều đã xuất-ngoại (1866) học hỏi, và mắt thấy tai nghe những gì mới lạ ở nước ngoài đều đem về tâu trình vua và triều-đình, đề-nghị nhiều điều cải-cách ích-lợi cho quốc-gia. Nhưng bao nhiêu điều-trần của Nguyễn-trường-Tộ đều bị triều-thần bác bỏ. Vào năm 1868 ông Đinh-văn-Điều lại điều-trần xin đặt doanh-diền khai-thác hầm mỏ, làm tàu hỏa và tàu thủy như Tây-dương, ông này cũng không may gì hơn Trường-Tộ tiên-sinh. Năm 1879 ông Nguyễn-Hiệp đi sứ Tiêm-La về, năm 1881 ông Lê-Đình đi sứ Hương-Cảng về tâu vua xin mở ngoại-thương giao-dịch với nhiều nước, như Xiêm và Nhật đã làm đề tránh cái nạn một cường-quốc độc-quyền uy-hiếp. Phan-Liêm, và trước nữa Phan-thanh-Giản cũng đều tâu xin các việc cải-cách nhưng triều-đình do vua giao-phó xét định đều đã bỏ trôi hết. Vua Tự-Đức đã truyền bảo các quan suy xét

kỹ chứ nếu không tìm cách tiến-bộ tức là sẽ thoái-bộ. Vậy mà triều-thần một là vì dốt việc bên ngoài, hai là đố-ky, ba là quá nệ-cổ nên đều có một thái-độ thật là đáng trách. Vua rất thông-minh nhưng chỉ là một thi-sĩ, không biết làm gì hơn với những đại-thần như vậy, và vì vậy mà nước Việt-Nam đã mất chủ-quyền trong một thế-kỷ...

*
* *

Nói tóm lại, nếu ta nhìn quanh ta, tựu-trung trong cái làn sóng Tây-Phương tràn ngập ò-ạt qua Đông-phương, nước Việt-Nam ta thuộc vào các nước bị rủi ro nhất như Ấn, Nam-Dương, Miến-Điện, Mã-Lai v.v... Hai nước may mắn nhất là Thái-Lan và nhất là Nhật-Bản. Thái đã nhờ cái thế Anh Pháp tranh-giành nhau mà được dùng làm một nước trái độn và giữ được độc-lập. Tuy-nhiên giới lãnh-đạo Thái cũng đã khôn-khéo đi giữa hai thế-lực xung khắc đó để được yên thân. Nước Nhật cũng nhờ đứng giữa nhiều thế tranh-giành và gờm nhau mà được đề yên và giới cầm quyền Nhật cùng giới sĩ-phu cũng kịp thời học hỏi cái hay cái đẹp của nước ngoài mà cải-tổ nước nhà rất mau chóng và hiệu-quả để vượt lên kịp đà tiến-bộ của các nước Tây-Phương và cũng trở nên một đại cường-quốc trên thế-giới.

Việt-Nam ta cũng ở một tình-trạng tương-đương mà người lãnh-đạo đã không cương-quyết đi một đường lối rõ rệt, đánh ngoại xâm không lại mà cứ chọc giận gây thù thêm người ta bằng những thủ-đoạn lật-vật rất là trẻ con, thật là khôi-hài. Ta lại còn bỏ mất nhiều dịp ngoại-giao, làm mất những cơ-hội quý báu : như lúc Anh Pháp đương tranh giành nhau

ở Á-Đông mà ta cứ rụt-rè không lợi-dụng để hai nước tranh nhau mà ta khỏi bị xâu xé, lần thứ hai lúc Pháp bị thất-bại vì tay Đức mà ta không kịp tiếp-xúc với Đức để lấy uy-thế của Đức mà chế-ngự bớt sức mạnh của Pháp, lần thứ ba là lúc Búi-Viện đã có ý tiếp-xúc với Hoa-Kỳ mà vì thiếu sót thủ-tục ngoại-giao không đem theo ủy-nhiệm-thư ngoại-giao, phải trở đi trở về mất hai năm thì quốc-sách Hoa-Kỳ đã thay đổi. (1)

Vi thiếu lãnh-đạo, vì gặp nhiều rủi ro nên chúng ta đã phải khổ-nhọc trong cả một thế-kỷ và những anh-hùng hào-kiệt của ta vì lòng trung-quân ái-quốc đã phải lặn xả vào súng đạn ngoại-nhân, chẳng qua cũng vì tấm lòng vì quốc vì dân, nhưng sức xương thịt con người xông pha vào trước súng thần công đại-bác Tây-Phương, chỉ như con thiêu thân nhảy vào ánh đèn để hủy thân mình mà thôi.

Thật đau buồn và uất-hận thay !

*
* *

(1) Nguyên trước Búi-Viện đi cầu viện Anh, rồi sau bất-thần qua Hoa-Kỳ, nên không có ủy-nhiệm-thư ngoại-giao đối với nước này.

CHƯƠNG II

NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG
NHẤT GIA TAM KIỆT

NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG NHẤT GIA TAM KIỆT

Việt-Nam, NƯỚC VIỆT-NAM ở một vị-trí vô cùng
một lịch-sử bi-hùng nguy-hiểm : phía Bắc giáp giới với
và một vị-trí nguy-hiểm một nước to lớn và dân đông đảo
gấp mấy chục lần, có một tinh-thần
hiếu-chiến luôn luôn muốn bành-trướng ra các nước lân-cận
mà họ đều cho là man-di, đó là Trung-Quốc ; phía Tây và phía
Nam giáp giới với các dân-tộc cũng trong đà muốn bành-
trướng ra khỏi biên-cương của mình : đó là các dân-tộc Ai-
Lao, Chân-Lạp, Chiêm-Thành v.v... ; phía Đông, Việt-Nam tiếp
giáp với một vùng biển bao-la, mà biển này là một đường
tiếp-xúc giữa các giống người từ Tây sang Đông, hoặc từ
Nam lên Bắc, hay từ Đông sang Tây, từ Bắc xuống Nam.

Vị-trí đó đã đem đến cho dân-tộc Việt-Nam một lịch-sử
bi-hùng, trong mấy ngàn năm phải luôn luôn chống đối mọi
cuộc xâm-lăng tàn-sát phá phách của các dân-tộc láng giềng
để tự-tồn và để tăng-triển. Đất nước Việt-Nam bị gót giày
ngoại-nhân dày xéo, đã nhiều người dân Việt-Nam đã chết
chóc, óc lầy máu đỏ để giữ quyền sống của mình trên dải

đất thân yêu của ông cha mình để lại. Trong công-cuộc tranh-đấu dành quyền sống, giữ đất nước, đã bao nhiêu anh-hùng hào-kiệt xuất-hiện để bảo-vệ giang-sơn : những *Lý-thường-Kiệt*, những *Trần-hưng-Đạo*, những *Lê-Lợi*, những *Nguyễn-Huệ* đã đem lại cho dân-chúng nhiều hãnh-diện, và đã làm cho ngoại-nhân phải kinh sợ. Nhiều vị anh-hùng đã oanh-liệt thành công trong công-cuộc cứu nước và giữ nước, nhưng cũng nhiều vị đã không may bỏ mình vì nước trong lúc chỉ biết hiến mình cho dân, cho nước nhưng đã không thành-công, hoặc không sống đến ngày dân-tộc mình thành-công... Nhưng cái chết của những vị này cũng đầy hùng-khí oanh oanh liệt liệt không kém gì những đấng anh-hùng dân-tộc đã thành-công trên chiến-trường.

Nguyễn-tri-Phương Trong những vị anh-hùng liệt-sĩ nhất gia tam kiệt không may mắn nhưng đáng cho ta vô-cùng kính-ngưỡng vì sự hy-sinh cao cả và hùng-khí siêu-việt của họ, chúng ta không thể quên được một người cách đây đúng một trăm năm đã hiến cả bản thân và cả gia-đình mình cho tổ-quốc, anh em cha con đều chết ngay tại trận tiền để đền ơn nước. Vị anh-hùng đầy khí-tiết này là *Nguyễn-tri-Phương*, đã cùng với em là *Nguyễn-Duy* và con là *Phò mã Đô Úy Nguyễn-Lâm*, nhất gia tam kiệt đều chết về tay giặc Pháp xâm-lãng.

Dưới các triều vua Nguyễn từ Gia-Long cho đến Tự-Đức và cả về sau này, thật không có một gương ái-quốc, trung-quân, phụng-sự và hy-sinh đến tột độ như *Nguyễn-tri-Phương*.

Một nguồn-gốc
bình-dân

Nguyễn-tri-Phương là một đại-thần của nhà Nguyễn, trải qua ba triều vua : Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức. Chức tước cuối cùng của Nguyễn tri-Phương là : *Thái-tử Thái-bảo Võ-hiến-diện Đại-học-sĩ, Tri-dồng-tướng, Tráng-liệt-bá*, sung *Tam-Tuyên Quân-Thứ Khâm-mạng Đại-thần*. Nhưng ông chỉ là con một người bình-dân, một nhà làm ruộng và làm thợ mộc (1) : Ông *Nguyễn-văn-Đằng* và bà *Nguyễn-thị-Thê*. Ông cụ và bà cụ sanh được ba con : *Nguyễn-tri-Phương, Nguyễn-Duy* sau đậu tiến sĩ cùng ra làm quan, và *Nguyễn-Nghi* ở tại làng phụng dưỡng cha mẹ.

Nguyễn-tri-Phương, nguyên tên cũ là *Nguyễn-văn-Chương*, tự *Hàm-Trình* hiệu là *Đường-Xuyến*, sanh ngày 21 tháng 7 năm Canh Thân (1800) (2) tại làng Đường-Long (sau đổi tên là *Chi-Long* cho đến ngày nay), tổng Chánh-Lộc, huyện Phong-Điền tỉnh Thừa-Thiên...

Địa-linh nhân-kiệt *Huyện Phong-Điền* ở cách Huế độ lối 30 cây-số, có lẽ là một địa-linh nhân-kiệt, vì nội gia-đình Nguyễn-văn-Chương đã có 3 vị anh-hùng danh-tướng là : Nguyễn-văn-Chương, em là Nguyễn-Duy, con là Nguyễn-Lâm. Sau này, con Phò-Mã Nguyễn-Lâm là Nguyễn-tri-Kiểm sẽ làm đến Hộ-bộ Thượng-thor. Ngoài gia-đình họ Nguyễn, huyện Phong-Điền còn có những vị danh-thần sau đây : *Nguyễn-văn-Minh* Hữu-quân Đô-thống đời Minh-Mạng và Thiệu-Trị ; *Nguyễn-lương-Nhân*, một danh-tướng đã đánh thắng quân Xiêm-la ở Trấn-Tây-thành,

(1) Theo hậu-duệ của Ông truyền lại.

(2) Có sách chép là : năm 1799 ?

lên chức Thống-Chế, rồi Hữu-quân Đô-thống, lãnh Tổng-đốc Nam-Nghĩa dưới triều Minh-Mạng, Thiệu-Trị và Tự-Đức ; *Hồ Oai* có công phá giặc Đoàn-Trung, Đoàn-Trực được phong Trung-dống-tử, Tiên-quân Đô-thống kiêm Chưởng Tả-quân, sau sung chức Nghệ-Tĩnh Tổng-Thống đại-thần ; *Hoàng-dinh-Nho*, Thống-chế dưới triều Tự-Đức ; *Hoàng-ngọc-Chung* Tham-tán quân-vụ, chết vì đánh Pháp tại Hữu-dồn Phú-Thọ và được truy-tặng Thống-chế (đời Tự-Đức) ; *Nguyễn-văn-Kiểm*, Thị-trung Đô-thống-chế Thiếu-bảo Quận-công v.v...

*

* *

Từ lúc nhỏ, tiên-hiền họ Nguyễn đã có một tinh-khí khác thường, thân hình trắng kiện, trí óc phi-phàm, thông-minh tuyệt vời mà hạnh-kiểm thuần-lương, chăm học, hay suy nghĩ mà ít nói. Tuy nhà thanh-bạch nhưng cha mẹ cũng cho ông theo học liên tiếp ba thầy mà thầy nào trong một thời gian cũng đã « hết chữ » với ông học trò trẻ nhỏ có một óc thông-minh và một trí nhớ quá phi-thường. Về sau Ông tự học nhiều, ham đọc sách nhất là những sách Luận-ngữ, Tả-truyện và đã học võ và ham luyện vũ-thuật, nghiên-cứu binh thư đồ trận cùng những sách có thể ứng-dụng cho đời. Vì sự hiểu biết uyên-bác và suy-luận sâu sắc phi-thường nên đã có truyền-thuyết trong làng xóm, trong gia-đình và hậu-duệ cho là ông đã gặp dị-nhân truyền dạy những điều diệu-tuyệt mà người thường ít ai biết.

**Bước đầu may mắn
trên hoạn-lộ**

Vì nhà nghèo không đủ sức theo học cử-nghiệp trường-đồ, và cũng gặp các năm đầu triều Minh-Mạng có chiếu chỉ chiêu-mộ những người học-thức vào làm nha-lại tại

các huyện phủ các địa-phương, dù chưa đồ đạc gì, ông bèn xin làm một chân thơ-lại nhỏ tại Huyện-đường Phong-diễn.

Nhân lúc trong huyện xảy ra một vụ án khá bí-ẩn, quan trên giao cho ông tra xét, ông đã thành-công tìm ra manh-mối, và đã dùng lời văn sắc bén, lối nghị-luận khúc-chiết để trình bày bản án rất minh-bạch. Bản án được đặc-biệt chú-ý và được trình lên Tỉnh, Tỉnh lại trình lên Bộ. Và ông đặc-biệt được bổ làm thơ-lại ngay tại Bộ Hộ ở Kinh-thành.

Từ Huyện lên Bộ Một hôm nhân được vào yết-kiến quan Thượng-Thor bộ này là Nguyễn-đăng-Tuân, quan Thượng thấy ông còn trẻ tuổi mà dáng người khôi-ngô anh-tuấn, nói năng dạn-dĩ mẫn-tiếp chính-định, dáng-diệu và tướng-mạo khác thường, quan nhìn xét đủ mọi cách từ diện-mạo đến bộ đi đứng ăn nói, sau cùng bảo ông cởi áo cho quan xem kỹ. Xem xong, quan Thượng chắc lưỡi khen mà bảo rằng : « Ta thường xem tướng nhiều người đều thua con ta (1), nhưng nay xem trạng-mạo cốt cách nhà người thật còn hơn con ta nhiều lắm ».

Từ đó quan Thượng rất yền mến ông, luôn luôn bắt giúp việc hầu một bên. Ông có tài viết chữ rất đẹp, nên lại được giao việc viết cả Phiến Sớ ở Bộ dâng lên Vua. Nhằm khi rảnh rỗi quan Thượng vốn học-vấn uyên-thâm nên lại truyền dạy cho ông học những môn toán-pháp-học, chưa đầy 3 tháng mà ông đã tinh-thông cả toán đĩnh toán điền, nên lại được giao-phó cho các công-việc khó khăn đó.

(1) Con trai quan Thượng-thor Nguyễn-đăng-Tuân nói đây là Nguyễn-đăng-Giải, sau làm quan đến Tổng-Đốc Sơn-Tây, rồi Kinh-lược Bắc-Kỳ.

Ông làm việc ở Bộ được 3 năm, phục-vụ quan trên rất tận-cần, nhưng chính cũng do đó mà tự ông học hỏi thêm khá nhiều vì được làm dưới quyền một vị thượng-thư học-thức uyên-thâm lại gần được nhiều vị khoa-bảng học vấn cao rộng, nên ông tiến-bộ vượt bậc.

Quan Thượng càng ngày càng thấy mình xét đoán không lầm : Nguyễn-văn-Chương rõ ràng là bậc thanh-niên khác thường, thông-minh mãn-tuệ ít ai bì kịp, lại siêng-năng ham làm ham học, bụng dạ lại khảng-khái ngay thẳng, có thể thành bậc hiền-tài hữu-dụng cho đất nước sau này. Vì vậy quan Thượng đã không ngần-ngại dâng sớ lên vua Minh-Mạng xin cho Nguyễn-văn-Chương được trọng-dụng.

Từ Bộ đến Vua, Vua Minh-Mạng vốn là một vị vua Dưới Triều Minh-Mạng anh-minh học rộng, trọng nhân-tài, nên liền truyền cho dân Chương vào hệ-kiến. Vua mới xem dung-mạo đã khen ngay : « Người này xem bộ phẩm-cách hơn người, thật Thầy Thượng Hộ đã có mắt xét được hiền-tài, và có lẽ không phụ lời tiến-cử ». Vua lại truyền đem giấy bút bảo Ông làm ngay một tờ Sớ trước mặt vua. Sớ làm xong, ông dâng trình ngự lãm. Đức Minh-Mạng là người nghiêm-khắc mà đọc Sớ cũng tấm tắc khen rằng : « Chữ tốt, văn hay, dù bậc Đại-khoa cũng không hơn được ».

Sau đó, ông được vua bạt-thọ hàm Điền-bộ (1) lãnh chức Biện-tu tại Nội-các (1) tức Văn-phòng của Vua ở Nội-

(1) Đời vua Gia-Long đã đặt một phòng Bí-thư ở Nội-điện, sau vua Minh-Mạng cải thành Văn-thư-phòng và sau lại đổi thành Nội-các : đó là Văn-phòng riêng hay Bí-thư-phòng của Vua để có điều gì khẩn-cấp hay bí-mật thì Vua hỏi han, hay sai làm các việc như Biều, Sách, Chế, Cáo, Chương, Tấu, Sắc v.v...

điện (Năm Minh-Mạng thứ tư, tức 1823). Năm Minh-Mạng thứ sáu (1825), ông được thăng hàm Tu-soạn (1). Ông lãnh chức Thừa-chỉ cũng ở Nội-các, hai năm sau lại thăng Thị-độc, hai năm sau nữa thăng Thị-giảng Học-sĩ, sung biện Nội-các, năm 1831 thăng Hồng-lô Tự-Khanh vẫn làm việc ở Nội-các.

Vua vẫn biết ông là người siêng-năng lại liêm-chính, tinh-tế nên rất tin dùng; năm ấy (1831) sai ông qua Lữ-Tổng ở Trung-Hoa mua hàng vải về để sử-dụng. Vì ông không quen việc mua bán và không rành giá cả, lại quá thực-thà, nên mua hàng phải giá hơi cao, nên bị các quan Ngự-sử tâu hặc và bị giáng làm Viên-ngoại Bộ Hộ, và vua cũng y theo. Đến đây ta thấy xưa Triều-đình rất nghiêm-khắc đối với việc làm của quần thần và lời tâu của Ngự-Sử vẫn được vua nghe theo, tuy ở một chế-độ quân-chủ độc-tôn.

Về Bộ Hộ, ông vẫn làm việc siêng-năng cần-mật nên cũng được quan trên khen, và năm 1833 (Minh-Mạng thứ 14), Ông được khai phục lại hàm Hồng-Lô Tự-Khanh và sung-biện vào Nội-các như trước, và năm sau được thăng thọ hàm Thị-lang mà vẫn làm việc ở Nội-các.

Loạn ở Nam Kỳ Dưới triều Minh-Mạng giặc giã vẫn nổi lên khắp nơi đánh chống Triều-Đình. Như ở Bắc-Kỳ, có giặc Phan-Bá-Vành (Nam-Định), rồi Lê-duy-Lương (Ninh-Bình) và Nông-Văn-Vân (Tuyên-Quang, Cao-Bằng, Lạng-Sơn, từ 1822 đến 1835).

Nhưng đặc-biệt ở Nam-Kỳ là đất của nhà Nguyễn khai-sáng, và Vua Gia-Long cũng từ Nam-Kỳ mà dấy nghiệp lấy

(1) Xem chú-thích ở cuối Chương.

lại được co-đồ trong tay Tây-Son, vậy mà ở Nam-Kỳ cũng có loạn lớn khiến cho Triều-đình và quan binh hết sức vất-vã trong mấy năm trường. Sử-gia thường cho rằng vua Thánh-Tổ không khoan-dung với kẻ cựu-thần có công lớn với vua Thế-tổ, nhất là đối với Ông Lê-văn-Duyệt là Tổng-Trấn thành Gia-Định. Ông Lê-văn-Duyệt tánh-tinh ngay thẳng nhưng nóng nảy, tuy được quân dân kính mến nhưng đối với Vua và các đình-thần cái tánh thẳng-thần và sọc-nổi của ông đã lắm lúc làm cho vua bực mình và ban đồng-liều ganh ghét, cho là ông ý thế khai-quốc công-thần nên có ý bất kính với vua và khinh-miệt quan-liều đồng-triều. Thêm vào đó, Lê-văn-Duyệt lại là người chủ-trương đưa con Hoàng-tử Cảnh, tức là diệ-tôn vua Gia-Long, lên nối nghiệp vua sau khi thái-tử chết sớm. Tuy nhiên vua Gia-Long vì mới lập-quốc xong không thể để cho một đứa trẻ con lên kế-ngiệp, có thể dễ mất nước lần nữa. Vì lý-do chánh-trị đó mà vua đã chọn Hoàng-tử Đảm là con thứ tư lên nối ngôi. Vì vậy giữa vua và phái Lê-văn-Duyệt vẫn có ý hiềm khích. Đến khi Lê-văn-Duyệt mất, vua hủy bỏ chức Tổng-trấn thành Gia-Định và lập chức Tổng-đốc thay thế với các chức Tuần-phủ, Bố-chánh, Án-sát, Lãnh-binh như ở các Tỉnh Bắc và Trung. Tại Tỉnh Phiên-An (tức Tỉnh Gia-Định bây giờ), vua bổ-nhiệm Nguyễn-văn-Quế làm Tổng-đốc, với Bạch-xuân-Nguyên làm Bố-chánh và Nguyễn-chương-Đạt làm Án-sát. Vì xa Kinh-đô, các viên-chức này hoành-hành những lạm, nhất là Bạch-xuân-Nguyên rất tàn-ác, tham-những, bày đặt phao tin được mật lệnh truy-xét việc Lê-văn-Duyệt và bọn thuộc hạ để làm tiền Lê-văn-Khôi (là một viên tướng tài trước làm loạn sau nhờ Lê-văn-Duyệt thu-phục và cho làm con nuôi), Khôi liền bị Bạch-xuân-Nguyên bắt giam. Khôi là một người cứng cỏi đầu chịu áp-đạo dễ-dàng như vậy. Vì tức cho

mình, tức cho chủ mình đã có công lớn với Triều-đình chưa chi mới nhằm mắt đã có kẻ muốn ám-hại cả thanh-danh lẫn người thân-thuộc, Khôi lập mưu với đồng-dãng và những tù tội bị giam, phá nhà tù làm loạn, kéo nhau đến nhà Bạch-xuân-Nguyễn giết hết cả gia-đình, rồi gặp Tổng-đốc Nguyễn-văn-Quế đem quân đến cứu. Khôi cũng giết luôn cả quan quân. Ngoài những kẻ thoát chạy trốn được, còn lại bao nhiêu đều theo Khôi cả. Và chẳng bao lâu cả sáu tỉnh ở Nam-Kỳ đều bị Khôi thu-phục hết.

Triều-đình liền sai các tướng Tống-phúc-Lương, với Trương-minh-Giảng làm tham tán v.v... đem đại quân vào đánh Khôi, và thu hồi các tỉnh. Khôi thua, đóng cửa thành Phiên-An chống giữ, nhưng cuối năm ấy (1833) bị bệnh chết. Nhưng dư-đảng của Khôi vẫn tiếp tục chống giữ thành, dằng dai mấy năm quan quân không làm gì được (1).

Từ Văn song Võ Năm 1835 (Minh-Mạng thứ 16) vua nhân vào Nội-các thấy Nguyễn-văn-Chương bèn phán rằng : « Đạo Khâm-sai Gia-Định bấy lâu không nghe đánh dẹp thế nào cả, vậy khanh hãy vào đó xem xét tình-hình ra sao, rồi chạy Sớ về ngay cho trẫm biết »

Ông vâng mệnh vào Gia-Định cứu xét tình-hình xong chạy Sớ về Kinh xin Vua cho ở lại chỗ quân-thủ để hiệp-đồng

(1) Đoạn này trong Việt-Nam Sử-lược Trần-Trọng-Kim có kể lại, nhưng không ghi việc Nguyễn-văn-Chương được lệnh vào Gia-Định dự đánh thành Gia-Định mà chỉ nói "tháng 7 năm Ất-Vị tướng Nguyễn-Xuân và Nguyễn-văn-Trọng mới hạ được thành, và vào bắt giết quân giặc cả thầy đến 1831 người đem chôn vào một chỗ nay gọi là mã ngụy". Nhưng trong Đại-Nam Nhất-Thống-Chí và trong gia-phả gia-đình Nguyễn-tri đều có ghi rõ chi-tiết việc Nguyễn-văn-Chương được vua sai đi Gia-Định như đoạn sau sẽ nói rõ.

hàng-hóa tích-trữ tại Nội-vụ. Ông tánh-tình khoan-dung có phần dẽ-dãi với kẻ dưới tay, vì vậy việc tra xét có sơ-xuất, nên vua truyền quan Thượng-thư Bộ Hộ là Hà-duy-Phiên cùng các quan Ngự-Sử lập Hội-đồng xét lại. Hội-đồng khám xét thấy ông xin trích số hàng Tây-dương-bố (vải tây trắng) đem phát-mãi vì sợ đề lâu ngày sẽ mục nát. Quan Thượng-thư họ Hà bảo ông : « Thứ vải này có phải ngày trước ông qua Lữ-Tống mua về phải không ? Nó bị hoen ố nhiều lắm, nay ông lại xin phát-mãi, thật chẳng khỏi điều quan-ngại ». Ông Nguyễn-văn-Chương tánh nóng nèn to tiếng cãi lại : « Hoen ố là do viên chủ-thủ giữ gìn bất-cần, sao các ông lại đổ lỗi mà hặc tôi ! Vả chẳng, dầu có tội lớn sống chết họa phước cũng còn ở lệnh Thiên-tử, chớ các ông hiệp hiềm thì làm gì được tôi ? » Quan Thượng-thư bị mắng tức giận bèn dâng Sớ tham tội ông lên vua Minh-Mạng. Ông được tin liền vào Điện xin thỉnh tội. Vua phán rằng : « Làm bầy tôi nhỏ mà lớn tiếng mắng bầy tôi lớn thì đáng cách chức và giao Bộ-Hình định tội. » Vua lại hỏi riêng ông : « Như việc nhà ngời làm thì đáng tội gì ? » Ông quỳ xuống đất lay và xin lãnh tội chết. Nhưng Bộ-Hình tâu rằng : « Chiếu theo luật, tội quan dưới mà mắng Chế-sứ đại-thần thì phải giam tù, còn thời-gian bao nhiêu xin vua tùy trường-hợp mà định-đoạt. » Đức Minh-Mạng phán rằng : « Tên này xét kỹ vẫn siêng-năng và có nhiều công-lao; ta tha tội tù cho nó, chỉ giáng xuống làm thơ-lại ở Nội-vụ ». Nhưng đến cuối năm ấy, được xét công-cán rất đặc-sắc nên ông lại được khai-phục hàm Chủ-sự sung chức Lang-trung lãnh Hộ-lý phủ Nội-vụ. Năm sau (1838) tức năm Minh-Mạng thứ 19, ông thăng hàm Thị-Lang Bộ Lễ sung Nội-các và được hưởng lương hàm Nhị-phẩm. Năm Minh-Mạng 20 (1839) ông thăng hàm Tham-tri, nhưng vẫn ở Nội-các. Năm Minh-Mạng 21 (1840), ông được bổ làm Tuần-phủ Nam-Nghĩa (Quảng-Nam và Quảng-Nghĩa). Khi vào

bãi-mạng để đi lãnh nhiệm-vụ mới, vua phán : « Trong Tỉnh Quảng-Nam có cửa bể Đà-Nẵng, nên đắp thêm đồn lũy và làm nhà đặt súng để phòng-bị, Khanh vào đó nên quan-tâm lo việc ấy trước nhất ».

Ông lãnh mệnh ra đi. Vào đến Tỉnh-ly Quảng-Nam xong, ông đến ngay Đà-Nẵng xem xét nghiên-cứu địa-thế rồi vẽ địa-đồ đề-nghị làm bao nhiêu đồn lũy ở những vị-tri nào, cất bao nhiêu nhà đặt súng ở đâu, đào hào-hàng địa-đạo ở đâu, đều cương-chú rõ-ràng dâng về vua xem và dâng Sớ tâu rằng : « Đà-Nẵng quả là cửa bể xung-yếu, cần bố-tri phòng-thủ chắc-chắn và cần-mật mới được ». Vua Minh-Mạng đều y theo các kế-hoạch trù-liệu và giao ông thực-hành. Xong việc ông được triệu về Kinh làm Tham-tri Bộ Công.

Vua Minh-Mạng mất năm Canh-tí (1810), thọ 50 tuổi, trị-vị 21 năm, miếu-hiệu là Thánh-tổ Nhân-hoàng-đế. Tháng giêng năm sau (Tân sửu 1811), Hoàng-thái-tử là Mân-Tôn (1) lên ngôi lấy niên-hiệu là Thiệu-Trị. Các đại-diện của triều trước là Trương-đăng-Quế, Lê-văn-Đức, Đoàn-Uần, Nguyễn-văn-Chương, Lâm-duy-Hiệp vẫn được vua mới trọng-dùng.

(1) Mân-Tôn hay Miên-Tôn. Như ta đã biết, vua Minh-Mạng muốn phân biệt hậu-duệ của ông và hậu-duệ của các Hoàng-tử anh và em ông, nên đã đặt ra những hệ-thống gọi là *Đế-hệ* với bài thơ lấy mỗi chữ đặt tên lót cho hậu-duệ chính của ông, và *Phiên-hệ* với 10 bài thơ để đặt tên cho hậu-duệ các hoàng-tử. Dưới đây là những bài thơ về Đế-hệ và Phiên-hệ :

ĐẾ-HỆ

Miên hường ứng bửu vĩnh,
Bảo quý định long trường.
Hiền năng kham kế thuật,
Thế thoại quốc gia xương.

PHIÊN-HỆ

1. VỀ TĂNG-DUỆ HOÀNG-THÁI-TỬ

(Hoàng-tử-Cảnh)

Mỹ duệ tăng cường tráng,
Liên huy phát bội hương.
Lĩnh nghi hàm tôn thuận,
Vĩ vọng biểu khôn quang.

2. VỀ KIẾN-AN-VƯƠNG

Lương kiến ninh hòa thuật,
Du hành suất nghĩa phương.
Dưỡng di tương thức hảo,
Cao túc thê vi tường.
v.v... và v.v...

Dưới triều Thiệu-Trị Ngay năm đầu triều Thiệu-Trị ở Nam-Kỳ và Chân-Lạp lại có giặc giã. Ở Trà-Vinh bọn Lâm-Sâm và một bọn Sãi gốc Miên nổi loạn cướp phá lung-tung. Dân bản-xứ Chân-Lạp liên-kết với người Xiêm nổi loạn ở Chân-Lạp. Trương-minh-Giang, Lê-văn-Đức, Nguyễn-công-Trứ, đánh dẹp hết chỗ này thì chỗ khác lại nổi lên. Sau vua phải truyền cho Đại-tướng Trương-minh-Giang lui quân bỏ Chân-Lạp về giữ An-Giang. Trương-minh-Giang có trách-nhiệm lớn ở Trấn-tây-Thành (Chân-Lạp) mà nay bị thất-bại như vậy, nên lúc về đến An-Giang thì ông vừa lao nhọc bao nhiêu năm ở biên-ải vừa đau buồn vì dè mất Trấn-tây nên ông đỡ bệnh mà chết.

Lúc giặc Tàu Lâm-Sâm đã do Nguyễn-tiến-Lâm và Nguyễn-công-Trứ dẹp yên, thì quân Xiêm-La lại đem chiến-thuyền sang giúp dư-dãng đánh phá khắp nơi. Vua sai Lê-văn-Đức làm Tổng-Thống đại-thần đem quân đi tiêu-trừ ở Ba-Xuyên và An-Giang. Tại Sóc-Trăng giặc giã cũng nổi lên. Vua cử Nguyễn-văn-Chương làm Tổng-đốc Hà-An (Hà-Tiên và An-Giang) và sai ông vào thay thế Tổng-Đốc Dương-văn-Phong (vừa thua trận ở Sóc-Trăng) để đem lại an-ninh tại các tỉnh miền Tây Nam-Kỳ. Trước khi ông lên đường vua Thiệu-Trị dụ rằng : « Khanh là người ngay thẳng siêng-năng, nên trăm sai đi là muốn cho khanh lập công ở chỗ ấy, Khanh nên kíp báo công cho trăm hay ».

Thắng trận ở Trà-Tâm Vào đến An-Giang, ông hợp quân Sóc-Trăng, Ba-Xuyên, cùng Chương-Vệ Nguyễn-lương-Nhàn đem binh đi dẹp giặc. Ông bàn với Nguyễn-lương-Nhàn ra lời hịch khuyến-dụ nâng cao tinh-

thần quân-sĩ, nhất là những đám quân mới thua trận, sau đó ông chia quân thành ba đạo, tiến đánh Trà-Tâm, được thắng-lợi. Kéo binh đánh luôn ngay cả Sóc-Trăng, ông lại đắc-thắng. Giặc tan vỡ bỏ chạy, lương-thảo khi-giới bị quân triều-đình thiêu-hủy hoặc thu lượm rất nhiều. Tin dăng về Kinh, vua Thiệu-Trị phán với đình-thần rằng: « Nguyễn-văn-Chương thắng trận thật không phụ trăm biết người mà dùng. » Vua ban thưởng ông đệ-nhất quân-công...

Lại thắng trận ở
Hà-Tiên, Vĩnh-Tế,
Trương-Sơn Lạc-sách

Trong lúc ấy, ở Hà-Tiên, lại có giặc, quan Tỉnh chạy giặc cầu-viện tới Ba-Xuyên, ông phái Chương-Vệ Nguyễn-lương-Nhàn đem quân đi đường bộ,

còn ông thì dẫn quân theo kinh Vĩnh-Tế kéo thẳng tới Trương-Sơn, cùng hợp đánh phá đồn trại của quân giặc. Giặc tan vỡ bỏ chạy tứ-tán. Về Ba-Xuyên ông lại hợp quân cùng quan Tân-lý Tôn-thất-Nghi đem quân đánh lại Sóc-Trăng, cướp trại giặc tại Lạc-Sách. Giặc đều tan vỡ. Nguyễn-tri-Phương toàn thắng.

Sở dăng về triều, vua hết sức hân-hoan, khen tặng hết lời và ban một kim-tiền hạng nhất thưởng công. Nhân một hôm đang thiết-triều, vua ban hỏi về tình-hình ở Trấn-tây-Thành, Trương-dăng-Quế tâu: « Nguyễn-văn-Chương ở Ba-Xuyên hiện nay thanh-thế to lắm, đánh hơn 20 trận đều thắng luôn, lấy hơn 10 đồn giặc, cướp lương thảo của giặc cấp cho dân, lại chia quân khắp bốn mặt đều đánh, nên giặc bị thua mọi nơi hết chỗ nương tựa, nay chỗ Lạc-Hóa đã trở nên yên ổn cả ». »

Mưu Đông kiêm toàn Vua vui vẻ ra mặt khen rằng :
 « Nguyễn-văn-Chương vâng lệnh ra
 dẹp giặc càng đánh càng thắng, lập được nhiều công-lao, rõ
 thật mưu đông kiêm toàn ». Vua ban ngay một bài thơ để ủy-
 lạo vị công-thần. Dưới đây là bài thơ của vua Thiệu-Trị :

Vũ tầy binh tiêu hiệp sở vãn,
 Giai chương liên tiếp tiếp từ văn.
 Công ký võ bị lương mưu tướng,
 Đông các thanh tiên bất hám quân.
 Ô hiệp tam thiên giai phách tán,
 Hoàng từ bách sách tận thi phân.
 Thừa cơ phá trúc thu toàn thắng,
 Lạc-Hóa di sư kiến đại huân.

Tam. dịch

*Mưa dầy quân tiêu chuyện rõ ràng,
 Hằng ngày báo tiếp lẫm giai-chương.
 Tướng khôn toan sẵn bên hung mạc,
 Quân mạnh dành ra trước chiến-trường.
 Mất vía ba ngàn nơi lũ quạ,
 Chia thây trăm mãnh máu ao vàng.
 Trước tre có thể nên thừa thắng,
 Lạc-Hóa quân rêu tiếng khải-hoàn.*

(Theo Tư-lạc-Tử)

Bình Chân-Lạp Nước Chân-Lạp yếu kém lại hay bị
 Đuổi quân Xiêm nạn tranh-chấp nội-bộ, hay bị quân
 Xiêm thường qua xâm-lãng hà-hiếp
 dân-chúng. Vì vậy nhiều lần đã nhờ quan quân ta che chở

và lập an-ninh cho xứ sở. Do đó, ta đổi tên Chân-Lạp ra Trấn-tây-thành, chia ra làm 12 phủ và 2 huyện (1). Một Tướng-quân được bổ-nhiệm trông coi việc bảo-hộ cai-trị, có một Tham-tán đại-thần, một Hiệp-tán và bốn Chánh Phó Lãnh-binh giúp việc.

Nhưng vì ở xa Triều-đình nên các quan thường nhùng-lạm, hà-hiếp dân bản-xứ, lại xử-sự vưng-về đối với các cấp lãnh-đạo của người Chân-Lạp, nên như ta đã thấy, về cuối đời Minh-Mạng, dân Chân-Lạp nổi loạn, có người Xiêm yểm-trợ. Quan quân ta đánh dẹp không nổi, vua phải truyền Trương-minh-Giảng bỏ Chân-Lạp và rút về giữ An-Giang...

Lúc bấy giờ, Nguyễn-văn-Chương có chỉ cải bổ Tổng-đốc Long-Tường (Vĩnh-Long và Vĩnh-Tường), lại được thưởng một Ngọc-bài, một Kim-bài và một đồng hồ vàng của Tây-phương.

Chiến thắng ở Hà-Tiên Năm sau, lại có giặc nổi lên ở Lạc-Hóa
Tiền-giang, Hậu-giang và Ba-Xuyên cùng với người Xiêm
 đánh phá hung-hăng, và thế-lực mỗi
 ngày mỗi bành-trướng thêm: Các quan trấn tỉnh Hà-Tiên,
 Gia-Định xin quân cứu-viện và xin thêm súng và lập thêm đồn-
 lũy để phòng-thủ. Được tin, Nguyễn-văn-Chương dâng sớ
 tình-nguyện đem quân bản-bộ và binh thuyền tiếp-ứng các
 nơi. Vua ban khen việc ông làm rất hợp thời-cơ. Năm 1812
 (Thiệu-Trị thứ 2), giặc lại nổi lên ở Hà-Tiên, Vĩnh-Tế, Tiền-
 giang, Hậu-giang... cướp phá làng xóm, vây khốn đồn lũy.
 Nguyễn-văn-Chương từ An-Giang trở về, nhân khi giặc bất-
 ngờ, chia quân thành nhiều cánh tiến đánh, giết quân giặc rất

(1) Xem Việt-Nam sử-lược của Trần-trọng-Kim.

hiều, bắt được mẹ tướng giặc Nặc-Ông-Đôn, lần lần binh-định cả mọi nơi. Vua Thiệu-Trị ban khen : « Như thế thật làm cho trăm khỏi lo về miền Nam nữa », và ban thưởng cho Nguyễn-văn-Chương một quả phàm bằng vàng (vàng bấp chưởi) và một đồng hồ vàng.

Năm 1844 (Thiệu-Trị thứ 4), ông lại được bổ làm Tổng đốc An-Giang. Nhân đó, ông dâng sớ xin đánh lấy lại Trấn-tây-Thành luôn thể, nhưng vua Thiệu-Trị dè-dặt chưa cho. Mùa thu năm ấy người Xiêm đưa thư xin phóng-thích mẹ Nặc-Ông-Đôn về nước, rồi hai bên sẽ kết-ước giao-hảo như trước. Ông đòi cho được quốc-thư của vua Xiêm mới chịu điều-đinh, nhưng đợi mãi vẫn không có phúc-thư chính-thức. Ông dâng sớ tâu vua rõ tình-hình đối với Xiêm-La và Chân-Lạp : « Bọn giặc Xiêm lấy Trấn-tây làm căn-cứ quyết không bao giờ chúng chịu bỏ rơi. Việc cầu hòa mang nhiều tính-cách tri-trá chỉ là mưu hoãn-binh. Nếu để chầy ngày mà không tiêu-trừ thì làm lợi cho chúng đủ thì giờ phòng-bị ngày thêm chặt-chẽ, chỉ bằng đem binh đánh ngay bây giờ để làm cho chúng khủng-khiếp, ngô hầu mới trị an trường-cửu được ». Vua vẫn phán : « Việc ấy sẽ xét lại ». Việc chưa quyết thì năm sau (1845), người Xiêm bày mưu bắt viên thuộc-lại ở Tây-Ninh là Nguyễn-bá-Hộ giam giữ trong trại giặc, và phao tin nói nếu Việt-Nam chịu hòa và rút quân lui thì mới tha người thuộc-lại này cho trở về. Quan Trấn-thủ Tây-Ninh là Cao-hữu-Bằng dâng sớ về Triều báo-cáo và viết thư sang An-Giang cho Nguyễn-văn-Chương hay. Nguyễn-văn-Chương nghe tin lấy làm tức giận, xin vua khởi binh đi đánh.

Nguyên trước đây khi vua Chân-Lạp Nặc-Ông-Chân chết đi, em là Nặc-Ông-Đôn viện binh Xiêm-La nổi dậy chống

quân ta ở Trấn-tây-thành làm cho quân ta phải rút lui về An-Giang. Nhưng người Xiêm vào giúp Chân-Lạp xong thì ở lại đó có nhiều hành-vi tàn-bạo, người Chân-Lạp oán ghét lại cho người ngầm đi cầu cứu Việt-Nam. Sau khi vua Thiệu-Trị được sứ Nguyễn-văn-Chương xin đánh Trấn-tây, bèn sai Võ-văn-Giai vào Gia-Định để sang kinh-lý việc Chân-Lạp. Võ-văn-Giai đến Gia-Định liền hiệp với Nguyễn-văn-Chương, Đoàn-Uần và Tôn-thất-Nghị tiến quân đánh Chân-Lạp, lấy thành Nam-Vang, có hàng vạn người Chân-Lạp theo đầu hàng. Quân ta vẫn tiếp đánh quân Xiêm và quân Chân-Lạp, vây khốn Nặc-Ông-Đôn và tướng Chát-Tri ở Oudong. Chát-Tri phải cầu hòa và cùng Nguyễn-văn-Chương và Đoàn-Uần ký hòa-ước. Ông-Đôn cũng dâng biểu tạ tội Triều-đình Việt-Nam và dâng phẩm-vật triều cống. Vua Thiệu-Trị phong cho Nặc-Ông-Đôn làm Cao-miên Quốc-vương, mẹ Ông-Đôn cũng được thả về, rồi truyền quân ta trở về An-Giang.

Vi công-lao bình-định được Chân-lạp, Nguyễn-văn-Chương được đặc cách thăng Thự Hiệp-biện Đại-học-sĩ sung Khâm-sai quân-thứ Đại-thần, được ban một đệ-nhất quân-công, một vòng ngọc, một kim-tiền và một kim-khánh.

Tại Triều-đình, một hôm Vua Thiệu-Trị nhân xét đến việc Trấn-tây-thành dụ các quan đình-thần rằng : « Nguyễn-văn-Chương là người rất có đảm-lược, mỗi khi giáp trận, đạn bắn như mưa, các tướng xin ông cất lọng che xuống kéo giặc thấy cứ nhắm chỗ có lọng mà tập-trung bắn vào rất nguy-hiêm. Ông ta quở rằng : « Nếu sợ súng đạn thì làm tướng làm gì ? Nèn lấy che thêm cho ta hai lọng nữa đi ». Vì lòng dũng-cảm như thế, ông đã lòi cuốn quân sĩ hăng-hái xông-pha, nèn đã thắng lớn ».

An-tây Tri-dũng-tướng Năm Thiệu-Trị thứ bảy (1847) vua họp đình-thần bàn việc thưởng công các tướng sĩ đi đánh Trấn-tây. Ông được thưởng quận-công đệ nhất, lại thưởng thêm một ngọc-bội, một Kim-tiền nhất-hạng, một nhẫn ngọc nam kim-cương và một bài vàng có khắc chữ : « An-Tây Tri-dũng-tướng ».

Tháng năm năm ấy, vua cho triệu ông về Kinh và sai một quan ở Nội-các, một viên thị-vệ ra tận An-hòa nghênh-tiếp các tướng-sĩ chinh-tây khó nhọc trở về.

Lúc ông vào hệ-kiến, Vua với ông lên điện ban thưởng một áo gấm rất đẹp cùng một cái quạt có ngự-đề một bài thơ tứ-tuyệt như sau :

Giải y quốc sủng biên cương định,
 Tứ phiến hoàng phong hóa vũ huân.
 Thâm niệm tuyên lao hà dĩ đáp,
 Đơn thi vạn tải kỷ nguyên huân

Tam dịch :

*Áo lóc vẻ nước khi yên giặc,
 Quạt nức hơi vua thổi mát huân.
 Nghĩ biết lấy chi đền khó nhọc,
 Nét son ghi tạc chói muôn đời.*

Lại hôm sau, vua ngự triều tại điện Càn-Chánh, tuyên triệu ông lên Điện rồi vua tự rót rượu ngự ban cho ông và dụ rằng : « Khâm-sai đại-thần Nguyễn-văn-Chương ra gánh vác công-việc nặng-nề ở chỗ khôn ngoai, vỗ yên bờ cõi, phục được nước xa, đánh dẹp Trấn-tây, thật là có tài gánh nặng ruổi xa. Nay ban cho một cái chén ngọc, một con lạc đà bằng

vàng để thưởng công và để tỏ được cái tri đồng phục được Ba-đa vậy (Chủ-nhân của Cao-mên gọi là Ba-đa). Vua lại ban một bài thơ ngũ-ngôn tuyệt-cú.

Thơ như sau :

Uy-danh hùng hồ hám,
Tri đồng phục Ba-đa.
Xuất mã công kham lục,
Phi hùng đồng khả gia.

Tạm dịch :

*Uy danh lừng tiếng cợp,
Tri đồng phục Ba-đa.
Ngựa ruổi công còn đó,
Giấu bay sức khác xa.*

Vua phê cho cụ được thực-thụ hàm Hiệp-biện Đại-học-sĩ, lãnh Công-bộ Thượng-thơ, phong tước Tráng-liệt-tử, và ban một bài ngọc có khắc bốn chữ : « Huân kỳ thực phụ ». Vua lại cho đúc một súng thần-công ghi tên là : Bảo-đại định công đồng-pháo, và cho chép công-trạng vào bia đá ở nhà Võ-miếu.

Tháng 9 năm ấy vua Thiệu-Trị thăng hà. Đình-thần theo di-chiếu tôn cụ làm Phụ-chánh Đại-thần.

*

* *

Dưới triều TỰ-ĐỨC
Tráng-liệt-bá

Vua TỰ-ĐỨC sau khi lên ngôi gia-phong cụ lên tước Tráng-liệt-bá.

Nhưng năm ấy, cụ lại có tang ông thân nên xin về quê cư tang. Vua dụ rằng : « Nghe tin ông

thần khanh tạ thế, Trẫm thật lấy làm thương tiếc, nhưng Trẫm mới lên ngôi, khanh thì làm Phụ-chánh, khanh không nên thiếu mặt ở Triều. Thời nay, Trẫm ban cho khanh 200 quan tiền kho, gấm vóc lụa vải các hạng để lo liệu việc tang, sắc phong truy tặng ông thần lên Lễ-bộ Thượng-thơ, Trẫm sẽ sai quan về tư lễ, còn khanh thì cho đạt tình ở lại giúp. Trẫm sớm khuya đề Trẫm được yên lòng ».

Mùa thu năm ấy, trong nước đều bị đại-hạn, cụ tự cho mình là thiếu đức nên trời phạt dân phải khổ, vì vậy cụ dâng sớ xin chịu tội.

Qua năm sau là năm Tự-Đức thứ 2 (1849), ở Kinh-thành cũng như ở các Tỉnh đều bị dịch-lệ, dân chết rất nhiều. Cụ và các quan Phụ-Chánh Đại-thần khác như Trương-đăng-Quế và Phan-thanh-Giản đều dâng sớ xin vua 5 điều : như tha bớt hình ngục, hoãn việc binh-thứ và chần-cấp cho dân v.v...

Vua Tự-Đức đều y theo các lời tấu.

Đổi tên
Nguyễn-tri-Phương

Năm Tự-Đức thứ 3 (1850), Vua nghĩ tài-trí và công-lao của cụ nên chuẩn-phê cải tên cụ là *Nguyễn-tri-Phương*

lấy ý theo câu « Đông thả tri-phương » nghĩa là dũng mãnh mà còn lắm mưu chước. Trước cụ đã được phong Tri-dông-tướng, nay lại đổi tên là Tri-Phương để trọn nghĩa chữ sách xưa và đúng với tài-trí dũng-cảm của cụ. Vậy từ nay ta cũng xưng hô cụ theo tên mới.

Tổng-thống quân-vụ Nam-Kỳ,
 Khản đất khai hoang

Vua lại cho sung cụ làm Khâm-sai Tổng-thống quân-vụ-Đại-thần, kiêm lãnh Tổng-đốc các tỉnh Gia-định Biên-Hòa, Vĩnh-Long, Vĩnh-Tường, An Giang, Hà-Tiên, vua dặn cụ vào Nam-Kỳ nên nghĩ cách hưng lợi trừ hại, tẩy sạch các điều lại-tệ và yên võ nhân-dân v.v...

Vi vậy, lúc vào đến Nam-Kỳ xem xét tình-hình xong, cụ dâng sớ về xin cho khản đất lập đồn-điền để mưu lợi cho dân, tổ-chức việc canh-phòng làng xóm cho dân được yên-ôn làm ăn, lại xin tạm tha thuế chợ, thuế dò v.v... Vua đều y theo, và lại đặc cách thăng hai cấp.

Tuy ở xa, nhưng cụ và cụ Phan-thanh-Giản, ngoài nhiệm-vụ thường, vẫn luôn luôn dâng sớ, khuyến-cáo vua những điều hay lẽ phải để chấn-chỉnh việc Triều-đình.

Đông-các-điện Đại-học-sĩ

Năm Tự-Đức thứ 6 (1853), Cụ được thăng thụ Điện-hàm *Đông-các Đại-học-sĩ* (1). Nhưng cụ tự xét không có công-trạng gì lớn lao mà được biệt-dãi như thế, nên cố xin tha cho từ-khước không nhận. Nhưng vua không nghe.

Vào những năm này, thổ-dân Cao-mên thấy bên ta thái-bình và làm ăn được yên-ôn hơn nên di-dân kéo về ngụ ở đồn Thông-bình và các nơi lân-cận ở trong tỉnh Định-Tường. Quan Tuần-phủ Nguyễn-đình-Tân ngại dân Mên đến ở đông sợ có điều quan-ngại về sau, vì các vùng đất này cũng gần

(1) Nguyên Triều-đình ta xưa có 4 hàm lớn nhất gọi là Điện-hàm. Đó là Đông-các-điện Đại-học-sĩ, Văn-minh-điện Đại-học-sĩ, Võ-hiến-điện Đại-học-sĩ, Cần-chánh-điện Đại-học-sĩ. Bốn-vị đại-thần được các hàm ấy được gọi là Tứ-trụ Triều-đình.

cõi Cao-Mên. Tân xin vua quyết-định thì vua ban hỏi ý-kiến Nguyễn-tri-Phương và cụ cho là dân mình lên làm ăn cư-ngụ ở Cao-Mên được thì việc dân họ đến cư-ngụ nơi đất mình phải được phép thì mới công-hằng và rộng-lượng, và mình đã giúp đặt vua cho họ, lập quan Bảo-hộ cho họ thì dân Cao-Mên cũng như dân của mình... Vì vậy vua đã nghe theo lời cụ.

Kinh-lược đại-sứ Cùng năm ấy, vua xét cụ có công lớn
 Nam-Kỳ. Lập 100 làng và ở ngoài cũng lâu rất nhiều khó
 21 cơ đồn-điền nhọc, nên vua ban thưởng một Kim-
 khánh ngoại-hạng có khắc 4 chữ :
Liêm-bình căn-cán, và bổ cụ làm Kinh-lược Đại-sứ Nam-Kỳ.

Cụ đã có công lớn trong việc lập đồn-điền và khai-khẩn đất hoang để dân khuyến-trương nông-nghiệp, thêm gạo lúa chẳng những đủ dùng mà còn dư bán ra ngoài, chở ra các tỉnh miền Trung v.v... Nhưng việc ấy cũng đem lại khó nhọc cho quan-viên các tỉnh và các phủ huyện. Vì vậy quan lục-tỉnh dâng sớ về tâu vua là việc khai-khẩn đồn-điền có nhiều điều bất-tiện. Vua bảo cụ xét lại tình-trạng cho kỹ rồi phúc-tấu về Kinh.

Cụ dâng sớ về điều-trần rằng : « ... Đất Nam-Kỳ liền với Cao-Mên, dân ở đây nay hợp mai tau như giống du-mục, nay chỉ có việc làm đồn-điền để chiêu-mộ họ, dạy việc khai-khẩn cây cấy làm mùa, khi dân đã thành chủ-nhân những ruộng nương cỏ hoa màu đáng giá họ mới chịu ở yên làm ăn mà an-ninh cũng được bảo-đảm lâu dài. Hơn nữa, khai-khẩn đất hoang cốt là sanh lợi để nuôi dưỡng dân-cư no ấm. Hiện nay, ở Nam-Kỳ đã lập được 21 cơ đồn-điền, hơn 100

làng chia làm từng phe, từng xóm mà canh khẩn, kết-liên lại làng xã, dân-sự sẽ được an-cư lạc-nghiệp.

Lập đồn-diên « Nói tóm lại, việc lập đồn-diên khẩn
thành quốc-sách đất rất lợi cho nước cho dân, chỉ có
 bọn tổng-lý có phần khó nhọc đôi
 chút thì không bằng lòng, thường phao tin thất-thiệt, các
 quan địa-phương nghe theo mà không xét kỹ nên đã có lời
 tâu vua không đúng. Vậy, tâu xin bệ-hạ xuống dụ cho các
 quan trong Nam-Kỳ lục tỉnh, từ Tổng-đốc, Tuần-phủ, Bố-
 chánh, Án-sát, Tri-phủ, Tri-huyện phải thường thường đi
 kinh-lý xem xét tình-hình. Kẽ nào siêng-năng thì ban thưởng,
 kẽ nào lười biếng thì trừng phạt. Như vậy dân-chúng không
 dám làm ăn bê-trễ mà bỏ việc cày cấy, trộm cướp sẽ bớt đi,
 địa-lợi sẽ mở mang. Chỉ độ trong 3 năm dân-sự sẽ trở nên
 giàu mạnh v.v... »

Sớ trên này dâng lên, Vua rất lấy làm hài lòng, nhưng sai
 cụ phải định điều-lệ rõ ràng để thưởng phạt cho minh-chánh.
 Cụ dâng sớ đề-nghị : « hạn trong 3 năm phủ huyện nào đốc-
 thúc dân mộ khẩn được 30 tên đinh, khẩn được 60 mẫu đất
 thì được thăng thưởng, phủ huyện chỉ được 1 phần 5 thì
 không được thưởng gì cả, còn bất-cập không làm được gì, sẽ
 bị Triều-dinh nghiêm-trị... »

Nông-nại
long-hung-địa

Vi cụ ở ngoài đã lâu, nên năm Tự-
 Đức thứ tám (1855) Cụ dâng sớ xin
 được về Kinh chiêm cận.

Vua dụ rằng : « Dân xứ Nam Kỳ vốn sẵn lòng trung-
 nghĩa, những món lợi sản-xuất ở ruộng vườn, núi chằm chẳng

hạn đều được tiêu-thụ khắp nơi. Lúc trước đức Thế-tồ ta trung-hưng cũng nhờ lấy dân-tài dân-lực ở 6 tỉnh mà sửa sang mọi việc trong nước, kết-quả rất được mỹ-mẫu. Năm trước rủi có việc không may xảy ra, dân-tình phải điêu-dùng, nên Trẫm cho khanh vào đó kinh-lý, yên võ nhân-dân. Nay nghe trong ấy cũng đã tạm tạm an, vậy khanh nên cố gắng làm cho thành-hiệu hoàn-toàn ».

Vua lại khuyến miến cụ bằng một bài thơ như sau :

Nông-nại long hưng địa,
 Tùng lai đức trạch thâm.
 Mạo nghe gia ngã tử,
 Bảo chứng lại khanh tâm.
 Huyền cấp cầm nan lý,
 Căn bản điệp tự sam.
 Cam đường ưng tế phế,
 Trường sử hậu nhân ngâm.

Và dưới đây là bản dịch của *Thượng-tân-thị* :

*Hồng-Nai là đất long hưng
 Xưa nay đức trạch đơm nuần sâu xa.
 Già trẻ đều con của ta,
 Giữ gìn êm thắm nhờ mà lòng người.
 Rán tay đờn gảy, khó tươi,
 Gốc sâu lá mới tốt tươi um tùm.
 Cam đường phơi phơi bóng râm,
 Khiến người sau có tiếng ngâm lâu dài.*

Điều lệ đồn-diên Nhưng công-việc lập đồn-diên vẫn chưa được yên, Năm Tự-Đức số 9 (1856), quan Án-sát Định-Tường là Vương-sĩ-Kiệt lại dâng sớ tâu Vua : « Việc khẩn hoang lập đồn-diên quả thật là không tiện chút nào, bởi có một số tù-phạm đem vào việc canh-tác, chúng nó thường quen thói cũ, tập hợp nhau đi cướp trộm của dân, lại hay trốn tránh công-việc ».

Vua giao sớ này cho Bộ Hộ xét. Bộ tâu rằng : « Việc lập đồn-diên nay đã thành-tựu, nhiều làng xóm đã được thành-lập, nhiều đất đai đã được khai-khẩn, dân-sự đã được an-cư lạc-nghiệp. Nay Án-sát Vương-sĩ-Kiệt chỉ-trích vài việc nhỏ mọn mà đòi bỏ việc lớn, đây chỉ là muốn mua lấy tiếng ngay thẳng với vua, chớ việc nói trong sớ, Bộ chúng tôi nghĩ không cần phải xét ».

Tuy-nhiên cũng vì việc hặc tấu trên, nên cụ xin vua đề về chiêm-cận và trình bày những việc khẩn-yếu. Vua dụ rằng : « Nam-Kỳ hiện nay tuy việc quân việc dân đều có bề yên ổn cơ sắc vui vẻ, nhưng về việc đồn-diên chưa có kết-quả hoàn-toàn, vả lại dân-chúng ở ngoài xa, cần phải vỗ an cho vững bờ cõi, những việc đó chưa làm xong, lý ưng khánh chưa nên lia chức. Duy khanh ở ngoài đã lâu mong về chiêm-cận, mà Trẫm cũng muốn thấy mặt khanh đề hỏi han tình-hình biên-cảnh. Vậy Trẫm chuẩn cho lui Kinh vài tháng, sau phải về Tỉnh-ly đề liệu-ly mà làm cho rồi việc ».

Tháng 5 năm ấy (1857), cụ về đến Kinh. Khi vào châu, vua lại hỏi tình-trạng đồn-diên. Cụ tâu : « Thần tiết thứ hết sức trù-liệu mới khuyến dỗ những dân lười biếng không nghề-nghiệp đờn-ra làm ruộng đất. Hiện nay 6 Tỉnh đều được mùa gạo ăn đầy đủ. Nếu được mùa luôn như thế thì việc đồn-

điền sẽ được thành-tựu ». Vua phán : « Trong lục tỉnh địa-thể rộng lắm, làm sao nhất nhất khanh đi khám tường được hết ? » Cụ tâu rằng : « Thần thường thường đi khám xét được nhiều nơi, lại phái các Phủ Huyện xét bầm tình-hình tường-tận, vì vậy thần mới biết hiện nay số đình đã tăng, số điền cũng được mở-mang thêm nhiều, dân tình no ấm hơn các năm trước ». Cụ lại trình một bản dự-án điều-lệ về việc đồn-điền để vua ngự lãm. Dự-án ấy như sau :

1. Ruộng mới khẩn chia làm 3 hạng, tùy hoa-lợi tốt xấu, công làm nặng nhẹ, lượng xét mà chia hạng.

2. Các viên quan-suất đồn-điền lượng xét bổ thọ tùy dân-số hiện mộ đủ hay thiếu công-việc khẩn ruộng nhiều hay ít.

3. Dân mới mộ, nếu có đừa thuộc hạng du-dăng lười biếng mà viên quản-suất kiểm-thúc không nổi thì chiếu luật trị tội.

4. Đến mùa gặt hái, mỗi mẫu phải thu một học lúa để lưu-trữ trong kho phòng những lúc mất mùa đói kém.

5. Việc khẩn ruộng hạn-chế : mỗi người chỉ khẩn được 4 mẫu thôi.

6. Xia chở lúa gạo ở Nam-Kỳ phân trữ ở mỗi tỉnh một ít để có lúc dùng cho việc quân, khỏi lấy thặng của kho nhà nước.

Vua Tự-Đức xem xong các dự-án đều hết sức ban khen và cho phép tùy-nghi thi-hành.

*
* *

Chú-thích về quan-chế dưới triều Nguyễn

Theo Quan-chế do Vua Thánh-tò Minh-Mạng đặt ra với 9 phẩm cấp từ Chánh Nhất phẩm đến Tông Cửu phẩm :

I/ a) Chánh-Nhất-phẩm :

Văn : Cần-chánh-điện Đại-học-sĩ, Văn-minh-điện Đại-học-sĩ, Võ-hiền-điện Đại-học-sĩ, Đông-các-điện Đại-học-sĩ. Tức ta thường gọi là Tứ-trụ Triều-đình.

Võ : Ngũ-quân Đô-thống-phủ, Đô-thống Chương-phủ-sự.

b) Tông Nhất-phẩm :

Văn : Hiệp-biên Đại-học-sĩ.

Võ : Ngũ-quân Đô-thống-phủ, Đô-thống.

II/ a) Chánh Nhị-phẩm :

Văn : Thượng-thơ, Tông-đốc, Tả-hữu Đô Ngự-sứ.

Võ : Thống-chế, Đề-đốc.

b) Tông Nhị-phẩm :

Văn : Tham-tri, Tuần-phủ (hay Tuần-vũ), Tả-hữu Phó Đô Ngự-sứ.

Võ : Chương-vệ, Kinh-xa Đô-úy, Đô Chi-huy-sứ, Phó Đề-Đốc.

III/a) Chánh Tam-phẩm :

Văn : Chương-viện Học-sĩ, Thị-lang, Đại-lý Tự-khanh, Thái-thường Tự-khanh, Bô-Chánh-sứ, Trực-học-sĩ, Thông-chánh-sứ, Thiêm-sự, Phủ-doãn.

Võ : Nhất-đàng Thị-vệ, Chi-huy-sứ, Thân-cấm-binh Vệ-úy, Lãnh-binh.

b) Tông Tam-phẩm :

Văn : Quang-lộc Tự-khanh, Thái-bộc Tự-khanh, Thông-chính Phó-sứ.

Võ : Binh-mã-sứ, Tinh-binh Vệ-úy, Thân cấm-binh Phó Vệ-úy, Phó Lãnh-binh, Kiêu-ky Đô-úy, Phò-mã Đô-úy.

IV. a) Chánh Tứ-phẩm :

Văn : Hồng-lô tự-Khanh, Đại-lý tự-thiếu-khanh, Thái-thường tự Thiếu-Khanh, Tế-tửu, Lang-trung, Thi-độc học-sĩ, Thiếu thiêm-sự, Thái-y Viện-sứ, Tào-chánh-sứ, Phủ-thừa, Án-sát-sứ.

Võ : Quản-cơ, Nhị-đàng Thị-vệ, Binh-mã Phó-sứ, Tinh-binh Phó Vệ-úy, Thành-thủ-úy.

b) *Tông Tứ-phàm* :

Văn : Quang-lộc tự Thiếu-Khanh, Thái-bộc tự Thiếu-Khanh, Chương-án, Cấp-sự-trung, Thị-giảng học-sĩ, Kinh-kỳ-đạo ngự-sứ, - Tư-nghiệp, Từ-tế-sứ, Quân-đạo.

Võ : Phó Quân-cơ, Tuyên-úy-sứ, Kị-Đô-úy.

V. a) *Chánh Ngũ-phàm* .

Văn : Hồng-lô-tự thiếu-khanh, Giám-sát Ngự-sứ, Thị-độc, Viên-ngoại-lang, Trường-sứ, Từ-tế Phó-sứ, Ngự-y, Giám-chánh, Tào-chánh Phó-sứ, Đốc-học, Phó Quân-đạo.

Võ : Tam-đăng Thị-vệ, Thân-cấm-binh Chánh-đội-trưởng, Phòng-thủ-úy.

b) *Tông Ngũ-phàm* :

Văn : Hàn-lâm-viện Thị-giảng, Thừa-chỉ, Miếu-lang, Giám-phó, Phó Trường-sứ, Phó ngự-y, Tri-phủ.

Võ : Tinh-binh Chánh-đội, Tứ-đăng Thị-vệ, Thân-cấm-binh, Chánh-đội-trưởng suất-đội, Tuyên-phó-sứ, Phi-kỵ-úy.

VI. a) *Chánh Lục-phàm* :

Văn : Hàn-lâm-viện Trước-tác, Chủ-sự, Đồng Tri-phủ, Kinh-huyện, Tri-huyện, Y-tả Viện-phán, Ngũ-quan-chánh.

Võ : Ngũ-đăng thị-vệ, Cầm-y hiệu-úy, Tinh-binh chánh đội-trưởng suất-đội, Thò-binh chánh-đội, Trợ-quốc-lang.

b) *Tông Lục-phàm* :

Văn : Hàn-lâm-viện Tu-soạn, Tri-huyện, Tri-châu, Miếu-thừa, Học-chánh, Thông-phán, Thò Tri-phủ, Y-hữu Viện-phán.

Võ : Thân cấm-binh Chánh đội-trưởng, Ân-kỵ-úy, Thò-binh Chánh-đội-trưởng suất-đội.

VII. a) *Chánh Thất-phàm* :

Văn : Hàn-lâm-viện Biên-tu, Tư-vụ, Lục-sự, Giám-thừa, Giám-linh Đài-lang, Giáo-thọ, Kinh-lịch.

Võ : Thân-cấm-binh Chánh đội-trưởng, Nội-tạo tư-chánh-tượng, Tinh-binh Chánh-đội-trưởng.

b) *Tông Thất-phàm* :

Văn : Hàn-lâm-viện Kiểm-thảo, Y-chánh, Tinh-linh đài-tang, Thò Tri-huyện, Tri-châu.

Võ : Tinh-binh Đội-trưởng, Phụng-ân-úy. Dịch-thừa, Tông thất-phàm thiên-hộ, Nội-tạo Phó tư-tượng.

VIII. a) *Chánh Bát-phàm* :

Văn : Hàn-lâm-viện Điền-tịch, Huấn-đạo, Chánh bát-phàm thơ-lại.

Võ . Chánh-bát-phàm đội-trưởng, Chánh bát-phàm Bá-hộ, Dịch-mục,
Chánh bát-phàm chánh tư-tượng.

b) *Tòng Bát-phàm* :

Văn : Hàn-lâm-viện Điền-bộ, Y phó Tòng Bát-phàm Thơ-lại

Võ : Tòng Bát-phàm đội-trưởng, tòng bát-phàm Bá-hộ,
Thừa-ân-úy, Tòng bát-phàm phó tư-tượng.

IX. a) *Chánh Cửu-phàm* :

Văn : Hàn-lâm-viện Cung-phụng, Chánh cửu-phàm Thơ-lại, Thái-y Y-
Chánh, Tự-thừa, Phú Lại-mục.

Võ : Chánh-cửu-phàm đội-trưởng, Phú Lệ-mục Chánh-cửu-phàm Bá-hộ,
Chánh-cửu-phàm tượng-mục.

b) *Tòng Cửu-phàm* :

Văn : Hàn-lâm-viện Đãi-chiếu, Tòng Cửu-phàm Thơ lại, Tĩnh Y-sinh,
Huyện Lại-mục, Chánh-tòng.

Võ . Tòng Cửu-phàm đội-trưởng, Tòng cửu-phàm Bá-hộ, Huyện Lệ-mục,
Tòng cửu-phàm tượng-mục.

*
* * *

CHƯƠNG III

VIỆT-NAM BẮT ĐẦU DỰNG ĐỘ
VỚI TÂY-PHƯƠNG.
NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG
Ở ĐÀ-NẰNG VÀ SÀI-GÒN

NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG Ở ĐÀ-NẴNG VÀ SAIGON

Từ việc giao-thiệp
với Âu-Tây...

Việc giao-thiệp của Việt-Nam với
các nước ngoại-dương kể cũng đã
lâu đời. Tiếc vì ta ít người ra khỏi

biên-giới nước nhà, nên ít hiểu tình-hình tiến-bộ của nước
ngoài. Đối với ta chỉ có Trung-Hoa là văn-minh và lớn mạnh,
mà có lúc ta cũng còn tự cao đối với cả ông láng giềng vĩ-đại,
nhất là sau những chiến thắng oanh liệt của Trần-hưng-Đạo,
Lê-Lợi, Nguyễn-Huệ v.v... Tuy ngoài mặt vẫn đối-đãi với
Trung-Hoa như một thượng-quốc nhưng trong bụng vẫn khinh
thường, vì thấy người Tàu đất rộng người đông hơn ta đến
mấy chục lần mà trong bao nhiêu thế-kỷ tranh-đấu, lúc nào
cuối cùng ta cũng vẫn giữ được độc-lập tự-do riêng một cõi.
Thậm chí có lúc còn muốn Bắc-tiến chinh-phục cả Trung-Hoa,
như đời Lý-thường-Kiệt và đời Nguyễn-Huệ. Nếu vị anh-hùng
Nguyễn-Huệ không chết sớm (hơn 40 tuổi) thì chưa chắc Trung-
Hoa vĩ-đại đã được yên với Việt-Nam, và đất Lương Quảng
không chừng đã bị sáp-nhập lãnh-thổ Việt-Nam l...

Ngoài Trung-Hoa, người nước ta, nhất là các bậc tri-thức
nho-sĩ vẫn cho các dân-tộc khác là mọi rợ man-di. Thói tục

này cũng không khác gì thái-độ người Tàu đối với ngoại-bang.

Riêng đời Triều Nguyễn, vua Gia-Long vẫn có biệt-nhãn đối với người Pháp và cũng đối-đãi khoan-hòa với Gia-tô-giáo, vì vua Thế-tổ đã được Giám-mục Bá-đa-Lộc giúp sức phục-quốc. Một số người Pháp như Chaigneau, Vannier, Despiou được làm quan lớn tại Triều và rất được trọng-đãi (mỗi người được 50 linh hầu và được miễn lay lúc thiết-triều) (1). Despiou làm Tổng Y-sĩ cho quân-đội, Chaigneau và Vannier làm đến Nhị-phẩm Triều-đình.

Nhưng đến đời Minh-Mạng thì mọi việc lần lần đổi khác. Nhà vua chỉ tôn-sùng nho-giáo và cho các đạo-giáo khác, nhất là các tôn-giáo Tây-phương đều là tà-đạo. Người Tây-phương lại quá hăng say và liêu lĩnh hy-sinh về việc truyền-giáo nên càng làm cho vua quan và các nho-sĩ ta sinh nghi-ngờ, cho nên việc cấm đạo đã chóng xảy ra, ảnh-hưởng đến việc giao-thiệp về thương-mãi cũng sanh ra khó khăn. Về sau Vua không chịu tiếp người ngoại-quốc, cả Pháp lẫn Anh. Và sự cấm đạo càng ngày càng ngặt thêm. Các giáo-sĩ buộc phải tập-trung cả ở Kinh-thành để dịch sách Tây-Phương ra tiếng Việt. Nhưng tiếc thay, đây chỉ là phương-thức để các giáo-sĩ không thể đi truyền-giáo được, chứ những sách dịch không ai chú-ý đến. Ta đã bỏ qua một cơ-hội bằng vàng để học hỏi thêm khoa-học và kỹ-thuật Âu-Tây để tiến-triển kịp người. Khi nhiều cuộc phiến-loạn trong nước nổi lên, Triều-đình lại nghi cho các người công-giáo có nhúng tay vào, nên việc cấm

(1) Vua Gia-Long trị vì tại Việt-Nam đồng-thời với Napoléon Đệ Nhất làm vua ở Pháp và đang đánh nhau với các nước đồng-minh Âu-Châu (Anh, Đức, Áo, Nga).

đạo trở thành việc giết đạo. Mầm mống thù-oán giữa ta và các nước Tây-Phương đã gây ra từ đó.

Trong khi ấy các cường-quốc Tây-phương chỉ chờ có cơ để nhúng tay vào nội-tình các xứ Á-Đông hòng chiếm thị-trường, đặt cơ-sở buôn bán, bành-trướng thế-lực kinh-tế và chánh-trị ở Đông-phương.

Qua đến triều Thiệu-Trị thì lúc đầu việc cấm đạo giết đạo đã nguội ngoai, nhưng năm 1843 tàu Héroïne làm áp-lực cứu được 5 giáo-sĩ Pháp sắp bị hành-hình ở Huế, rồi năm 1845 Thiệu-Trương Pháp là Cécile đem tàu chiến vào Đà-Nẵng làm áp-lực đề xin lãnh ra các giáo-sĩ Pháp còn bị giam cầm ở Huế. Đến năm 1847, các tàu Pháp lại đến Đà-Nẵng bắn phá vào tàu ta, lúc thấy tàu ta chuẩn-bị giao-chiến. Do đó việc cấm đạo càng gay gắt thêm.

Đời vua Tự-Đức, việc cấm đạo càng khắt-khe hơn nữa. Việc buôn bán với người ngoại-quốc bị cấm hẳn, người Pháp và Y-pha-Nho (Tây-ban-Nha) liên-minh kiếm cơ đánh nước ta.

... Đến việc Đà-Nẵng bị Pháp đánh phá Năm 1851 (Tự Đức thứ 4) có mấy giáo-sĩ người Pháp và một giám-mục Y-pha-Nho (Diaz) bị giết, nước Pháp cho người qua điều-đình không được bèn bắn phá đồn lũy Đà-Nẵng (1856). Sau khi tàu Pháp rút đi, sứ-thần Pháp ở Xiêm-la là Montigny sang điều-đình xin cho người Pháp được tự-do buôn bán, tự-do truyền-giáo, đặt lãnh-sự ở Huế v.v..., nhưng cuộc điều-đình không có kết-quả nào. Trong khi ấy ở Pháp Triều-đình Napoléon III lại che chở cho việc truyền-

giáo sang Á-đông, nên năm 1858, Pháp-hoàng phái Trung-tướng Rigault de Genouilly dẫn một đoàn tàu vừa Pháp vừa Y-pha-Nho 14 chiếc (1) đến đánh Đà-Nẵng lần nữa và hạ luôn hai đồn An-Hải và Tôn-Hải. Vua sai Đào-Trí và Lê-đình-Lý vào chống giữ, Lê-đình-Lý (có sách chép là Dương-đình-Lý) bị đạn chết. Vua sai Nguyễn-tri-Phương sung quân-thứ Tổng-Thống Đại-thần thay Lê-đình-Lý, Thống-chế Tống-phúc-Trinh làm Đề-đốc trực-tiếp chỉ-huy quân-đội, Tổng-đốc Phạm-thế-Hiền làm Tham-tán quân-vụ.

**Nguyễn-tri-Phương
thắng Pháp**

Quân Pháp, sau khi thắng Đào-Trí và Lê-đình-Lý, mạnh dạn tiến vào sông Nại-Hiên. Đào-Trí và Nguyễn-Duy (em Nguyễn-tri-Phương) theo lệnh của Tổng-Thống Đại-thần Nguyễn-tri-Phương đã bố-trí sẵn hai bên bờ sông bên bản dữ dội vào quân Pháp. Trong tám tàu chiến của Pháp, một chiếc bị trúng đạn chìm, bảy chiếc kia vội rút lui. Vua ban khen, thưởng quan Tổng-Thống Đại-thần một thanh Thượng-phương-kiếm có quyền tiền trăm hậu tấu, ban thưởng các tướng sĩ và ra lệnh bảo phải tiếp-tục trừ-hoạch cơ-muru để phòng người Pháp trở lại. Nguyễn-tri-Phương tâu rằng : « Quân Pháp có súng và tàu tốt, rất giỏi về đánh phá tấn-công. Quân ta kém về vũ-khí chỉ giỏi về ngăn ngừa chống giữ, vậy xin cho đắp thêm nhiều đồn lũy để phòng-thủ. Vua Tự-Đức cho phép tùy-nghi liệu-biện. Ông lập-tức huy-động quân-đội xây-dựng đồn Liên-tri rất kiên-cố và đắp một

(1) Đến đánh Đà-nẵng là các tàu Némésis có 50 đại bác, Primauguet và Phlégeton trị mỗi chiếc 12 đại-bác, các pháo-thuyền Alarme, Avalanche, Dragonne, Fusée v.v... và tàu Y-pha-nho El Cano (theo Thomazi : La Conquête de l'Indochine).

trường-lũy từ Hải-Châu đến Phúc-Ninh và Thạc-giản. Ngoài lũy đào hầm theo kiểu chữ Phầm (罟) dưới gài chông gai, trên mặt đặt mảnh mảnh có phủ cỏ rác. Xong, quân được chia ngăn giữ tại đồn Địa-hải. Quân Pháp lại chia quân thành ba cánh hợp công nhưng bị nhử sa xuống hầm chết rất nhiều, phải rút lui (1).

Nhưng Rigault de Genouilly là một tướng tài và dũng-cảm đã từng chiến-thắng ở Sébastopol (Nga) và Trục-Lệ (Trung-Hoa). Các giáo-sĩ người ngoại-quốc lại cho ông ta hay là nếu ông đánh Huế, các giáo dân sẽ nổi dậy làm nội-ứng tiếp tay với ông. Nhưng số quân của ông không cho ông ta quả tin-tưởng, cũng như ông ta không dám tin hẳn vào lời các giáo-sĩ. Vì vậy, ông chỉ đến đánh Đà-Nẵng, chớ chưa dám đánh Huế. Sau mấy trận tấn-công đầu bị bại, ông ta quyết báo-thù trong một trận quyết-liệt. Ông vẫn biết vùng Đà-Nẵng có nhiều đồn-lũy phòng-ngự, một số đồn đã xây-dựng từ lúc còn Giám-mục Bà-đa-Lộc và sĩ-quan Olivier De Puymanel nhưng vẫn còn tốt. Trung-tướng R. de Genouilly sau này đã khen rằng : « Những đồn lũy này tốt hơn tất cả các đồn lũy ta đã thấy ở Trung-quốc rất nhiều » (2). Các đại-bác cỡ lớn và cỡ

(1) Trong các tài-liệu Pháp không kể lại các trận Pháp bị thua này.

(2) Sau trận đánh Đà-Nẵng rồi rút lui, R. De Genouilly đã viết như sau : « Chánh phủ đã lầm lẫn về tính-cách cuộc can-thiệp ở Việt-Nam. Người ta đã trình bày việc này như một việc tầm-thường, nhưng không đúng như thế. Người ta đã cho chánh-phủ hay là xứ này có nhiều tài-nguyên mà sự thật là không có gì, dân-chúng có những xu-hướng trái ngược với những gì người ta đã tiên đoán ; quyền-lực các quan chức yếu kém ; quyền-bính ấy vững mạnh, người ta nói rằng xứ này không có binh-lính và quân đội : thì sự thật quân-đội ở đây, rất đông cảm và dân quân gồm tất cả những người lành mạnh trong dân-chúng. Người ta khoe khí-hậu tốt lành ở đây ; khí-hậu lại xấu.

« Không một trận viễn-chinh nào có thể thực-hiện bằng đường-bộ đầu đối với những đường đi bộ rất ngắn ; quân sĩ không thể chịu đựng nổi., Xứ này không có đường bộ, mà có nhiều ruộng lúa cắt ngang dọc. Trước thành phố Huế cũng như các thị-trấn khác, chỉ có cách đi bằng đường thủy, trừ Sài-gòn... Sau đó người ta đến trước một thành lũy kiểu Âu Châu được trang bị nhiều đại-bác và do một đạo quân bao bọc »... (Thomazi : La conquête de l'Indochine).

trung đều trang-bị những bộ-phận điều-chỉnh tối tân, thuốc súng được mua ở Anh-quốc. Bộ-binh có nhiều súng trường tốt mua ở Bỉ hay Pháp. Nếu được vào tay những lính có huấn-luyện đúng mức, các súng thần-công có thể đánh đắm cả một hạm-đội của Pháp ! Vì vậy quân Pháp đã bị hại mấy trận vì mưu-lược và cách bố-trí phòng-thủ của Nguyễn-tri-Phương.

Thua Pháp lần thứ nhất Sau khi bố-tri lại quân-đội, phối-tri chặt chẽ hỏa-lực các chiến-thuyền, R. De Genouilly pháo-kích dữ-đội vào các đồn lũy rất chính-xác, làm các vị-trí đặt súng của ta đều bị phá hủy. Quân Pháp và Y-pha-Nho đổ bộ ồ-ạt, xung-kích mãnh-liệt, quân ta bị pháo nặng nề đành phải rút lui. Đồn Liên-tri bị mất.

Tuy vậy quân Pháp sau ít lâu cũng phải rút đi, vì tiến đánh Huế thì không đủ sức, mà giữ Đà-Nẵng lâu dài cũng gặp nhiều khó khăn : thiếu tiếp-tế, quân du-kích đánh liên-miên những trận nhỏ nhưng cũng nguy-hiểm, bệnh hoạn do khí-hậu gây nên...

Quan Thống-đốc quân-vụ dâng sớ thỉnh tội lên Vua. Vua Tự-Đức giáng ông xuống hai cấp lưu tại chỗ... Cuối năm ấy nhân về mùa đông, mưa lạnh, Vua nhớ đến viên đại-tướng già đang phơi mình giữa mưa gió bèn cởi tấm áo nhung thêu đang mặc sai thị vệ đem vào Đà-Nẵng ban cho cụ với một bài thơ.

Thơ như sau :

Vân tự liên đồn vũ tự đồ,
 Vũ trung nam vọng lữ thần tồ.
 Kính kỳ hạn hậu hàn do bạc,

Hải-ngan đông sơ khi tiệp thù.
 Mỗi thức đơn hy trương phủ tạng,
 Kham liên bạch tuyết nhiệm ti tu,
 Giải cầu nhân di công thần tích,
 Chế khồn hà nhân lạc tráng du.

Tam dịch :

*Mây úm mưa dầm cuối tiết thu,
 Xa trông chợt nhớ đến Nam-châu.
 Thần kinh hết nắng trời chưa lạnh,
 Bờ biển mùa đông rét bắt đầu,
 Đổ dọi vừng dương phơi bụng dạ,
 Trắng phều màu tuyết nhiệm mày râu.
 Nào ai chế khồn nên trừ tính,
 Thỏa chút lòng ta cõi ảo cầu.*

(Theo Tư lạc Tử)

Như vậy ta thấy luật triều-đình xưa rất nghiêm, hề thua trận là bị phạt dầu trước đó có công bao nhiêu cũng không kể. Tuy-nhiên Vua vẫn giữ lòng ưu-ái với các công-thần.

Sài-gòn thất thủ (1859) Chưa lấy hẳn được Đà-Nẵng, Trung-tướng De Genouilly muốn đánh một địa-điểm quan-trọng khác. Giám-mục Pellerin khuyên ông hành-động ở Bắc-Kỳ vì ở đây có đến 400.000 giáo-dân sẽ giúp ông. Nhưng kinh-nghiệm ở Đà-Nẵng và Huế cho ông hay là ý-kiến ấy không đáng tin. Người ta cũng cho ông hay là ở Bắc-Kỳ còn có nhiều dự-đảng nhà Lê sẽ đồng minh với Pháp để lật đổ Triều Nguyễn. Nhưng ông cũng thấy tin-tức này không có gì chính-xác. Trung-tướng De Genouilly bèn quyết

định đánh Sài-gòn. Ông ta viết cho Bộ Thủy-Quân : « Sài-gòn ở trên một con sông mà binh thuyền và tàu chuyên chở của ta có thể vào được. Quân lính đổ bộ ngay ở điểm tấn-công, họ khỏi đi bộ, khỏi mang xách đồ-đạc, thực-phẩm. Chiến-trận ở trong giới-hạn của lực-lượng ta. Tôi không biết Sài-gòn được phòng-ngự ra sao vì những báo-cáo của các giáo-sĩ rất mù mờ và mâu-thuẫn với nhau, nhưng dù sao, Sài-gòn cũng là kho dự-trữ lúa gạo nuôi sống một phần xứ Huế và quân-đội nước Nam... Chúng ta sẽ chặn đứng lúa gạo lại.

« Trận đánh Sài-gòn chứng tỏ cho chánh-phủ Việt là vừa giữ Đà-Nẵng ta vẫn có thể hành-động chỗ khác, và cũng sẽ làm cho họ mất mặt đối với các quốc-vương Xiêm-La và Cao-Mên, hai láng giềng vẫn ghét họ và sẽ vui lòng phục hồi được những gì họ đã mất vào Triều-đình Việt. »

Trung-trưởng cũng biết là các thương-gia ở Hương-Cảng và Tân-gia-Ba vẫn yêu-cầu chánh-phủ Anh-quốc chiếm lấy Sài-gòn. Vì vậy, ông ta càng muốn đặt chân lên thành phố này.

Ông chỉ để lại Đà-Nẵng hai pháo-thuyền và một số thủy-binh và bộ-binh giữ các đồn ải, rồi ngày 2-2-1859 De Genouilly kéo hết hạm-đội xuôi Nam, ghé nghỉ ở Cam-Ranh năm ngày. Ngày 9, ông đến cửa sông Đồng-Nai. Ngày 10-2 hai đồn chống giữ cửa Vũng-Tàu bị bắn phá, đồn Cần-Giờ cũng bị pháo-kích và phá-hủy. Từ 11 đến 15-2, hạm-đội Pháp và Y-pha-Nho vượt sông Sài-gòn, đánh phá tất cả các đồn-lũy phòng-ngự hai bên sông. Quân ta chống giữ mãnh-liệt, bắn trúng tàu La Dragonne 3 đạn đại-bác, tàu Avalanche cũng bị trúng 7, 8 đạn đại-bác, nhưng sau ta vẫn bị thua dưới làn đạn sung-mãn và chính-xác của các tàu Pháp. Mỗi đồn bị quân Pháp lấy là bị tàn phá ngay,

các đại-bác bị hủy-diệt, các súng đồng được chở lên tàu, các rào và chướng-ngại vật bị đốt phá.

Tối ngày 15-2, hạm-đội Pháp đến trước hai đồn do các kỹ-sư Pháp xây dựng dưới thời Gia-Long : hai đồn này phòng-ngự Sài-gòn về phía Nam (1), cũng như có một thành-trị phòng-ngự phía Bắc. Các chiến-thuyền bắn phá ngay một đồn, đồn thứ hai ngày sau mới bị đánh... Xong, tàu Avalanche phải vào rạch Thị-Nghè do-thám thành Sài-gòn. Thành này xây-dựng từ năm 1837, mỗi mặt dài đến 475 thước và có các đồn-lũy che-chở, và chung quanh có nhiều cây cối và rừng cùng vườn nhà của dân bao bọc. Sáng ngày 17-2, 11 pháo-thuyền Pháp dàn ngang trước mặt và quanh thành, cách thành chừng 800 thước. Tất cả súng lớn nhỏ bắt đầu tưới đạn vào thành như mưa. Quân ta bắn lại, nhưng các làn đạn yếu ớt lần vì súng địch chính-xác và tốt, mạnh, bắn nhanh hơn. Quân Pháp bỏ thuyền lên bộ nương vào cây cối, rừng rậm, nhà vườn để tiến quân lại gần thành, và nội ngày ấy thành Sài-gòn đã mất vào tay Pháp : quân-đội Nam bị hy-sinh rất nhiều. Quan Hộ Đốc là Vũ-duy-Ninh tự-vẫn.

Lấy được các đồn lũy và thành Sài-gòn, quân Pháp chiếm được một số chiến-lợi-phần khá lớn : lối 200 đại-bác bằng sắt và bằng đồng, 1 hải-phòng-hạm và 7 chiến-thuyền, 20.000 vũ-khi nhẹ đủ loại, 25.000 ký thuốc súng, rất nhiều diêm-sinh, lưu-hoàng và một số tiền và bạc mặt bằng 130.000 (2) quan Pháp, thực-phần đủ nuôi 8.000 quân trong một năm... (3).

(1) Thomazi : *La Conquête de l'Indochine* (1934)

(2) Theo Thomazi (sách kể trên) và Bouchet (*Documents pour servir à l' Histoire de Saigon* : 1927) Pháp gọi Gia-định cũng như Sài-gòn.

(3) Có sách nói là 180.000, có sách nói đến cả triệu.

Đây là một chiến-công lớn của quân Pháp, và sẽ gây bối-rối nhiều cho Triều-đình ta, làm cho quân-đội Việt-Nam mất tinh-thần rất nhiều vì thấy sức mạnh của súng ống Tây-Phương quá tiến-bộ hơn ta, quân-đội họ cũng được huấn-luyện thành-thục và kỹ-thuật hơn quân ta nhiều.

Dẫu sao, De Genouilly vẫn thấy quân mình quá ít (lỗi 2.000 lính), đánh chiếm thời được, nhưng chiếm giữ sẽ rất khó khăn. Vì vậy ông ta cho đốt cả thóc gạo, đặt mìn san phẳng thành-trị, đồn lũy, chỉ để lại một đồn phía Nam, giao cho một Trung-tá hải-quân là Jauréguiberry gìn giữ chống lại quân của ông Tôn-thất-Hợp đang đóng ở Biên-Hòa. Bốn tàu chiến ở lại yểm-trợ cho quân đồn-trú.

**Pháp lại đánh
Đà-Nẵng**

De Genouilly trở về Đà-Nẵng. Quân Pháp liền tiến đánh đồn Phúc-Ninh.

Nguyễn-tri-Phương thua, lui về giữ đồn Nai-hiền và đồn Liên-trị, quân ta bị chết nhiều, nhưng quân Pháp cũng nao núng vì bị chết một lần 78 người và một lần 50 người. Quân ta đã tỏ cho người Pháp biết là với tre và đất ta cũng làm được những đồn-lũy chống giữ hữu-hiệu đối với quân địch. De Genouilly xin Pháp triều hoặc cho thêm quân-viện hoặc cho bỏ bớt các đồn ở Đà-Nẵng mà chỉ giữ Sài-gòn Gia-Định. Trước sự do-dự của Chính-phủ Pháp, De Genouilly từ-chức và Phó Đề-Đốc Page được cử qua thay thế. Page được lệnh điều-định với Nam-triều, chỉ yêu-cầu tự-do truyền-giáo, đặt lãnh-sự và giao-thương giữa Pháp và Việt-Nam, ma không đòi hỏi một sự nhượng đất nào. Nhưng cuộc điều-đình cứ kéo dài lằng-nhằng không đi đến đâu, vì vua quan ta vẫn không hiểu tình-thế quốc-tế, vẫn trông quân Pháp sẽ mỏi mệt và chán nản mà kéo về,

chờ ta không muốn ký kết gì hết. Phó Đề-Đốc Page chấm dứt cuộc điều đình, và ngày 18-11-1873, cho tiến quân đánh đồn Kiên-Chân về phía Tây Bắc Đà-Nẵng, trên đường đi Huế. Các chiến thuyền dàn ra trước các đồn lũy và bắn xối xả vào. Súng trong đồn bắn ra, một viên đạn lớn đã trúng tàu Némésis cắt đứt hai thân-hình Thiếu-tá Dupré Deroulède, giết chết một thủy-thủ và gây thương-tích cho nhiều thủy-thủ khác. Phó Đề-Đốc Page mình đâm máu. Nhưng quân Pháp vẫn đồ bộ và chiếm được các đồn, sau khi quân ta bị bắn rất quá âm-thầm rút lui về giữ Nại-hiền và Liên-trì, binh lính thương vong khá nhiều. Nguyễn-trì-Phương và Phạm-thế-Hiền đều bị cách lưu.

Nhân lúc quân Pháp cố đánh con đường bộ tiến ra Huế, Nguyễn-trì-Phương dăng sớ tâu rằng : « Quân Pháp hiện nay vũ-khí tinh-xảo lại khi giáp trận thì liều chết, tiến thoát trật-tự, chiến-thuật rất tinh-vi, còn quân ta không phải là quân đối-thủ của nó, giữ cũng chưa xong, đánh làm sao nổi. Vậy xin đem quân lập lại các đồn mà canh-phòng cố thủ làm kế lâu dài. Lại xin cho chở lúa gạo, binh-lương, súng ống đến các đồn ấy để làm quân-nhu, khi nào xảy việc đã sẵn-sàng cả.. ngoài quân lính đồn thủ, còn dư bao nhiêu, dùng lối mai phục đánh úp quân Pháp. Việc phòng-thủ phải tổ-chức ngay từ giờ mới đủ thì giờ. »

Vua Tự-Đức dăng tức bực vì các trận thua vừa rồi, nên phán quở rằng : « Đã làm tướng đánh giặc mà lại sợ giặc, để cái lo cho Vua, rồi lại không làm gì hết thì có đâu mà thành công được ? (1) *Chiến, hòa, thủ*, ba việc ấy nên dùng việc nào ? cho cứ thế mà làm chớ đừng nói rằng triều-đình không có người,

(1) Các đoạn này trong tài-liệu Pháp không có, các tài-liệu của ta cũng ít nói đến. Chỉ có cuốn « Nguyễn-trì-Phương » của Phan-trần-Chức mà nhất là gia-phả nhà Nguyễn-trì là nói rất rõ.

thiếu tướng tài mà giữ vậy chịu chết ». Tiếp được chiếu trên, ông đành dâng biểu tạ tội. Mặt khác vẫn giữ thế thủ, đắp thêm đồn-lũy, chia quân đóng rải rác mọi nơi để phòng giữ Đà-Nẵng.

Dầu sao, theo mẫu đối-thoại trên đây giữa ông và vua Tự-Đức ta cũng có thể nhận định rằng :

1. Nguyễn-tri-Phương dày kinh-nghệm chiến-trường, đã thắng Chân-Lạp, thắng quân Xiêm, thắng quân phiến-loạn mọi nơi, lại đã đối chọi với Pháp nhiều trận, lúc thắng, lúc bại, nên ông đã thấy rõ :

a/ Vũ-khí của Pháp tân-tiến : đại-bác, súng trường đều mạnh, lớn, chính-xác, bắn mau, sức tàn phá ghê-gớm. Còn ta cũng có nhiều súng, nhưng phần nhiều đều là súng xưa, súng bắn đá, chàm ngòi, đã bắn rất chàm lại yếu, không đi xa, không chính-xác, không có sức tàn-phá như súng Pháp. Ta vẫn có một số súng Tây-Phương nhưng phần lớn đã lỗi thời, và hình như mua phải đồ phế-thải của chính quân-đội Pháp và Anh, những thứ mà Tây-Phương cho là xưa rồi nên bỏ đi không dùng nữa. Một số lớn quân lính ta còn phải dùng gươm giáo và mã-tấu.

b/ Quân Pháp có chiến-hạm chạy máy mau lẹ, được trí đại-pháo tối-tàn. Thủy-quân cũng như bộ-binh được huấn-luyện tinh-vi, kỷ-luật nghiêm-chỉnh, tiến thoái rập ràng, lúc xung-phong dầu gặp trở ngại gì trước mặt cũng can-đảm tiến tới, nếu không có lệnh rút lui. Sĩ-quan lúc nào cũng dẫn đầu bộ-đội. Trái lại chiến-thuyền của ta đã xưa. Các tàu lớn đóng bằng gỗ theo kiểu ghe lớn, có trí súng đại-bác nhưng cũng lại đại-bác xưa rồi. Có một số thuyền kiểu Âu Tây nhưng rất ít và cũng thuộc loại như phế-thải, không chống nổi các tàu mới. Quân-đội phần đông huấn-luyện theo

kiểu xưa, không được thuận-thực. Linh thì linh hạ-bang và thượng-bang (6 tháng nghỉ yê què làm ruộng, 6 tháng phục-vụ tại quân-đội), vì vậy huấn-luyện không tinh-vi và thiếu tinh-thần chiến-đấu, võ-quan thì đi sau binh-lính vì vậy gặp đung-độ khó khăn là dễ tan vỡ. Chỉ có một số được huấn-luyện theo lối Tây-Phương, với vũ-khí mới, nhưng đây chỉ là số ít.

c/ Trước chiến-tình mới, Nguyễn-tri-Phương đã nghĩ đến du-kích-chiến để chống súng đạn tân-tiến của Pháp. Nhưng Vua và triều-đình đã không lưu-ý nên không tổ-chức đại quy-mô để đối-phó với xâm-lãng.

2. Vua Tự-Đức là vị vua thông-minh nhưng ông chỉ là một nhà nho theo lối học cổ-điền cũng như Vua Minh-Mạng và Vua Triệu-Trị, chỉ biết có nước Tàu là văn-minh và lớn mạnh, trong lúc Tàu cũng đang bị khốn-đốn vì người Tây-phương không hơn gì ta. Vua Tự-Đức lại còn là một thi-sĩ lỗi-lạc, đam mê về thi thơ, ông sinh vào thời loạn thật là lỗi thời, không thể xoay xở kịp thời-thế, và dám làm những cái-cách táo-bạo, dám nghe lời cố-vấn mới mẻ. Ông chỉ biết thưởng khi thấy quân sĩ thắng, phạt và quở trách nặng nề lúc thua, chớ không thấy thắng vì đâu, thua vì đâu để có những kế hoạch cải-tổ và xây-dựng rộng lớn và lâu dài. Triều-thần đa số cũng như ông, cố-chấp và lạc-hậu, Âu đây cũng là một bệnh chung của người Á-Đông thời bấy giờ. Có một số quan lại sáng-suốt và phục-vụ hăng say và hy-sinh cho tổ-quốc, chớ trước tình-trạng chung không thể làm gì hơn : đó là trường-hợp của những người sáng-suốt, và yêu nước như Nguyễn-trường-Tộ và Nguyễn-Điền, của những văn quan võ-tướng tuy tận-tâm và có tài cũng không đi ngược nổi giòng lịch-sử, đành ôm hận mà chết vì nước : đó là trường-hợp của Phan-thanh-

Giản, Nguyễn-tri-Phương và Hoàng-Diệu, và bao nhiêu anh-hùng kháng Pháp về sau.

Vua Tự Đức vẫn quan-niệm chiến-tranh như thời xưa của Tam-quốc, của Trần-Hưng-Đạo hay Lê Lợi... chỉ cần tướng giỏi trong khi chiến-tranh đã bắt đầu là cuộc chiến về kỹ-thuật, về kỹ-nghệ. Chống lại súng lớn súng nhỏ của Tây-phương chỉ có súng tiến-bộ như Tây-phương với kỹ-thuật Tây-Phương mới đối chọi nổi, không phải với tướng giỏi mà đối lại được. Cũng như sau này, súng ống của Nhật đã phải đầu hàng trước bom nguyên-tử : tướng giỏi bao nhiêu cũng không chống lại bom nguyên-tử.

**Nhưng tàu Pháp
lại thua
Nguyễn-tri-Phương
ở Đà-nẵng**

Sau khi Nguyễn-tri-Phương vừa bố-trí lại các đồn lũy, quân Pháp cũng vừa chuẩn-bị xong cho một cuộc tấn-công khác, và tiến đánh các đồn Trà-son, An-hải và Điện-hải. Nguyễn-tri-Phương đã sắp đặt trước nên ứng chiến rất hữu-hiệu và hết sức kịch-liệt. Quân Pháp và các tàu Pháp đều thua chạy. Ông dâng sớ báo tiếp về kinh, Vua Tự-Đức mừng rỡ lắm, bèn đòi ông về hệ-kiến.

Lúc ông vào chầu, Vua vời ông lên điện cho ông ngồi dưới long-ỷ ôm lấy trái về Vua, Vua rất niềm-nở, ban cho ông vàng và ngọc để ủy-đáp công-lao.

Nhân dịp Vua lại hỏi về việc quân-thứ Gia-Định : Hòa, Chiến, Thủ nên thế nào ? Ông tâu : « Người Pháp đã giỏi về binh-cơ lại thêm có tàu mạnh súng hay, mình thủ thì hơn, chớ đánh thì bất-lợi. Nhưng đạo làm tôi phải hết trung với

nước, như kẻ hạ thần này, nếu ra hòa với người ta, thật lấy làm nhục lắm ! Còn đánh mà không hơn được lại là cái tội của ngu thần. Vậy xin theo ý Hoàng-thượng sở định, ngu thần cũng xin cúi mình hết sức cho đến chết thì thôi, chớ có đầu dảm tiếc thân già ! »

Vua Tự-Đức phán rằng : « Trẫm nghe mấy lời của khanh tâu, đủ cho Trẫm nhận thấy rõ cái lòng trung-thành của khanh, ai nghe mà không chảy nước mắt. »

Lời nói của vị đại-thần và của nhà Vua đều thật chí-tinh, và cho ta càng rõ thêm cái lòng trung-trình quyết-liệt và chí-khí cao cả của vị tướng lúc này đã già đến 60 tuổi mà vẫn còn luôn luôn ở ngoài trận-mạc, ở những chiến-tuyến nguy-hiêm, vì chỗ nào bị nguy-khốn thì ông phải đến chống trả ngay... cho đến lúc chết mới thôi !

Quân Pháp bỏ
Đà-Nẵng
kéo vô Saigon

Trong lúc điều-đinh với Huế không xong, mà đánh Đà-Nẵng thì lúc thắng, lúc bại, ra Huế thì chưa đủ sức, Page (1) lại nhận được lệnh Paris bảo

phải rút quân qua tăng cường cho hạm-đội Trung-tướng Hải-quân Charner để hiệp với hạm-đội Anh đánh Trung-Hoa. Trong lúc tiến thoái lưỡng nan, Page rất hoan-hỉ nhận được lệnh này. Ông bèn sắp đặt để thực-thi một cuộc di-tàn chiến-thuật có trật-tự. Các đồn lũy đã chiếm được hoặc đã được xây cất lên đều đặt mìn phá hủy, các trại quân đều đốt sạch.

(1) Contre-amiral Page : chức contre-amiral nhỏ hơn chức Vice-amiral. Ta có thể dịch contre-amiral là Phó Đề-Đốc hay Thiếu-Tướng Hải-quân, Vice-amiral là Đề-Đốc hay Trung-Tướng Hải-quân, Amiral là Đô-Đốc hay Đại-Tướng Hải-quân ít người có được vì đây là một chức danh-dự đặc-biệt như chức Maréchal (Thống-chế). Dưới thời dân-chủ ít khi có hai chức này.

Ngày 22-3-1860 quân linh mang quân-nhu quân-dụng đều xuống tàu xuôi Nam.

Page vô đến Sài Gòn xem xét tình-tình và quyết-định bố-tri vùng Sài Gòn Cholon để làm thế ý-dốc yểm-trợ cho nhau. Chỗ thành Sài Gòn (Giađịnh) bị phá-hủy lúc trước, Ông cho xây dựng lại một đồn mới, chiếm đóng khu-vực Trường-Thị, trang-bị Chùa Cây Mai thành một đồn lũy che chở Cholon. Đại-tá Hải-quân Ariès được bổ-nhiệm chỉ-huy quân-đội Pháp ở vùng Sài Gòn Cholon, có mấy chiến-hạm và pháo-hạm thuyền bố-tri tại các sông ngòi (đặc-biệt có những tàu Primauguet, Norzagarai, Laplace, tàu gỗ có đại-bác...) Ông có gần một ngàn quân Pháp và Y-pha-Nho, và một số người bản-xứ và người Tàu làm quân phụ-thuộc. Xong, Page kéo quân đi hợp với hạm-đội của Charner để đánh Trung-Hoa.

Nguyễn-tri-Phương
vào Sài Gòn

Tại Huế, Triều-đình thấy quân Pháp bỏ Đà-Nẵng rút đi, bèn ra lệnh cho Nguyễn-tri-Phương và Phạm-thế-Hiền

vào Nam-Kỳ hợp với Tôn-thất-Hợp sung Gia-định quân-thứ. Lúc này Nam-Kỳ cũng đang rối reng trở lại. Người Cao-Man thấy quân Pháp mạnh đã kéo nhau theo Pháp với một số người Tàu tuy sinh sống lập nghiệp lâu đời trên xứ ta, nhưng thấy đâu coi mới có lợi là quay đầu phản-bội ta ngay. Bọn này tiến đánh hai tỉnh An-Giang Hà-Tiên, Tổng-đốc hai tỉnh này chạy sợ cấp-tốc cầu viện về Huế. Gặp lúc vua Tự Đức cũng sắp phái Nguyễn-tri-Phương vào Nam, vua vời ngay ông vào bảo rằng : « Hiện nay, làm tướng soái ở Nam Kỳ, không có ai bằng khanh, cả Triều-đình đều cử khanh, thì khanh không nên thoái-thác, hãy gắng mà đi, còn ở Quảng-Nam có điều gì

khẩn-cấp, Trẫm sẽ cử một Đại-viên vào thay. Nhưng khanh có biết ông nào đương nổi trách-nhiệm ấy thì khanh hãy cử lên cho Trẫm ». Ông tâu rằng : « Nay quân Pháp lại hiệp với quân Cao-Man, quân Tàu đến đánh thì việc bây giờ so với ngày trước lại khó gấp năm gấp bảy, phương chi sức dân đã mỏi, của dân cũng kém không phải như trước, nhưng làm tôi, hạ-thần không dám từ nan, dù đi Nam hay đi Bắc cũng xin tuân lệnh... Còn Quảng-Nam sáu này, nếu có giặc giã thì có hai ông Phan-thanh-Giản, Nguyễn-bá-Nghi từng ở chỗ chính-phủ thuộc viện quân-cơ, cũng có thể đảm đương được trách-nhiệm ».

Vua nghe theo và bảo ông nên đi ngay. Nhưng trước khi đi, ông còn mặt-tấu với vua sáu điều :

1. Hiện nay nước nhà nhiều việc, nhưng xin chú-ý việc binh và việc tài-chánh, còn các việc không hệ-trọng xin bớt đi.
2. Xin hai người ra yên võ ngoài Bắc-Kỳ cho khỏi việc nao-động.
3. Xin phái-bát binh-phu chở súng lớn vào Gra-định để có lúc cần dùng.
4. Xin sai ông Phạm-thế-Hiền đi theo quân-thứ để giúp việc.
5. Xin gửi thư qua Tiêm-La nói rõ lợi-hại để nước ấy khỏi theo quân Cao-Man quấy rối.
6. Xin sai người qua Cao-Man lấy lời khôn-khéo mà giảng-giải điều hơn sự thiệt để dứt đường kết-liên với Pháp.

Vua Tự-Đức đều y theo và dụ rằng : « Mọi việc ngoài biên-khôn, nhất nhất đều ủy cho khanh, khanh nên gia-tâm

ủy-vũ nhân-dân miền Nam để Trẫm khỏi lo ngại, còn như dân Cao-Man ở bên ngoài nhưng sứ-mệnh thiêng-liêng cũng phải làm cho tròn nhiệm-vụ ». Vua lại ban cho một cây Thương-phương-kiếm để tùy-nghi làm việc, và ban cho gấm vóc, sâm quế để ông dùng... Và dặn thêm : « Việc dẹp phiến-loạn tuy là phận-sự các tỉnh Hà-Tiên, Biên-Hòa nhưng Trẫm cũng giao cho khanh tự quyền sắp đặt điều gì tiện-lợi cứ việc thi-hành. Trẫm giao vận-mệnh nước nhà vào tay khanh. Trẫm cầu Trời Phật giúp khanh thành-công để dân sự trở về cảnh thái-bình. Đức-độ và tài-trí của khanh, Trẫm đã biết nhiều rồi. Nhưng khanh có tinh nóng nảy, vậy khanh nên mở lượng bao-dung với sĩ-tốt, đại-sự ắt phải thành » (1). Thế là Nguyễn-tri-Phương lại vào Nam.

*
* * *

(1) Gia-phả nhà Nguyễn-tri, « Nguyễn-tri-Phương » của Phan-trần-Chúc và Lê-Quế cũng có kể lại đoạn này.

CHƯƠNG IV

CHIẾN HÒA THỦ

TRẦN KỶ-HÒA

CHIẾN, HÒA, THỦ

Chiến, Hòa, Thủ Vua Tự-Đức trong khi bàn mưu tính
kế với Nguyễn-tri-Phương đã đưa ra
những vấn đề nan-giải: *Chiến, Hòa, Thủ* đối với người Pháp.
Dẫu người Pháp lúc đánh lúc lui, nhưng mưu-đồ xâm-lãng
của Pháp trong bao nhiêu năm đã quá rõ rệt, và sức mạnh
của Pháp cũng đã làm cho Vua và Triều-dinh rất lo-àu. Trước
quốc-nạn lớn lao, Vua đã nêu câu Chiến, Hòa hay Thủ đề cho
cả Triều-thần và cả những ai trong nước có kế-hoạch gì hay
đem tâu trình giúp vua lo liệu.

Chủ Chiến, chủ Hòa, chủ Thủ là ba ý-kiến chính đều có
phe phái binh-vực với những lý lẽ và lập-luận sắc bén. Hai
tác-giả Phan-trần-Chức và Lê-Quế trong cuốn Nguyễn-tri-
Phương xuất-bản năm 1945 đã tóm gộp các ý-kiến trên và kê
lại rất rõ ràng « Theo ông Phan-thanh-Giản, Trương-dặng-Quế
và Lưu-Lãng (?) thì « Súng đạn và chiến-hạm của người Pháp
rất tinh-xảo. Họ lại thạo về môn thủy-chiến (1), vì vậy ta

(1) Quân-lực Pháp đã nổi tiếng vào bậc nhất tại Âu Châu nhất là từ đời vua
Louis XIV rồi đến thời quân Cách-mạng Pháp, quân của Napoléon Đệ Nhất, chỉ
kém vào thời 1870-71 để thua Đức. Nhưng sau cũng lại nổi lên: Bộ binh Pháp có
thể mạnh nhất nhì ở Âu Châu, chỉ có quân Đức mới so sánh được. Về Thủy-
quân, Pháp cũng chỉ nhường Anh trên mặt bề cho đến Đệ Nhất thế-chiến.

không mong thắng được họ trong lúc này. Ta phải tập-trung lực-lượng vào công-việc *phòng-thủ* bờ cõi nước nhà. Bao giờ ta đầy đủ về các phương-diện, chừng ấy ta sẽ bàn nên chiến hay nên hòa. Nếu ta không đủ lực-lượng phòng-bị thì đừng mong khai-chiến hay nghị hòa với họ. »

Nhóm các ông Trương-quốc-Dụng, Tống-phúc-Minh, Lâm-duy-Hiệp v.v... cũng đồng một ý là cần « phòng thủ chờ những cơ-hội may mắn, hoàn-cảnh thuận-lợi, chừng ấy ta sẽ đem toàn lực đối phó... Nếu ta phòng-bị cẩn-thận và đối-phó đến kỳ cùng, thì chưa chắc họ đã làm gì ta nổi. »

Các phe khác như bọn Phạm-hữu-Nghi, Hồ-sĩ-Tuấn thì khuyên vua nên *kháng-chiến*. Nhóm Võ-đức-Nhu, Nguyễn-khắc-Cần lại xin vua thương-lượng với Pháp đề *nghị-hòa*. Cũng đồng ý trên và còn mạnh dạn trong ý-kiến xin giảng hòa với một hòa ước ký-kết giữa hai nước : đó là nhóm Đoàn-Thọ, Tôn-thất-Tường và Nguyễn-Hào.

Với những ý-kiến tương phản như trên, vua Tự-Đức thật tình bối rối, ông than rằng : « Nếu kháng chiến với người Pháp là một việc rất khó, thì ký hòa ước với họ lại là việc khó gấp trăm phần. »

Khốn thay cho nước Việt-Nam, cho dân Việt-Nam : giặc Miên, giặc Xiêm, giặc Pháp, giặc Tàu, giặc Mọi, giặc phiến-loạn, giặc trong Nam, giặc ngoài Bắc, lửa cháy trăm đầu mà người lãnh-đạo không đồng tâm nhất trí, kẻ cầm đầu thiếu cương-quyết, thiếu chánh-sách toàn-diện, không có kế-hoạch quy-mô và lâu dài, cứ vá vtu nhất thời quanh-co bối-rối, cái cái cơ mất nước thật không còn xa !

Chiến thì vũ-khí tàu bè, quân lính (thiếu huấn luyện) đều thua người ta quá xa, cái thế đã rõ ràng, hễ càng đánh sẽ

càng thua to, những trận lẻ tẻ hơn được Pháp thật không đáng kể. Nếu đánh lớn thế nào cũng thua lớn. *Thủ* thì cũng vì súng ống kém xa người ta, cứ thần-công đại-bác của Pháp tưới vào thì thành-trị kiên-cố bao nhiêu cũng không thủ nổi. Thế là chỉ còn cách *hòa*, nhưng hòa với thế yếu thì cũng di dần đến mất nước. Kế nghị hòa theo kiểu Nguyễn-trường-Tộ điều-trần thì may rã còn đối phó kịp thời-cơ chăng? Điều-dinh theo Nguyễn-tiên-sinh là đồng-thời vừa hòa với Pháp lại phải kiếm cách mở rộng cửa giao-thiệp với các cường-quốc khác như Anh, Mỹ, Đức v.v... theo như Xiêm-la, Nhật-bản và Trung-hoa : đó là lấy cái thế nhiều nước tranh nhau để cho mình không bị riêng một nước nào thôn-tính (1). Nguyễn-trường-Tộ nói : « Khi đã giao-hảo với người Pháp rồi, thì sẽ tìm cách giao-thiệp với các cường-quốc khác để làm bè bạn với nhiều người và để mọi người đều được đến tự-do buôn bán trong nước. Khi họ đã có lợi thì họ sẽ che chở cho mình và dạy cho mình có thể cùng họ bước lên đài văn-minh được ». Trong khi ấy, thì phải kịp có kế-hoạch cải-cách toàn bộ về tài-chánh, hành-chánh, kinh-tế, võ-bị. Nhất là lúc đang giặc giã tứ tung, thì việc chỉnh-đốn võ-bị là tối cần-thiết (2). Quân lính cần được huấn-luyện tinh-nhuệ, võ-quan phải là người có học, như đậu Tú-tài Cử-nhân xong thì phải đi huấn-luyện quân-sự và học-tập võ-ngệ. Về vũ-khi, ông đề-nghị

(1) Về Ngoại-giao xem những bài điều-trần : Thiên-hạ Đại-thế ngày 19 tháng 9 năm Tự-Đức 19 (1866), các Điều-trần ngày 18 tháng 11, Tự-Đức 9 ; 6, 19, 22 tháng 2 Tự-Đức 21 ; ngày 12, 20 tháng 12 Tự-Đức 20 ; ngày 10, 16, 18 tháng 2 Tự-Đức 24 v.v...

Xem : Nguyễn-trường-Tộ et son temps của Đào-đăng-Vỹ, Nguyễn-trường-Tộ của Nguyễn Lân.

(2) Xem bản điều-trần Tế-Cấp bát-diều, điều-trần về tu-chính. võ-bị ngày 2 tháng 5 năm Tự-Đức 24.

nên gọi người đi Hương-Cảng và Ma-ni để mua loại vũ-khí mới giống như kiểu người Pháp đang dùng để về bắt thước chế-tạo theo cho nhiều. Ông còn bàn nên lập một đội kỵ-mã có người Phi-luật-Tân huấn-luyện. Về thủy-quân, ông đề-nghị mua hỏa-thuyền lớn với súng đại-bác mạnh giống như tàu các nước Tây-Phương đang dùng...

Như vậy ta đủ thấy : kẻ mưu-sĩ không phải là không có, người hiền biết tình-thế không phải là không có. Chúng ta chỉ cần một vị lãnh-đạo có chí quyết-đoán, ta cần một Lê-Lợi, một Trần-hung-Đạo, một Quang-Trung may ra còn xoay chuyển tình-thế kịp thời. Một thi-sĩ tài ba, một nhà nho uyên-thâm như vua Tự-Đức không phải là người của thời-thế ! Tội-nghiệp thay cho thi-sĩ Tự-Đức, và khốn-đốn thay cho nước Việt-Nam !

*

* *

Tình-hình Nam-Kỳ
trong những năm
1859—1860 — 1861

Từ khi Thiếu-tướng thủy-quân Page kéo đại-quân sang giúp Trung-tướng Charner đánh Tàu, thì Đại-tá Hải-quân Ariès ở lại giữ Sài-gòn. Ariès chỉ có một đoàn quân nhỏ (lối 1.000 người) và mấy chiến-thuyền để phòng-ngự địa-diểm ông có bôn-phận giữ giữ. Nhưng ông đã bố-trí rất khôn khéo để cầm cự với quân Nam tuy kém về vũ-khí nhưng có thể đông gấp mười lần. Và Sài-gòn cũng đã bắt đầu sanh-hoạt mạnh về phương-diện thương-mãi : năm 1860 có 111 tàu Âu Tây và 140 ghe Tàu lớn vào ra giữa Sài-gòn, Hong-kong và Singapore, chở gạo lúa đi bán các chỗ và đem hàng-hóa lại bán ở Sài-gòn-Chợ-lớn. Lẽ tất-nhiên là người Tàu lợi nhất trong công-cuộc phát-triển này. Và những cái lợi tương-đồng đã bắt đầu đưa tới sự kết-hợp giữa người Tàu và thực-dân Pháp,

ở Sài-gòn Chợ-lớn ngay từ lúc này, cũng như ở Hà-Nội và Hải-Phòng 12 năm về sau.

Các hoạt-động của người Pháp là những cái gai trước mắt quan binh ta, vì chúng củng-cố vị-trí, lữ-chức đi sâu vào dân chúng nào thì ta càng thấy rõ cái dã-tâm của họ muốn chiếm nước ta để sống lâu dài ở đây, đó là ngoài ý muốn của Triều-đình ta. Dầu Triều-đình yếu đuối và do-dự trước sức mạnh của súng ống Pháp, nhưng gặp cơ-hội đánh đuổi họ được là không lúc nào ta chịu thôi.

Trước mặt đồn quân mới của Đại-tá Ariès, lúc bấy giờ bên ta có đến mười hai ngàn quân đóng sau những đồn lũy và hào, địa-đạo dài đến 16 cây số và chỉ cách đồn Pháp từ 1.000 đến 1.800 thước. Sau các hào lũy này, bên ta còn có *Đại-đồn Kỳ-hòa* luôn luôn được tăng cường và bồi đắp thêm rất kiên-cố. Từ đồn Kỳ-hòa quân ta cứ đào hào lần tới để cắt đứt các đường liên-lạc của Pháp và cô-lập đồn Cây-mai. Trước sự đe dọa đó, Ariès phải tiến chiếm Chùa Ô-ma và chùa Kiến-Khương (1) : đây là vào khoảng cuối tháng sáu năm 1860. Trong lúc quân Pháp và quân Y-pha-Nho đang củng-cố vị-trí thì tối ngày 3 rạng 4 tháng 7, vài ngàn quân Việt công đồn tới tấp. Quân Pháp đã phòng-bị nên quân ta bị đẩy lui, với gần 100 thương-vong.

Tại sao quân ta lúc nào cũng đông hơn, mà thường vẫn bị thua Pháp là thế nào? Ở đây chúng ta chỉ cần lập lại lời của sử-gia Trần-trọng-Kim để trả lời câu trên : « Quân ta không được luyện-tập lại không có súng ống như quân Tây. Mình chỉ mấy khẩu súng cổ bắn bằng đá lửa, đi xa độ 250 hay 300 thước tây là cùng còn súng đại-bác thì toàn là súng

(1) Pagode des Mares và Pagode des Clochetons.

nap tiền mà bắn mười phát không đậu một. Lấy những quân lính ấy, những khi-giới ấy mà đối địch với quân đã tập theo lối mới, bắn bằng súng nạp hậu và bằng đạn trái phá, thì đánh làm sao được ! Bởi vậy cho nên xem trận-đồ của Việt-Nam ta từ đầu cho đến cuối, chỉ có cách đào hầm đào hố để làm thế thủ, chứ không bao giờ có thể công, mà người Tây thì lợi cả công lẫn thủ ».

*
* *

TRẬN KỶ-HÒA

Đồn Kỳ-hòa Trong khoản thời-gian này, Nguyễn-tri-Phương và Tham-tán Đại-thần Phạm-thế-Hiệp đã vào đến Gia-định. Các đồn lũy hầm hố địa-đạo đều do Nguyễn-tri-Phương đốc-suất củng-cố và tăng-gia và các trận đụng độ vừa kể trên đều do Nguyễn-tri-Phương chủ-trương và chỉ-huy đề dò thực-lực và cách-thức bố-trí của đối-phương. Sau các trận trên, bên nào cũng có thiệt-hại và khi bên này thắng khi bên kia thắng, nhưng tựu-trung vẫn chưa có trận đánh lớn. Nguyễn-tri-Phương muốn thay đổi chiến-thuật, mỗi ngày một bao vây chặt chẽ hơn, các hào lũy cứ đào lần cũng như các ụ đất lớn được xây đắp gần sát các đồn địch, mục-đích vừa bóp nghẹt đối-phương vừa cắt liên-lạc với bên ngoài, vừa tiêu-hao lực-lượng của địch mà tránh được phần nào sự pháo-kích của địch.

Đặc-biệt Đại-đồn Kỳ-hòa (sau gọi là *Chi-Hòa*) được kiến-trúc rất quy-mô và hết sức kiên-cố, lại mỗi ngày một tăng cường thêm nhiều tiền-đội du-kích và thám-sát từ các đồn lũy bao quanh Kỳ-hòa, cứ đêm đến thì tiến đánh các nhược-điểm của địch, đánh phá tàu thuyền, đốt các nhà ở gần đồn Pháp : trong các trận này quân Pháp bị hao mòn cũng khá và nhất là tinh-thần bị rúng động, Đại-úy Barbé của Pháp bị giết trong một trận tấn-kích nhỏ này.

Đại-đồn Kỳ-hòa là một công-trình có thể dùng vừa công vừa thủ : lúc bất-ngờ có thể kéo quân ra đánh úp các đồn Tây, giết tĩa bót quân địch, cướp súng đạn rồi rút về ẩn núp sau thành lũy ; lúc bị địch tấn-công, thì đây là một phòng-ngự kiên-cố, có nhiều tuyến phòng-thủ cực-kỳ kín đáo để chống lại địch.

Có một sĩ-quan quân-y Pháp, lúc xảy ra trận đánh Kỳ-hòa đã có mặt tại một bệnh-viện dã-chiến Pháp đóng tại Chợ-quán để tiếp và săn sóc các thương-binh từ mặt trận (cách đó lối một cây số) đưa về. Y-sĩ giải-phẫu này tên là Ph. Aude đã mô-tả các thành-lũy ở Kỳ-hòa như sau :

« Những thành lũy người Việt xây-dựng được làm bằng đất có những cừ tre đóng giữ chặt xuống đất, trong một đêm họ làm được 400 thước phòng tuyến và người ta rất ngạc-nhiên, sau khi đã phá hủy các công-sự của họ, là ngày sau lại thấy cách đó 500 thước những tuyến phòng-thủ khác. Người Việt nói chung là người dũng-cảm và vượt quá rất nhiều người Tàu về phương-diện can-đảm và khinh thường cái chết, điều chứng tỏ sự việc đó là họ dùng cái dao, thứ khi-giới bắt buộc phải đợi địch đến cách mình có bốn bước, người Tàu không khi nào nghĩ đến cách dùng một phương-tiện chống cự táo-bạo như thế. »

Trong sách *La conquête de l'Indochine* (Cuộc xâm-chiếm Đông-Dương), Thomazi đã viết về đồn Kỳ-hòa như sau : « Đây là một hình chữ nhật bề dài 3.000 thước bề ngang 900 thước, chia thành 5 ngăn có lũy cách ngang, có thành vây quanh cao 3 th 50 và dày 2 thước, có trang-bị lối 150 đại-bác nhiều cỡ lớn nhỏ khác nhau. Những cơ-cấu phòng-thủ phụ đều dồn hết vào mặt tiền : hầm bẫy và hào đầy nước, rào cây nhọn,

chương-ngại-vật treo ngang dọc ; cây tre được dùng ở đây với một kỹ-thuật tinh-tế, và những bụi gai bao trùm tất cả bề dài các bờ tường. Trong cũng như ngoài, kể cận thành lũy này, số quân không ngớt tăng thêm từ một năm nay ; sau chiến thắng, ta sẽ thấy trên sổ điểm danh có đến 22.000 quân chính-quy và 10.000 địa-phương-quân. Ngoài ra còn có 15.000 người trong các đồn dựa sông Đồng-Nai. Tất cả đều đặt dưới quyền chỉ-huy của Đại-tướng Nguyễn-tri-Phương, viên tướng-lãnh nổi danh nhất của người Việt-Nam. »

Đại-chiến Kỳ-hòa Một việc không may lớn cho ta và cho tướng Nguyễn - tri - Phương, là cuộc chiến giữa liên-quân Anh-Pháp và Trung-Hoa kết-thúc quá sớm. Anh Tàu không-lỡ bị vật ngã chỉ trong mấy ngày trước mấy ngàn quân Tây-phương. Tháng 9 năm Canh-thàn (1860), Thanh-triều đã phải ký hòa-trớc với Anh-Pháp. Thế là cả đạo quân thủy bộ và hạm-đội của Trung-tướng Charner được rảnh tay ở miệt Bắc. Charner phen này quyết thôn-tính cho xong Nam-kỳ. Ông ta kéo rốc toàn-bộ lực-lượng trực chỉ miền Nam. Tối ngày 6-2-1861, soái-hạm Impératrice Eugénie chở Trung-tướng từ Hongkong đến bỏ neo tại cửa biển Cần-Giờ gần mũi Vũng Tàu (có tài-liệu nói là ông ta đến vào tháng giêng 1861) ; tại đây đã nhiều chiến-thuyền đợi ông hoặc sẽ đến sau ông. Tất cả hạm-đội ông gồm 70 chiếc tàu với 3.500 lính. Sử ta thường nói quân của Charner có thể đến 10.000 người, con số này không lấy gì làm chắc, nhưng ta cũng biết quân Pháp ngoài quân chính-quy, vẫn có thể mộ thêm lính Tàu, lính bản-xứ, lính Cao-Mên v.v... thì con số 10.000 nếu không đúng thì cũng xấp-xỉ, nếu ta kể cả quân phụ-thuộc. Cũng

như ngoài các tàu chiến Pháp, Charner cũng đã mua thêm những ghe thuyền ở Mã-Cao, Hongkong, Manille, và trang-bị thêm đại-bác để đem theo vào thành Gia-Định (1). Trên các chiến thuyền có 900 thủy-binh rất thuần-thục.

Bộ-binh của đoàn viễn-chinh do Thiếu-Tướng Lục-quân De Vassoigne chỉ-huy gồm có 2.200 vừa lính vừa sĩ-quan, với 80 người Việt đầu quân đánh mướn và 600 người Tàu làm lao-công chuyên-chở quân-cụ và thực-phẩm. Thêm vào số quân trên còn phải kể hơn 1.000 quân (trong đó có 230 quân Y-pha-Nho do Đại-tá Palance chỉ-huy) của các đồn Pháp ở Sài-gòn.

Ngày 7 tháng 2 năm 1861, 4.000 quân Pháp — Y với đầy đủ phương-tiện đã sẵn sàng đợi lệnh hành-quân. Mục-tiêu chính và đầu tiên của đoàn quân Charner là đánh chiếm Kỳ-hòa. Trung-tướng vừa ra lệnh đánh vào thẳng mặt tiền, lại vừa đánh cả mặt hậu để chặn không cho quân ta rút lui.

Một đoàn chiến - thuyền (gồm các chiếc Renommée, Avalanche, Forbin, Monge v.v) dưới quyền chỉ-huy của Thiếu-tướng Hải-quân Page được lệnh đóng ngược giòng sông Đồng-Nai, chặn quân Việt có thể chạy về Biên-Hòa, và phá hủy các đồn lũy quanh vùng Gò-Vấp đến Biên-Hòa. Cả một vòng đai đại-bác được đặt tại vùng Cây-mai, Ô-ma và các chùa chiền. Trung-tá Crouzat chỉ-huy đoàn pháo-thủ này.

Các pháo-thuyền nhỏ và các ghe trí súng được bố-tri theo các Rạch Thị-Nghè, Rạch Tàu-Ô và Rạch-Cát để kèm quân tại mặt tiền.

(1) Các chiến-hạm và tàu thuyền theo Trung-tướng Charner vào Nam, đại khái gồm có những chiếc : *Impératrice Eugénie*, *Renommée*, *Primauguet*, *Laplace*, *Duchayla*, nhiều pháo-thuyền nhỏ khác, cùng các chiếc thuyền biển-chế với các tên : *Dérôulède*, *Echo*, *Amphitrite*, *Hongkong*, *Lily*, *Shamroch*, *Jajareo* v.v...

Trận đánh Charner ban-hành lệnh tổng tấn-công,
 ngày 24-2-1861 Thomazi trong cuốn « La conquête
 de l'Indochine, » đã kể lại tỉ-mỉ cuộc tấn-công như sau :

Từ 4 giờ 30 sáng hôm ấy, tất cả đại-pháo thần-công trên bộ (vùng Cây-mai, Ó-ma) và dưới các chiến-thuyền đồng loạt bắn vào các phòng-tuyến Việt-Nam. Súng của ta từ Kỳ-hòa trả lời ngay cũng không kém phần mãnh-liệt. Trung-tướng Charner và Thiếu-tướng De Vassoigne đi ngựa dẫn đầu với một đoàn kỵ-mã Phi-châu. Tiếp sau là mấy đoàn bộ-binh Y-pha-Nho và Pháp, đoàn pháo-thủ (với sơn-pháo, hỏa-tiên, đại-bác...), sau nữa lại đến bộ-binh, thủy-binh, thủy-quân lục-chiến, rồi sau cùng là đoàn cứu-thương. v.v...

Đến cách Kỳ-hòa 1.000 thước, đoàn pháo-binh dàn rộng ra và bắt đầu bắn các đồn lũy, bộ-binh chuyển thành từng cột dài ở phía sau đội sơn-pháo, kéo chạy về các lũy ở mé Đông, cách lối 500 thước. Phần pháo-binh còn lại nối tiếp theo, còn bộ-binh lúc đến trước phòng tuyến này lập-tức rẽ ra thành 2 đoàn tấn-kích, bên mặt là bộ-binh, bên trái là thủy-quân.

Trong lúc binh Pháp chuyển theo trận-đồ này, súng thần-công bên ta bắn ra dữ-dội và rất chính-xác. Đến khoảng cách gần như vậy, thì hai bên súng cùng chính-xác gần như nhau. Tướng De Vassoigne và Đại-tá Palanca đều bị thương từ lúc đầu. Trung-tướng Charner phải trực-tiếp chỉ-huy cuộc hãm đồn. Hai chiến-đoàn tiến lên, đi trước là các toán quân có mang theo thang để trèo qua các chướng-ngại-vật và trèo lên thành. Quân ta giữ vững cho đến bây giờ đã phải rút lui trước sự tấn-công có phương-pháp và rất liêu-lĩnh của địch. Sau hai giờ kịch-chiến, một đồn lớn và các tuyến kế cận đã bị chiếm. Quân Pháp chết 6 người, bị thương 30 người với hai viên tướng.

Sau mấy giờ nghỉ trưa, quân Pháp-Y lại tiếp-tục tấn-công về phía Tây-bắc rồi phía Bắc. Một đoàn tượng-binh của ta mới kéo ra sắp đánh vào chiến-tuyến Pháp thì bị đại-bác chặn bắn trước nên phải tháo lui. Quân Pháp lại tiếp-tục săn đuổi những toán du-kích của ta trong rừng.

Kỳ-hòa thất-thủ
Ngày 25-2-1861

Cuộc hành-quân tiếp-diễn mãnh-liệt. Pháo-binh Pháp do hai đoàn bộ-binh yểm-trợ đánh về phía Đông... Quân Pháp xáp lại chỉ cách quân ta 200 thước và bắn xối-xả vào các mặt thành, các đồn lũy. Quân ta bắn lại không kém phần hăng-hái và gây tổn-thất khá nhiều cho địch.

Dưới làn mưa đạn, cánh hữu của quân Pháp vẫn tiến vượt các hầm bẫy, các hào hố, các chướng-ngại-vật rải rác dày cả 100 thước trước công-sự chính. Quân Pháp leo thang hoặc trèo lên vai nhau vượt lên các đầu thành. Trận đánh xáp lá cà xảy ra kịch-liệt, người này chết thì người khác xông lên. Địch ném lựu đạn vào trong và phá được mấy lỗ đề chun lọt vào nội-thành. Nhưng họ chỉ vào được một ngăn và làm mỗi dễ-dàng cho quân ta ở ngăn thành kế cận nhắm bắn ra. Nhưng cuối cùng địch từ nhiều phía vẫn vào phá được các ngăn trong thành. Quân ta bị bắn hạ rất nhiều, phần còn lại bỏ chạy tứ tán. Toàn-bộ chiến-tuyến Kỳ-hòa, một kỳ-công phòng-thủ của Nguyễn-tri-Phương bị chiếm.

Trận đánh gay go hơn trận hôm qua nhiều. Ta gây cho địch 12 chết, 225 bị thương trong đó có một số sẽ chết vì vết thương, như Trung-Tá Hải-quân Testard chẳng hạn. Quân Việt chống cự rất dũng-cảm và bị tổn-thất cả ngàn người. Đại-tướng Nguyễn-tri-Phương bị thương ở tay, em ông là Tấn-Lý Nguyễn-

Duy tử-trận cùng với Tán-tướng Tôn-thất-Trí. Phạm-thế-Hiền cũng bị thương.

Tuy mình mang thương tích, Nguyễn - tri - Phương và Phạm-thế-Hiền vẫn liều chết phá vòng vây của Pháp tháo lui do phía Lăng Cha Cả, dẫn quân về giữ thành Biên-hòa với Tham-tán Tôn-thất-Hợp.

Trận Kỳ-hòa trước mắt Đồn Kỳ-hòa và trận Kỳ-hòa đã được
thời-nhân thời-nhân kể lại với những chi-tiết ít
 nhiều khác nhau và có thể bổ-túc cho
 nhau. Dưới đây chúng tôi xin ghi lại những lời của viên sĩ-
 quan quân-y Pháp Ph. Aude, người đã mắt thấy tai nghe
 những sự việc xảy ra, và cũng là người đã tự tay săn sóc và
 chữa cho các binh-sĩ Pháp bị thương trong trận này. Những
 lời sau đây phần nhiều đã được đăng trong các báo ở Pháp
 ngay sau khi trận đánh Sài-gòn đã kết-thúc :

« Cách Sài-gòn 4 cây số và cách Chợ-quán 2 cây số người
 Việt có xây-dựng những thành lũy rất đáng sợ do 30.000 người
 chống giữ và bao bọc Sài-gòn quanh cả tứ phía. Cần phải đẩy
 họ ra khỏi đó, và chúng ta đã làm điều ấy trong hai ngày 24
 và 25 tháng 2-1861.

Quân ta gồm 4.000 người đã tấn-công chiến-tuyến địch,
 đã chiếm được các đồn lũy Kỳ-hòa, và đã thực-hiện một cuộc
 tàn-sát người Việt. Về phía ta có 16 người chết, lối 200 người
 bị thương và nhiều sĩ-quan bị trúng đạn nặng. Trung-tá thủy-
 quân Luc-chiến Testard tới nay đã chết tại bệnh-viện chúng
 ta, ông bị một viên đạn vào đầu, một trung-úy thủy-quân bị
 một quả đạn cắt đứt thân hình làm hai, Thiếu-tướng De

Vassoigne bị một viên đạn bắn trúng cánh tay, Đại-tá Palanca, người Y-pha-Nho mang một viên đạn ở bắp chân, nhiều chuẩn-úy và sĩ-quan bị trọng-thương. Người Nam có súng tốt và dũng-cảm hơn người Tàu nhiều...»

...(Le Mémorial d'Asie do Bulletin des Amis du Vieux Huế trích)

Tiếp theo, có đoạn như sau trích ở báo Echo des Bouches du Rhône :

« Hai cuộc tấn-công bộc-phát hai ngày 24 và 25-2-1861. Việc phòng-thủ rất hăng-hái kịch-liệt. Người Việt liêu chết trên các bờ lũy dưới đạn lục-liên và bay-on-nét. Người ta đã tìm thấy 6.000 súng trường bắn đá trong đồn ».

Sau đây lại một đoạn của Mac Vernol đăng trong báo Le Monde Illustré cũng do Bulletin des Amis du Vieux Huế trích :

« Linh phòng-thủ núp dày đặc sau các thành-lũy, đây nhào các thang với thương và dáo, dội từng vòi lửa và bắn rất dữ-dội qua các lỗ súng trên thành »...

Nhưng trong các tài-liệu liên-quan đến trận Kỳ-hòa, quan-trọng nhất có lẽ là tờ *Phúc-trình của Trung-tướng Charner về việc chiếm đồn Kỳ-hòa*. (1)

Nếu trận Kỳ-hòa sẽ mang lại nhiều hậu-quả tai hại cho ta, thì đây là một vinh-dự lớn lao cho quân-đội Pháp và một hãnh-diện cho Trung-tướng Charner. Không ai có thể mô-tả lại rõ ràng hơn những trận chiến đã xảy ra hơn là chính người đã trực tiếp chỉ-huy những trận đánh đó. Vì vậy chúng tôi lược-

(1) Đã đăng ở Revue Maritime et Coloniale, Mai-1861. Được trích-dẫn trong Documents pour servir à l'Histoire de Saigon.

dịch sau đây từ phúc-trình của chính Trung-tướng Charner đã gửi trình Bộ Hải-quân và Thuộc-địa Pháp. Lẽ tất-nhiên sẽ có nhiều trùng-hợp với những gì đã do các tác-giả khác đưa ra, những trùng-hợp càng chứng tỏ sự trung-thực của những lời thuật lại : (1)

Phúc-trình Charner Đồn Kỳ-hòa ngày 27 tháng 2 năm 1861

« Thưa ông Bộ trưởng, (2)

« Tôi hân-hạnh tin ông Bộ-trưởng hay là những phòng-tuyển ghè gớm mà người Nam đã thiết-lập trong khu đồng bằng Kỳ-hòa đã rơi vào tay ta ngày 25 tháng này.

« Quân địch đã chạy thoát và ta đang đóng binh trong trại chính của họ.

« Tôi không cần nhắc lại đây rằng từ khi chuẩn-bị cuộc viên-chinh đánh Tàu và cả lúc trận chiến xảy ra và đã kết-thúc bằng hiệp-ước Bắc-Kinh, thành-phố Sài-gòn mà chúng ta chiếm đóng ở Nam Kỳ đã được một số ít quân phòng-thủ. Đóng giữ trong lòng thành phố và ở vài điểm tựa ở ngoài, họ chỉ có nhiệm-vụ giữ gìn một vị-trí sau này có thể mở mang được mà chúng ta đã chiếm được năm 1859, với mục-dịch đòi chánh-phủ Nam trả những món hồi-thường mà họ vẫn ngoan-cố không trả.

« Lợi-dụng lúc chúng ta bận việc tại phương Bắc và chỉ để lại một ít quân ở Sài-gòn, người Nam đã xây-dựng những công-sự vĩ-đại để ẩn núp trong vùng đồng bằng Kỳ-hòa và như thế là chế-ngự được cả vùng. Họ đào đất rất dễ-dàng và dựa vào một đồn lũy chính đã được trang-bị khéo léo, họ đã

(1) Nguyên văn bản phúc trình của Charner, chúng tôi sẽ xin đăng trong Phụ chương ở cuối sách này.

(2) Đây là Bộ-trưởng Hải-quân và Thuộc-địa.

khuếch-trương chiến-tuyến đồn lũy đến 12 cây số... Từ các đồn đó họ đẩy làn đến phía ta những chiến-tuyến mới và đe-dọa vị-tri Sài-gòn của ta và ta bị họ vây quanh.

« Muốn chiếm được những công-sự ấy ta phải có một lực-lượng khá quan-trọng.

« Từ khi cuộc viễn-chinh ở Bắc-kinh đã đưa trở về Thượng-hải một phần quân-đội đánh Tàu, chánh-phủ đã cho đặt dưới quyền tôi một số bộ-đội để đánh Nam Kỳ. Theo lệnh của Quý Bộ tôi vội chuẩn-bị để đánh một trận lớn hòng đặt ảnh-hưởng của ta một cách bền vững ở xứ này.

« Địa-thể thành-phố Sài-gòn rất thuận-lợi cho việc hành-quân của ta. Với các pháo-thuyền và chiến-hạm của ta, ta có thể chặn hết đường rút lui của địch khi họ đã bị ta đánh bại.

« Theo vị-thế của Sông Sài-gòn và các rạch, phía mặt ta cũng đem lại cho ta một phương-tiện mạnh mẽ để hành-động. Các đền chùa quanh đây đều được ta đặt súng đại-bác và bích-kích-pháo... có thể chặn đứng những cuộc tấn-kích bằng đường bộ vào quân ta, mà còn đe dọa các phòng-tuyến của Kỳ-hòa.

... « Tôi quyết-định tấn-công từ mặt trái chúng ta, và đánh vào mặt Bắc và Tây-Bắc đồn Kỳ-hòa để chặn không cho quân Nam rút lui.

« Tôi đã nói trên đây là phòng-tuyến Kỳ-hòa dài đến 12.000 thước, chưa kể các đồn lẻ tẻ bao bọc tứ phía. Các công-sự này đều được bố-tri và do một đạo quân lớn phòng-thủ. Khó mà kể hết những chướng-ngại-vật chất chứa khắp nơi ở đây. Nhiều ụ đất do rào tre che-chở lại thêm những hào hố, những hầm bẫy, những hàng rào bằng cây chằng chịt với nhau rất có kỹ-thuật.

« Trên các bờ thành, giữa hàng rào đều có đặt súng đại-bác súng bắn đá, súng trường lớn ; lính thì mỗi người có một súng bắn đá với lưới lè... có vẻ như súng do Pháp làm ra. Chúng ta phải chống các chương-ngại và cách phòng-thủ đó, và ta còn khó nhọc hơn nữa vì sức nóng của khí-hậu xứ này làm quân lính khó đi bộ ban ngày, và 9 giờ sáng đã phải cho họ nghỉ ngơi không thì rất có thể nguy-hiểm.

« Kế-hoạch tấn-công đã được giải-quyết ngày 17 tháng giêng này, tôi phải thiếu-tướng Page với chiếc chiến-hạm Renommée, 3 hải-phòng-hạm, 4 pháo-thuyền lớn và nhiều tiểu-hạm đi trinh-sát trên Sông Sài-gòn và quan-sát các công-sự phòng-thủ của địch. Đồng thời nhiều pháo-thuyền nhỏ cũng đi đóng tại các cửa sông rạch để chặn địch không thể liên-lạc được với hậu-phương.

«...Trong lúc Page phá vỡ các chương-ngại-vật trên sông thì đoàn viên-chinh sẽ đánh vào đồn Kỳ-hòa.

« Ngày 23-2, tất cả các đoàn quân tụ họp tại Chợ-lớn gần chùa Cây-Mai là điểm cực tả của chiến-tuyến của ta...

« Ngày 24-2, đúng giờ đã định, tất cả các đoàn quân của ta tràn ra mặt đồng và đi tới tiền-đồn thứ nhất của quân Nam, xa chỗ xuất quân hai cây số. Thiếu-tướng De Vassoigne chỉ-huy quân-đội. Đại-tá Palanca (Y-pha-Nho) theo tôi với đoàn sĩ-quan bộ Tham-mưu của tôi.

... « Pháo-binh của ta dàn ra lúc còn cách Kỳ-hòa lối 1.100 thước. Bộ-binh dàn phía sau, ngoài tầm súng của địch và đợi đúng lúc sẽ tiến lên đột-kích.

... « Pháo-binh bắt đầu vừa tiến lên vừa bắn vào đồn cho đến còn cách đồn có 200 thước.

« Đến giờ, 3 đoàn bộ-binh đã chuẩn-bị sẵn kéo lên vượt qua một hàng lũy bằng tre và hai tuyến hầm hố, trong lúc trên các mặt đồn bắn ra rất dữ dội... Nhiều thang mang theo được dựng lên bờ các đồn lũy.

« Địch giữ vững cho đến khi quân tấn-kích của ta đến sát mép bờ rào, và lúc quân ta trèo lên được mặt tường thành thì địch bỏ chạy tứ tán.

« Qua khỏi bức thành này, thì trước mặt một cánh đồng trải ra trước mặt chúng tôi và bên phải thì sát với các công-sự của Kỳ-hòa. Phải đi tới 6, 7 cây số mới đến đồn chính của địch mà khoản đường dài đó đầy chướng-ngại-vật, rào tre, hầm bẫy đủ thứ.

« Quân lính lúc này cũng đã khá mệt vì mặt trời đã lên cao. Tôi cho đục lỗ trong bức tường để đặt miệng đại-pháo vào, và cho quân nghỉ bên phía này thành cho đến 3 giờ chiều.

« Trong trận buổi sáng này, thiếu-tướng De Vassoigne và Đại-tá Palanca bị thương ở cánh tay và ở bắp chân, nên phải đưa về săn sóc ở bệnh-viện dã-chiến. Ngoài ra ta chỉ có vài người chết và vài chục người bị thương.

« Vì Thiếu-tướng De Vassoigne bị thương nên tôi phải trực-tiếp chỉ-huy trận chiến.

« Đến 3 giờ chiều, đoàn quân lại tiến lên, cả ba đoàn bộ-binh và đoàn pháo-binh. Đoàn kỵ-mã tiến lên phía trái để làm đoàn quân tiền-sát cho chúng tôi.

« Trong lúc quân ta tiến lên, thì các dàn đại-pháo đặt tại các đình chùa bắn chặn hai bên mặt trận để phòng-bị quân địch ẩn núp trong các khu rừng lân-cận.

« Vài đám quân địch xuất-hiện trong cánh đồng bằng, nhưng lại chạy ngay sau những loạt súng lớn nhỏ của ta.

« Đến 6 giờ chiều, quân ta đóng trại tại một làng gần như ở sau lưng các đồn quân địch.

« Quân địch bắn phá một lúc, rồi sau khi bị súng ta bắn trả, họ đã lui xa... và đêm đó quân ta được nghỉ ngơi tương-đối yên ổn.

« Ngày 25-2, lúc 6 giờ quân ta lại sắp đặt tiến lên nữa.

« Tất cả pháo-binh đều dàn ra ở giữa, đối-diện ngay với những vị-trí mạnh nhất của địch, các đạo bộ-binh vẫn yểm-trợ hai bên, đoàn kỵ-mã vẫn đi tiền-sát.

... « Theo các tin tình-báo và tin lượm lặt được do tù-binh bị bắt hôm qua cho biết thì các quan chức lớn của bên địch và quân trừ-bị đều đóng tại đồn phía Tây của Đại-đồn Kỳ-hòa.

... « Tôi ra lệnh tấn-công.

« Tất cả đại-quân đều di-động tiến lên. Súng ở các đồn ẩn sau những đám cây bắn ra xối-xả. Các bích-kích-pháo của ta trả lời ngay, và tất cả pháo-binh của ta chỉ lúc còn cách địch 1.000 thước mới bắn trả một loạt và rất chính-xác, và vừa chạy lên vừa bắn rất dữ-dội.

« Súng địch lúc đầu bắn rất mãnh-liệt rồi yếu dần. Pháo-binh của ta lúc đến gần lối 250 thước thì bắn xối lên mặt thành, đồng-thời bộ-binh ò-ạt tiến lên.

« Cả ba đoàn bộ-binh ào lên. Địch ở sau các bờ thành đẩy nhào trở ra các cây thang đã được dựng vào tường và quân lính họ dội từ trên thành xuống nước sôi và các đồ

đang cháy, và do các lỗ ở trên bờ thành cũng bắn xuống kịch-liệt.

« Chúng ta cần quân cứu-viện. Tôi phải gọi thêm quân tăng-cường cánh hữu của quân ta. Cánh tả cũng được tăng thêm quân.

« Một lúc sau, một cờ Pháp đã cắm được lên các công-sự ngoài đồn.

« Nhưng địch vẫn còn kháng-cự. Nhiều thành lũy đã phân chia đại-đồn Kỳ-hòa thành nhiều đồn kháng-cự và đồn này làm thế y-dốc yểm-trợ cho đồn khác.

« Quân ta dũng-cảm vẫn không ngớt chiếm lần từng công-sự và nương nhau mà tiến lên rất mãnh-liệt, và sau nhiều cố-gắng đã tràn vào đồn chính.

« Địch bỏ tất cả các đồn lũy và chạy tán loạn, trong khi quân ta vẫn bắn theo và nhiều xác địch đã bỏ lại tại trận tiền.

« Trong hai trận của những ngày 24 và 25 tháng 2, quân địch đã kháng-cự kịch-liệt. Họ chỉ thối lui lúc quân ta kiên gan và dũng-cảm tiến tới. Vì vậy quân ta mất cũng khá nhiều : 225 người bị loại ra khỏi mặt trận, trong đó có 12 người chết.

« Tất cả mọi người, sĩ-quan, bộ-binh, thủy-quân... đều làm phận-sự một cách vẻ-vang. Quân-đội Y-pha-Nho cũng hăng-hái không kém quân ta.

« Kính cần...

*Trung-Tướng Tổng Chỉ-huy
thủy-quân ở các biển Trung-quốc .
Charner*

*
* *

CHƯƠNG V

SAU KỶ-HÒA :

MẮT ĐỊNH-TƯỜNG

MẮT BIÊN-HÒA

MẮT VINH-LONG

HÒA-ƯỚC 1862

SAU KỶ-HÒA

Về phía Pháp : Sau khi chiếm xong Kỳ-hòa, Thiếu-Tướng Page chiếm luôn các đồn ở mạn trên sông Đồng-Nai. Tất cả các tàu Pháp đều bị đạn ta bắn trúng nhiều chỗ và trên tàu nào cũng có người chết và bị thương, nhưng rốt cuộc quân Pháp vẫn thắng.

Nghỉ 2 ngày, đến ngày 28-2 quân Pháp tiếp-tục tiến về phía Tông-Keou (?) ở phủ Tân-Bình, một đồn chính chứa quân-nhu quân - cụ của Việt-Nam. Lần này pháo-binh đóng vai chánh trong cuộc tấn-công vì bộ-binh đã bị thương và mệt nhiều trong mấy ngày qua. Sau nhiều đợt đánh thẳng vào đồn, quân Pháp đã chiếm được đồn này, tuy quân lính bị nhiều thương vong, trong đó có Trung-Tá Crouzat. Quân Pháp cướp được một số lớn vũ-khí và quân-nhu. Buổi chiều một đồn lớn của ta ở 7 cây-số về phía Bắc cũng bị chiếm luôn.

Sợ quân ta phản-công, Charner cho nhiều toán khinh-binh và các tàu chiến nhỏ đi thám-sát quanh tất cả các vùng lân-cận. Một Đại-Úy được gửi đi trấn giữ mặt Bắc ở Trảng-Bàng. Thiếu-Tướng Page với một hạm-đội nhỏ, đóng trên sông Đồng-Nai và chặn đường Biên-Hòa không cho liên-lạc với

Huế. Một đoàn tàu khác đóng trên sông Vàm-Cỏ Tây ; và sông Vàm-Cỏ Đông cũng có một số chiến-thuyền phòng giữ. Pháo-thuyền Dragonne tiến đóng trước Tây-Ninh, gần biên-giới Cao-Miền.

Rồi Pháp bắt đầu tình chuyện lâu dài : các sĩ-quan đóng giữ các đồn bót, các viên-chức có dịp giao-thiệp với dân-chúng, Charner ra lệnh phải khôn khéo mềm mỏng với dân, tôn-trọng tín-ngưỡng, luật-lệ và phong-tục các làng xã, phải che chở việc buôn-bán làm ăn, v.v.. Và người Pháp cũng liên-lạc với Cao-Miền và đặt mối bang-giao với Miền-quốc...

Charner bắt đầu nghĩ đến việc mở rộng địa-bàn hoạt-động, và đã phóng tầm mắt nhóm ngó Biên-Hòa, Mỹ-Tho, Gò-Công, v.v...

Về phía Việt-Nam Trong khi ấy về phía ta, tin mắt đại-đồn Kỳ-hòa và tỉnh Gia-Định chạy về đến Huế làm cho Triều-đình hết sức lo sợ. Vua phái một Ngự-y ngoại-khoa và một quan Thị-vệ mang thuốc men vào trị cho cụ Nguyễn-tri-Phương và ban cho các thuốc quý : sâm, quế, lộc-nhung, v.v...

Đình-thần vẫn theo luật, tâu rằng : « Gia-Định đại-đồn thất-thủ, quan giữ thành phải chịu tội bất cố-thủ, vậy tâu xin Bệ-hạ xử các ông Nguyễn-tri-Phương, Phạm-thế-Hiền, Tôn-thất-Cáp phải mất chức, trăm giam hậu, các thuộc-quan trong quân-thứ và tỉnh-thần Gia-Định đều bị cách chức. » (1) Bỗng cười thay, các quan ở Triều-đình êm ả, lúc nào muốn trị tội phạt ai thật không hề thiếu hăng-hái. Tương mất thành là

(1) Phan-Kheang : Việt-Pháp Bang giao Sử-lược.

phải tội đành rồi, nhưng cũng cần xét mặt cách nào và vì sao mà mất, chớ đối với một Nguyễn-tri-Phương trải thân qua trăm trận, đến hơn 60 tuổi còn phải ra đầu tên mũi đạn, đánh với một quân-thù mà một nước Tàu lớn mạnh hơn trăm lần cũng phải thua, và trong lúc liều mình đến nỗi bị thương nặng, phó-soái là Phạm-thế-Hiền càng nặng hơn (sau chết ở Biên-Hòa), em là Nguyễn-Duy chết ngay tại trận tiền... mà các cụ ngồi rung đùi ngậm thơ ở Kinh vẫn vui tay hạ bút tâu xin « trăm giam hậu » Nguyễn-tri-Phương và Phạm-thế-Hiền, thì đối với lương-tâm các cụ, đối với dư-luận thời-nhân, các cụ quả can-đảm hơn các cụ Nguyễn-tri-Phương, Phạm-thế-Hiền và Nguyễn-Duy ! Dầu sao, Vua Tự-Đức vẫn sáng suốt và biết thương kẻ trung-thần ái-quốc hơn các Triều-thần. Vua nói : « Đình-nghị như vậy, nhưng trước kia các người ấy đã thật lòng giúp nước, nhiều công khó nhọc, nên cho giảm tội để lo báo đáp về sau », rồi Vua chỉ giáng Nguyễn-tri-Phương xuống hàm Tham-tri, Phạm-thế-Hiền xuống Lang-Trung, Tôn-thất-Cáp xuống Viên-ngoại, kỳ dư các quan khác cũng đều cho giảm nhẹ tội cả. Đồng thời Vua cho bãi chức Quán-thứ Tổng-thống Đại-thần của cụ Nguyễn-tri-Phương và cho ở ngoài uống thuốc dưỡng bệnh. Nhân thế cụ Nguyễn xin cáo giã-hạn một tháng để về Kinh (1) an-dưỡng điều-trị... Nhưng thời-thế thúc-bách, cụ đâu có thể nghỉ yên thân già được lâu.

Lại mất Định - Tường. Charner là một viên-tướng tài của Pháp thời bấy giờ. Cũng như nhiều sĩ-quan Hải-quân của Pháp và Anh hồi thế-kỷ 19, ông có nhiều tham-vọng và óc phiêu-lưu, muốn mở rộng Đế-quốc Pháp ra khắp nơi...

(1) Có chỗ nói cụ về dưỡng bệnh ở Bình-Thuận.

Ông được chánh-phủ Pháp giao quyền-hành rất lớn để hành-động ở Á-châu và Đông-dương. Mục-dịch của ông không phải chỉ một đồn Kỳ-hòa và một tỉnh Gia-Định. Cho nên vừa đánh xong Đại-đồn Kỳ-hòa, ông đã đề ý ngay hai địa-diểm quan-trọng từ đó đối-phương có thể đe dọa nặng nề Sài-gòn Gia-Định. Hai địa-diểm đó là Biên-Hòa và Định-Tường. Hai thành này về chiến-lược đều quan-trọng đối với Sài-gòn vì nằm trên hai hệ-thống thủy lục dẫn về miền Đông và miền Tây của Nam-Kỳ. Đáng lẽ đủ sức thì Charner đánh cả hai tỉnh-thành này một lần. Nhưng quân Pháp vừa mới đánh mấy trận rất cam go, tuy thắng nhưng cũng vất-vả nhiều và thiệt-hại nhiều. Hơn nữa, khi-hậu nóng nảy của xứ này cũng gây bệnh hoạn cho quân viễn-chinh không ít. Và ở Biên-Hòa đang có đại-quân ở Kỳ-hòa Gia-Định lui về trấn giữ, và sắp có viện-binh ở Trung đưa thêm vào. Vì vậy, Charner nghĩ nên thanh-toán Định-Tường trước. Lấy Định-Tường lại nắm được vùng lúa gạo sông Cửu-long, đây cũng là một điều đáng kể, và có thể bóp chẹt Triều-đình Huế sau này về mặt tiếp-tế.

Thế là Charner quyết-định đánh Định-Tường trước.

Muốn đánh Định-Tường, có thể do hai đường : bộ và thủy. Đường bộ đã bị quân ta phá-hoại hoàn-toàn. Muốn sửa chữa nhất là để cho đại-pháo qua được, ít nhất phải mất 25 ngày. Lâu quá! Thế là phải đi đường thủy. Đường thủy cũng đầy chướng-ngại : từ Sài-gòn đến Mỹ-Tho, con sông bị quân ta đắp ngang đến 9 cái đập, và hai bên bờ sông mỗi bên có 3 đồn lớn chống giữ, mỗi đồn được trang-bị rất nhiều súng đại-bác. Quan Tổng-đốc là Nguyễn-công-Nhân với Tuần-vũ là Nguyễn-hữu-Thành, lúc nghe quân Pháp rục-rịch tấn-công, liền cho chia quân trấn đóng trạm Định-tân, đồn Tân lương, đồn Tịnh-giang, đồn Tân-giang, đồn Cai-hộc, v.v..

Ngày 1-4-61, Thiếu-tá Hải-quân Bourdais chỉ-huy đoàn quân đánh Định-Tường, ra lệnh cho hai pháo-thuyền lớn Mitraille và Alarme bắt đầu tiến vào con sông dẫn đến Định-Tường, phá luôn được hai con đập đầu tiên và bắn phá hai tiền-đồn. Nhưng ngày 2-4 thì tàu Mitraille bị đắm và chặn luôn đường không cho tàu Alarme qua, chỉ các pháo-thuyền nhỏ mới len qua được và bắn phá ngay hai đồn thứ nhất của ta. Quân Pháp tiếp phá hai đập kế-cận. Các thủy-thủ phải lội xuống nước tháo gỡ các cây cừ và những cọc tre đóng giữa các tảng đá đắp ngang sông. Công-việc rất vất-vả nên quân Pháp ngã bệnh khá nhiều. Ngày 3-4, các pháo-thuyền nhỏ tiếp-tục đi sâu vào hướng Mỹ-Tho. Tướng Charner được tin các khó khăn của đoàn quân Bourdais, liền gửi thêm một đoàn tiếp-viện gồm 300 quân, chiến-thuyền Echo với đại-bác,... tất cả hai đoàn quân trước và sau đều đặt dưới quyền chỉ-huy của Đại-tá thủy-quân Le Couriaud du Quilio với Thiếu-tá Allézé de Montignicourt làm tham-muru-trưởng. Ngày hôm sau có thêm 100 thủy-thủ đến tiếp, dưới sự chỉ-huy của Trung-tá Desvaux.

Trong thời-gian này, Tổng-đốc Vĩnh-Long là Trương-văn-Uyên được Tổng-đốc Nhân cầu-viện, cũng gửi qua giúp 1.000 quân dưới sự điều-động của Án-sát Nguyễn-duy-Quang và Lãnh-binh Tôn-thất-Thoan.

Quân tiếp-viện Pháp đồ-bộ lên bờ sông lại cướp được một đồn thứ tư của ta, nhưng bị chặn vì một đập khác rất kiên-cố do 27 chiếc ghe đánh chìm lấp ngang sông khoảng gần trăm thước. Trong hai ngày liền, quân Pháp lại phải lội phá đập dưới ánh nắng cháy của mặt trời miền nhiệt-đới. Phá được đập này sau hai ngày, quân Pháp nửa trên bộ nửa dưới sông lại tiến thêm nữa. Nhiều trận quân Pháp bắn quá hăng,

quân bên ta nhất là ở các tỉnh chưa quen súng đạn Tây-phương, trước tiếng súng nổ rền trời, trước sức tàn phá ghê gớm và mức độ chính-xác của hỏa-pháo Pháp, lắm khi hoảng kinh bỏ chạy, làm tan vỡ mặt trận. Tổng-đốc Nguyễn-công-Nhàn một hôm dùng hỏa-công tính đốt cháy cả đoàn tàu Pháp. Ông cho lấy 4 chiếc thuyền chứa đầy thuốc súng và đồ dẫn lửa, rồi cho thả theo giòng nước, chực đến gần tàu Pháp thì phóng hỏa đốt cháy để lửa chuyền qua các pháo-thuyền Pháp. Không may, 4 chiếc thuyền chưa đi đến chỗ dự trữ thì đã gặp các xuồng nhỏ do hai chuẩn-úy Joucla và Bernard đi tuần bắt gặp. Hai anh này liền mạng ném dây kéo luôn mấy chiếc thuyền thuốc súng vào một rạch nhỏ và bỏ đó cho cả 4 chiếc tự đốt nhau cháy hết. Thế là mưu hỏa-công của Nhàn bất-thành, mà quân địch thì mỗi lúc mỗi tiến đến gần. Nhàn và Án-sát Huỳnh-mãn-Đạt bèn lấy thuyền nhỏ trốn đi chỗ khác. Nguyễn-hữu-Thành đóng chặt thành cổ-thủ.

Qua ngày 10-4, một đoàn pháo-thuyền do Du Quilio chỉ-huy, kéo theo nhiều sà-lúp chở 300 lính bộ và lính thủy tiến đến gần thành Mỹ-Tho. Lúc rẽ qua một khúc quanh, bỗng nhiên quân Pháp thấy xuất-hiện trước mặt một đồn lũy lớn mà họ không hề ngờ đến vị-trí ở ngay đây. Tuy vậy Bourdais vẫn hung hăng ra lệnh công đồn, một quả đạn trong đồn bắn ra trúng anh ta chết ngay tại trận, nhưng đồn vẫn bị phá, và quân ta lại bỏ chạy. Đây là đồn thứ 5 bị mất, và đường đến Mỹ-Tho đã mở rộng, vì quân giữ đồn thứ 6 trước mặt làng Tân-lương cũng được di-tấn sau khi mất đồn thứ 5. Ngày 12-4, De Quilio chuẩn-bị tiến đánh thành Mỹ-Tho... Sau này, Ph. Aude viết, về trận đánh Định-Tường (Mỹ-Tho) như sau : « Chúng ta ở trước Mỹ-Tho, một thành-lũy cách Sài-gòn 15 dặm, vững chắc hơn ta đã tưởng, vì đã hơn 15 ngày rồi, 1.000

quân ta có tiền lên được đầu. Ở đây, người Nam có rất nhiều đại-pháo và họ đã điều-chỉnh lại cách bắn từ khi Kỳ-hòa bị mất ; các chiến-hạm La Frégate, La Renommée, Le Monge, các pháo-thuyền hạng nhất Avalanche, Dragonne, Fusée, bốn sà-lúp Grisettes ở trước Mỹ-Tho và luôn luôn bắn phá các đồn, nhưng đây còn quá hơn con giao-long ở Lerne nữa ; lúc một đồn bị phá, ta thấy ngay sau đó một đồn mạnh hơn ; ta chiếm được hai hay ba chiến-tuyến như thế, và luôn luôn ta gặp những chiến-tuyến khác vững chắc hơn. Nhưng chúng ta không chết người nào vì chiến-đấu, vì súng của ta tốt hơn họ, giúp cho ta bắn trúng họ trong lúc ta ở ngoài tầm đạn của súng họ. Chỉ một quả đạn rớt trúng một pháo-thuyền nhỏ và chặt đứt cột buồm lớn, gây thương-tích cho một người lính và làm chết Thiếu-tá Bourdais. » Ngày 13-4-1861, quân Pháp lên bộ tiến đến Mỹ-Tho. Nhưng trên thành đã thấy phát-phối một lá cờ Pháp. Thiếu-trưởng Page theo lệnh Trung-tướng Charner, đi học sông Cửu-long đã tìm được lối vào từ biển, và đánh úp chiếm tỉnh-ly từ hôm qua. Quân giữ thành quá bất-ngờ đã bỏ thành chạy với các quan trấn-thủ trong thành.

Người Pháp lại tổ-chức việc lâu dài : đặt lại nền cai-trị và vô an dân-chúng, tìm cách cổ tránh các việc chống đối nổi loạn.

Ảnh-hưởng các trận Sau trận Kỳ-hòa Gia-Định đến trận
Kỳ-hòa, Định-Tường Định-Tường Mỹ-Tho, quân Pháp đã
Mỹ-Tho. thắng ta hai bàn cờ vô-cùng quan-
 trọng. Về chiến-lược, chiếm được
 một vùng quan-trọng ở Đông-Nam-Á, ngay giữa các nẻo đường
 từ Âu sang Á, từ Tây sang Đông, từ Bắc đi Nam ; đối với Việt-

Nam họ đã nắm ngay được yết-hầu xứ Nam-Kỳ lại nắm được ngô về miền Tây là miền lúa gạo của Việt-Nam. Về chiến-thuật, về vũ-khí, họ đã tỏ cho ta thấy không thể nào chống lại quân-đội họ. Về ngoại-giao và chánh-trị họ đã tỏ cho các cường-quốc và các nước Đông-Á thấy là họ đã nắm được các nước Đông-Dương (họ đã qua Miên và Lào trong khi đánh nhau với Việt-Nam), và các nước khác đừng lăm-le đến vùng đất làm ăn của họ nữa (Anh, Y-pha-Nho, Hoa-kỳ..v.v..).

Về mặt vật-chất, Việt-Nam đã mất và bị phá bao nhiêu thành-lũy, đồn trại, bị đốt nhiều nhà cửa, bị cướp hoặc bị đốt bao nhiêu lương-thực, lúa gạo, quân-nhu, súng ống, đạn dược..., bao nhiêu thứ mà trong lúc kinh-tế và tài-chánh nước nhà đang yếu kém, khó mà mua sắm chấn-chỉnh lại được.

Về mặt tinh-thần, các trận thất-bại trước binh Pháp là cả một sụp đổ nặng-nề. Binh tướng đều cảm thấy sự kém cỏi của quân ta trước quân Pháp, quân lính hết tin tưởng ở chiến-thắng, và rất kinh-mang trước vũ-khí Pháp, lắm lúc mới nghe tiếng đã bỏ chạy chưa kịp đánh đá gì. Các tướng cũng chán nản và chỉ nghĩ đến việc hòa, ngay như cụ Nguyễn-tri-Phương là viên tướng bách chiến bách thắng, mà từ mấy năm nay cũng chỉ mong lấy thân đền nợ nước chớ không nghĩ gì hơn được giặc. Vậy mà triều-đình vẫn còn mơ-hồ ! Trương-đăng-Quế, vị Phụ-chính Đại-thần, người có thế-lực nhất ở Triều-đình Huế vẫn chủ-trương đánh hăng, chỉ không biết đánh bằng cái gì, và đánh cách nào ! Vua Tự-Đức thì trông mong quân Pháp sẽ mỗi-một mà rút đi, như một ngày nào trước đây họ đã bỏ Đà-Nẵng ! Phải chăng vua không hề biết người Âu-Tây một khi đã đến đâu đều lập kế sinh-sống lâu dài và bành-trướng thế-lực ở đó ? Ở Mỹ-châu, ở Phi-châu, ở Á-châu, người Bồ-đào-Nha, người Y-

pha-Nho, người Anh, Hòa-lan, Pháp đã đánh chiếm chỗ nào là bấp chặt và tổ-chức ngay thuộc-địa và khai-thác thị-trường, đâu họ có vì người bản-xứ gây-rối hoặc nài xin mà tự-y bỏ đi ! Ngay tại Việt-Nam, từ khi họ chiếm Sài-gòn Gia-Định, Định-Tường Mỹ-Tho là họ bắt tay vào việc tổ-chức cai-trị, hành-chánh, mua chuộc lòng dân, lập nền thương-mại., như vậy đâu có phải họ chỉ ở năm bảy ngày, ba bốn tháng để phải tay ra đi. Tốn công tốn của, đem xương máu con em họ bỏ ở đất người để bỏ đi dễ-dàng được sao ?

Sau Định-Tường đến Biên-Hòa. Ngay sau khi được tin Đại-dồn Kỳ-hòa và Gia-Định thất-thủ, vua liền phái Thượng-thư Bộ Hộ là Nguyễn bá-Nghi làm Khâm-sai Đại-thần cùng với Tôn-thất-Định làm Đề-đốc đem 4.000 quân vào Biên-Hòa tăng-cường phòng-thủ ; lại truyền lệnh cho thứ-thần, tỉnh-thần các tỉnh Vĩnh-Long, Định-Tường, An-Giang, Hà-Tiên, Biên-Hòa đem toàn quân tùy cơ chống giữ, không cho giặc tiến thêm được nữa.

Khi Nguyễn-bá-Nghi đến Biên-Hòa thì Định-Tường đã mất. Tổng-đốc Nguyễn-công-Nhàn, Tuần-vũ Nguyễn-hữu-Thành dâng sớ xin chịu tội, vua cách chức cứu nghĩ nhưng cho về các tỉnh nguyên-ly chiêu binh hùng lo báo phục. Lúc đó cũng có nhiều quan ở Kinh-đô tình-nguyện xin đi Nam đánh giặc, vua đều cho đi Vĩnh-Long và các tỉnh miền Tây hợp với các tỉnh-thần lo việc chiêu-mộ quân-sĩ lập thêm đội ngũ để phòng-thủ. Riêng việc chiêu-mộ quân-sĩ đã được thi-hành từ Thừa-Thiên, Quảng-Nam và đến Nam-Kỳ lục-tỉnh đề tăng-gia quân-số.

Tuy-nhiên, khi Nguyễn-bá-Nghi đến Biên-Hòa, vị Khâm-sai này xét kỹ tình-thế, bàn-luận tỉ-mỉ với các quan-chức tướng

tá đang tập-trung ở Biên-Hòa, và ông đã đi đến kết-luận bi-quan là không thể nào đánh nổi quân Tây, nên ông chủ-trương giải-pháp ôn-hòa cần hòa-giải với Pháp và đi đến một hiệp-ước thân-thiện và hòa-bình. Ông dâng sớ tâu lên vua. Vua hỏi ý-kiến đình-thần thì nhiều người bài-bác ý-kiến chủ hòa, nhất là ông Trương-đăng-Quế chống đối quyết-liệt.. Nhưng vua vẫn cho ông Nghi thương-thuyết với Pháp để dò xét ý-tư của Pháp. Charner đề-nghị đại-khải : Triều-đình Việt-Nam phải cho phép người Pháp tự-do truyền-giáo ; ta nhường cho Pháp Sài-Gòn Gia-Định và Mỹ-Tho Định-Trương ; bồi-thường 4 triệu bạc ; người Pháp được tự-do thương-mãi và tự-do đi lại trong nội-địa Việt-Nam ; lập các tòa Lãnh-sự Pháp tại Việt-Nam, v.v... Vua Tự-Đức chỉ bằng lòng khoản tự-do truyền-giáo, còn các điều-khoản kia thì cứ dằng-co mãi, nhất là khoản nhường đất thì vua rất chống đối. Trong thâm-tâm, như trên đã nói, việc thương-thuyết đối với vua chỉ là kế hoãn binh vì vua trông mong ở các cuộc khuấy phá (vì đánh thật tình ra mặt đã không nổi rồi) sẽ làm người Pháp nản lòng rũ áo ra đi !

Sự thật thì tại các tỉnh cũng như ở Gia-Định Sài-Gòn đã nhiều vụ bạo-động xảy ra, các vụ đánh phá lẻ tẻ, phục-kích càng ngày càng nhiều.

Bá-Nghi đã tâu : «...Ba bốn năm lại đây, quân ta không phải là không dũng, đồn lũy ta không phải là không dày, thế mà phải thua họ chỉ vì tàu và súng của họ hơn ta xa vậy. Các quan quân-thứ không biết người biết mình, cứ gượng mà đánh nên ngày nay mới đến thế. Tôi đến Biên-Hòa, xét tình-thế rất là nguy-bức, bất-đắc-dĩ phái người đến họ hỏi han, tuy nói rằng để hoãn binh, kỳ thật ý tôi cho là đánh giữ đều không thể được, phải hòa chờ không thì không xong cuộc. Trước tôi đã tâu các lễ : « Trừ chước hòa ra, tôi chỉ biết chịu tội mà thôi... »

Tình-bình như thế, tuy nhiều binh cũng không dùng được. »
« hòa thì tuy có khuy-tồn, nhưng xứ Nam-Kỳ còn có thể trông
mong về sau... » (*)

Nhưng Vua vẫn do-dự và không quyết-định được một
chánh-sách nào rõ-ràng. Vua bảo Nguyễn-bá-Nghi : « Sự thế khó
khăn ta đã rõ cả, người có lòng lo việc, phải gắng hết sức để
tỏ rằng cố-cường không sợ gió to. » Người đã ra trước mặt trận
đội lệnh tiến thoái, mà kẻ cầm quyền chỉ nói những lời mơ-hồ
như thế thì như thuyền gặp cơn bão tố mà không có người
cầm lái.

Cuộc điều-đình dầy-dưa không đi đến đâu, thì Trung-
trưởng Charner xin về nghỉ phép, Thiếu-tướng Bonard sang thay,
lại tiếp-tục điều-đình, và tiếp-tục không có kết-quả.

Bonard bèn quyết đánh chiếm tỉnh *Biên-Hòa*.

Biên-Hòa ở cách Gia-Định lối 30 cây-số, có núi bao bọc
rất dễ phòng-thủ, nhất là có xứ Đà-bàn hiểm-yếu che chở, phía
Đông. *Biên-Hòa* lại thông-thương với Phước-Tuy là nơi cung-
cấp lương-thực. Cái thế *Biên-Hòa* đối với Gia-Định và Sài-gòn
rất quan-yếu, nên muốn giữ hai đất trên, thế tất người Pháp
phải nghĩ cách chiếm *Biên-Hòa*. Triều-đình ta cũng biết thế,
nên sau trận Kỳ-hòa là binh ta rút về giữ *Biên-Hòa* rất nghiêm-
cần. Đường bộ từ Gia-Định đi *Biên-Hòa* đều có đồn lũy phòng-
thủ. Giữa Gia-Định và *Biên-Hòa* còn có một đồn lớn là đồn Mỹ-
hòa do 3.000 quân trấn đóng, đường thủy là sông Đồng-nai có
chín đập có gỗ đóng cừ và đá ngăn chặn.

Lúc đầu quân Pháp đánh dò đường tại Suối-sâu hai lần,
đều bị quân ta đánh lui. Họ lại đánh làng An-thạnh và làng
Bình-chuẩn, cũng bị quân ta do Phó Đê-đốc Lê-quang-Tiến
cầm đầu, đánh bại phải rút lui.

(*) Phan-Khoang, Việt--Pháp Bang-giao Sử-lược.

Nhưng những trận này chỉ mới là những trận thám-sát. Đến ngày 14-12-1861, đại-quân của Bonard mới thật sự tấn-công do cả hai mặt thủy bộ.

Bộ-binh gồm 3 chiến-đoàn đánh ba mặt. Chiến-đoàn thứ nhất do Trung-tá Comte chỉ-huy gồm 2 liên-đội khinh-bộ-binh, 100 lính Y-pha-Nho và 50 kỵ-binh với pháo-binh. Đoàn này đánh đồn Gò-Công gần đồn Mỹ-hòa. Đồn bị chiếm lúc 7 giờ 30 sáng. Chiến-đoàn thứ hai gồm một số thủy-quân lục-chiến, 100 quân Y-pha-Nho với pháo-binh do Trung-tá Diego chỉ-huy, đến dàn quân trước đồn Mỹ-hòa. Trong thời-gian đó, chiến-đoàn thứ ba do Đại-tá Hải-quân Lebris chỉ-huy và gồm có hai liên-đội thủy-quân, kéo lên phía sông Đồng-nai, đóng sau lưng các ỗ súng thần-công của ta.

Chiến-đoàn đi đường thủy cũng gồm hai cánh, một cánh lên lối theo các rạch nhỏ vào được con rạch Gò-Công, và một cánh gồm các pháo-thuyền do một Đại-úy Hải-quân chỉ-huy kéo lên phía sông Đồng-nai. Hai đoàn thủy-quân này cùng với đoàn quân Lebris đều quay hết súng vào bắn phá các đập và các đồn đồng hai bên bờ sông Đồng-nai.

Các đồn ta bắn lại kịch-liệt. Pháo-thuyền Tây Alarmè bị bắn trúng 54 quả đạn vào thân tàu và tất cả các buồm trên tàu hầu như bị gãy nát tan-tành. Nhưng lúc thấy sắp bị bọc đánh cả trên bộ thì quân bố-phòng trong các đồn đều bỏ chạy. Một số đồn bị chiếm, một số khác bị mìn phá hủy. Cả đêm ấy lính thủy Tây lợi xuống sông tháo gỡ chướng-ngại-vật và phá hủy các đập ngăn ngang sông.

Ngày 15-12, tất cả các cánh quân đều kéo lại vây quanh đồn Mỹ-hòa bắn phá, còn đoàn kỵ-binh đến án-ngữ đường rút lui của quân ta. Lính ta thấy sắp nguy-khốn cả bốn mặt, liền bỏ

đồn tháo chạy. Qua hôm sau 16-12, Pháp-quân qua sông Đờng-nai, vào đánh thành Biên-Hòa. Quan Tuần-vũ Nguyễn-đức-Duy và Án-sát Lê-quang-Cần thấy không sao chống nổi, liền tháo quân bỏ thành và rút về giữ đồn Hồ-nhi. Quân Pháp lấy được 18 súng thần-công trên thành và 15 thuyền-chiến có trang-bị súng nặng. Bonard vẫn không ngừng quân và, với Đại-tá Hải-quân Desbois, kéo luôn xuống chiếm Phước-Tuy, rồi Bà-Rịa (7-1-1862). Quan Khâm-sai Nguyễn-bá-Nghi đem tàn quân vào đóng ở vùng rừng núi Long-kiến và Long-lập. Côn-đảo cũng đã bị chiếm ngày 9-12-1861, vì Bonard sợ quân Anh còn có ý dòm ngó.

*
* * *

Trong lúc các tỉnh quan-trọng rơi lần vào tay người Pháp thì dân trong các tỉnh lại nổi lên chống ngoại-xâm. Vua muốn thống-nhất các lực-lượng dân-chúng đó để khuấy phá người Pháp, luôn luôn với hy-vọng Pháp sẽ chán-nản mà rút đi. Các quan trong quân-thứ và các quan tỉnh đã bị thất-bại, mất thành từ trước bị vua cách lưu, nhưng giao mật-lệnh tập hợp tàn quân bị tan vỡ lúc trước và cộng-tác với các lực-lượng dân-chúng ứng nghĩa. Vua giao công-việc ở Gia-Định cho Đỗ-Quang, ở Định-Tường cho Đỗ-thúc-Tĩnh, ở Biên-Hòa cho Nguyễn-đức-Hoan, Lê-khắc-Cần. v.v...

Về phía Pháp, Bonard cố-gắng đem lại an-ninh trong các vùng chiếm được, nhưng hết sức vất-vả vì du-kích-quân khuấy phá liên-miên. Mặt khác, trong lúc muốn cải-cách việc cai-trị và hành-chánh, ông đã vấp phải một vấn-đề gai góc. Trước kia, Charner muốn đặt nền trực-trị, giao quyền hành-chánh cho các sĩ-quan nắm lấy, chỉ có những cấp dưới như Tổng Xã, Ấp, mới giao cho người bản-xứ. Nay Bonard muốn đặt các cấp hành-chánh từ Phủ Huyện trong tay người Việt, chỉ cấp Tỉnh mới ở

trọng tay người Pháp. Nhưng việc cải-tổ này vấp phải một tệ-trạng là những quan-viên xưa do Triều-đình bổ-nhiệm là những phần-tử tri-thức thì nay trốn tránh không muốn lãnh chức-vụ do người Pháp giao-phó. Những phần-tử chịu hợp-tác ngay từ lúc đầu phần nhiều là những hạng người phiêu-lưu, vô-học, không có chút uy-tín đối với dân...và họ chỉ lo đục nước béo cò, nịnh chủ mới hại dân lành. Tình-thế thật bi-đát đối với dân-chúng !

**Lại đến Vĩnh-Long
cũng mất luôn.**

Như trên đã nói, từ lúc Pháp chiếm được mấy Tỉnh, tuy quan-quân thua chạy, nhưng dân-chúng nổi dậy lung-tung mà sau lưng phần lớn là có bàn tay các quan-chức do Triều-đình nuôi-dưỡng và ra chỉ-thị cho thi-hành. Quân Pháp đi lẻ tẻ thường bị chặn đánh thịnh-linh và bị thiệt-hại khá nhiều. Ngày 10 tháng 3 năm 1862, một pháo-thuyền ở Mỹ-Tho bị nổ, 52 lính Tây đi trên thuyền bị thương-vong. Nhà chức-trách cho là vụ này do quan-chức tỉnh Vĩnh-Long chủ-trương.

Bonard tức giận liền quyết đánh lấy luôn tỉnh-thành Vĩnh-Long.

Ngày 20-3-1862 (tháng hai năm Nhâm-tuất, Tự-Đức thứ 15), Bonard đem trên 1.000 quân chở trên các chiến-thuyền Ondine, Shamrock, các pháo-thuyền lớn nhỏ đến đậu gần đồn Vĩnh-tùng. Tổng-đốc Trương-văn-Uyên, Bố-chánh Lê-đình-Đức cùng với Lãnh-binh Tôn-thất-Hoan, Lãnh-binh Hồ-Lực v.v... sắp binh chuẩn-bị ứng chiến.

Hai ngày 21 và 22-3, quân Pháp do hai mặt thủy-bộ tiến lên bắn xối xả vào các đồn Vĩnh-tùng, Thanh-mỹ,..., quân ta chống không nổi đều bỏ đồn tháo lui. Tàu Pháp tiến sát thành,

bắn kịch-liệt vào thành, trong thành quân lính bị chết bị thương khá nhiều, Trương-văn-Uyển nhằm chống không lại, bèn ra lệnh đốt hết kho tàng doanh trại, rồi rút quân khỏi Vĩnh-Long, ra đóng tại đồn Vĩnh-trị, rồi chạy luôn đến Duy-Minh. Quân Tây vào chiếm thành, lấy được 68 đại-bác (28-3-1862).

Nguyễn-tri-Phương Lúc ở Nam-Kỳ, tình-hình đang khó
lại được tuyên-triệu khấn, quan Khâm-sai Nguyễn-bá-Nghi
làm Khâm-sai Quân-vụ mới vào đến đã bàn tính với Tổng-
Đại-thần. đốc Gia-Định là Đỗ-Quang rồi chạy
Sớ về tâu với vua rằng : « Lúc này
việc quân hết sức khó khăn, chúng tôi chỉ sợ phòng-bị không
nổi, nên chúng tôi đều xin thỉnh tội. » Vua xem Sớ phán rằng :
« Đánh giặc là việc trọng, ngoài Nguyễn-tri-Phương, sợ không
có ai đương nổi việc ấy. » Cuối năm ấy, được tin tỉnh Biên-Hòa
thất-thủ, đình-thần lại cùng tâu rằng : « Ông Nguyễn-tri-
Phương là một vị trọng-thần, am hiểu trận mạc, các quan ở
Triều không ai bằng, xin cho khai phục nguyên hàm để hiệp-
đồng với ông Nguyễn-bá-Nghi mà dẹp giặc. » (Lúc này không
thấy các ông đòi trăm giam hậu !)

Vua chấp-thuận, cho tuyên-triệu cụ Nguyễn-tri-Phương
vào triều, chuẩn cho khai-phục hàm Thượng-thư sung Khâm-
sai Quân-vụ Đại-thần, ban cấp quân-phù, kỳ-bài, kiếm ấn, áo
mão và một trăm lượng bạc. Nhưng cụ từ-khước không nhận
số bạc.

Vua dụ rằng : « Trẫm biết khanh có tính liêm-khiết,
nhưng đây chỉ để cho khanh dùng làm lộ-phí, chớ có to tát gì

số tiền ấy mà khanh phải từ-chối ! » Cụ bất-đắc-dĩ phải bái lãn.

Lúc vào đến Quảng-Nam, cụ đã cùng các quan tỉnh là Đào-Trí và Nguyễn-Hiền trừ việc tỉnh làm thêm đồn lũy đề tăng cường việc phòng thủ Đà-Nẵng được thêm kiên-cố.

Xong việc Quảng-Nam, ông vào đến Bình-Thuận thì vừa gặp ông Nguyễn-bá-Nghi chạy giặc ra đó. Nghi nói : « Súng Tây nó bắn dữ quá ! Không thể gì giữ thành nổi ! Tôi phải làm Sớ về Kinh thỉnh tội thôi ! »

Sớ về Kinh, vua lại xuống Dụ lần nữa thúc cụ Nguyễn-tri-Phương phải đi gấp vào ngay xem xét rồi tùy tình-thế mà thi-hành.

Nhưng chẳng mấy hôm cụ được tin mấy tỉnh trong Nam-Kỳ đều thất-thủ cả rồi. Cụ lại được triệu về Triều phục mạng.

Hòa-ước 1862
(Hòa-ước năm
Nhâm-tuất)

Thời-gian quân Pháp làm ta khốn-đốn ở Nam-Kỳ, thì ở Bắc-Kỳ lại nhiều đám giặc cỏ nổi lên, quan quân dẹp không nổi làm cho Triều-đình hết sức bối-

rối lo sợ. Vì vậy vua đành dùng kế hoãn binh tại Nam-Kỳ để thanh-toán cho xong việc ngoài Bắc. Hai ông Phan-thanh-Giản và Lâm-duy-Hiệp được Vua sai vào Gia-Định nghị-hòa với Thiếu-tướng Bonard. Hai ông theo Trung-tá Simon trên chiếc tàu Forbin vào Sài-gòn. Sau mấy ngày bàn cãi kèn cựa bót một thêm hai, ngày 5-6-1862 hai bên mới thỏa-thuận ký-kết tờ hòa-ước gồm 12 điều-khoản nội-dung đại-khái như sau :

1—Nước Pháp, nước Y-pha-Nho và nước Đại-Nam vĩnh viễn sẽ giao-hảo với nhau như bạn.

2 — Người Pháp và Y-pha-Nho được phép truyền-đạo Gia-tô ở nước Đại-Nam, ai muốn theo được tự-do theo, ai không muốn theo cũng không được ép.

3 — Nước Nam phải nhường ba tỉnh Gia-Định, Định-Tường, Biên-Hòa và đảo Côn-lôn thuộc quyền Pháp cai-trị. Người Pháp có quyền do đường biển hay đường sông đến buôn-bán với Cao-Mên đều được tùy-tiện. Binh-thuyền Pháp cũng được tự-do qua lại trên sông Cửu-long xem xét canh-phòng, không bị ngăn cấm.

4 — Sau khi hòa-ước Pháp Nam đã ký-kết, nếu nước Nam giao-thiệp với nước nào, phải cho Pháp biết, và nếu phải nhường đất cho ai, phải được Pháp ưng thuận mới được.

5 — Người Pháp và Y-pha-Nho được ra vào buôn bán tự-do ở các cửa biển Đà-Nẵng, Ba-Lạt, Quảng-Yên ; tuy-nhiên họ phải trả thuế theo luật-lệ định. Người nước Nam muốn qua buôn bán ở hai nước Pháp và Y cũng được đối-đãi như thế.

6 — Nếu có việc quan-trọng khẩn-yếu giữa ba nước, thì mỗi nước phải một Khâm-sai Đại-thần hội-đồng với nhau tại Kinh-đô nước Nam, nước Pháp hay Y để giải-quyết-

Tàu Pháp đến nước Nam phải đậu ở Đà-nẵng, rồi theo đường bộ đi về kinh-đô.

7— Người Nam bị quân Pháp, Y bắt đều được trả tự-do, tài-sản của dân-chúng nếu bị giữ đều lập tức phải trả lại ; người Nam đã làm việc với Pháp cũng được xá-miễn, gia-quyển cũng khỏi bị tội lây.

8 — Nước Nam phải trả cho Pháp, Y số tiền 4.000.000 đồng bạc binh-phí, trả trong 10 năm, mỗi năm 400.000 đồng.

9 — Quân trộm cướp giặc giã tội-phạm đối với Pháp mà trốn lánh ở đất thuộc nước Nam, cũng như trái lại tội-phạm đối với nước Nam mà trốn trên đất thuộc Pháp, đều được hai bên hội-y đề bắt trao trả cho bên kia.

10 — Dân 3 tỉnh Vĩnh-Long, An-Giang, Hà-Tiên qua lại làm ăn tại các đất đã nhượng cho Pháp thì phải theo luật-lệ của Pháp đã định. Ai chở binh-lính, khí-giới, lương-hương mà không báo trước và không có giấy phép của Pháp thì tất cả đồ chuyên-chở và xe thuyền bị tịch-thu, binh-lính bị bắt và bị tội.

11 — Tỉnh Vĩnh-Long bị Pháp chiếm, nay được trả lại, nhưng binh Pháp phải tạm đóng giữ. Công-việc thuộc phạm-vi nước Nam do quan-chức Nam xử-lý, người Pháp không can-dự. Đặc-biệt, hiện các quan-viên vắng lệnh lần lên ở Gia-Định và Định-Tường chực tấn-công vào Pháp-quân, nay hòa-ước đã ký giữa hai bên, vậy phía Triều-đình Nam nên triệu những người ấy về cho dân làm ăn yên ổn. Khi hai tỉnh trên vẫn hồi an-ninh, quân Pháp ở Vĩnh-Long sẽ triệt-hồi.

12 — Trong hạn một năm, vua ba nước phê-chuẩn hòa-ước, rồi sẽ trao đổi văn-kiện tại Kinh-đô nước Nam.

*
* * *

Hòa-ước ký xong, hai sứ-giả về Huế phục-mạng. Vua Tự-Đức rất buồn bực và có ý trách-cứ hai vị Khâm-sai sứ-thần. Sau khi đình-ngự, Vua bèn sai Phan-thanh-Giản làm Tổng-đốc Vĩnh-Long, Lâm-duy-Hiệp làm Tuần-vũ Thuận-Khánh để tiện

đi lại với người Pháp và tùy cơ kiếm cách xin sửa lại hòa-ước để bớt thất-lợi cho ta...

Cái mộng đòi lại 3 tỉnh Dầu bị đánh chiếm 3 tỉnh Nam-Kỳ, Nam-Kỳ và Phái-bộ đều phải ký hòa-ước nhường chính-thức 3 tỉnh cho Pháp, nhưng vua Tự-Đức và Triều-đình Huế vẫn nuôi mộng lấy lại hoặc chuộc lại mấy tỉnh này. Lẽ tất-nhiên, không ai muốn quê cha đất tổ lại bị người ngoài cắt xẻ. Huống chi đối với vua Tự-Đức thì Nam-Kỳ là đất khai-nghiệp của nhà Nguyễn và là quê ngoại (Đức Từ-Dũ sinh ra ngài là người gốc Gò-Công, và là con ông Phạm-đăng-Hưng, công-thần của vua Gia-Long).

Sau khi sai Phan-thanh-Giản ở Vĩnh-Long và Lâm-duy-Hiệp ở Thuận-Khánh cố tìm cách giao-thiệp với Pháp để bàn vấn-đề trên với Soái-phủ Sài-gòn mà không thành, vua bèn sai Hiệp-biện Đại-học-sĩ Phan-thanh-Giản, Tham-tri Phạm-phú-Thứ và Án-sát Ngụy-khắc-Đản sang Pháp và Y-pha-Nho. Khi gặp được Hoàng-Đế Nã-phá-Luân Đệ-tam tàu bày mọi lễ, phái-bộ chỉ được hứa hẹn qua loa và rất mơ-hồ là sẽ xét vấn-đề kỹ-càng rồi sẽ trả lời sau cho Triều-đình Việt-Nam. Qua Y-pha-Nho, phái-bộ cũng chỉ nhận được những lời hứa hẹn tương-đương. Như vậy là công toi.

Vả lúc mình yếu kém hơn người mà bị chiếm-đoạt đất đai, họ đem xương máu tiền bạc súng đạn để chiếm được những chỗ thiết-yếu của mình thì việc đem ba tấc lưỡi và những lời nhân nghĩa theo lối Á-đông mà nói với họ, nghĩ

thật vô-ích. Người Pháp cũng như các nước Tây-phương khác đã đua nhau mà thôn-tính các nước Á-châu, thì một khi họ đã chiếm được chỗ tốt cho đế-quốc họ, nếu không có một sức mạnh nào buộc họ nhả miếng mồi ngon ra thì chẳng lúc nào họ huông tha dễ dàng qua những lời thuyết-trình và một số kim-ngân mà họ cũng chẳng xem ra gì so với những cái lợi to lớn họ mong đạt được về sau do các thuộc-địa đem lại : lợi về thanh-thế, lợi về chánh-trị, lợi về kinh-tế, lợi về quân-sự, .v.v...

*
* * *

CHƯƠNG VI

LOẠN TẠI BẮC-KỲ
VÀ Ở KINH - ĐÔ

LOẠN TẠI BẮC-KỲ VÀ Ở KINH-ĐÔ

Tổng-Thống quân-vụ Sau các trận thất-bại ở Nam-Kỳ và
Đại-thần ở Bắc-Kỳ sau khi Triều-đình đã cử hai ông
Phan-thanh-Giản và Lâm-duy-Hiệp
vào nghị-hòa, cụ Nguyễn-tri-Phương về Triều phục-mạng.

Vua Tự-Đức dụ rằng : « Hôm trước có chỉ triệu khanh về, khanh xin hưu-trí, nhưng đang lúc nước nhà nhiều việc, nhất là hiện nay ở Bắc-Kỳ đang rối ren, khanh nên hết lòng vì nước ở lại Triều-đình để khi cần hỏi han giúp đỡ cho Trẫm. Trẫm thật chưa muốn cho khanh về hưu ». Cụ tâu : « Đạo làm tôi phải hết lòng vì vua vì nước, nhưng ngoài xứ Bắc-Kỳ, hương lai lão-thần này chưa hề lần nào ra đó cả, không rõ tình-hình địa-thế ra sao hết. Nhưng dầu sao, Bệ-hạ nghĩ thế nào thì hạ-thần cũng xin lãnh ý vâng theo ».

Vua phán : « Thế thì khanh ở lại Triều một tuần nhật để coi-phiếu sứ chạy về, thì sẽ biết rõ tình-trạng ở xứ Bắc-Kỳ, rồi có mưu chước gì hay sẽ bàn với các ông Đoàn-Thọ và Trần-tiến-Thành ».

Nhân lúc bấy giờ ở Tuyên-Quang có tên thồ-phi là Uẩn và tên Nông-hùng-Thạc cùng bọn giặc Tàu là Hoàng-sùng-Anh

nổi lên vây thành ở Tĩnh-ly. Ở Thái-Nguyên cũng có giặc, ở Cáo-Bằng có tên giặc Khách là Lý-hợp-Thắng, ở Bắc-Ninh thì có Cai-tổng Vàng quấy nhiễu cướp phá. Các quan tỉnh lo rối cả lên, chạy sớ về Triều cáo-cấp!

Vua bàn với Triều-đình cử người ra dẹp giặc. Cơ-mật đại-thần là Trần-tiên-Thành lại tiến cử Nguyễn-trí-Phương.

Vua Tự-Đức phê cho cụ làm Khâm-sai sung Bắc-Kỳ Tổng-thống quân-vu Đại-thần. Thế là Cụ lãnh mệnh ra đi đánh giặc lần đầu tiên ở xứ Bắc.

Khi đến nơi, Cụ đóng đồn ở sông Tiêm-đức rồi gửi mật-thư cho các quan tỉnh Hà-Nội, Sơn-Tây sắp sẵn chiến-thuyền để ứng-tiếp, mật khác cũng gửi thư cho quan tỉnh Bắc-Ninh cứ theo pháo-hiệu thì cũng phải đem quân ra tiếp cứu.

Cụ cùng quan Tán-ly là Huỳnh-Thành và quan Tán-trương là Phan-đình-Tuyền đem binh qua sông, đánh rọc vào đồn giặc, phá luôn đến 5 đồn rồi kéo quân tiến thẳng đến tỉnh-thành Bắc-Ninh. Ngay lúc đó cụ lại cùng quan Tán-ly Nguyễn-văn-Trọng dẫn binh đi gấp lên Thái-Nguyên, trong một trận bắt ngay được tướng giặc là Lê-văn-Thanh và Tham-muru là Doãn-văn-Đắc. Xong cụ lại kéo binh trở lại Bắc-Ninh, vây bắt được chánh-phó nguyên-soái giặc là Nguyễn-Vân và Lê-Nghiêm ở núi Chí-linh và cho chém hết. Cụ lại phá luôn sào-huyệt của giặc ở núi Ma-hiền châu Bạch-thông.

Thế là các tỉnh Bắc-Ninh, Sơn-Tây, Tuyên-Quang, Thái-Nguyên đều yên. Giặc Nùng, giặc Khách, giặc tự xưng là dư-đảng nhà Lê như Lê-văn-Thanh đều tan rã. Nguyễn-trí-Phương tiến quân đến đâu là thắng đến đó. Sớ liên-tiếp báo-tiếp về Kinh, vua hết sức hoan-hỷ, khen ngợi không ngớt.

Do những công lớn ấy, năm Tự-Đức thứ 16 (1863), cụ được thăng thu Hiệp-biện Đại-học-sĩ sung Bắc-Kỳ Tổng-thống quân-vụ Đại-thần.

Nhưng cũng cùng năm ấy, giặc Tàu-Ồ lại nổi lên, cướp phá và chiếm-cứ miền Hải-đảo và tràn vào quấy nhiễu các tỉnh Hải-Dương, Hưng-Yên v.v...

Quan các tỉnh lại chạy sớ cầu cứu liên-miên.

Vua Tự-Đức phê cải sung cụ làm Hải-An (Hải-Dương và Quảng-Yên) quản-thứ Tổng-thống Đại-thần với Trương-quốc-Dụng làm Hiệp-thống. Cụ lại đem binh đi dẹp giặc biên, tiến quân vũ-bảo quét sạch các miền ven bể và bên bờ các sông như ở làng Cỗ-trai và Phấn-đường...

Đánh hơn trăm trận... Được sớ cụ báo-tiếp, vua hết sức vui mừng, dụ rằng : « Khanh là bậc công-thần túc-tướng, uy-phong lừng lẫy, trải thờ ba triều, đánh hơn trăm trận, trước dẹp phương Nam, nay yên đất Bắc, một lòng yêu nước thương dân, chẳng nài khó nhọc.

« Nay Trẫm đem người em gái Trẫm là *Đông-Xuân Công-chúa* hạ giá cho con thứ hai của Khanh là *Nguyễn-văn Lâm*, phong Phò-mã Đô-úy, để đáp cái công lớn của Khanh. Trẫm sẽ cho Khâm-thiên-giám chọn ngày tốt rồi Sắc Tôn-nhân phủ hội-đồng với Hiệp-biện đại-học-sĩ Trần-tiến-Thành chủ-trương việc ấy.

« Còn Khanh vì quân-vụ phân-phiền, miễn phải về Triều lo việc ấy, để lo việc quân-cơ, vỗ yên nhân-dân cùng quân-sĩ... »

*
* *

Tuy-nhiên ở Bắc giặc vẫn còn mạnh, nhất là ở Quảng-Yên, tên Phụng (cũng tự xưng là con cháu nhà Lê, nhưng sự thực y tên là Tạ-văn-Phụng) chiếm nhiều yếu-điểm và nhiều đảo. Lúc này, tên Phụng có cho người liên-lạc với Thiếu-tướng Bonard đề xin viện-trợ, hứa lúc lấy được Bắc-Kỳ sẽ nhận nền đò-hộ của Pháp. Nhưng Bonard đã từ-chối.

Bọn giặc Tàu-Ô cũng ăn núp ở nhiều đảo ngoài biển, nhất là ở đảo Hải-Nam của Tàu, rồi tùy-cơ tràn sang cướp bóc và bắt cóc người, nhất là đàn bà con gái đem đi bán các nơi.

Cuối năm 1863, quân giặc họp nhau quy-tu một lực-lượng hải-quân gồm gần 500 chiến-thuyền ở vùng đảo Cát-bà gần Quảng-Yên và ở núi Đồ-sơn. Chúng định kế-hoạch, muốn do đường biển lên lút vào đánh bất-ngờ Kinh-đô Huế. Không may cho chúng, lúc chúng sắp kéo quân đi thì bị bão đánh giạt, tàu thuyền bị đắm và tan vỡ, quân chết rất nhiều. Quan Đê-đốc Lê-quang-Tiểu và Hộ-phủ là Bùi-huy-Phan dò được tin ấy, liền đem quân ra đánh, định tiêu-diệt được giặc. Không ngờ bọn này đã đề-phòng nên tương kế tựu kế vây đánh quan quân rất mãnh-liệt. Quan quân tan rã, tổn-thất cũng khá, hai vị chỉ-huy phải nhảy xuống biển tự-tử cho khỏi bị giặc bắt sống.

Muốn trả thù cho trận này, tháng 6 năm 1864, Hiệp-thống Trương-quốc-Dụng cùng các quan Tán-ly Văn-đức-Khuê, Tán-tướng Trần-huy-Sách và Chương-vệ Hồ-Thiệu kéo quân ra tỉnh đánh úp giặc ở Quảng-Yên. Không ngờ bọn giặc lại biết tin trước nên cả bọn đều bị bắt sống, quân-sĩ thiệt-hại to. Cùng trong năm ấy, tại trận Nai-lộc ở Hải-Dương, Phó Đê-đốc là Vũ-Tảo cũng lại bị bắt sống.

Vì quan quân dưới quyền bị thua luôn mấy trận trên, nên cụ Nguyễn-tri-Phương bị Triều-đình phạt giáng xuống hai cấp lưu... Nhưng sau đó vua lại xuống dụ rằng : « Lâu nay Trẫm vẫn nghĩ rằng chốn Kinh-sur là nguồn gốc quan-yeu của quốc-gia, Trẫm muốn triệu khanh về để xét rõ tình-hình của giặc rồi làm thế nào để bố-tri phòng-thủ cho chắc chắn và có thành-hiệu để Trẫm được yên lòng ».

Cụ tâu rằng : « Hồi tháng 6, tháng 7 năm ngoái, giặc đã gần tan rã hết, tưởng chừng vài tháng nữa thì giải-quyết được hoàn-toàn. Không may trận đánh ở Cát-Bà quân ta bị thua, thế giặc nường theo đó bành-trướng thế-lực và dần dần tăng-cường. Nếu bây giờ giao cho quan hai tỉnh Hải-Dương và Hưng-Yên sợ e không đủ sức đương-cự. Vậy, xin bệ-hạ cho hạ-thần ở lại thêm vài tháng để dẹp yên hoàn-toàn mới khỏi lo về sau ».

Vua lại dụ rằng : « Khanh là lão-thần, mọi việc trọng-yếu Trẫm đều nhờ cậy và tin tưởng ở khanh. Hơn nữa binh tướng hùng-hậu không nên ở lâu ngoài biên-cương. Nếu ở Kinh-đô tại Triều có xảy ra việc gì bất-trắc thì biết lấy ai ngăn cản, khanh nên sớm liệu-định công-việc để yên lòng Trẫm ».

Lúc ấy triều-thần cũng có xin tuyên-triệu Nguyễn-tri-Phương về triều để tâu rõ tình-hình ở Bắc-Hà. Vua lại phán : « Nguyễn-tri-Phương khó nhọc ở ngoài đã lâu, Trẫm cũng thường nhớ luôn, nhưng vì binh dân ở chỗ quân-thủ đều lấy vị sứ-thần này làm chỗ nương tựa, mà vị sứ-thần này cũng thấy cái trách-nhiệm, mình chưa xong nên chưa có thể về được và xin ở lại để thanh-toán cho yên mọi việc mới về châu. »

Cụ Nguyễn-tri-Phương lúc ấy tự xét mình ở ngoài đã lâu mà không làm được công-trạng gì đáng kể, nên dâng sớ xin chịu tội.

Vua chuẩn tấu giáng bốn cấp lưu để xét việc làm về sau sẽ nghĩ lại.

Năm Tự-Đức thứ 18 (1865), vì việc tài-chánh trong triều bị khó khăn vì giặc giã liên-miên, nên triều-thần tâu xin bỏ luật cấm nha-phiến để đánh thuế lấy lợi cho công-quỹ. Vua hỏi ý kiến cụ Nguyễn-tri-Phương thì cụ tâu rằng : « Nha-phiến rất hại cho người dùng, rồi sẽ hại cho nước nhà nữa, không nên bỏ lệnh cấm để đánh thuế. Cái lợi nhỏ không bù cái hại lớn. » Vua nghe theo nên việc ấy không bàn đến nữa.

Cùng năm ấy, mấy tỉnh Hải-Dương, Hưng-Yên bị nạn hạn-hán. Cụ thành-tâm lên đảo mưa tại núi Đường-Sa. Mưa luôn rất lớn trong mấy ngày. Cụ làm bài văn-tế đảo dâng lên vua xem (tiếc rằng bản văn này không thấy lưu lại đâu cả).

Vua phê rằng : « Đọc chúc-văn của khanh lòng thành đầy dẫy khiến Trẫm nghe lời rơi lụy. Khanh có cái tâm-sự trung-thành như vậy, Trẫm có vàng ngọc cũng chưa đủ đền đáp lòng khanh được, nay Trẫm chỉ ban cho một bài thơ để kỷ-niệm. »

Thơ như sau :

Quốc nhĩ vọng gia phú dự trung,
Cúc cung tận tụy cổ-nhân phong.
Tác lâm dĩ kiến thân thành khốn,
Tây giáp do vọng tấn võ công.

Tạm dịch như sau :

*Bỏ nhà theo nước một niềm trung,
Phong-độ người xưa chỉ hết lòng,
Vì hạn cầu mưa, mưa dặng thấm,
Mong ngày rửa giáp cáo thành công.*

(Theo Tự-lạc-Tử)

Cùng năm ấy (Ất-sửu : 1865), bọn giặc Tàu-Ô lại kéo vào cướp phá các đảo Phò-long và Cát-bà, rồi chia ba đạo đánh sâu vào tới Hải-Dương. Cụ cùng quan Tán-lý Nguyễn-văn-Trọng đem đại-dội chiến-thuyền ra chặn đánh. Vì cụ bố-tri có mưu-lược nên quân giặc bị vây, 20 chiến-thuyền của chúng bị bắn chìm, 60 chiếc khác bị bắt, số còn lại bị bắn hư hại, và bỏ chạy. Quân giặc bị bắn trúng hoặc bị rớt xuống biển chết rất-nhiều. Xong trận này, thừa thắng tiến lên miệt sông Hà-lai và sông Gia-luận thuộc huyện Nghiêu-phong, cụ lại thắng một trận lớn nữa và bắt được tướng giặc tên Oánh, cụ cho giết tại trận, lại bắt thêm một tướng hậu-quân của giặc tên Phan-văn-Khương, cụ cho đóng cũi giải về Kinh trị tội. Sau đó, cụ cho quân các đạo của Đề-đốc Mai-Thiện, Tán-lý Đặng-trần-Chuyên, Đốc-binh Ông-ích-Khiêm chia đường rượt đánh giặc làm chúng thua có 10 trận nữa, phải rút lui tạm ẩn náu ở Hải-Ninh... Cụ lại kéo quân lên Thái-Nguyên trong lúc lũ giặc Khách đang vây khốn thành này. Cụ cùng Đề-đốc Nguyễn-cửu-Lễ tiến binh đánh vào mãnh-liệt. Giặc Khách thua to bỏ chạy tan tác.

Đến tháng 7 năm ấy, cụ lại sai Đặng-trần-Chuyên và Ông-ích-Khiêm đem binh ra Quảng-Yên lần nữa và ước hẹn với quan nhà Thanh ở thành Khâm-Châu cùng hội binh để đánh lấy lại thành Hải-Ninh (vì bọn giặc này quấy phá cả miền biên-giới và miền biển của Tàu, nên vì lợi chung mà hai bên hội binh). Liên-quân Tàu Việt tiến đánh khắp mặt, giặc thua to. Chúng kéo hơn 70 chiến-thuyền chia đường trốn chạy ra biển. Quan quân rượt theo đánh, chúng lại thua nữa. Số dòng đờ-dăng bị chết và bị bắt, một số chạy trốn được. Hai tên đầu sỏ là Phụng và Ước thì thoát chạy vào miền Quảng-

Bình, Quảng-Trị, nhưng về sau cũng bị bắt và bị hành quyết tại kinh-đô.

Giặc tên Phụng Kề ra tên Tạ-văn-Phụng khởi loạn quấy phá Triều-đình từ năm 1861 đến nay là 1865 mới hoàn-toàn bị tiêu-diệt. Tên Phụng nguyên tên là Tạ-văn-Phụng trước có theo các giáo-sĩ đi ngoại-quốc, sau về theo Charner đánh lại quân ta ở Quảng-Nam. Cuối năm 1861, Phụng chạy ra Bắc, lấy tên là Lê-duy-Minh tự xưng hậu-duệ nhà Lê rồi lại tự xưng làm minh-chủ, họp với các tên Ước, tên Trường, tên Đồ dấy loạn ở Quảng-Yên. Phụng lại khôn khéo liên-kết với bọn giặc Tàu-Ô ở biển và giặc Khách cùng các đám giặc cỏ trong các tỉnh gây thanh-thế, hết đánh tỉnh này đến tỉnh khác làm khổ cho quân dân trong bốn năm trường, đến nay nhờ cụ Nguyễn-tri-Phương mới dẹp hẳn được, thật là trừ một cái nạn lớn cho Triều-đình và cho dân-chúng.

**Thái-Tử Thái-bảo
Võ-hiền-điện
Đại-học-sĩ**

Nhân các chiến-công oanh-liệt trên đây, vua thăng cụ lên hàm Thái-Tử Thái-bảo Võ-hiền-điện Đại-học-sĩ, Tri-dống-tướng, Tráng-liệt-Bá, sung Bắc-

kỳ Tổng-thống quân-vụ Đại-thần.

Năm ấy cụ đã 65 tuổi, đã già yếu mà vết thương cũ đã thành tật (vết thương bị đạn ở trận Kỳ-hòa), nên cụ dâng sớ xin về Kinh.

Nhân ở Kinh-đô, cũng đang có bọn Đoàn-Trung Đoàn-Trực làm loạn, nên vua cho triệu cụ về. Kinh-lược Võ-trọng-Bình sau khi đánh thắng bọn giặc Khách ở Lạng-Sơn và Cao-Bằng cũng được triệu về Kinh luôn.

Binh-bộ Thượng-thơ Khi cụ Nguyễn vào châu. Vua cho
 Kinh - kỳ hải-phòng-sứ ngồi, hỏi han tình-hình biên-cảnh rồi
 sắc may quần áo ban tặng cụ để tỏ
 lòng ưu-đãi, lại cho phục nguyên-hàm và quản lãnh Thượng-
 Thơ Bộ-Binh sung Cơ-mặt-viện Đại-thần, sung Kinh-Kỳ hải-
 phòng-sứ.

Loạn ở Kinh Giặc trong Nam, loạn ngoài Bắc làm
 Triều-đình bối-rối xoay xở chưa kịp
 thì ngay ở Kinh-thành cũng có phiến-loạn nổi lên. Cái loạn ở
 Kinh lại là cái loạn tâm-phúc của Vua Dực-tôn. (1)

Vua là con thứ mà được lên ngôi, còn ông anh là Hồng-
 Bảo vì chơi bời phóng-dãng không có tư-cách lại ít học nên
 bị vua Thiệu-Trị phế bỏ. Hồng-Bảo tức giận, kết-liên với ngoại-
 bang để cướp ngôi, nhưng bị bại lộ và bị giam cầm. Sau ông
 tự-tử bằng thuốc độc, còn con phải đổi họ gọi là Đình-Đạo.
 Đến đầu năm 1866 nhân vua đang cho xây lăng Vạn-niên-cơ
 tức Khiêm-lăng (lăng Tự-Đức), quân-sĩ và thợ phải làm việc
 khổ cực sinh bất-mãn. Có bọn Đoàn-Trung, Đoàn-Ái và Đoàn-
 Trực cùng bọn Trương-trọng-Hòa, Phạm-Lương mưu việc phế
 lập để đưa Đình-Đạo lên ngôi vua. Bọn này dụ đoàn quân-sĩ
 và lao-công làm việc ở Vạn-niên-cơ để khởi loạn có quan
 Hữu-quân Tôn-thất-Cực làm nội-ứng.

Đêm hôm mùng 8 tháng 8, bọn Trưng Trưng kéo quân
 về xâm nhập Đại-nội, tính bắt giết vua Tự-Đức (tức Dực-Tôn).
 May sao có quan Chưởng-vệ Hồ-Oai phát-giác kịp, tự tay đóng
 kịp cửa lớn của Điện (và bị gươm của loạn-tướng xia vào
 khe cửa rọc đứt một mép tai). Bọn Trưng Trưng và đồng-đảng

(1) Tức vua Tự-Đức.

đều bị bắt. Cả bọn bị giết chết, còn các quan có trách-nhiệm hộ-vệ các cung điện đều bị tội.

Nhân việc này, Nguyễn-tri-Phương và Vũ-trọng-Bình đều dâng sớ tâu : « Hoàng-thượng nay cũng bất-đắc-dĩ mà xây-dựng Thọ-lăng, chớ không gấp gì, nhưng viên Đồng-ly là Lê-Xa và viên Biện-ly là Nguyễn-văn-Chất bắt dân phu làm ngày, làm đêm quá ư mệt nhọc vất-vả, khiến đũa cuồng-phu là Đoàn-Trung nhất-thời xường loạn, vậy tâu xin cách chức các viên đó, giao Bộ Hình xét tội... Lại bây giờ đã đến mùa mưa gió, xin cho hoãn công-việc xây cất vài ba tháng cho dân phu về làm ăn, để khỏi bất-mãn oán trách Triều-đình.

« Còn các quan chức văn võ ở Triều không xem xét công-việc để xảy ra sự việc như thế cũng nên nghĩ tội... Bọn chúng tôi tuy ở xa mới về, nhưng làm đầu trong nước mà không biết tru-liệu xa xôi, cũng xin chịu tội trước mặt bệ-hạ. »

Vua phán rằng : « Đĩnh-thần xem xét bất-chu đều có lỗi đã đành, còn hai khanh đều ở ngoài mới về lại dày công trên trận mạc không có liên-can gì đến việc xảy ra ở đây, thì sao mà nghĩ tội được. »

Xong, vua lại phán hỏi tình-hình dân-gian và quan-lại ở Bắc-Kỳ hiện nay ra sao ?

Cụ tâu : « Cái tích-lệ của quan-lại hãy còn nhiều, nên cần chọn phái đại-thần ra trừ sạch lần các thói cũ để thu-phục lòng người. »

Vua Tự-Đức lại phán : « Vẫn phải như thế, Trẫm cũng đã biết, nhưng theo khanh có biết người nào đảm-đương được trách-nhiệm khó khăn này thì cử lên cho Trẫm. »

Cụ tiến-cử Hiệp-biện đại-học-sĩ Võ-trọng-Bình.

*
* *

Năm 1866 tức Tự-Đức thứ 19, việc dẹp loạn ở Bắc-Kỳ đã yên, các tướng sĩ đều được trở về Kinh. Vua ngự tại điện Cần-chánh đề cử Nguyễn-tri-Phương và ông Võ-trọng-Bình vào phục-mạng.

Lễ đại-triều xong, Vua vời hai vị lên đền, truyền dọn yến tiệc, rồi tự tay rót hai chén ngự-tửu mời hai vị ăn uống giữa đoàn ca nhạc hát xướng, để tỏ tình quân thần đồng lạc.

Tiệc yến xong, vua lại ban cho hai vị trọng-thần nào ngọc-hội, kim-tiền, nào trân-châu, san-hô và mỗi người một chiếc quạt bằng ngọc v.v...

Sang năm 1867, tức Tự-Đức thứ 20, đầu mùa xuân có lễ duyệt-binh. Vua phái cụ Nguyễn-tri-Phương làm Khâm-duyet đại-thần. Nhân đó, Vua lại sắc may áo nhung và gấm đỏ, sấm gươm vàng cung ngọc để ban cho cụ mang vào cho thêm vẻ uy-nghi.

Trong lúc duyệt-binh, vua nhác trông thấy cụ thần sắc không được tốt như khi mới ở Bắc về, mới dụ rằng : « Trẫm nghe khanh làm việc quá siêng năng, nhiều khi cả đêm không ngủ, như thế chịu sao cho nổi, nhất là nay khanh đã lớn tuổi sức yếu rồi. Từ nay sắp tới, những việc quan ở Bộ cứ việc giao cho các viên Tham-tri, Thị-lang, Biện-lý hội bàn mà giải-quyết cho thanh-thỏa, chỉ có việc gì quan-trọng khanh mới hội-dồng mà khảo-duyet..., để bớt công-việc cho khanh thư thả một chút ».

*
* *

Lại giặc ở Cao-Bằng Năm Tự-Đức thứ 21 (1868) ở Cao-Bằng
 Lạng-Sơn và Lạng-Sơn lại có tướng giặc là
 Ngô-Côn đem quân đến đánh hãm
 thành rất ngặt nghèo.

Các quan Tỉnh dâng sớ cáo cấp về Kinh.

Vua cho vời cụ Nguyễn-tri-Phương vào đền hỏi ý-kiến về
 phương-sách đối-phó.

Cụ tâu rằng : « Địa-thế Cao-Bằng, Lạng-Sơn rất hiểm-trở,
 bây giờ nên chọn một viên trọng-thần lên trấn chỗ ấy để tăng
 thanh-thế ».

Vua Tự-Đức phán rằng : « Ý đó trước đây cũng đã nghĩ
 tới rồi cho nên Sơn-Tây đã có Bá-Nghi, Hà-Nội có Đào-Tri,
 Bắc-Ninh có Bùi-Tuấn đều là người tài giỏi. Còn ở Triều mà
 am-thuộc tinh-thế Bắc-Kỳ thì duy chỉ có khanh và Võ-trọng-
 Bình thôi, mà khanh thì già nua, khó nhọc ở ngoài biên-cương
 đã lâu rồi, Trẫm không nỡ sai khanh đi mãi ».

Cụ tâu : « Lão-thần mặc dầu tuổi già, sức yếu, nhưng
 nếu Bệ-hạ sai thần đi thì thần đâu dám từ-chối ».

Nhưng Vua lại phán : « Kinh-kỳ là chỗ trọng-yếu, Trẫm
 không muốn cho khanh đi đâu ! »

*
* *

... Nhưng rồi, một lần nữa, giặc Ngô-Côn lại ồ-ạt tiến
 đánh, quan quân Triều-đình bị thua to ở đồn Tú-Sơn (tức
 Lương-Sơn). Quan Tham-tán là Nguyễn-Lệ, Đề-đốc là Nguyễn-
 viết-Thành đều tử-trận. Tổng-đốc Phạm-chi-Hương bị giặc bắt.

Cụ Nguyễn-tri-Phương lại tâu Vua xin đi Bắc đánh giặc
 Ngô-Côn.

Vua vẫn không cho đi. Vua còn xét việc Bộ Binh rất phức-tạp và phiền-toái, cụ thì lớn tuổi hay đau nên cải bổ cụ làm Thượng-Thư Bộ Công sung Cơ-mật-viện để tiện tru-hoạch những việc quan-yếu cho toàn-quốc.

Về việc ngoài Bắc thì quân Triều vẫn tiếp-tục thua các đám nổi loạn. Vua lại triệu cụ Nguyễn vào đền bàn rằng : « Không hiểu tại sao các tướng điều-khiển quan-binh các nơi đều giỏi cả. Mà lâu nay đánh chỗ nào cũng thua, nếu như thế có nên đổi thay người khác chăng ? »

Cụ tâu : « Võ-thần như Đoàn-Thọ, Nguyễn-Hiên, văn-thần như Võ-trọng-Bình, Nguyễn-hữu-Điềm đều là những người có tài xứng chức cả, nay muốn thay sợ cũng không có người. »

— « Ấy là xuất ư bất-dắc-dĩ, vậy còn như bọn các ông Đào-Trí, Nguyễn-Bình thì Khanh nghĩ sao ? »

— Tâu, Đào-Trí thì giỏi về lý-luận, thông hiểu hơn Nguyễn-Hiên, nhưng so về khí-lực dũng-cảm ở nơi trận mạc thì chưa chắc hơn nổi. Còn Nguyễn-Bình tuy siêng-năng nhưng việc làm lại kém thua Nguyễn-hữu-Điềm. Theo ý-kiến của ngu thần thì như thế, xin bệ-hạ lượng xét.. Tâu bệ-hạ, còn như việc ở Bắc-Hà, từ năm ngoái đến giờ đánh giặc bị thua thì nhiều mà hơn thì ít, chưa đánh được trận nào đáng kể để cho bọn giặc khiếp sợ. Hiện nay việc dẹp giặc ở Sơn-Tây và Thái-Nguyên là khẩn-cấp hơn hết, xin bệ-hạ sai các tướng như Võ-trọng-Bình, Đoàn-Thọ và Nguyễn-văn-Phong trước hết đem quân đi đánh bọn giặc ở Đại-từ thuộc tỉnh Thái-Nguyên, còn các tướng của tỉnh Sơn-Tây và tỉnh Tuyên-Quang thì hợp quân lại mà tiến đánh lũ giặc ở Sơn-dương thuộc tỉnh Sơn-Tây. Đánh xong hai chỗ ấy, nhiên hậu mới kéo quân tiến đánh bọn giặc ở Thượng-du, tưởng như thế mới hợp cơ-nghi mà chóng yên bờ cõi hơn cả ». Vua Tự-Đức nghe cụ giải bày chi-tiết

như vậy rất hài lòng. Vua nhất nhất nghe theo, và xuống dụ cho các tướng cứ theo như đề-nghị trên mà thi-hành.

*
* * *

Sau khi cụ Nguyễn đổi qua nhậm chức Thượng-thư Bộ Công, cụ xin đặc-cách tởng bạt viên bộ-thuộc là Nguyễn-văn-Chất được phục chức.

Nguyễn Nguyễn-văn-Chất trước làm Biện-ly Bộ Công, sau đi đốc-công tại Thọ-lăng bị giáng chức, này cụ xin cho phục chức lại.

Vua Tự-Đức không bằng lòng quở rằng : « Cũng người này mà tại sao trước khanh ghét đòi phạt, rồi nay khanh lại thương xin phục chức ? Chưa bao lâu, mà nội một việc khanh đã thay đổi ý-kiến, suy việc này ra việc khác thì làm sao ? »

Cụ tâu rằng : « Việc này chắc có người mật-tấu để hại tôi. Tôi vẫn biết bất tài bất học, chẳng có công cán gì mà làm dự Điện-hàm, chỉ lo đèn báo ơn vua, không dám thiên luận mây may, chỉ vì tính chướng-trục mà bị nhiều người ghét mới thù dật nhiều lời, xin bệ-hạ đem tôi cho đình-thần nghị tội : bắt tội một người tôi mà khiến các hầy tôi bất-công bất-chính ham tiền sợ chết đều khiếp sợ thì hạ-thần rất hài lòng. »

Vua cho là cụ nóng tánh nói « xàm » rồi giao cho Nội-các và Đô-sát trần-thiết ở Đại-cung-môn, hội đình-thần truyền chỉ xét hỏi.

Cụ làm sớ tạ tội.

Vua phán rằng : « Khanh thường nóng tánh, nên mới thốt ra lời này. Trẫm cũng biết khanh là bậc lão-thành không đủ trách, nhưng sợ đời sau người ta chê cười vua tôi nhà ta thì có ai đứng ra bào chữa ? »

Đình-thần nghị tội : Nguyễn-tri-Phương tâu đổi thất-thê, xin giáng hai cấp lưu.

*
* * *

Qua năm sau là năm Tự-Đức 22 (1869) các quan Cơ-mật đại-thần là Phan-huy-Vịnh, Trần-tiền-Thành, Phạm-phú-Thứ dâng sớ tâu xin cử Nguyễn-tri-Phương sung Bắc-Kỳ Kinh-lược đại-sứ để chuyên lo dẹp loạn các nơi cho yên.

Vua Tự-Đức không bằng lòng, phán rằng : « Mỗi khi có việc lớn lao phải đợi có bậc Nguyên-lão đại-thần mới làm được. Nếu ngộ ngày sau không có Nguyễn-tri-Phương thì lấy ai chống đỡ ngăn bờ cõi ? »

Cùng năm ấy tháng bảy, gặp ngày sinh-nhật thất-thập-thọ (70 tuổi) của cụ Nguyễn-tri-Phương, vua ban cho hàng lụa hóa-phẩm các hạng quý giá, thị-vệ đem đến chúc thọ tại nhà, và vua lại ban riêng một bài thơ như sau :

Tiêu-tướng thùi vân lại,
Tấn-công thiên dự trung.
Thọ kinh bách chiến hậu,
Vọng trọng lục khanh trung.
Trì sự hữu tuần lệ,
Phân ưu lượng phỉ cung.
Tang du như khả hiệu,
Thành giả ngã ưng cùng.

Tạm dịch :

*Họ Tiêu danh vị tướng,
Chàng Tấn vốn tôi trung.
Tiệc thọ sau trăm trận,
Danh cao giữa sáu ông **

* Sáu Bộ, sáu Khanh.

*Lệ hưu đừng nệ cỏ,
Quốc-nạn phải lo chung.
Bóng xế bao nhiêu cuộc,
Thu xong thật lắm công.*

(Bài thơ trên, trong Giai-thoại Làng Nho của Lãng-nhân có đăng 4 câu giữa)

*
* *

Giặc Cờ Đen Tình-hình ngoài Bắc vẫn không tiến-
Cờ Vàng triển. Năm Tự-Đức thứ 23 (1870), giặc
Cờ Đen Lưu-vĩnh-Phúc vẫn đánh phá
cướp bóc các tỉnh Thái-Nguyên, Lạng-Sơn, Cao-Bằng. Trong 3
năm trường chúng vẫn uy-hiệp các tỉnh này mà quan quân bị
đánh thua luôn...

Sau khi quan Tổng-đốc Phạm-chi-Hương bại trận và bị
bắt, Triều-đình đã phái Võ-trọng-Bình ra làm Hà-Ninh Tổng-
đốc kiêm Khâm-sai Quân-Thứ đại-thần Tuyên-Thái-Lạng. Quan
Khâm-sai hội với quan Đề-đốc Quảng-Tây để cùng đánh giặc
Ngô-Còn vì bọn này quấy phá cả hai bên biên-thùy. Vào giữa
năm 1869, quân hai nước đã lấy lại được thành Cao-Bằng. Năm
1870, Ngô-Còn đem quân đánh Bắc-Ninh. Quan Tiều-phủ Ông-
ch-Khiêm đánh thắng một trận lớn, phá tan quân giặc và
Ngô-Còn bị bắn chết.

Ngô-Còn chết rồi thì các đồng-đảng chia làm 3 phe tiếp-
tục cướp phá các tỉnh mạn ngược của Bắc-Việt : phe Cờ Đen của
Lưu-vĩnh-Phúc, phe Cờ Vàng của tướng Hoàng-sùng-Anh, phe
Cờ Trắng của bọn Bàn-văn-Nhị và Lương-văn-Lợi.

Quan Trung-quân Đoàn-Thọ được gọi từ Kinh ra làm
Tổng-thống quân-vụ Bắc-Kỳ. Ông liền kéo quân lên Lạng-Sơn.

Bọn giặc Khách là Tô-Tử thịnh-linh nổi lên nửa đêm vào chiếm thành giết chết Đoàn-Thọ. Võ-trọng-Bình may chạy thoát được... Triều-đình lại sai Hoàng-kế-Viêm ra làm Thống-đốc quân-vụ Lạng-Bình-Ninh-Thái cùng với Tân-tướng Tôn-thất-Thuyết tìm cách dẹp giặc cho yên. Tiếp theo vua lại sai ông Lê-Tuấn là Thượng-thor Hình-bộ ra làm Khâm-sai thị-sự để giúp Hoàng-kế-Viêm. Rồi Hoàng-kế-Viêm giữ mạn Sơn-Tây, Lê-Tuấn trấn đóng ở Hải-Dương. Tuy vậy tình-hình vẫn lằng-nhằng không giải-quyết thanh-thỏa được.

Vua Tự-Đức quá lo lắng không biết làm sao, lại phải vờ cu Nguyễn-tri-Phương vào điện mà dụ rằng : « Khanh vốn sẵn có uy-vọng, ai ai cũng biết, khanh cứ ngồi một chỗ mà tru-tính mọi việc ở xa, khiến các tướng phẫn-khởi, bất-tất khanh phải đem thân ra chốn chiến-trường. Hiện giờ bầy tôi kỳ-cựu ở Triều duy còn một mình khanh, mà đình-thần thường cứ xin cử khanh đi dẹp giặc ở miền Bắc, Trẫm vẫn không mãi mãi phiền khanh về đường quân-vụ... Nhưng hiện giờ ở chốn biên-khốn giặc giã quấy rối đã lâu rồi, Trẫm rất lấy làm lo ngại, mà khanh cũng có lòng muốn đền báo ơn vua nợ nước, thành thử Trẫm buộc lòng phải ủy khanh đi một lần nữa mới xong mọi việc. »

Tam-Tuyên Quân-thứ Vua liền chuẩn sung cụ làm chức
Khâm-mạng Đại-thần Tam-tuyên quân-thứ Khâm-mạng Đại-thần. Cụ được phép tùy-nghì lo việc đánh dẹp cho yên. Vua ban cho cụ kỳ-bài, ấn-kiếm, cờ mao-tiết, nhung-y v.v...

Vừa đi thì cụ đã tru-hoạch các mưu kế. Lúc ra đến nơi quân binh được lệnh đi đón củi, cắt bồi khô, cỏ khô... đem

chất chứa quanh các gốc cây gần các đồn giặc. Gặp một đêm có gió lớn thổi theo chiều thuận-lợi. Cụ đốc-thức các đoàn quân đều mang gươm đao súng ống, nhưng đặc-biệt là phải mang theo rất nhiều những chất dẫn hỏa như diêm-tiêu, lưu-hoàng, thuốc súng. Các cánh quân lẳng lẳng bố-tri quanh đồn trại giặc, đặt lửa trên gió đốt các đồng củi khô. Càng đốt cháy, gió càng thổi mạnh lửa càng lan tràn khắp nơi. Quân ăn núp bao quanh bắn xả vào giặc. Quân giặc đang ngủ mê nghe lửa mới vùng dậy bỏ chạy tán loạn nên phần bị chết cháy, phần bị bắn, phần bị bắt. Số ít thoát được phải chạy trốn thật xa vào rừng sâu mới thoát thân.

Hỏa-công phá Cờ Đen Tiếp theo cụ còn ra lệnh cho dân các
Thu-phục vùng quanh đó không được liên-lạc,
Lưu-vĩnh-Phúc lui tới buôn bán tiếp-tế cho giặc. Thế
 là giặc lại bị tuyệt lương sau khi bị
 hỏa-công đốt.

Trong một tháng các tướng giặc vô kể khả thi đều kéo đến trước cửa dinh xin đầu hàng. Cầm đầu bọn này là Lưu-vĩnh-Phúc và Phó-tướng là Bạch-quế-Hương.

Bọn Lưu, Bạch đồng trình với cụ : « Chúng tôi đã trải qua trăm trận, chưa có lần nào bị thua to như vậy. Chúng tôi thấy tướng-công trí dũng hơn người, thật tinh tâm-phục. Nếu tướng-công rộng lòng thâu-dụng, chúng tôi xin xả thân phục-vụ giúp Triều-dinh trong khi hữu sự. »

Cụ dăng sớ xin thâu dùng, vì biết rõ bọn Lưu có tài và quân lính cũng dũng-cảm. Vua Tự-Đức bằng lòng và ban cho Lưu-vĩnh-Phúc chức Đề-Đốc với nhiệm-vụ tuần phòng ở biên-cảnh. Từ đó Triều-dinh chẳng những bớt cái họa Cờ Đen, mà

Cờ Đen còn giúp chống đánh bọn Cờ Vàng, Cờ Trắng và sau này còn giúp đánh Pháp.

Năm Tự-Đức thứ 24 (1871) vua xuống dụ : « Nguyễn Tri-Phương tuổi tác tuy già mà tấm lòng giúp tri chống giặc không già, ấy là trời đã đem Nguyễn-Khanh mà cho ta đó ». Ngay đó Ngài chuẩn cho cụ khai-phục nguyên-hàm Thái-tử Thái-bảo Võ-hiền-điện Đại-học-sĩ Tri-dũng-tướng Tráng-liệt-bá, những vẫn sung Tam-tuyên-quân thứ Khâm-mạng Đại-thần.

Mùa đông năm 1872, vua nhân nhớ cụ đang ở ngoài Bắc là xứ lạnh lẽo, nên gởi ban cho cụ một cái áo ấm vừa dụ rằng : « Áo này là áo ngự dùng mặc mùa lạnh, nay ban cho khanh để tỏ là người có công-đức và tặng thêm cho khanh về quân-dung (1). »

*
* *

(1) Một tài-liệu của Bộ Lại xưa cho hay cụ Nguyễn-tri-Phương có giữ chức Thượng-thor Bộ Lại (Nội-vụ) vào những năm 1870-1872 — Nhưng theo Sử thì như trên đây đã nói, lúc này cụ đang ở Bắc-Kỳ. Vậy không biết tài-liệu nào trúng ?

Tài-liệu Bộ Lại do cụ Nguyễn-Thức nguyên Tá-Lý Bộ Lại cho biết. Theo tài-liệu này, trước và sau cụ Nguyễn-tri-Phương, trong khoảng những năm này, có các Thượng-thor Bộ Lại khác như sau ; Phan-thanh-Giản (1864-1865),... Võ-trọng-Bình (1856-1868), Bùi-thức-Kiên (1868-1870),... Nguyễn-tư-Giản (1872-1875) v.v...

CHƯƠNG VII

PHÁP GÂY RỐI Ở BẮC-KỲ
TÊN LÁI SÚNG JEAN DUPUIS

PHÁP CÂY RỜI Ở BẮC-KỲ

Pháp bắt đầu dòm Túi tham của bọn thực-dân đế-quốc
ngó Bắc-Kỳ thật không có đáy. Sau khi chiếm
đoạt Nam-Kỳ xong, sau khi ba tỉnh
miền Đông rời ba tỉnh miền Tây đã rơi vào tay chúng, là
người Pháp đã lăm le dòm ngó Bắc-Kỳ.

Chúng đề ý đến Bắc-Kỳ không phải chỉ vì Bắc-Kỳ, chỉ vì
muốn thôn-tính cả nước Nam và cả Đông-dương, mà còn vì
cái hậu-phương vĩ-dại và phi-nhiều mà Bắc-Kỳ là cái cổng đưa
vào, đó là cả một miền Tây và Tây-Nam to lớn béo bở của
nước Tàu, đó là các tỉnh Quảng-Tây, Quý-Châu, Vân-Nam,
Tứ-Xuyên, v.v...

Từ lâu, người Âu-tây đã muốn tìm một con đường
thuận-tiện nhất và ngắn nhất để xâm-nhập nội-địa nước Tàu,
nhưng họ chỉ nhắm con sông Cửu-long mà họ cho là sẽ dẫn
đến Vân-Nam, Tứ-Xuyên, Tây-Tạng, v.v... Từ khi người Pháp
đặt chân được vào đất Nam-Kỳ, họ cũng đã nghĩ ngay đến
việc khám-phá cho ra, con đường có thể đưa họ từ Sài-gòn
đến Tàu, qua Cao-Mên và Ai-Lao. Năm 1861, một người Pháp
tên Henri Mouhot, đã vượt sông Cửu-long đi ngược giòng lên

phía Bắc, nhưng chỉ đến Luang-Prabang thủ-đô nước Lào rồi phải trở lui, không thể đi xa hơn nữa về phía Bắc. Năm 1864, một viên sĩ-quan Hải-quân Pháp là Francis Garnier cũng đã gợi ý tại sao nước Pháp không kiếm cách khai-thác con đường này ?

Nhưng mãi đến năm 1866, Thống-đốc Nam-Kỳ là Trung-tướng De La Grandiere mới được phép gởi một phái-bộ đi dò tìm con đường thiên-nhiên có thể đi từ Nam-Kỳ đến Trung-quốc, cùng lúc phái-bộ có nhiệm-vụ sưu-lâm vết-tích các nền văn-hóa xưa đã có trên các vùng này.

Phái-bộ do Trung-tá Hải-quân Doudart de Lagrée (1) cầm đầu, Đại-úy Francis Garnier phụ-tá, v.v... từ-giã Sài-gòn ngày 5-6-1866, đi trên hai pháo-thuyền vượt qua Cao-Mên, và Ai-Lao. Nhưng trước khi đến biên-giới Tàu thì không đi được nữa vì thác trên sông Cửu-long mạnh quá. Họ bỏ thuyền đi bộ, vào tỉnh Vân-Nam ngày 16-10-1867, ở đây theo tin-tức lượm-lặt trong các sắc dân bản-xứ, họ mới hay rằng đường đi được vào xứ này không phải do sông Cửu-long, mà do sông Cái tức là sông Hồng-Hà ở Bắc-kỳ. Doudart de Lagrée viết thư cho Soái-phủ ở Sài-gòn biết sự việc này và nhận xét rằng nước Pháp rất có lợi nếu khai-thông được sông Cái để đi được từ biển lên đến Vân-nam. Nhưng rồi De Lagrée chết vì quá mệt nhọc và vì bệnh trước khi hoàn-thành nhiệm-vụ. Francis Garnier tiếp-tục hành-trình, và đi đến đâu cũng được xác-nhận là xuôi giòng sông Cái từ thị-trấn Man-hao ở Tàu, người ta có thể vượt sông từ Vân-Nam qua biên-giới Hoa-Việt và ra thẳng biển do hải-cảng Hải-

(1) Doudart de Lagrée là một sĩ-quan tài-ba, đã 44 tuổi và đã lập được một kỳ-công đối với nước Pháp : ông ta đã ký được một Hiệp-ước đem lại nền Bảo-hộ Pháp trên đất Cao-Mên (4-1864), và còn được Cao-Mên hứa giúp Pháp đánh lại quân Nam.

Phòng. Đây là một khám-phá lớn, nhưng nó cũng sẽ đem lại một tai-họa lớn cho Bắc-Kỳ và Việt-Nam. Tuy-nhiên vì nhiều trắc-trở, Garnier không đến được bờ sông Cái, mà phải do đường sông Dương-tử qua Thượng-hải để trở về Sài-gòn.

Francis Garnier
 một đối-thủ của
Nguyễn-tri-Phương
 sau này.

Francis Garnier là kẻ sẽ đối đầu với đại-tướng Nguyễn-tri-Phương ở Bắc-Hà, và là bàn tay thực-hiện chánh-sách xâm-lãng miền Bắc của thực-dân Pháp. Sinh năm 1839 tại thành Saint Etienne

tỉnh Loire ở Pháp, Francis Garnier là một thanh-niên ưu-tú đầy tham-vọng, đầy quả-cảm, ham học, ham biết, ham phiêu-lưu và mạo-hiêm. Anh ta đã từng học Văn-khoa, lại ham cả khoa-học và đã có ý làm một Luận-án Tiến-sĩ về Khoa-học. Anh đã sống ở Kinh-đô Paris trong thời-gian Văn-hóa Pháp đang ở vào những năm rực rỡ nhất của Đệ-Nhị Đế-quốc (Napoléon Đệ-tam). Văn-hào Flaubert đang ấn-hành cuốn tiểu-thuyết Salammbô, thi-bá Leconte de Lisle đang cho ra những bài thơ trừ-danh Poèmes barbares, Pasteur đang phát-minh thế-giới vi-trùng... Nhưng cha mẹ Francis đã cho chàng vào trường võ-bị Vincennes, rồi chàng lại được gởi qua dạy về môn vũ-khí ở trường Hải-quân Lorient. Năm 1860, anh ta bắt đầu làm quen với các xứ lạ Á-châu lúc gia-nhập đạo quân viễn-chinh của Pháp qua đánh Trung-quốc với Cousin de Montauban. Anh ta đến tỉnh Sơn-Đông, viếng Bắc-Kinh, rồi qua Đông-Dương, gia-nhập bộ Tham-muru của Trung-tướng Hải-quân Charner. Sài-gòn lúc này đang bị đại quân của Nguyễn-tri-Phương vây khốn. Người Pháp lúc bấy giờ đã phê-bình vị tướng-lãnh này như sau : « Đó là một tướng tài-bá và dũng-cảm, thù ghét người Âu-Tây đến như cuồng-tín, y như vị hoàng-đế của ông ta là Vua Tự-Đức. »

Ngày 24 và 25 tháng 2 năm 1861, như ta đã thấy, Trung-tướng Charner sau khi thắng trận ở Trung-Hoa đã đem toàn lực phản-công đánh vỡ đại-đồn Kỳ-hòa của Nguyễn-tri-Phương. Francis Garnier là một trong những sĩ-quan đi tiên-phong đã liều vượt lên được đồn lũy Kỳ-hòa, và đồn này đã bị chiếm. Đây là lần đầu tiên F. Garnier làm quen với vị tướng già của Việt-Nam.

Năm 1863, F. Garnier được bổ-nhiệm chức Thanh-tra Nam-kỳ Dân-sự-vụ, và được trở lại Sài-gòn. Trung-tướng Charner lại bổ anh ta vào chức quan cai-trị thành-phố Chợ-lớn.

Ngán việc cai-trị và kiến-thiết Chợ-lớn, anh ta đề-nghị và xin đi thám-hiểm vùng sông Cửu-long trở ngược lên Cao-Mên và Lào để tìm đường xâm-nhập Tây-Nam Trung-Hoa và đi vào Tây-Tạng. Thượng-thor Hải-quân đọc được tờ trình này và chấp-thuận cho phép thực-hành việc thám-hiểm như trên đã nói.

Garnier trở về đến Sài-gòn ngày 19-6-1868, rồi lại về Pháp để dự vào trận chiến-tranh Pháp-Đức (1), và dự việc phòng-thủ Paris. Trước đó, anh ta đã viết báo và diễn-thuyết nhiều về cuộc thám-hiểm sông Cửu-long và nguồn sông Cái (Kỏi). Xong anh ta cưới vợ.

(1) Napoléon III (Nã-phá-Luân Đệ-tam) được bầu làm Tổng-Thống từ 1848, năm 1852 lên ngôi Hoàng-đế do một cuộc trưng cầu dân-ý đem thắng-lợi rục rờ cho ông... Nhưng lần lần ông thất-bại vì chánh-sách đối ngoại phiêu-lưu của ông, nhất là trước một đối-thù cương-quyết và tài-ba như Bismark (nước Phổ ; Prusse). Lúc ông tuyên-bố chiến-tranh với Phổ (7-1870), ông không thể tìm được một đồng-minh nào trong khi Phổ được sự đồng-minh của tất cả các quốc-gia gốc Đức. Sau 6 tuần lâm chiến, Đế-quốc của Napoléon III sụp đổ... Chánh-phủ lâm-thời kế-tiếp cũng sẽ thất-bại trước quân-đội Đức do các vụ đầu hàng nhục-nhã ở Strasbourg, Metz rồi Paris (28-1-1871). Hiệp-ước Francfort (10-5-1871) đưa lại thắng lợi về vang cho Đế-quốc Đức được thành-lập trong chiến-thắng, và làm Pháp mất hai tỉnh miền Đông là Alsace và Lorraine.

Ba-lê thất-thủ, Pháp thất-bại trước quân Đức (1870-71). Garnier chán-nản, xin nghỉ giã-hạn và đem vợ qua Trung-hoa, định đi buôn như Jean Dupuis. Nhưng qua Trung-hoa, anh ta thất-bại trong việc buôn-bán. Ngay khi đó được Soái-phủ Sài-gòn gọi về trao cho anh một nhiệm-vụ quan-trọng ở Bắc-Kỳ và Hà-Nội. Anh ta sẽ yểm-trợ việc thành-lập đường giao-thông và thương-mãi ở Bắc-Kỳ, anh sẽ yểm-trợ kế-hoạch của Jean Dupuis, một kế-hoạch do anh đã gọi ra.

Tên lái buôn
Jean Dupuis (1)
xuất-hiện.

Lúc thuyền đi trên sông Dương-tử, ngang qua Hán-Khẩu, Fr. Garnier đã lên bộ ghé thăm viên Lãnh-sự Pháp ở đây. Và viên Lãnh-sự đã giới-thiệu

cho anh một người đang nóng lòng chờ đợi anh ta. Đó là anh chàng Jean Dupuis, một tay phiêu-lưu lang-bạt cũng người Pháp và đã từng theo đoàn quân viễn-chinh Pháp sang đánh Tàu, và sau đó anh ta đã ở lại đây, với mục-đích trở thành một tay buôn để làm giàu và khuếch-trương thương-mãi giữa Tàu với Pháp và các nước Tây-Phương. Anh ta đang mãi loay hoay tìm một con đường thuận-lợi để xâm-nhập miền Tây-Nam và miền Nam bao la nhiều nguyên-liệu của Trung-Hoa.

Jean Dupuis đã trở thành một người Tàu chính-cống. Năm 1858, mới 25 tuổi, anh ta đã lia gia-đình, một gia-đình nông dân nhưng giàu có, để đi phiêu-lưu qua làm việc tại vùng kênh-đào Suez (Ai-Cập). Anh ta cố tự-lập và muốn làm giàu, lòng đầy tham-vọng, nhưng Ai-Cập và kênh-đào Suez đã không làm giàu cho anh ta. Anh ta bèn sang nước khác buôn bán nhi-những,

(1) Trong sử ta thường gọi Francis Garnier là An-Nghiệp và Jean Dupuis là Đồ-phú-Nghĩa.

kiếm được một số vốn, nhưng rồi mất đi mất lại đòi ba phen. Anh qua Trung-Hoa, đến Hán-Khẩu với mục-dịch tìm nguồn sông Dương-tử để qua Tây-Tạng. Không đi Tây-Tạng được vì nội-chiến ở Trung-Hoa, anh ta đi Vân-Nam, chở súng đạn bán cho người Tàu đánh nhau, nhưng anh ta mỗi lần phải mất sáu tháng mới đem được hàng từ mặt biển vào đến Vân-Nam, vì phải chở đi đường bộ trên lưng ngựa thồ. Anh ta quan-sát hết các tỉnh Tây-Nam Trung-Hoa đầy nguyên-liệu và khoáng-chất không được khai-thác vì không đem đi đâu được. Anh ta bèn cố tìm một con đường thủy có thể nối liền lục-địa với các hải-cảng Đông-Dương. Nhưng anh ta chỉ nghĩ đến con sông Cửu-long. Mục-tiêu anh ta chưa đạt được, thì F. Garnier đem lại cho anh ta một phát-minh hấp-dẫn hơn : con đường sông Cái tức Sông Hồng-Hà (Fleuve Rouge) đưa ra Hải-phòng, chứ không phải con đường Cửu-long đưa xuống Sài-gòn dài hơn nhiều. Garnier cho Dupuis biết điều mình đã tìm ra. Dupuis mừng quá, muốn thực-hiện phát-minh của Garnier càng sớm càng tốt : chở súng ống đạn dược lên bán Vân-Nam, chở về hàng lụa, quặng kẽm, v.v... đem bán ở Hồng-Kông, v.v... Chẳng mấy chốc anh sẽ giàu to !

Kế-hoạch Jean Dupuis Sau khi bắt được tin Soái-phủ gọi về
và những vụ rắc-rối ở Sài-gòn, F. Garnier đưa vợ con về ở
Bắc-kỳ tại Thượng-Hải rồi anh ta đi Sài-gòn
gặp Thiếu-tướng Dupré.

Dupré bảo anh ta :

— Tôi cho gọi anh về để nói chuyện với anh về công-
việc ở Bắc-Kỳ... Công-việc Bắc-Kỳ hiện nay có thể tóm lược
trong hai chữ : Jean Dupuis.

Sau khi gặp F. Garnier ở Hán - khẩu, đã 5 năm nay, J. Dupuis thật đã không bỏ phí thì giờ chút nào. Tên lái buôn đầy ý-chí xâm-lược này đã thí-nghiệm cuộc đi bằng thuyền nhỏ vượt sông Hồng-hà (sông Cái) ra đến cửa biển. Giả-thuyết của Garnier đã được chứng-minh, phát-minh của anh ta đã được thực-hiện : đây rõ ràng là con đường lý-trởng để xâm-nhập Vân-Nam. (1)

Lúc này ở Vân-Nam có cuộc nội-loạn do dân Hồi-giáo nổi lên chống Triều-đình. Dupuis gặp viên Tổng-đốc tỉnh này và được đặt mua một số lớn súng đạn Tây-phương để chống giặc. Để trả tiền cho số hàng này, Dupuis đã nhận được 600 tấn kẽm.

Sau đó Dupuis đi Paris để mua khí-giới. Đầu năm 1872, đến thủ-đô Pháp, anh ta đi vận-động để chánh-phủ Pháp giúp anh ta trong việc giao-thương qua đất Bắc-Kỳ, và cố lôi cuốn Pháp đặt chân vào đất Bắc, ít ra là để củng-cố địa-vị ở Nam-Kỳ. Nhưng sau vụ chiến-tranh Pháp-Đức, chánh-phủ Pháp không muốn nhúng tay vào những vụ phiêu-lưu có thể gây rối cho Pháp trong lúc nội-tình chưa yên, và địa vị, Pháp đang bị lung

(1) Tham-vọng người Pháp quyết thực-hiện con đường giao-thông này, đã được tác-giả Roger Vercelet (*Francis Garnier l'assaut des fleuves*) tóm tắt trong mấy câu sau đây : « Si le Sông Kối conduit vraiment en deux semaines les barques marchandes chinoises jusqu'au golfe du Tonkin, il ne restera plus qu'à imposer à Tự-Đức un traité commercial qui assurera la liberté des ports tonkinois. Alors de Haiphong, le cabotage français et indigène, glissant le long de la côte d'Annam, débarquera en quelques jours à Saigon, les innombrables richesses drainées jusqu'alors vers Canton. »

(Nếu sông Cái trong 2 tuần lễ đưa các thương-thuyền Trung-Hoa đến Vịnh Bắc-Kỳ, ta chỉ còn buộc Tự-Đức ký một thương-ước bảo-đảm tự-do ra vào các hải-cảng Bắc-Kỳ. Từ Hải-Phòng tàu Pháp và tàu bán-xứ lần dọc theo bờ biển Trung Kỳ trong mấy ngày sẽ đổ bộ lên Sài-gòn vô-số những tài-nguyên mà từ trước chỉ được tải đến Quảng-Châu).

lay ngay ở Âu-châu. Tuy-nhiên Bộ-trưởng Hải-quân là Pothuan cũng viết thư gửi gắm anh ta cho Soái-phủ Sài-gòn... Ở Paris, anh ta mua cả một kho khí-giới cho các quan Tàu và chiêu-dụ theo anh ta gần như cả một đạo quân. Anh ta có sĩ-quan, có thuyền-trưởng, có cả đại-pháo và pháo-thủ (7.000 súng trường, 30 đại-bác, 15 tấn đạn-dược, v.v...). Anh ta gom góp cả một hạm-đội khá quan-trọng : 2 pháo-thuyền Lao-Kai và Hồng-Giang, 1 hỏa-thuyền lớn Man-hao, một xuồng máy lớn đặt tên là Sơn-Tây, và nhiều ghe chở súng đạn. Bây giờ anh ta muốn băng qua sông Hồng từ Hải-Phòng ngược lên Vân-Nam với hạm-đội và hàng-hóa của anh ta. Trên đường trở lại Tàu, lúc đi ngang Sài-gòn, anh ta ghé thăm Thiếu-tướng D'Arhaud, người tạm-thời thay thế Dupré đang về Pháp nghỉ. Ông này hứa sẽ giúp anh ta bằng cách mỗi tháng sẽ cho chiếc chiến-thuyền Bourayne ra Bắc đê thị-oai với quan-lại bên ta.

Ngày 16-11-1872, trên tàu Bourayne đã đến Hà-Nội từ mấy ngày trước, thuyền-trưởng là Thiếu-tá Hải-quân Senès đang tiếp đón quan Khâm-sai Lê-Tuấn. Ông bèn giới-thiệu Dupuis cho ông ta và nhờ ông ta giúp Dupuis được dễ dãi đi lại buôn bán trên sông Hồng. Quan Khâm-sai nói việc này cần đợi ông tâu với Triều-đình chờ ông ta không đủ quyền. Anh chàng lái buôn nói toạc ngay rằng anh ta sẽ đợi cho 15 hôm, sau thời-gian đó dầu có phép hay không anh ta cũng đi. Thời-hạn hết vào ngày 4 tháng 12, lẽ tất-nhiên là không có giấy phép của Triều-đình. Dupuis gặp quan Khâm-sai lúc này là Nguyễn-tri-Phương, nhưng ông này nhất-định không cho tàu của y đi. Anh ta trưng cờ Tàu lên đoàn tàu, và đưa giấy phép của Tổng-đốc Vân-Nam ra. Khâm-sai Nguyễn-tri-Phương cho y hay là quan Tàu không có quyền gì trên đất Việt-Nam hết, và cũng không có quyền gì truyền lệnh cho quan Việt-Nam. Sau nhờ Giám-

mục Puginier làm trung-gian dần xếp, Dupuis mới chịu đề đoàn tàu ở Hà-Nội và chuyển hàng qua thuyền nhỏ chở lên Vân-Nam.

Như vậy là đầu sao, lần đầu tiên, anh ta đã đi trót lọt một chuyến hàng sang được Vân-Nam. Lúc trở về Hà-Nội, anh ta đem theo một toán quân Cờ Vàng, anh ta đóng quân ở Phố-mới, rồi mua muối gạo định chở lên bán cho Vân-Nam. Quân Việt-Nam bắt các người Tàu (như Bành-lợi-Kỷ và Quan-tả-Đình) chở muối giam lại, vì luật Triều-đình lúc bấy giờ cấm bán muối cho Tàu. Nhưng Dupuis bất kè, cho là mình đã được phép của các quan Tàu, tuy nước ta không lệ-thuộc nước Tàu và chẳng lúc nào làm gì theo lệnh quan Tàu hết. Dupuis không biết điều này hoặc làm bộ không biết. Anh ta lại dựa thế mạnh của Soái-phủ Sài-gòn...

Khi những người cộng-tác với anh bị bắt giam, anh liền phản-ứng, cho quân đi bắt quan phòng-thành Việt-Nam đem xuống tàu giam lại, cố ý gây to chuyện. Anh ta còn cho người đi bóc giấy hiệu-thị của quan Khâm-sai cấm dân không được bán muối cho Đồ-phủ-Nghĩa... đem đi rêu rao cùng phố phường rồi đem đốt, đốt cả hai cây lọng che tờ hiệu-thị; và từ đó hễ quan ta yết-thị gì, anh ta đều cho người đi xé bỏ. Bọn tùy-tùng của y ra phố gặp ai ra dáng quan-lại hay binh lính thì bắt đánh đập rồi giam lại. Một hòm gia-quyển của ông Hoàng-kế-Viêm hiện đang làm Thống-đốc Quân-vụ ở Lạng-Bình Ninh-Thái và đóng binh ở Sơn-Tây, cũng bị bắt giam. J. Dupuis còn viết thư cho Tổng-đốc Hà-Nội bảo ai còn bắt hớ tùy-tùng của y thì y sẽ giết hết, và ai mang dấu-hiệu quan-lại hay binh lính đi trong thành phố hoặc ai mang khi-giới y sẽ bắt đem xuống tàu giam hết.

Những hành-vi khinh-mạn và ngang ngược si-nhục như vậy, mà bên ta vẫn cố nhịn nhục. Thật không còn chút thề-

thống gì. Đó cũng vì yếu kém nên bị một tên lái buôn còn đồ nhuc-mạ mà cũng không dám làm gì. Bên ta thì lệnh Triều-đình đã ra, không muốn rắc rối với Pháp, vì quan binh đang bận rộn dẹp loạn chưa yên (giặc Ngô-Còn, giặc Cờ Vàng, Cờ Đen, Cờ Trắng, v.v...). Nhưng Jean Dupuis vẫn chưa hết ngang ngược : anh ta chiếm đóng một phần thủ-đô Hà-Nội với những linh Tàu do Tổng-đốc Văn-Nam cho anh ta sử-dụng.

Triều-đình Huế không biết xoay xử ra sao, lại yêu-cầu Soái-phủ Sài-gòn tống-xuất Dupuis. Thật là ngây thơ ! Thiếu-tướng Dupré nghĩ ngay rằng đây là một cơ-hội quý báu để can-thiệp vào Bắc-Kỳ, và mở rộng việc đi lại trên sông Hồng-hà hầu khuếch-trương buôn bán với Tàu.

Dupré trả lời cho vị Sứ-thần Triều-đình Huế :

— Tôi thấy không có cách gì đáp lại lời yêu-cầu của Ngài hay hơn là tôi sẽ gởi một sĩ-quan và một số nhân-viên tùy-tùng ra Hà-nội. Viên sĩ-quan này sẽ ra lệnh cho Dupuis phải rút lui, và lấy vũ-lực buộc anh ta thi-hành mệnh-lệnh nếu anh ta cưỡng lại lời tôi.

Triều-đình nhận lời đề-nghị này, và tưởng rằng đã được việc, và sẽ lợi-dụng Dupré để đuổi Jean Dupuis, rồi kiếm cách đuổi Dupré sau ! Thật là quân-tri mới nghĩ như vậy. Một tên lái buôn hỗn-láo còn-đồ còn chưa có cách hoặc có sức đuổi đi, thì làm sao đuổi được một Thiếu-tướng có cả một đạo-quân và một hạm-đội hùng-mạnh đã từng đánh chiếm được Kỳ-hòa, Mỹ-Tho, Biên-Hòa, Vĩnh-Long, lại thêm có cả uy-quyền của một đại cường-quốc sau lưng ?

*

* *

Sau khi kể chuyện rắc-rối của Jean Dupuis gây ra tại Hà-Nội, Dupré nói với Garnier :

— Vi các việc đã nói trên, mà tôi đã nghĩ đến anh. Tôi sẵn-sàng cho anh 1.000 quân dưới quyền chỉ-huy của Đại-tá Trentinian và một đội pháo-thuyền quan-trọng (1).

Nhưng Garnier trả lời :

— Như vậy ta sẽ đi vào con đường khá nguy-hiêm. Huế chỉ nhận cho ta đưa đi một vài nhân-viên tùy-tùng. Nếu ta giữ đúng lời này, ta sẽ giữ được một vị-trí ngoại-giao không ai có thể chống đối được.

— Vậy anh có thể đích-thân đi được không ?

— Thưa được, nhưng chỉ với 60 người thôi, mà tôi được quyền lựa chọn. Tôi sẽ thỏa-hiệp với chánh-phủ người Nam và sẽ giải-quyết tình-hình tại chỗ. Nếu ta có thể làm cho Dupuis

(1) Dupré đã tỏ ý muốn chiếm Bắc-Kỳ trong một bức thư gởi cho Bộ-trưởng Hải-quân ngày 19-5-1873 : « Việc chúng ta thiết-lập cơ-sở trong xứ phi-nhiều này, láng-giềng nước Tàu và là ngõ xuất-phát cho những tỉnh Tây-Nam giàu có của nước này, là một vấn-đề sinh tử cho tương-lai nên đê-hộ của ta ở Viễn-đông. »

Nhưng lúc ấy, chánh-phủ Pháp đang gặp khó-khăn ở Âu-châu, nên đã điện cho Dupré : « Dù với duyên-cớ nào, với lý-do nào, cũng không được làm cho Pháp-quốc phải dính-liú ở Bắc-Kỳ. »

Đối với thái độ ngang ngược của J. Dupuis, Dupré cũng đã có lần nói với viên Lãnh-sự Pháp ở Quảng-Châu như sau : « Hãn ta (trở Dupuis) hành-động ở Bắc-Kỳ như một xứ đã chiếm được. Và chánh-phủ nước Nam quả là quá yếu đuối mới nhờ tôi đuổi anh ta khỏi nơi này, như chánh-phủ ấy hiện đang làm. Nếu Dupuis với những lực-lượng tẻ-hại của anh ta mà đã làm cho họ thất-bại, thì đối với ta, nếu muốn đặt chân vào xứ này, thật không tốn kém gì bao lăm. » (« Il se conduit au Tonkin comme en pays conquis, et il faut que le Gouvernement annamite se trouve bien peu fort pour me demander comme il le fait de le décider à vider les lieux. Si M. Dupuis les tient en échec avec les misérables forces dont il dispose, que m'en coûterait-il pour prendre pied dans le pays ? »)

(Amiral Dupré à Consul Canton 26-6-1873)

nghe lẽ phải, Thiếu-tướng sẽ có thể vì ân-nghĩa này mà đòi hỏi Triều-đình Huế thỏa-thuận cho ta được đi lại tự-do trên sông Hồng với một Hiệp-ước Đồng-minh.

Vi Pháp mới thua trận với Đức và vừa ký một hiệp-ước đầu-hàng nhục-nhã với kẻ thù, và vì tình-hình nội-bộ đang bấp-bênh, nên một vụ vọng-động ở Đông-dương chẳng những không được tán-thành mà còn bị cấm đoán, cho nên Dupré đành nghe theo đề-nghị của Garnier.

*
* * *

CHƯƠNG VIII

FRANCIS GARNIER ĐÁNH HÀ-NỘI
NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG TUẤN-TIỆT

FRANCIS GARNIER ĐÁNH HÀ-NỘI NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG TUẤN-TIỆT

Francis Garnier
ra Hà-Nội.

Nhận lệnh của Duprè xong, Garnier xin nghỉ phép 3 tuần qua thăm vợ còn ở Thượng-Hải rồi mới về Sài-gòn.

Chuẩn-bị ngay với đầy đủ phương-tiện, quân lính thiện-chiến, vũ-khí tối-tàn, tàu bè trang-bị cả sơn-pháo và thần-công, Garnier sửa-soạn ngay đề ra Bắc. Anh rất lạc-quan và đã viết cho vợ như sau : « Thật tình, chưa lúc nào anh tự thấy nắm vững công-việc trong tay như thế này. »

Và từ đây, gần như mỗi ngày, Garnier đều viết thư cho vợ kể tất cả công-việc của anh ta ở Bắc, trong ấy có cả việc chinh-chiến, kể rất tỉ-mỉ những sự việc mà từ trước đến nay chưa hề nghe ai nói tới (1).

Ngày 11-10-1873, phái-đoàn Fr. Garnier nhờ neo ra khơi. Lúc này Garnier mới được 34 tuổi. Rất thông-minh, cương-quyết

(1) Nhật ký và thư-từ của Francis Garnier, nhất là những thư gửi cho vợ, chỉ mới được hai người cháu ngoại gái của ông ta đưa ra và mới được ấn-hành trong một tác-phẩm xuất-bản ở Pháp năm 1952, mà ở Việt-Nam ít ai đề ý đến. Như đã nói trước, sách này nhan-đề là " Francis Garnier à l'assaut des Fleuves " của Roger Vercelet.

Tác-phẩm của Vercelet là một tài-liệu rất quý giá để bổ-túc cho các sách xưa của Pháp và Việt-Nam viết về giai-đoạn lịch-sử Pháp-Việt đụng chạm nhau.

và hăng-hái, lúc nào anh ta cũng tin là nước Pháp sẽ có một tương-lai rực rỡ ở Á-đông, vì vậy mà anh ta đã hoan-hỷ nhận lời của Dupré đề thi-hành một sứ-mạng rất tế-nhi ở Bắc-Kỳ.

Dưới quyền Garnier, có 56 thủy-thủ mà 9 là người Việt, do Trung-úy Hải-quân Esmes chỉ-huy ; 30 Thủy-quân lục-chiến do Thiếu-úy De Trentinian (1) chỉ-huy. Trong phái-đoàn còn có một y-sĩ là Chedan và một thợ-ký là Lasserre. Tất cả nhân-viên đi trên hai chiếc tàu : chiến-hạm nhỏ D'Estrées và pháo-thuyền Arc.

Mấy ngày sau, lại có một đoàn thứ hai đi theo, đề tiếp-ứng nếu cần. Đoàn này đi trên hai tàu Decrès và Espingole và gồm 85 thủy-binh do 2 Trung-úy Hải-quân Bain de la Coquerie và Balny d'Avricourt chỉ-huy v.v... ; có hai y-sĩ Hải-quân là Dubut và Harmand cùng một kỹ-sư là Bouillet theo đoàn này.

Ngày 14-10-1873, phái-đoàn đến ngoài khơi biển Đà-Nẵng thì chiếc Arc bị chìm vì biển động và cũng vì tàu đã cũ nát quá. Tất cả nhân-viên trên tàu đều được cứu đưa qua chiếc D'Estrées. Như thế đủ biết tàu bè của Pháp đem qua ta cũng không lấy gì làm tốt và mạnh lắm. Nếu ta thua những tàu, những súng của họ, đó là vì tàu bè chiến-cụ của ta quá bết !

Ngày 15-10-1873, tàu của Garnier vào đậu lại ở cửa biển Đà-Nẵng. Một viên-chức người Nam xuống đây đề ra Huế, mang theo một văn-thư của Thiếu-Tướng Dupré gửi cho Triều-đình Huế về việc Đò-phủ-Nghĩa và việc giao-thông ở Bắc-Hà và yêu-cầu nhà vua cho các vị Khâm-sai thay mặt vua đi theo phái-đoàn ra Bắc để giải-quyết mọi việc. Lời lẽ trong thư đã có giọng hơi xẵng và cương-quyết : « Triều-đình nước Nam không thể tri-

(1) Thiếu-úy De Trentinian là cháu Đại-tá De Trentinian mà Thiếu-Tướng Dupré đã muốn cho đi với Garnier với 1000 quân, nhưng Garnier đã từ-chối.

hoãn việc mở rộng Bắc-Kỳ và sông Hồng cho đến Văn-Nam ; vì lẽ đó Đại-úy Fr. Garnier có lệnh ở lại Hà-Nội cho đến lúc nào việc này được giải-quyết xong. » Đó là lời trong văn-thư của Dupré.

Ngày 20-10-1873, có hai quan-viên từ Huế vào Đà-Nẵng và đáp lên tàu của Garnier để cùng đi Hà-Nội.

Ngày 23-10-1873, tàu đến Cát-Bà.

Ngày 30-10-1873, phái-đoàn vượt sông lên Hà-Nội. Garnier đã phải nhờ nhà chức-trách địa-phương giúp ghe thuyền để chuyên chở người và vật-dụng. Jean Dupuis đi trên chiếc tàu Man-hao của anh ta ra đón Garnier trên sông vào Hà-Nội, và cho Đại-úy hay là cả xứ Bắc-Kỳ đều sắp nổi loạn nếu... ông ra hiệu... Trong một bức thư đề *ngày 3-11-1873*, Garnier viết : « Mọi người đều coi tôi như sắp thống-trị xứ này nếu tôi muốn. Tôi còn đợi xem. Trước khi lật đổ chánh-quyền tại đây, lẽ tất-nhiên tôi đợi xem những dấu-hiệu do nhân-dân biểu-lộ và xác-nhận lời của Dupuis ».

Những lời lẽ trên đây của Garnier cũng như của Dupuis tỏ cho ta thấy rõ ràng tư-tưởng và tham-vọng xâm-lãng của hai người.

Ngày 5-11-1873, phái-đoàn đến Hà-nội. Trong một bức thư, Garnier kể lại cuộc đón tiếp như sau : « Lúc lên đất liền, các quan-chức người Nam đón tiếp dẫn tôi đến trú ở một cái quán, trong một cái đồn giữa thành-phố. Tôi và đoàn tùy-tùng bèn đi thẳng vào thành, và tuyên-bố là tôi chỉ ngừng chân tại Dinh quan Khâm-sai. Đó là danh-tướng Nguyễn-tri-Phương, người đã chỉ-huy trận-tuyến Kỳ-hòa bị chúng ta chiếm năm 1861. Trên đường tôi tiến bước, người ta đã liên-tiếp gọi người

đến ngăn chặn tôi lại. Không thể được. Tôi băng qua cửa thành và đến Dinh ông Trương lúc ông còn chưa kịp mặc áo ngoài. Tôi phải nhìn nhận rằng ông già này — ông đã 74 tuổi — đã cư-xử rất lạnh trí. Ông tỏ ra rất lịch-sự, lắp-bắp vài tiếng Pháp, biết che dấu uất-hận của ông dưới nụ cười và lời lẽ nhu-mì... »

Ngay khi đó, Garnier đòi đóng quân tại trong thành. Sau một cuộc thảo-luận gay go, Garnier đành chấp-thuận đóng quân tại Trường-thị ở cuối thành phố Hà-nội. Sau khi thu xếp ổn-thỏa về việc nhà cửa, cụ Nguyễn-tri-Phương vui vẻ mời Garnier và các người tùy-túng dùng nước. Sau cùng, cụ hỏi Đại-úy : « Tôi tưởng hình như có hân-hạnh gặp quý quan ở Nam-Kỳ vài lần. Không biết tôi có lầm lẫn chăng ? » — Và Đại-úy trả lời : « Thưa Ngài, chắc chúng ta có gặp nhau ở trận Kỳ-hòa, và từ lúc đó tôi vẫn có lòng ngưỡng-mộ Ngài nhiều. » (Lúc bấy giờ Garnier ở trong Bộ Tham-mưu của Trung Tướng Charner đánh thành Kỳ-hòa).

Tối hôm ấy, lúc 3 giờ sáng, một nhà tranh gần nhà quân Pháp chứa thuốc đạn, bị đốt cháy. Và từ đó trong khoảng 15 hôm, có một bọn độ mười người chuyên ném vào xóm nhà này những hòn gạch học bông cháy đỏ và những gói thuốc súng...

(Mời người ra đề xử việc Đồ-phủ-Nghĩa, rồi lại đối xử với người ấy bằng những thủ-đoạn lật-vật này, thật không ngoài-giao chút nào, càng làm lợi cho anh lái buôn).

Ngày 6-11-1873. Hôm nay, Garnier bắt đầu thương-thuyết với vị Khâm-sai của Triều-đình Huế. Vị Khâm-sai của ta chỉ muốn nói đến việc Jean Dupuis, Garnier lại muốn giải-quyết ngay vấn-đề thương-mãi và giải-tỏa sông Hồng.

Về việc sông Hồng, quan Khâm-sai nói là phải đợi lệnh Triều-đình. Garnier không chịu. Anh ta viện lẽ là Soái-phủ đã gửi văn-kiện cho Triều-đình đã 20 hôm rồi. Như thế chắc là đã có chỉ-thị của Huế gửi ra rồi mới phải. Nếu mỗi sự việc đều phải hỏi lại Huế thì cần gì phải gửi một Khâm-sai toàn-quyền ra Hà-Nội. Garnier đòi trong 3 ngày phải trả lời dứt khoát, không thì anh ta sẽ tự-do hành-động.

Ngày 8-11-1873. Tối hôm ấy, người ta cho Đại-úy Garnier hay tin là viên đội hôm trước đã đề anh ta vượt cổng vào thành, đã bị bắt đánh và bỏ tù, chỉ chờ anh ta đi là bị xử tử. Anh ta bèn phản-đổi đòi trả viên đội, và ông này được tha ngay.

Ngày 9-11-1873. Garnier tuy bằng lòng đợi Huế trả lời trong 3 ngày, nhưng anh ta vẫn đề-phòng, cho lấy thêm quân ở các pháo thuyền đưa lên Hà-Nội.

Garnier muốn đánh thành Hà-Nội ngày 15-11, nếu ngày 14-11 anh ta không được Triều-đình thỏa-mãn các yêu-sách của Soái-phủ Sài-gòn. (Vây mà hôm trước, chính anh ta đã khuyên Thiệu-tướng Dupré nên hành-động mềm mỏng, một cách ngoại-giao). Trong khi chờ đợi, anh ta lại nhận thêm được 2 pháo-thuyền mới từ Saigon cho ra tiếp-viện.

Ngày 10-11-1873 (có tài-liệu nói là ngày 9-11) Quan Tổng-đốc Hà-nội dán yết-thị cho dân-chúng hay là : cấm mọi người, kể cả ngoại-kiều như người Tàu, không được lui tới với đại-diện Soái-phủ ; vị này không có thẩm-quyền để nhận những lời kiện-cáo, ông ta chỉ là người được sai phái ra để xét xử và đuổi Dupuis ra khỏi Bắc-Hà, ông ta không có quyền can-dự vào việc nội-bộ nước Nam .v.v...

Garnier cho là bị làm nhục công-khai, anh ta đòi quan Tổng-đốc xé bỏ ngay tờ yết-thị trên. Quan Tổng-đốc không

chịu, thì anh ta làm tờ yết-thị khác cho dân khắp nơi nói rằng anh ta đến Hà-nội để điều-đinh việc Jean Dupuis (chớ không phải duổi), và cũng để bảo-hộ việc buôn bán và khai-thương sông Hồng và cả xứ Bắc-Kỳ cho tất cả các nước được Pháp-quốc bảo-hộ.. v.v... (1)

*

* *

Ngày 12-11-1873. Giám-mục Puginier đến Hà-nội theo lời mời của Garnier. Từ trước Giám-mục vẫn cố tránh gặp các đại-diện Pháp để tránh những sự hiểu lầm có hại cho việc truyền-giáo của ông. Ông chỉ gặp những người này sau khi có lời yêu-cầu của các quan-chức người Nam.

Lần này, gặp Giám-mục, Garnier muốn hỏi ý-kiến về vấn-đề có những nhóm người tự xưng là hậu-duệ nhà Lê đến yêu-cầu anh ta giúp để lấy lại ngôi nhà Lê. Sau khi thành-công, nhà Lê sẽ công-nhận Pháp đặt nền bảo-hộ lên Bắc-Kỳ.

Giám-mục trả lời Garnier :

— Các Linh-mục của tôi cũng như tôi không làm chánh-trị, và chúng tôi luôn luôn khuyên giáo-dân của chúng tôi

(1) Nguyên-văn tờ yết-thị của Garnier như sau :

“ Au peuple tonkinois,

Le Gouverneur de cette ville vient de faire une proclamation au peuple qui dénature ma mission. Je l'ai invité à la retirer, mais j'apprends qu'il ne l'a pas encore fait.

J'ai été envoyé ici par l'Amiral gouverneur de la Cochinchine française pour examiner les différends survenus entre M. Dupuis et les autorités annamites, et tâcher, si faire se peut, de les aplanir, mais nullement pour expulser M. Dupuis ; ni venu comme le dit la proclamation du gouverneur, sur l'ordre et la demande de la Cour de Huế pour chasser le même Dupuis et partir avec lui.

Ma mission a un autre but, dont le principal est de protéger le commerce en ouvrant le pays et son fleuve à toutes les nations sous la protection de la France. ”

phải trung-thành với chánh-quyền hiện có ở trong xứ... Tuy-nhiên, vì ông đã hỏi ý-kiến tôi, tôi nghĩ rằng nhà Lê đã mất ngôi từ lâu, thật khó mà tìm được một người nào trong hậu-duệ họ Lê có đủ khả-năng thống-trị và được toàn-dân ủng-hộ. »

Những lời này đã làm cho Garnier bỏ ý định giúp các đảng tự xưng là của hậu-duệ nhà Lê và anh ta cũng đã trình sự việc này lên Thiếu-tướng Dupré ở Sài-gòn.

Nhân dịp gặp gỡ này Garnier cho Giám-mục hay rằng anh ta định trong ba ngày nữa sẽ đánh chiếm thành Hà-Nội. Giám-mục hoảng-kinh trước quyết-định táo-bạo này, và cho viên Đại-úy trẻ tuổi biết rằng một vụ bạo-động như vậy sẽ có những hậu-quả rất khốc-liệt, các linh-mục truyền-giáo và những giáo-dân sẽ bị trả thù, các quan-chức của Triều-đình sẽ bỏ nhiệm-sở và các tỉnh sẽ hỗn-loạn. Giám-mục năn-nỉ anh ta nên tiếp-tục dùng phương-pháp hòa-bình của ngoại-giao...

Garnier chịu nghe, và tiếp-tục điều-đình, nhưng các cuộc điều-đình đều vô hiệu-quả.

Ngày 15-11-1873, Triều-đình Huế gọi đến viên đại-diện Soái-phủ Pháp hai bức thơ đòi phải trục-xuất ngay tên Jean Dupuis và yêu-cầu Garnier quay về Sài-gòn, nếu không Bắc-Kinh sẽ can-thiệp ! (khốn thay, Bắc-Kinh đã thua quân Tây-phương nhiều trận xiềng liềng và trước mắt người Tây-phương sức mạnh Bắc-Kinh chẳng có gì đáng kể ! Thế mà Triều-đình ta còn đem Bắc-Kinh ra dọa thì thật bất thông thời-vu !).

« Thống-soái Nguyễn-tri-Phương đã phát cho mỗi tên quân 200 viên đạn. Ông ta đã xin Triều-đình cho ông ta tấn-công phái-đoàn Pháp hoặc cho ông ta từ-chức... » Đó là tin-tức

Garnier nhận được do những người muốn cho hai bên đánh nhau để thủ lợi (Dupuis ? Những người tự xưng là hậu-duệ nhà Lê ? Các tay mại-bán Tàu hay đi lại với Dupuis ?...)

Ngày 16-11-1873. Garnier nghe lời Giám-mục Puginier hoãn cuộc bạo-động, nhưng anh ta quyết « cai-trị » Bắc-Kỳ dù các quan-chức người Nam vẫn còn đó. Chính ngày hôm nay (có tài-liệu ghi là ngày 15-11), anh ta cho yết-thị những quyết-định đơn-phương của anh ta với những lời tự-xưng rất lớn lối !

« *Quan lớn Garnier* (1), người đã được quan Đò-đốc Thống-soái Nam-Kỳ thuộc Pháp phái ra Bắc-Kỳ để thỏa-hiệp với nhà cầm quyền việc khai-thương xứ này, cho biết rằng :

1.— Bắt đầu từ ngày 15-11-1873, Sông Hồng-Hà (tiếng Tàu là Hồng-giang, tiếng Việt là Sông Cái) sẽ được mở từ biển đến Vân-Nam cho việc buôn bán ;

2.— Sông này chỉ được dành cho sự buôn bán của các tàu Pháp, Y-pha-Nho và Trung-Hoa ; tức là với những quốc-gia đã có hiệp-ước với nước Nam ;

3.— Quan-thuế phải trả được định là 9% tổng-giá hàng-hóa trở trên tàu ;

4.— Đối với các tàu từ Sài-gòn đến hay đi đến Sài-gòn thì giá thuế này được bớt phân nửa ;

5.— Các tàu từ Vân-Nam đi ngang qua cũng chỉ trả phân nửa thuế ;

(1) « *Le Grand Mandarin Garnier, envoyé au Tonkin par l'Amiral gouverneur de la Cochinchine française pour s'entendre avec les autorités de l'ouverture du pays au commerce étranger, fait savoir qu'il a été décidé ce qui suit : ...* »

6.— Các thương-gia Tàu hay thuộc các quốc-gia khác được đặt dưới quyền bảo-hộ của Pháp và không tùy-thuộc thẩm-quyền quan-chức người Nam bất-cứ về phương-diện nào ;

7.— Các thương-gia thuộc bất-cứ quốc-tịch nào, đều có thể mua đất và nhà ở Hà-Nội để đặt cơ-sở của họ ;

8. — Các sở quan-thuế của người Nam hiện có đều được bãi bỏ từ ngày hôm nay.

v. v. và v. v. ...

Thế là Garnier đã tự ý làm như anh ta đã là chủ-nhân-ông cả nước Nam. Sự khinh-khi và trở mặt táo-tợn của viên sĩ-quan cuồng-bạo này đã quá rõ ràng.

Ngày 17-11-1873 Garnier được tin (?) là nước uống và đồ ăn của người Pháp đều có chất độc bỏ vào.

Các cuộc điều-đình với quan Khâm-sai (1) từ Huế ra đã thất-bại. Garnier quay qua điều-đình với cụ Nguyễn-tri-Phương, nhưng hai bên vẫn giữ lập-tr trường của mình nên vẫn không có kết-quả gì. Việc Garnier tự-ý hiệu-thị cho dân-chúng người Nam và ra nghị-định về việc giao-thương với cả ngoại-quốc, bãi bỏ quan-thuế của ta..., thêm vào việc tàu thủy và lính không ngớt tiếp đến thêm làm cho không-khí càng căng thẳng và nghi ngờ đến tột độ.

Ngày 18-11-1873 — Trong tình-hình đó, hai bên đều phải chuẩn-bị đề-phòng. Nhưng bên ta, cụ Nguyễn-tri-Phương và các quan Tỉnh, quan Khâm-sai vẫn không tin là quân Pháp dám đánh thẳng thành Hà-Nội, trong lúc ta vẫn cho quân các Tỉnh về tiếp-viện.

(1) Quan Tham-tri Phan-đình-Bình.

Còn Garnier thì máu hăng và liều-lĩnh của tuổi trẻ, tính tra làm « ầu » của một tên giang-hồ phiêu-bạt bị một tên giang-hồ đại lưu-manh khác là J. Dupuis luôn luôn xúi giục, thêm vào đó là lòng khinh rẻ người da vàng sau những trận chiến-thắng của quân Anh-Pháp ở Tàu, của quân Pháp-Y ở Kỳ-hòa, Mỹ-Tho, Biên-Hòa, v.v..., các trận chiến mà trong đó phần lớn là có mặt anh ta... làm cho anh ta đã có ý đánh thành Hà-nội đã lâu, ít ra là từ ngày 10, 11-11-1873.

Ngày 19-11-1873. Tuy-nhiên trước khi hành-động, anh ta vẫn gửi cho bên ta một tối-hậu-thư.

Trong thư này, Garnier trách tất cả các hành-động ở bên ta, tất cả những tin do quan chức bên ta phao đồn thất-thiệt, những cạm bẫy ta đã dăng ra v.v..., anh ta buộc ta phải giải-giới thành Hà-Nội, phải ra lệnh cho các Tổng-đốc các Tỉnh phải tuân theo các quyết-định của phái-bộ Pháp đã niêm-yết, và cho phép Dupuis được tự-do trở lên Vạn-Nam. Tối-hậu-thư kết-thúc bằng những câu như sau (1) :

« Tôi sùng-kính tuổi tác của Ngài, tôi kính-trọng tài thao-lược của Ngài, nhưng tôi phiền trách lòng thù-hận mù-quáng của Ngài đối với người Pháp ; tôi cầu mong Ngài công-nhận những lời này là đúng và Ngài sẽ giác-tỉnh ; nếu không trách-nhiệm của tất cả những gì xảy đến sẽ rớt xuống đầu Ngài ! »

Tất cả những lời hỗn xược đó đã gửi cho một vị tướng-soái danh-vọng của một nước, đã già đến 74 tuổi. Chỉ cái tuổi

(1) « J'honore votre grand âge, je respecte vos vertus militaires, mais je déplore la haine aveugle qui vous anime contre les Français ; puissiez-vous le reconnaître et revenir à vous ; sinon que la responsabilité de tous les faits qui surviendront plus tard retombe sur votre tête ! »

ấy với đầu tóc bạc, với chòm râu bạc mà còn phải dầm sương dãi nắng ra giữa chiến-trường, cũng đủ để cho kẻ đối-thủ đối-dãi có lễ-độ với những lời lẽ nhẹ-nhàng và « văn-minh » hơn!

Tối-hậu-thư đòi được trả lời trước 6 giờ chiều cùng ngày 19-11-1873, nhưng lẽ tất-nhiên là không có trả lời trong ngày ấy!

Trận tấn-công và Tới ngày 19-11-1873, Garnier triệu-tập họ thành Hà-Nội tất cả các sĩ-quan và ra lệnh sáng 20-11-1873 là đánh úp lấy thành Hà-Nội. Tất cả được chuẩn-bị rất cẩn-thận trong im lặng, trong một không-khí hoàn-toàn bí-mật... hòng giữ sự bất-ngờ, và đánh thành thình-lình quyết lấy thắng-lợi ngay từ những giờ phút đầu.

Thành Hà-Nội được xây-dựng từ năm 1805, dưới Triều Gia-Long, theo kiểu cách thành lũy Vauban của Pháp. Thiếu-tá Chapotot năm 1875 đã mô-tả thành này một cách tỉ-mỉ và rõ-ràng như sau (1) :

« Hình-thái tổng-quát của thành Hà-Nội là một chữ Điền vĩ-đại. Mỗi cạnh của hình vuông dài 300 thước có 3 pháo-đài nối tiếp nhau bằng những thành-lũy kiên-cố. Các pháo-đài ở giữa, ở phía Bắc, Đông và Tây và các pháo-đài cuối cùng của phía Nam đều có những lũy bán-nguyệt che chở. Quanh thành có một dải đất rộng từ 6 đến 7 thước tây. Từ mặt đất lên mặt thành, bề cao là 5 thước, bên ngoài xây gạch. hào nước chung quanh thành rộng từ 15 đến 18 thước và sâu 5 thước, bờ cũng xây gạch. Thành có 5 cửa, có cánh cửa bằng gỗ rất dày nặng và rất chắc chắn. »

(1) Văn-khố Đông-Dương, được Masson viện-dẫn trong tác-phẩm : Hà-Nội pendant la période héroïque (1873-1888).

Các thành-lũy có thể phòng-thủ dễ dàng nếu người phòng-thủ có một dàn đại-pháo kiểu mới. Nhưng khốn thay, các đại-bác tri trên thành đều đã rỉ sét, và toàn là những súng đã mua được của người Bồ-đào-Nha, Hòa-Lan hay Pháp nhưng đều là những thứ vũ-khí xưa đã bị phế-thải mà ta không biết đã mua dùng lại đồ người ta đã bỏ. Rồi ta lại cứ theo những kiểu cũ đó mà đúc thêm mãi. Súng bắn chậm, đạn không phá, tầm đi rất ngắn, có khi địch ở cách xa cả 1000 thước, mà đạn chỉ rơi ở chỗ có 500, 600 thước. Trong khi ấy vũ-khí của Tây-phương đã tiến-bộ nhiều, nhất là từ giữa thế-kỷ 19 : súng bắn xa, đạn nổ phá, bắn chính-xác và nhanh, súng lại nhẹ với dàn súng di-động mau lẹ và nhẹ nhàng. Sự tiến-bộ vẫn theo đà tiến-bộ của khoa-học, và cũng vì họ vẫn luôn luôn có người chuyên nghiên-cứu về vũ-khí và hỏa-pháo, đạn dược : như ở Pháp thì có Gribeauval, De La Hitte, v.v..

Ngày 20-11-1873 : Ngày thất-thủ Hà-Nội

Ngày 20-11 là ngày quyết-định số-phận Hà-Nội và cũng là số-phận của vị danh-tướng số 1 của nước Việt-Nam trong thế-kỷ 19. Francis Garnier tuy đánh úp người bất-ngờ, nhưng trước khi ra trận cũng đã viết cho vợ một lá thư vĩnh-biệt với những lời lẽ trời trăng : « Ông Thống-soái người Nam (Nguyễn-tri-Phương) cái gì cũng chấp-thuận bằng lời, mà không có gì trên giấy tờ cả. Sáng mai, lúc bình-minh, anh sẽ tấn-công Thành (Hà-Nội). Anh mang trước tim anh hình của em và hình Nini (1) : đó là hai lá bùa hộ-mệnh cho anh. Ôi ! Thượng-đế mới biết anh quý tính-mệnh anh đến thế nào, vì tình yêu em ! Nhưng anh sẽ làm hết bổn-phận và sẽ xứng đáng với em và với

(1) Con gái của Garnier đang ở lại Thượng-Hải với vợ y.

bản-thân anh. Nếu số anh xui, em nên can-đảm, bảo-trọng lấy mình... cho con chúng ta... »

Garnier chẳng những dùng chiến-thuật bất-ngờ, mà còn dùng mưu giương Đông kích Tây. Với 216 quân sĩ, anh ta chia làm hai đội xung-phong. Đội thứ nhất do sĩ-quan Bain de la Coquerie chỉ-huy sẽ phò-trương đánh cửa Tây-Nam, nhưng chỉ đề lôi kéo quân Nam phải qua giữ phía ấy, chớ không được vào thành,... dẫu có thắng và chiếm được cửa thành. Đội thứ hai do Garnier đích-thân chỉ-huy sẽ đánh cửa Đông-Nam và chiếm thành. Hai đội đều có đại-pháo yểm-trợ. Một tiểu-đội 20 người được dành làm quân trừ-bị núp sẵn trong một ngôi chùa lân-cận.

Các pháo-thuyền có nhiệm-vụ bắn đại-pháo liên-tiếp vào cửa Bắc và cửa Tây. Hai đại-bác khác đặt trên đất liền sẽ bắn phá cửa Đông.

Đúng 5 giờ 30 sáng ngày 20-11-1873, đội quân thứ nhất chạy nhanh đến cửa Đông-Nam, chỉ cách chỗ trú đóng có 200 thước tây. Quân Nam bất-ngờ hoàn-toàn. Lúc quân Pháp đến sát thành mới có vài tiếng súng lẻ tẻ bắn ra, nhưng lính Pháp đã dàn rộng ra núp bên thành, và phá hủy các chương-ngại-vật, trong lúc đại-pháo bắn tưới vào phá toang cửa thành : quá bất-ngờ, quân ta đã để quân địch chiếm được cửa này trong mấy phút. Nhưng đây mới là cửa của lũy ngoài. Bấy giờ quân Pháp mới ủa vào đánh cửa chính của thành trong. Đại-bác trong thành bắn ra, nhưng tầm đạn quá ngắn không trúng ai cả. Ngược lại đại-pháo của địch nhắm trúng ngay hai cánh cửa lớn của thành. Cửa thành đổ nhào. Lính Tây chiếm được cửa lớn Tây-Nam, và chĩa súng lớn nhỏ lên phá lần các dàn súng của ta đặt trên các mặt thành.

Nhưng điểm tấn-công chính là cửa Đông-Nam như ta đã nói trên. Cửa này tiếp giáp với các phố buôn bán, nên Garnier đã chọn điểm này để đem quân lại sát bên, núp theo các xóm nhà mà quân canh thành không trông thấy.

Khi đến trước cửa thành, quân Pháp bị quân ta bắn chặn không tiến lên được. Nhưng trọng-pháo của họ đã bắn vào phía cửa và địch lại phóng nhanh đến cửa chính Đông-Nam. Cửa bằng cây to dày có bọc đồng, quân Pháp phá mãi không đổ. Garnier lại phải gọi đại-pháo bắn trực-xạ ngay hai cánh cửa. Cửa lúc này mới bị thủng. Garnier liều mạng trèo vào, nhảy đại xuống lưng những lính gác cửa của ta, rút súng lục bắn từ tung, cho đến khi bọn lính tùy-tùng của anh ta cũng kịp nhảy vào, và đại-pháo vẫn tiếp-tục nã mạnh vào cánh cửa. Quân ta quá bất-ngờ vì sự táo-bạo làm liều của quân Pháp, quay bắn hốt-hoảng ít phút vào bọn lính mới đột nhập, rồi hỗn-loạn bỏ chạy.

Thế là hai cửa chính của thành Hà-Nội bị chiếm. Cửa Đông và cửa Bắc thì do quân của J. Dupuis núp sẵn chung quanh cũng kéo vô chiếm luôn. Đạn đại-bác ở các pháo-thuyền lại bắn loạn xạ vào thành, làm nhiều dinh-thự và nhà dân bị sụp đổ và cháy rục trời. Khi-thế của súng lớn súng nhỏ của Pháp bắn đã mạnh, nổ lớn, lại chính-xác, sức tàn-phá ghê gớm như sấm sét đổ xuống long trời lở đất, làm quân lính ta kinh-hoàng tán-đổm. Quân ta không quen với những súng ống như thế bao giờ nên mất hết tinh-thần, rùng-rùng ném súng ném gươm dao bỏ cùng đường, ù té bỏ chạy tán-loạn. Nhiều người bị thương, kẻ thì chết.

Cụ Nguyễn-tri-Phương trông thấy thảm-cảnh này mà không làm sao ngăn cản được. Cụ vội leo lên thành, cố lấy

lòng dũng-cảm lẫn xả trước mura đạn làm gương cho quân-sĩ. Hai thay, đây chỉ là một cử-chỉ uất-hận làm liều, chớ xuong thịt nào đủ chống thần-công đại-bác của Tây-Phương? Râu bạc phất-phơ trước khói đạn mịt trời! Ôi! đại cuộc sắp tan tành, sức người lấy đá vạ trời được sao? Âu hẳn cụ muốn lấy một thân già đền nợ non sông, đền ơn vũ-lộ của quân-vương. Cụ vẫn xông-pha, cũng lượn súng bắn như một tên lính thường, cũng ra tay xô đá xô gạch xuống đầu địch để cản chúng trèo lên thành.

Một viên đạn bất-thần đã bắn trúng vị danh-tướng, máu đỏ thịt rơi tung-toé. Cụ ngã quy, thương-tích khá nặng, có lẽ cụ sắp chết (có tài-liệu nói cụ còn phóng lên ngựa được và bỏ chạy, rồi bị bắt đem xuống tàu địch). Bên cạnh cụ, Phò-mã Nguyễn-Lân cũng đã ngã gục, trúng đạn ở đầu chết ngay tại trận. Ô hô! Một đời oanh-liệt, dọc ngang từ Nam chí Bắc, đến đây là kết-thức hẳn sao? Một tác-giả Pháp đã viết về cảnh cụ đang xông pha rồi bị bắn ngã: « Lão Thống-soái Nguyễn-tri-Phương nhìn thấy quân lính của ông bỏ thành chạy, mà không giữ họ lại được. Ông tưởng làm gương để lôi kéo họ trở lại. Ông ôm một viên gạch, tiến bước tới bờ lũy, và, đứng thẳng người trong bộ áo gấm, ông ném xuống quân địch quả đạn yếu ớt của ông, rồi ông ngã xuống, bụng tung tóe ra vì một hộp đạn trái-phá » (1) (có chỗ thì nói cụ bị thương ở chân).

(1) Roger Vercei : « Le vieux maréchal Nguyễn-tri-Phương a vu, sans pouvoir les retenir, ses troupes désertir le rempart. Il a cru que son exemple pourrait les y ramener. Il a empoigné une brique, s'est avancé jusqu'au bord de la fortification, et, dressé dans sa robe de soie, il a lancé sur l'ennemi son dérisoire projectile, puis il s'est abattu, le ventre ouvert par une boîte à mitraille ». (Francis Garnier, à l'assaut des Fleuves).

J. Dupuis cũng có viết trong cuốn Le Tonkin : « Le maréchal est blessé en défendant la Porte du Sud... On a trouvé le maréchal Nguyễn avec le Commissaire



Người ta vấp cụ vào một căn nhà gần cạnh, và sau đó Garnier cho 3 viên-chức người Nam săn-sóc và an-ủi cụ.

Nguyễn-tri-Phương Trong các thư-từ của Garnier để lại,
tuần-tiết chỉ thấy kể đến đây, chớ không thấy
nói đến lúc cụ chết. Trong các sách
của Jean Dupuis (1) cũng như một số sách của các tác-giả khác
(Việt-Nam và Pháp) thì nói cụ nằm trên giường bệnh đến một
tháng, mà không chịu cho người Pháp săn-sóc và cho thuốc
men, và đến ngày 20-12-1873 thì mất (1 tháng 11 âm-lịch).

Trong gia-phả nhà họ Nguyễn mà chúng tôi có cơ may
đã giữ được một bản, chúng tôi thấy ghi như sau :

« Cụ cùng con là Phò-mã Nguyễn-Lâm đốc-suất quân ra
phía cửa Đông-Nam vượt lên thành chống giặc. Phò-mã bị một
phát đạn vào đầu chết ngay. Cụ cũng bị thương, binh-sĩ khiêng
vào Dinh. Người Pháp đem thuốc vào buộc, cụ đều rút ra, đưa
đồ ăn vào cụ đều phun nhổ không nuốt, nói rằng : Bây giờ nếu
ta chỉ gắng lấy lắt mà sống, sao bằng thung-dung chết về việc
nghĩa... »

de Hué et les deux fils de Phan-thanh-Gian dans une pailote près de la Porte du Sud. Le maréchal a reçu une blessure au bas-ventre, dont il ne guérira probablement pas. Il a voulu monter sur les remparts pour exciter les soldats, et une balle l'a frappé... (Quan Thống-soái già đã bị thương lúc phòng-thủ Cửa Nam... Người ta tìm thấy ông và vị Khâm-sai của Triều-đình Hué cùng hai người con của ông Phan-thanh-Giản trong một nhà tranh gần cửa Nam. Quan Thống-soái bị một vết thương ở bụng dưới, chắc là không lành được. Ông ta đã muốn leo lên đầu thành để phẫn-chấn quân lính, và một viên đạn đã bắn trúng ông ...)

(1) Jean Dupuis : (*Le TonKin*) : « Le grand maréchal est mort ce matin » (20-12-1873) (Đội Thống-soái chết sáng nay).

Ch. Gosselin (*L'Empire d'Annam*) :

... « Il fut blessé lors de l'attaque de la citadelle et mourut... des suites de blessure, refusant les soins des médecins français et arrachant lui-même le pansement posé sur sa plaie. » (Ông bị thương trong trận tấn-công thành và chết vì vết thương, từ-khước sự săn-sóc của các bác-sĩ Pháp, và tự ông rút bỏ đồ băng bó trên vết thương).

Cụ tuyệt-thực, chỉ ngậm sấm và uống nước trong mà thôi. Đến ngày 1 tháng 11 (tức 20-12-1873) thì cụ mất.

Một cái tang lớn cho Triều-đình, một mất mát lớn cho nước Việt-Nam, một gương oanh-liệt để muôn đời cho toàn dân Việt-Nam (1).

*
* *

Chủ-tướng Nguyễn-tri-Phương ngã gục trước đạn Pháp. Cờ Pháp đã treo trên các cửa thành. Hà-Nội lọt vào tay Pháp, sau một trận chiến chỉ 1 giờ rưỡi đồng-hồ. Quân ta ở trong thành có từ 6.000 đến 7.000, quân Pháp chỉ có 180 người, 90 của Garnier và 90 của Jean Dupuis yểm-trợ ở các cửa Đông và cửa Bắc. Đứng ra bên quân ta bị đánh bất-ngờ nên chưa chống trả gì đã tan rã.

Tổng-đốc Hà-Nội là Bùi-thúc-Kiên và An-sát là Tôn-thất-Thiệp trốn được, nhưng sau quan Tổng-đốc bị một tên Chánh-tổng bắt lại nộp cho Tây lấy thưởng. Quan Khâm-sai Phan-đình-Bình, Bộ-chánh Võ-Đương, Đề-đốc Đặng-Siêu và Lãnh-binh Nghiêm bị bắt ngay trong thành và bị đem xuống tàu để đưa vào Sài-gòn. Hai ngàn lính cũng bị bắt. Ta chết mất 80 người, bị thương 300 người. Pháp chỉ có 1 chết, và 2 bị thương!

Garnier lấy được ở Hà-Nội : 40 đại-bác bằng đồng và gang, những súng trường đủ kiểu, có thứ chằm ngòi, có thứ bắn đá, gươm dao, thuốc súng, đạn-dược, lựu-đạn, hỏa-tiến bằng tre, 150.000 quan bằng tiền, bạc thoi, đồng, gạo và muối v.v...

(1) Về trận đánh chiếm thành Hà-Nội, xin xem thêm nguyên-văn bản phúc-trình của Francis Garnier gửi về Soái-phủ Sài-gòn, được đăng ở phụ-chương cuối sách này.

Hậu-quả của việc mất thành Hà-Nội. Cuộc tấn-công liêu-lĩnh điên-cường của Garnier đã thành-công quá sức tưởng-tượng.

Trái lại, về phía ta việc thất-thủ thủ-dô Hà-Nội đem lại một hậu-quả vô-cùng tai-hại. Thành Hà-Nội là một thành-lũy rất kiên-cố, có nhiều quân lính phòng-thủ, lại được vị tướng tài nhất, danh-vọng nhất nước Nam chỉ-huy. Thế mà bị đánh chiếm chỉ trong vòng hơn một giờ đồng hồ bởi một đoàn lính Pháp chỉ vài trăm người ! Thế thì quân Pháp là những quân vô-địch trên thế-giới, là một đội quân thần thánh hay ma quỷ ? Và súng ống của Pháp bắn ra long trời lở đất tựa hồ sấm thiên-lôi đánh xuống, nhằm đầu trúng đó thì làm sao mà địch cho lại ! Hà-thành lại là thủ-dô của nhà Lê trong bao nhiêu thế-kỷ, và của bao nhiêu dòng vua của các Triều khác, cho nên Hà-thành được coi như một nơi thiêng-liêng, một nơi tượng-trưng cho sự sống còn của đất nước, của dân-tộc Việt, tượng-trưng cho những hùng-khí oai-linh và oanh-liệt nhất của Việt-Nam..., cho nên mất Hà-Nội là cả một sụp đổ lớn lao cho tinh-thần độc-lập, tự-cao tự-tin của dân Việt, nhất là cho tinh-thần của dân Bắc-Kỳ, dân của cựu triều nhà Lê.

Vì vậy mà sau này các tỉnh Bắc-Hà đều rơi rụng lả tả vào tay quân Pháp một cách dễ dàng chẳng khác gì những trái cây đã bị ung thối ngay từ gốc xuống, chỉ cần một làn gió thoảng nhẹ qua cũng đủ rớt... Làn gió đó là vài tiếng súng của quân Pháp ! (1).

(1) Về việc này, J. Dupuis còn có ý-kiến riêng của anh, lẽ tất-nhiên là có nhiều xuyên-tạc, nhưng ta cũng nên biết qua :

« La prise de la citadelle de Hà-Nội avait eu dans le pays un immense retentissement. La rapidité avec laquelle avait été accompli ce coup de main par une poignée d'hommes avait frappé de stupeur les mandarins et le peuple, les

Mất Nam-Kỳ rồi, Bắc-Kỳ cũng sắp mất !

Trung-thần Hiếu-tử Nguyễn-tri-Phương bị thương sáng
Nhất-môn tam tiết. ngày 20 tháng 11 năm 1873. Cụ không
chịu uống thuốc, không chịu bưng
bó, cơm cháo không ăn, nhưng nằm lây lất đến một tháng mới
chết. Một tháng dài bưng ngàn năm vạn năm. Vì trong một
tháng đó, cụ liên-tiếp được tin các tỉnh lần lượt đầu-hàng hoặc
bị đánh chiếm : Hưng-Yên đầu-hàng ngày 23-11-1873, Phủ-Lý
bị chiếm ngày 26-11, Ninh-Bình đầu hàng ngày 5-12, Bắc-Ninh
và Thái-Nguyên đầu-hàng, Hải-Dương mất ngày 5-12 cũng như
Ninh-Bình, Nam-Định mất ngày 8-12... Có tỉnh bị chiếm một
cách nhục-nhã ; như ở Ninh-Bình, vị Tổng-đốc già và các quan
tỉnh bị trói, quân lính ta phải bỏ súng gươm quý hai bên đường
lúc người Pháp đi qua, mà phía Pháp chỉ có 1 Thiếu-túy và 7
tên quân !

Đối với vị anh-hùng dân-tộc trải qua trăm trận, dấn thân
phụng-sự quốc-gia từ tuổi thanh-niên đến tuổi già nua vẫn luôn
luôn đi hàng đầu trước trận-mạc, đâu có giặc mạnh nhất, đâu
nguy-hiểm nhất là có ông... đối với ông các tin trên là những

*partisans des Lê en conçurent naturellement les plus grandes espérances ; or les
partisans des Lê, c'était en fait la population du TonKin tout entière, à l'exception
de la gent mandarine venue des provinces situées au Sud du Sông Gianh »...*

*« Confiance de la population en la France, impuissance des mandarins..., ce
qui explique la capitulation des villes défendues par des milliers d'hommes sur
l'injonction d'une poignée d'hommes... »*

(Việc lấy thành Hà-Nội đã có một tiếng vang lớn trong toàn cõi. Sự tập-
kích mau lẹ do một nhóm người làm cho quan dân đều kinh-hoảng. Bọn dư-đảng
nhà Lê tất-nhiên đặt hy-vọng lớn lao vào sự việc này ; mà dư-đảng nhà Lê, thật-
sự là toàn dân của xứ Bắc-Kỳ, ngoại-trừ bọn quan-lại từ các tỉnh ở phía Nam
Sông Gianh đến. »...)

*« Lòng tin tưởng của dân-chúng đặt vào nước Pháp, sự bất-lực của quan
lại..., đó là những gì đã khiến cho nhiều đô-thị do hàng ngàn người chống giữ mà
đầu hàng trước một nhóm người... »*

đòn đau đớn nhất, còn đau đớn hơn cả các vết thương trên mình của ông, và cho đến hơi thở cuối cùng ông còn phải mang theo mỗi uất-hận, mỗi căm hờn vô-tả của dân-tộc.

Sự tuân-tiết của ông còn có một điểm vô-cùng đặc-biệt là ông chấp-nhận cái chết trong sáng-suốt, trong chờ đợi đau đớn ngót một tháng trường. Vì vậy sự tự-tử của ông kể như tự-tử đến trăm ngàn lần ! Khẳng-khái thay và danh-liệt thay !

*
* * *

Lúc tin-tức về đến Kinh-đô, vua Tự-Đức vô-cùng hoang-mang lo-lắng về việc thất-thủ Bắc-thành và liên-tiếp theo là các tỉnh của vùng châu-thổ sông Hồng, sông Đáy, nhưng vua đau đớn thương tiếc nhất về cái chết của cha con vị lão-thần Nguyễn tri-Phương. Vua rất hui-ngùi nghĩ đến sự hy-sinh cao cả vô bờ bến của cả nhà ông, anh em cha con đều bỏ mình trước trận-mạc, đều chết về việc nước. Thật đây là một gương sáng toàn-gia trung-hiếu tiết-liệt từ xưa đến nay khó tìm thấy trong lịch-sử nước nhà !

Vua xuống Dụ rằng :

« Nguyễn Khâm-mạng Bắc-Kỳ Tổng-thống quân-vụ Đại-thần Nguyễn-tri-Phương trước sai lên Tam tuyền đồng-sức đánh dẹp rồi vờ về trấn giữ Hà-Nội, lúc ra đi gặp sự khó khăn gấp rút, lại dề mất thành Hà-Nội, vì nghĩa không chịu bỏ dờ-dang, nhịn đói mà chết, thật khá thương thay ! Nhưng giữ thành dề mất, tội ấy do đình-thần công-luận. Song ta nghĩ ông ta trải thờ ba Triều, lúc nguy-hiềm cũng như lúc thái-bình, cũng đều một lòng trung-dũng thành-thật ai ai cũng biết.

« Nay vì nghĩa bỏ mình, thật đáng thương tiếc !

« Vậy sức tinh-thần tỉnh Hà-Nội phải bắt binh-phu hộ-tổng quan-cửu của ông ta và của Phò-mã Đò-uy về bản-quán ninh-thố ! »

Vua lại ban cho 3 cây gấm, 3 cây hàng, 10 cây lụa, 10 cây vải và 1.000 quan tiền kho để chiếu-liệu việc an-táng.

Về sau các đình-thần xét việc thất-thủ Hà-Nội, tuy ông đã chết, vẫn tâu buộc tội phải cách hết chức hàm.

Vua xem lời đình-ng nghị bèn phán rằng :

« Nguyễn-tri-Phương là một người tôi trọng-vọng của Triều-đình, ra trấn chỗ khôn-ngoại, lúc về Hà-Nội không hay lo liệu việc ngăn, tội làm chủ-súy vẫn cũng nên y theo lời đình-ng nghị, nhưng nghĩ rằng : ông ta nhất sinh trung-dũng, lại tiết-nghĩa trọn cả nhà, trước sau cũng đều khó nhọc, nếu so với kẻ sống lây lất không công-trạng gì, thật là khác xa lắm. Cho nên ta gia ân cho khai-phục hàm Tham-tri. Còn tước Tráng-liệt-bá là công của ông dẹp giặc hồi trước, ta không nỡ nào thu lại. »

Đến năm Tự-Đức thứ 28 (1875), vua phê cho liệt-tự vào đền Công-thần là đền Trung-nghĩa-từ ở Huế.

Cũng năm ấy, Vua lại Dụ rằng :

« Nguyễn Tam-Tuyên quân-thứ Khâm-mạng Đại-Thần Nguyễn-tri-Phương tử-tiết ở Hà-Nội, em ruột là Tán-ly Nguyễn-Duy tử-tiết tại Nam-Kỳ, con là Phò-mã Nguyễn-văn-Lâm cũng tử-tiết ở Hà-Nội theo cha, người thì vì nước bỏ mình, kẻ thì vì cha tuân-tiết, trung-hiếu tiết-nghĩa gồm ở một nhà, vậy Triều-đình phải nên ưu-đãi. »

Theo đó Vua đặc Sắc sai lập một ngôi nhà thờ *Trung-hiếu-từ* tại làng Đường-Long (tức làng Chí-Long ngày nay) để

hiệp tự cả ba vị công-thần tử-tiết và mỗi năm sai quan địa-phương về tế !

Và Vua Tự-Đức cũng đã chính tay soạn bài Văn-tế sau đây để tế ba vị công-thần :

Viết :

- 1) Trung thần hiếu tử, lịch đại hữu chi ;
- 2) Nhứt môn tam tiết, ô hô hy hy !
- 3) Thần tắc tử trung, tử tắc tử hiếu ;
- 4) Tại nhân luân thường, vị thế danh giáo.
- 5) Triều-dinh phong thê, tiết do thủ yên ;
- 6) Huống kiêm nhi hữu, đại tiết bẩm nhiên.
- 7) Duy hỉ Nguyễn-khanh, duy bang chi kiệt ;
- 8) Trung ngoại lịch dương, kỳ bành huân liệt.
- 9) Khái tự dương thuyền, xâm ngã hải tân ;
- 10) Mệnh tương xuất sư, vô du lão thần.
- 11) Nhi đệ Nguyễn-Duy, hữu văn hữu võ ;
- 12) Kị huynh đồng tâm, tham nhung mạc phủ.
- 13) Nam đồn bất thủ, nhĩ vi sở thương ;
- 14) Nhi đệ tử chi, khoa giáp lưu phương.
- 15) Khoảnh nhiên bắc cố, sự cơ cánh ngộ ;
- 16) Tạc xuất bất ý, nhĩ tử ư lỗ.
- 17) Nhĩ tử Nguyễn-Lâm, tiên nhĩ nhi vương ;
- 18) Oanh oanh liệt liệt, hảo tổ nhứt trường.
- 19) Thị huyính thị đệ, thị phụ thị tử ;
- 20) Cồ chi biện môn, diệc bất quá thử.
- 21) Ô hô vi thần, năng trung ư quân ;
- 22) Ô hô vi tử, năng hiếu ư thân.
- 23) Duy trung dự hiếu, nhứt môn hàm tụy.
- 24) Gián khí sở chung, kỳ tri chi vị.

- 25) Viên kiến chuyên từ, dĩ tướng lệ chi.
 26) Tuế thuộc trọng thu, mệnh quan tế chi.
 27) Đường-long chi-hương, kỳ quy kỳ táng ;
 28) Vạn cô anh phong, sơn cao thủy trường.

Tạm dịch :

*Than rằng : con hiếu với tôi trung,
 Trái đời đời nỗ thiếu chi người :
 Song đều từ-tiết một thời,
 Một nhà ba vị mấy đời có ai !
 Tôi chết trung, con thời chết hiếu,
 Là luân thường, danh giáo xưa nay ;
 Triều-đình khuyến tướng người đời,
 Tiết thương còn trọng, hưởng thay gồm toàn.
 Kìa chạnh nhớ trọng thần họ Nguyễn,
 Trái trong ngoài nổi tiếng huân-lao ;
 Thành-linh nổi dậy phong trào,
 Tàu binh ngoại-quốc ruổi vào xâm-lãng !
 Sai tướng-soái chống ngăn bờ cõi,
 Duy lão-thần mới giải binh-cơ ;
 Cùng em Tân-Lý Nguyễn-Duy,
 Tài kiêm văn võ đồng thì xuất quân.
 Tướng hiệp-lực đồng-tâm ngự lỗ,
 Hay đâu đã thất-thủ Nam-đôn :
 Người thời xương đạn bị thương,
 Em người tử trận, tiếng thơm để đời.
 Thoắt ngánh lại trông ngoài đất Bắc,
 Chấn Hà-thành nổi giặc không ngờ ;
 Vì chưng làm lỡ sự cơ,
 Nên Khanh phải một trận thua bỏ mình!*

Con khanh cũng đề binh ra trước,
 Nguyễn-văn-Lâm rủ chết trước khanh.
 Một trường liệt liệt oanh oanh,
 Ói ! Cha con ấy với anh em này.
 Cùng một dạ thảo ngay tiết nghĩa,
 Họ Biện xưa cũng chỉ thế thôi.
 Than ôi ! tôi đứng trung-quán,
 Làm con cũng đứng hiếu thân hoàn-toàn.
 Trung với hiếu một dàng gom góp,
 Thật rõ là khí tốt đức nên;
 Sắc ban Trung-hiếu lập đền,
 Mỗi năm thu tế quan trên lễ thường.
 Đường-Long vốn quê hương chánh-quán,
 Chỗ sanh cư, tử táng là đây,
 Anh em muốn thuở còn đây,
 Núi cao với với sông dài với với !

(Theo Từ Lạc Tử)

* * *

Đến năm Đồng-Khánh nguyên-niên (1886), vào mùa đông tháng 11, quan Phụ-chánh Đại-thần Nguyễn-hữu-Độ lại dâng sớ tâu rằng : « Nguyễn-tri-Phương là một tòi trọng-thần của các Triều trước, trải việc trong ngoài và có công-lao, năm trước can về công-tội, nay xin gia ân cho khai-phục phẩm hàm như cũ và được thờ vào chính-án nhà thờ Hiền-lương-từ. » (Hiền-lương-từ trước tên là Trung-liệt-từ ở Hà-Nội trên gò Đống-đà).

Vua chuẩn y lời tâu. Thế là cụ vẫn được các phẩm hàm như trước là : Thái-tử Thái-bảo Võ-hiến-điện Đại-học-sĩ Tri-dũng-tướng Tráng-liệt-bá sung Bắc-Kỳ Tổng-thống quân-vụ Đại-thần. Con trưởng của cụ là Nguyễn-Ngạc được lập tước là Tráng-liệt-tử.

Thế là cụ Nguyễn-tri-Phương được liệt-tự trong ba đền thờ : *Hiền-lương-tử* ở Hà-Nội, *Trung-nghĩa-tử* tức đền Công-thần ở Huế và *Trung-hiếu-tử* ở làng Chi-Long quận Phong-Điền tỉnh Thừa-Thiên.

Gương trung-thần liệt-sĩ chẳng những của riêng cụ mà cả của gia-đình Nguyễn-tri, thật là cổ kim hiếm có ! Người Việt muôn đời không sao quên được những trang lịch-sử oai-hùng mà cụ đã đem cả bầu máu nóng của cả gia-đình mà viết lên cho dân-tộc soi chung. Vậy mà còn một điểm son rục rở mà ít người biết đến : đó là đức liêm-khiết của cụ. Làm quan lớn suốt ba Triều, đánh Nam dẹp Bắc quyền uy bao trùm thiên-hạ, tước đến tước Bá, hàm đến Võ-hiến (một trong Tứ Trụ của Triều-đình), chức đến Thượng-thor còn lắm lúc cầm quyền Tổng-thống quân-vụ cả một vùng..., vậy mà lúc nào cụ cũng nghèo, gia-đình thanh-bạch cho đến vua cũng từng biết rõ. Cảnh những chiến-công oanh-liệt, những hy-sinh cao cả của cụ, đây là một điểm đáng cho người đời phải tôn-sùng, nhất là người đời nay thường lấy kim tiền làm trọng, bỏ mất liêm-sĩ là một dân-tộc-tính đáng quý nhất mà ta không nên quên !

*
* *

Sau đây là phúc-trình chính-thức của Fr. Garnier về việc đánh chiếm Hà-Nội.

Phúc-trình của
Garnier về việc
Đánh chiếm Hà-nội.

Hà-Nội ngày 1-12-1873

Kính thưa Thiếu-Tướng,
Tôi hàn-hạnh phúc-trình cùng Thiếu-tướng những trận chiến đã đưa đến việc chiếm thành Hà-Nội và những đồn-lũy trong tỉnh mà Hà-Nội là thủ-phủ.

Một tối-hậu-thư đã được gửi chiều ngày 19 cho quan Tổng-thống quân-vu Thống-lãnh Bắc-Kỳ. Tôi buộc ông ta làm một tuyên-ngôn nói rằng sẽ không chống bằng vũ-lực đối với các nghị-định thương-mãi của tôi, và ông sẽ chấm dứt mọi chuẩn-bị chiến-tranh. Tôi không nhận được lời phúc-đáp, tôi quyết-định đánh thành ngày mai lúc tảng sáng.

Năm giờ rưỡi sáng, một đoàn quân thứ nhất do ông Bain de la Coquerie, Trung-úy Hải-quân, chỉ-huy, và gồm 30 thủy-binh và một đại-bác rời căn-cứ để đến đóng trước cửa Tây-Nam Thành.

Năm giờ bốn mươi lăm, đoàn thứ hai do ông Trentinian chỉ-huy và gồm 30 thủy-quân lục-chiến, tiến về phía cửa Đông-Nam là cửa gần trại ta nhất. Sau cùng, lúc 5g50, ông Esmez cầm đầu 30 thủy-binh và 3 đại-bác cũng tiến lên cùng hướng, theo sau là đoàn trừ-bị 20 thủy-binh của tàu Decrès do Đại-úy của tàu ấy cầm đầu. Trại quân do kỹ-sư Bouillet và 10 lính trấn giữ.

Ở bên sông, tàu Scorpion và tàu Espingole đã chuẩn-bị việc pháo-kích từ hôm qua và hướng cả về các cửa Tây, Bắc và Đông, nghĩa là về phía mà chúng tôi sẽ không tấn-công..

Đúng 6 giờ, lúc tôi cầm đầu đoàn quân của Trentinian và đặt chân lên chiếc cầu của tiền-lũy cửa Đông-Nam, thì tiếng

súng của ông Bain nổ phía trái tôi và những quả đạn đầu tiên của bên tàu tước vào trong thành. Địch hoàn-toàn bất-ngờ. Kinh-hoàng trước cuộc tấn-kích nhiều mặt và chính-xác, họ không biết điếm bị đe dọa chính là điếm nào. Chúng tôi quét sạch những chướng-ngại-vật trên cầu của tiền-lũy, mà không sợ súng bắn ra. Khi các pháo-thủ trên thành đến vị-tri của họ, chúng tôi đã núp bên cạnh thành của cái tiền-lũy ; quân phòng-thủ chỉ còn cách ném đá vào chúng tôi. Búa không thể phá cửa, tôi cho đặt một đại-bác trên cầu ; hạ quả đạn trái phá đã mở đường cho chúng tôi. Ông Trentinian và các thủy-quân lục-chiến ủa vào trong tiền-lũy, và quân phòng-thủ, không còn chỗ núp, đánh chạy trốn về phía bờ thành hoặc chết trôi dưới hào nước. Pháo binh của ta bắn rất gắt lên đầu tường làm quân địch cố đến quay đại-bác bắn vào ta mà không làm được.

Trong lúc ấy, ông Esmez đem đoàn đại-pháo lên trên cầu bắt qua hào và bắn vỡ cửa thành, dưới làn mưa đá từ trên đầu thành ném xuống. Cái cửa chắc chắn này đã đứng vững khá lâu. Lúc phá được một lối vào, tôi bèn xông vào dưới cửa tò-vò, và tôi nhận thấy trước mặt tôi bọn cầm lọng che cho tướng phòng-thủ. Lúc ấy tôi không ngờ đó chính là vị Thống-soái, và do một ngẫu-nhiên kỳ-lạ, ông ta lại chọn chính cái cửa tôi đánh để làm điếm chống-cự. Một loạt súng lục và súng trường quét sạch chỗ cửa thành và quân Nam chạy tứ tán... Cùng lúc ấy, một loạt kèn thổi cho tôi hay là Bain đã làm chủ được phía cửa gần đó. Anh ta không gặp sự chống-cự nào phía trong tiền-lũy. Anh ta bị một loạt đại-pháo trong thành bắn ra, nhưng không trúng ai cả.

Lập tức tôi cho Trentinian vào trong thành để bắt ông Thống-soái ; và cho Hautefeuille và vài người đi lấy cửa phía

Đông. Tôi lại ra lệnh cho ông Bain qua cửa Tây mà nhiều người đang chạy trốn về phía đó. Sau cùng, vì thấy nhiều quân địch núp trong tháp cột cờ ở giữa hai cửa phía Nam, và hai tầng lầu của tháp này đầy đầy quân phòng-thủ, tôi cho Esmez tấn-công về phía đó và chỉ giữ bên tôi số quân trừ-bị. Hai quả đại-pháo đã quét sạch quân phòng-thủ tháp cột cờ, dấu-hiệu cho pháo-binh ở bờ sông thối bắn. Lúc ấy đúng 6 giờ 55 phút. Ông Esmez liền qua phía cửa Bắc. Phía cửa Đông, Hautefeuille chỉ có 5 người đành đứng lùi lại ; tôi phái Đại-úy Decrès với quân trừ-bị qua với anh ta... Vài phút sau, cờ Pháp phấp-phới trên khắp 5 cửa của Thành Hà-Nội. Chúng tôi không có ai bị thương cả. » (1)

Francis Garnier.

*
* *

(1) Xem nguyên-văn tiếng Pháp nơi Phụ-chương.

CHƯƠNG IX

**SAU NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG
VÀ SAU FRANCIS GARNIER
PHILASTRE TRẢ LẠI CÁC TỈNH BẮC-KỲ**

SAU NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG VÀ SAU FRANCIS GARNIER

Sau Nguyễn-tri-
Phương và sau
Francis Garnier

Vi Hà-Nội thất-thủ quá bất-ngờ và quá mau, nên quan quân ta rất hoang-mang, hễ thấy quân Tây là chạy, do đó chỉ trong 20 ngày mà các tỉnh

Trung-châu đều mất.

Triều-dinh được tin cấp-báo, hết sức bối rối lo sợ. Vua Tự-Đức phán rằng : « Pháp-súy vừa phái người đến, ta tưởng họ có hảo-ý (!) nên bằng lòng cho họ đến Hà-Nội để tỏ lòng khoan-đãi (nhưng trước đã cầu họ xét xử việc J. Dupuis rồi thì còn nói gì nữa !), không ngờ họ lại quá xảo-trá (bây giờ mới biết sao ? Vậy những việc họ đánh Đà-Nẵng, đánh Kỳ-hòa chiếm Gia-Định, chiếm 3 tỉnh miền Đông rồi lấn qua 3 tỉnh miền Tây... là những việc chân-tình thật-thà lắm sao ?), gây thêm việc to hơn, thật lạ lùng, tự-trung trong việc này ta cũng không thể không hỏi lại ý Pháp-soái » (lại cũng tin Pháp-soái và cũng cầu đến Pháp-soái !).

Thế rồi vua truyền cho các quan ở Thương-bạc (tức cũng như Bộ Ngoại-giao bây giờ) viết thư cho Soái-phủ ở Nam-Kỳ và cùng lúc ra lệnh cho các quan ở Gia-Định liên-

lạc với Soái-phủ trình bày các hành-dộng ngang trái và bạo-động của Fr. Garnier và J. Dupuis ở Bắc-Kỳ, trái ngược với lời yêu-cầu của Triều-đình và lời hứa hẹn của Thiếu-tướng Dupré và yêu-cầu Thiếu-tướng ra lệnh cho Garnier trao trả các tỉnh đã bị chiếm.

Đó là về mặt ngoại-giao. Tuy-nhiên, không biết Soái-phủ đáp-ứng ra sao, nên vua vẫn lo tăng-cường đề-phòng ở Bắc, sai các quan lấy ở Kinh và các tỉnh mỗi nơi 500 quân đem ra Bắc tăng-viện phòng-ngự. Ông Trần-đình-Túc được bổ Tổng-đốc Hà-Ninh lại được lệnh đi với ông Nguyễn-trọng-Hiệp và ông Trương-gia-Hội cùng Giám-mục Sohier và Linh-mục Danzelger (ở nhà thờ Kim-long) ra Hà-Nội liệu cách điều-đinh mọi việc, trong khi các quan khác lục-tục đem binh theo sau. Các quan trước ở Bắc đều bị cách chức và đọi điều-tra xét xử.

**Garnier bị quân
Cờ Đen giết**

Nguyễn-tri-Phương bị thương ngày
20-11-1873, chết ngày 20-12-1873 như
ta đã biết.

Ngày 21-12-1873 thì Fr. Garnier chết, do tay quân Cờ Đen giết. Hai cái chết hình như cùng một ngày của hai địch-thủ, có liên-quan gì với nhau không?

Bề ngoài ta thấy hai việc không dính-dáng gì nhau, nhưng xét kỹ hình như cũng có chút liên-hệ... Nguyên trước kia, cụ Nguyễn tri-Phương sau một trận hỏa-công đã hàng-phục được tướng Cờ Đen là Lưu-vĩnh-Phúc và Bạch-quế-Hương, lại xin vua cho được thu dụng, Lưu-vĩnh-Phúc được làm Đề-đốc để coi việc tuần-phòng biên-cảnh. Từ đó Phúc chẳng những là tâm-phục cụ, còn tự coi như

mang ơn nặng đối với cụ, cho nên gặp việc là bọn Cờ Đen hết sức lo lắng để phục-vụ Triều-đình và đền ơn tri-nghệ của cụ... Lúc Fr. Garnier ra Hà-Nội gây rối, và cụ Nguyễn-tri-Phương được gọi cấp-tốc về giữ thành, Lưu-vĩnh-Phúc cũng rục-rịch về giúp vị ân-sư thần-tượng của anh ta. Nguyễn-tri-Phương bị thương nặng, Lưu quyết trả thù. Quân Cờ Đen lảng vảng quanh Hà-Nội, tìm chỗ yếu của giặc Tây để đánh vào. Bệnh cụ Nguyễn càng trầm-trọng, Lưu càng nóng lòng đánh Pháp. Sáng ngày 20-12-1873, Nguyễn tiên-sinh mất, Lưu không còn tri-hoãn được nữa (anh ta luôn luôn có trình-thám liên-lạc cho biết tin-tức hàng ngày). Sáng 21-12, một cánh quân Cờ Đen từ Sơn-Tây kéo về thành Hà-Nội, cách 200 thước trước cửa Tây-Nam bắn đại-bác nhỏ vào. Garnier vừa ở Nhà Thờ ra và sắp đi đến hội-thương với các vị sứ-thần Trần-đình-Túc và Nguyễn-trọng-Hiệp vừa ở Huế ra đã hai ngày. Nghe tin Cờ Đen đang đánh thành, anh vội chạy lại cửa Tây-Nam và cũng dùng đại-bác bắn trả lại quân của Lưu-vĩnh-Phúc. Súng Tây chính-xác hơn, mạnh hơn, nên chẳng mấy chốc quân tiên-phong của Cờ Đen bị nao núng và thối lui. Garnier muốn ra đẩy xa đám quân này, vì quân Pháp vẫn rất ngại Cờ Đen đến gần. « Ta không thể nào để mộ địch-quân như vậy ở cách thành một ngàn thước », anh ta bảo các sĩ-quan như vậy, rồi mở cửa Thành đem theo 12 tên lính và một khẩu thần-công cố đuổi theo quân Cờ Đen. Anh chia quân thành 4 nhóm: 3 người kéo súng nặng đi sau, còn 9 người chia thành 3 nhóm đi trước, nhóm Garnier đi giữa. Đi khỏi thành chừng 1.500 thước, đến trước một cái đập tại Ô Cầu Giấy anh ta muốn vượt qua, nhưng chẳng may anh ta vấp té nằm bên chân đập. Một nhóm Cờ Đen núp phía bên kia đập trèo qua vừa bắn từ tung. Hai lính đi theo Garnier thì một bị trúng đạn chết, tên thứ

hai bị thương. Garnier bắn hết sáu phát đạn súng lục của anh ta thì bị quân Cờ Đen vừa đâm vừa chém nát mình rồi chặt đầu đem đi. Hai nhóm lính kia tới chậm chỉ còn mang về một xác không đầu.

Mặt khác, Chuẩn-uy Baluy cũng kéo một nhóm quân ra đuổi theo Cờ Đen như Garnier. Nhóm anh ta cũng bị giết hết như nhóm của Garnier.

Thế là Cờ Đen đã báo được thù cho cụ Nguyễn-tri-Phương. Kẻ thắng trận chết sau kẻ bại trận đúng một ngày. Hồn cụ linh-thiênng chắc cũng bớt uất-hận phần nào?

Hà Nội và các Tỉnh được trả lại Tin lấy thành Hà-Nội, rồi tin Garnier chết làm náo-dộng chánh-giới Paris. Chánh-phủ Pháp đánh điện cấm Dupré không được làm rắc rối ở Bắc-Kỳ và gây sự với Triều-dình Huế. Chính Dupré tuy trong thâm-tâm cũng muốn lấy Bắc-Kỳ nhưng không muốn làm táo-bạo và ồn ào như bon Garnier đã làm, và việc cần nhất cho ông, trước khi hết nhiệm-kỳ ở Sài-Gòn là làm sao ký được một hiệp-ước với Triều-dình Huế để ổn-định tình-thế ở Nam-Kỳ và mở giao-thương ở Bắc-Kỳ. Sau cái chết của Garnier và sự khiển-trách của Paris, ông ta hoảng-hốt muốn dàn xếp chóng yên chuyện và không gây hấn với người Nam thêm nữa. Ông muốn gởi người ra giàn xếp tại Huế và Hà-Nội. Người ấy không ai hơn Đại-uy Philastre (1) Thanh-

(1) Philastre từ khi mới đến Nam-Kỳ đã học tiếng Việt và chữ Hán rất thông-thạo. Vì vậy ông rất am-tường văn-hóa Đông-phương và lễ-nghĩa Đông-phương và không thích lối đối xử ngang ngược và tàn-bạo của người da trắng đối với người bản-xứ. Ông thân-thiện với người Nam và bạn đồng-nghệp của ông đã ghét và nghi-kỵ ông.

tra hành-chánh tại Soái-phủ và năm 1873 ông cầm đầu việc thống-soái hình-vụ. Philastre có tiếng là thân với người Nam và có thể nói cho Triều-đình tin lời được. Dupré gọi Philastre đến và than thở :

« Với những lệnh rõ ràng như thế, làm sao tôi có thể xâm chiếm Bắc-Kỳ được ? Tôi không trách-nhiệm gì về những việc đã xảy ra trên sông Hồng-hà. Garnier đã vượt quá quyền-hạn của anh ta ; tôi chẳng lúc nào cho phép anh ta dùng bạo-lực, anh ta làm tôi nguy mất . . . Tôi là người hỏng rồi, và chỉ có anh mới cứu tôi được thôi » (1)

Ngay lúc đó thì các sứ-thần của Huế vừa vào đến Sài-gòn. Mấy vị này cho ông hay là Triều-đình Huế sẵn-sàng ký hiệp-ước theo các điều-kiện Soái-phủ đã đòi hỏi, nhưng những vụ bạo-động ở Bắc-Kỳ đã làm hỏng hết mọi việc. Vậy ông phải cho trả mấy tỉnh do Garnier chiếm thì mọi việc sẽ thanh-thỏa ngay. Dupré đồng-ý và cho Philastre cùng đi với Phó-sứ Nguyễn-văn-Tường ra Hà-Nội điều-đinh công chuyện. Hai người đến Hải-Phòng ngày 24-12-1873, ngày 29-12 họ đến Hải-Dương. Philastre truyền lệnh trả tỉnh này lại cho quan chức người Nam, ông cũng ra lệnh trả luôn Nam-Định và Ninh-Bình. Ngày 2-1-1874, ông truyền lệnh cho quân Pháp phải rút đi trong vài ngày và trả lại thành Hải-Dương. Nhiều sĩ-quan đang giữ các thành chiếm được phản-đối và cho là Philastre đang phá-hoại công-

(1) Dupré đã nhận được điện-văn như sau ở Paris gửi qua :

« Le triste évènement que vous m'annoncez justifie les appréhensions que je vous avais exprimées au sujet de la mission au Tonkin, et dont je n'ai pu empêcher le départ »

(Biển-cổ buồn mà ông báo cho tôi hay chứng-minh những lo-âu của tôi đối với phái-bộ đi Bắc-Kỳ mà tôi đã không thể chặn lại được).

trình vĩ-đại mà Garnier và bọn họ đã thực-hiệu được. Philastre trả lời là Garnier chỉ là tên cướp. Bọn kia không chịu, bảo ông ta : thế thì ở Nam-Kỳ, chúng ta cũng là ăn cướp hay sao ? Philastre thẳng-thắn trả lời : « Nous sommes en Cochinchine des brigands et des voleurs. Les Annamites sont chez eux : les envahisseurs c'est nous . . . Garnier, mais c'est un forban et un pirate qui serait passé en Conseil de guerre s'il n'était pas mort. » (Ở Nam-Kỳ ta là những tên ăn cướp, những tên ăn trộm. Người Nam ở trên xứ sở họ : bọn xâm-lãng là chúng ta . . . Garnier, đó là một tên hải-tặc, một tên hải-khẩu có thể đã bị xử ở tòa-án quân-sự nếu anh ta không chết) . . . Vì những lời như thế và những hành-vi và thái-độ thân-thiện với người Nam mà ông ta đã bị nhiều người Pháp ghét và khinh-bĩ, cho anh ta như một tên phản-bội !

Dầu ngày 8-1-1874 Ninh-Bình được giao trả cho quan chức người Nam, ngày 10-1-1874 Nam-Định được trả cùng Phủ-Lý, v.v... và ngày 13-1-1874 Hà-Nội cũng được trả lại cho Triều-đình Huế.

Ngày 6-2-1874 Philastre ký một thỏa-ước với các sứ-thần người Nam. Thỏa ước này được phê-chuẩn ở Sài-gòn ngày 15-3-1874.

Theo thỏa-ước này :

— Nước Pháp công-nhận quyền độc-lập của nước Nam, và khi nào nước Nam cần đánh dẹp giặc giã gì thì nước Pháp sẵn sàng giúp đỡ ; — nước Nam phải theo chính-lược ngoại-giao Pháp ; Soái-phủ Pháp bằng lòng tặng cho Triều-đình nước Nam : 5 chiếc tàu có trang-bị đủ máy móc súng ống ; 100

súng đại-bác với 200 đạn cho mỗi khẩu, 1000 súng trường và 5000 viên đạn ; — nước Pháp sẽ cho sĩ-quan qua huấn-luyện quân-sự cho quân-đội nước Nam, cho kỹ-sư qua dạy nghề và cho những chuyên-viên tài-chánh qua tổ-chức đùm thuế-vụ và thuế-quan ; — Vua nước Nam công-nhận nhường 6 tỉnh Nam-Kỳ cho Pháp ; — Cửa Thị-nại ở Qui-Nhơn, cửa Ninh-hải (Hải-Phòng), thành Hà-Nội và sông Hồng-hà được mở cho ngoại-quốc ra vào buôn bán ; — nước Pháp được đặt Sứ-thần ở Huế cũng như nước Nam được mở Sứ-quán ở Paris, Pháp cũng được đặt Lãnh-sự ở các hải-cảng và thành-thị đã mở cho ngoại-quốc ra vào buôn bán-

Thế là việc Bắc-hà được tạm yên trong một thời-gian . . . cho đến 1882 : Hà-Nội lại mất !

*
* *

CHƯƠNG X

ĐỀ KẾT-LUẬN : NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG
« TỬ MÀ BÁT-TỬ »

NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG « TỬ MÀ BẮT-TỬ »

Nguyên-nhân
Nguyễn-tri-Phương
thất-bại

Như chúng ta đã thấy, cụ Nguyễn-tri-Phương từ khi ra cầm quân, đã thắng quân phiến-loạn tại Nam-Kỳ, sau đó cụ liên-tiếp đánh thắng giặc

Miền, giặc Xiêm. Lúc ra Bắc, cụ lại thắng giặc Khách, giặc Tàu-Ô, giặc Phụng, giặc Cờ Đen, và tất cả giặc chòm giặc cỏ, tỉnh nào loạn cụ đến là bình, tỉnh nào bất-án, cụ đến là tỉnh-hình ổn-định. Từ tuổi trẻ cho đến già nua, trên 70 tuổi, cụ đánh Đông, dẹp Bắc, đi đâu thắng đó . . . Nhưng rồi cụ gặp giặc Pháp, và sau vài trận thắng ở Đà-Nẵng và Gia-Định, cụ đã đại-bại, nhất là ở hai trận Kỳ-hòa và Hà-Nội ! Vị danh-trưởng vào bậc nhất của ta ở thế-kỷ 19, vừa dũng-cảm vừa mưu-lược, vẫn đã nhìn nhận là không thể nào thắng được quân Pháp, « Vì họ ở thế công thế thủ đều hơn mình ». Và cụ chỉ biết liều mình đền nợ nước, chớ không biết làm sao hơn !

Vậy nguyên-nhân sự thất-bại của cụ vì đâu ?

Ai cũng thấy ngay, nguyên-nhân rõ ràng nhất, hiển-nhiên nhất đó là vì ta thiếu súng đạn. Vũ-khí ta quá thô-sơ, chỉ có gươm đao, còn súng tuy ta cũng có nhưng toàn loại súng xưa, người ta đã phế-thải để sắm thứ tối-tân hơn mà

minh lại mua dùng, hoặc minh cứ theo kiểu cũ đúc thêm ra, không biến-chế thêm được chút nào. Trong khi đó, vũ-khí của Tây-phương mỗi ngày mỗi tiến-bộ vượt bực. Súng họ bằng thép, bắn thì nấp hậu, vừa nhanh vừa chính-xác, vừa bắn xa, còn súng ta thì bằng đồng bằng gang, bắn thì nấp đằng trước và chằm ngòi, bắn đã chằm lại yếu không đi xa, không chính-xác. Đạn người ta là đạn nổ phá kinh người, đạn của ta thì chằm ngòi, tầm đạn rất gần và không có sức tàn-phá. Quán thì thiếu cả súng thiếu cả đạn, lại thiếu huấn-luyện; dầu những tên có súng thì lúc chằm ngòi súng khi nổ khi không, dầu có nổ cũng không mấy chính-xác, còn gươm đao có nhiều thì cũng như trứng chọi đá, chẳng ăn thua gì.... Sự thua sút quá xa về vũ-khí làm cho quân lính mất tinh-thần, địch mới bắn ít phát có khi quân ta đã chạy, vì sức tàn-phá của súng địch làm cho quân ta hoảng kinh mà đào-tẩu, vì thấy không có cách gì địch nổi !

Nhưng tình-hình quân-sự yếu kém như vậy cũng nằm chung trong một khung-cảnh yếu kém của một xã-hội chậm-tiến chung của cả Á-châu và riêng là ở cả Việt-Nam. Ta cần tìm hiểu những khía cạnh yếu kém đó hầu làm một bài học lịch-sử cho hiện-tại và cho tương-lai.

Trước làn sóng Tây-phương đang ò-ạt tiến sang Đông-Á, toàn cõi Á-châu, chớ không phải riêng gì Việt-Nam, chỉ là một miếng mồi ngon cho các đạo quân viễn-chinh Âu-châu. Cả một xã-hội bất-di bất-dịch hàng ngàn năm không biến đổi, không tiến tới một bước. Tổ-chức hành-chánh lạc-hậu, nhân-dân thiếu an-ninh luôn luôn bị nạn cướp trộm hoành-hành; dân lại thường đói khổ vì kinh-tế chậm

tiền, tài-nguyên thiên-nhiên không khai-thác, nông-nghiệp xưa, kỹ-nghệ không có... Trong những cái kém đó, lẽ tất-nhiên là quân-sự cũng yếu kém. Tổ-chức xã-hội lại đầy tinh-cách phong-kiến, bất-công, nên dân-chúng thiếu tinh-thần tập-thể, kém tinh-thần quốc-gia, không hậu-thuần hữu-hiệu cho quân-đội.

Riêng về Việt-Nam, trải qua những cuộc chiến không ngừng chống ngoại-xâm, đến các cuộc chiến giữa Nam và Bắc, giữa Trịnh và Nguyễn, giữa Lê Trịnh và Tây-sơn, giữa Tây-sơn và Nguyễn... Cho đến đời Gia-Long đã thống-nhất sơn-hà, nhưng lòng người còn phân-tán chia rẽ, dân-chúng đã quá chán về chiến-tranh, chỉ mong có một đời sống an-bình và lần lần sinh ra trọng văn khinh võ. Sự yếu về quân-lực cũng đi lần tới từ đây.

Từ Gia-Long, đất Trung-Kỳ gần chánh-quyền trung-ương nên khá yên-ôn, dân trung-thành với Chúa Nguyễn bao nhiêu lâu thì nay cũng trung-thành với Vua Nguyễn. Vì vậy ít xảy ra những vụ phiến-loạn.

Đất Nam-Kỳ tương-đối là vùng đất mới chinh-phục của quốc-gia, lại ở gần Cao-Miên, gần Xiêm-La. Các nước này lúc cần thì họ cầu cứu ta, lúc họ được yên thì kiếm cách phá rối biên-thùy gây một tình-trạng bất-ôn ở thôn quê miền Tây. Các sắc dân thiểu-số thiếu tổ-chức nhưng không thiếu lòng hiếu-chiến nên cũng thường quấy rối những miền sơn-cước. Thêm vào đó các quan quân ở xa Triều-đình thường có người lạm quyền tham-những quấy nhiễu nhân-dân, làm cho lòng người mất tin tưởng ở chính-quyền quốc-gia và dễ dề cho quân phiến-loạn hay giặc ngoài đến dụ-hoặc.

Tình-trạng ở Bắc-Kỳ còn khốn-đốn hơn nữa. Đất Bắc-Hà là đất của vua Lê chúa Trịnh. Tuy nhà Lê về sau bị yếu thế, nhưng dân-tình vẫn quyến-luyến nhà Lê. Vua Nguyễn là kẻ chiến-thắng, nhưng dân-chúng chưa mấy cảm-tình. Các quan cai-trị lại toàn người ở Trung đưa ra, cho nên dân vẫn xem họ như người ngoài đến đô-hộ họ. Nhân thế, nhiều kẻ đã nhân danh con cháu nhà Lê quyến rũ nhân-dân nổi loạn chống nhà Nguyễn. Đất Bắc lại ở gần biên-giới Tàu, nên các đám giặc Thổ-phi ở miền Thượng-du và ở biên-giới Trung-Hoa thường tụ-tập tràn xuống các tỉnh thành lân-cận và cả miền Trung-châu để cướp bóc. Mặt biển thì giặc Tàu-Ô, bọn hải-tặc đem ghe thuyền từ biển Trung-Hoa tiến vào cướp phá các vùng hạ-ban. Ngoài ra tai-họa thiên-nhiên với những trận lụt ghê hồn của sông Hồng - sông Đà làm cho dân-gian đã khốn khổ với người lại thêm khốn đốn với trời. Dân giàu thì nước mạnh, dân nghèo khổ thì nước cũng suy-nhược yếu hèn.

Tình-trạng Bắc-Kỳ như thế đã cho ta thấy tại sao Hà-Nội và các tỉnh ở Trung-châu miền Bắc đã rơi rụng vào tay Pháp năm 1873 một cách quá dễ-dàng, có khi một tỉnh lớn bị chiếm chỉ bởi năm bảy tên lính Pháp!

* * *

Tình-hình cả nước như vậy, chẳng qua đó cũng là hậu-quả của một chánh-quyền trung-lương quá liệt-nhược. Những người cầm quyền ở Triều-đình Huế là một nhóm nho-sĩ, ở giữa và cuối thế-kỷ 19 rồi, mà cái học chỉ bo bo trong mở sách Ngũ-kinh Tứ-thư, cái gì cũng Khổng-tử viết... Trong

khi đó ở Tây-phương người ta đã có tàu chạy bằng máy hơi, có đèn thắp bằng điện, ở Pháp có Claude Bernard đã viết cuốn « Introduction à l'étude de la médecine expérimentale » (Y-học thực-nghiệm nhập-môn) và Pasteur đã nghiên-cứu thế-giới vi-trùng, ở Anh Darwin đã viết cuốn « De l'origine des espèces » (Nguồn-gốc chủng-loại)... Vậy mà sĩ-phu trong nước cứ cho mình là văn-minh nhất (với Trung-hoa, dĩ-nhiên), và cho ai cũng mọi rợ. Người Âu-châu đã đến trong nước từ lâu (người Bồ-đào-Nha đến Hội-An từ thế-kỷ 16, 17, rồi lập Phường Đức ở Thuận-Hóa năm 1614; ở Bắc cũng có người Bồ-đào-Nha đến Phố-Hiến từ 1637 và trước nữa, và sau thì đến người Hòa-Lan...) mà ta vẫn không biết lợi-dụng sự hiểu biết của họ để mở rộng kiến-thức, và học hỏi kỹ-thuật của người ta. Thật chúng ta kém xa bọn sĩ-phu nước Nhật. Cho đến giữa thế-kỷ 19, Nhật-Bản chẳng hơn gì chúng ta, nhưng sĩ-phu của họ đã tỏ ra có một tinh-thần hiếu học hơn ta nhiều. Họ đã có những phong-trào Lan-học, Dương-học và họ đã tìm học những gì người Hòa-Lan và người Tây-phương cung-nghệ trên nước họ đã hé mở cho họ thấy. Nhiều sách đủ môn học đã được dịch ra Nhật-ngữ để những người trí-thức, những thanh-niên hiếu học nghiên-cứu học hỏi. Đặc-biệt hơn nữa, là trong khi chánh-quyền của họ cấm xuất-ngoại, thì nhiều người đã liều trốn ra nước ngoài hòng theo học các môn khoa-học, kỹ-thuật, chánh-trị, kinh-tế v.v... mà trong nước họ không có. Họ lý-luận rằng dầu chánh-quyền đang thi-hành chánh-sách bế-môn tỏa-cảng, nhưng một ngày nào đó, nước Nhật sẽ phải mở rộng giao-thiệp với nước ngoài và sẽ cần người để canh-tân quốc-gia. Lúc đó họ sẽ trở về nước phục-vụ, và lúc đó họ đã thành-tài. Họ đã tính-toán

trúng, và lúc Minh-Trị Thiên-Hoàng mở một kỷ-nguyên mới cho nước Nhật, thì các thanh-niên ấy đã trở về, trước sự tiếp đón nồng-nhiệt của quốc-dân.

Tiếc thay, ở nước ta đã không có những người như thế !

*
* *

Đến đây ta đã thấy Việt-Nam vì sao đã yếu kém ở thế kỷ 19, và vì sao vị tướng tài đầy dũng-cảm đầy hy-sinh của ta là Nguyễn-tri-Phương đã mang hận trong những trận đối đầu với quân Pháp. Các thất-bại ở Chi-hòa, ở Hà-Nội không phải là những thất-bại của Nguyễn-tri-Phương, mà là của cả một nước không biết vươn mình tiến tới cho kịp đà tiến-bộ của nhân-loại.

Nguyễn-tri-Phương lúc 74 tuổi mà còn phải đem thân mình ra ngoài trận-mạc. Cụ đã bị thương vì đạn của địch, cụ đã chết vì không chịu được cái nhục bại trận mất thành, và cụ đã nhịn ăn, bỏ thuốc, cụ đã tuân-tiết. Trước gương hy-sinh oanh-liệt đó, quân thù cũng phải nghiêng mình kính phục.

Cho nên Nguyễn-tri-Phương « tử mà bất-tử ». Vì tên Nguyễn-tri-Phương đã ghi vào sử sách, đã ghi vào tâm-hồn của cả một dân-tộc !

Tiêu-sử Nguyễn-tri-Phương là một bài học lịch-sử cho cả hiện-tại và tương-lai, là một gương sáng muôn đời cho con em đất Việt.

*
* *

PHỤ-CHƯƠNG

THI-VĂN

CỦA NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG (A) VÀ VỀ NGUYỄN-TRI-PHƯƠNG (B)

A.— Cụ Nguyễn-tri-Phương là một đại danh-tướng của Việt-Nam, nhưng cụ là quan văn sau mới phụng-sự trong quân-thứ trải qua ba triều Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức.

Từ nhỏ cụ đã nổi tiếng văn hay chữ đẹp, nhưng rất lấy làm lạ là thi-văn của cụ để lại rất hiếm. Ngay cả các vị trong hậu-duệ của cụ tìm tòi cũng không thấy được gì. Mất mát hết chẳng, hay là cụ lo việc thực-tế, đánh Nam dẹp Bắc, không có thì giờ để làm thi phú, hoặc không muốn mất thì giờ trong những văn thơ phù-phiếm ? Dầu sao, chúng tôi cũng chỉ tìm được của cụ một bài thơ tiễn đưa cụ Phan-thanh-Giản khi vị đại-thần này phụng-mạng vua Tự-Đức vào Nam năm 1866. Chúng tôi xin chép lại sau đây :

*Ven ngàn góc biển dẫm chơi voi,
 Vui tỏ phân nhau một bước đời.
 Cá lại Long-giang hai ngã nước,
 Nhận về du hợp một phương trời.
 Nửa hồ cổ cự trông lai láng,
 Cạn chén tư hương gió lộng khơi.
 Hãy kíp Trường-an mau trở lại,
 Thăm người viếng cảnh hỏi người ơi !*

Sau chuyến đi này, hai người không còn thấy nhau nữa. Vua Tự-Đức sai Phan-thanh-Giản vào Nam cố giữ ba tỉnh miền Tây sau khi Pháp đã chiếm ba tỉnh miền Đông. Khi quân của Thiếu-tướng De La Grandière từ Mỹ-Tho kéo qua định lấy ba tỉnh Vĩnh-Long, An-Giang và Hà-Tiên (1867), cụ Phan-thanh-Giản biết cự không nổi, đánh nhau nữa chỉ khổ cho quân dân rồi kết-cuộc cũng mất thành trước súng đạn tàn phá ghê gớm của giặc. Vì vậy cụ nộp thành và uống thuốc độc tuân-tiết, lúc ấy cụ đã 74 tuổi.

Phải chăng, hai vị liệt-sĩ đã biết lòng dạ nhau và đã hiểu biết thời-thế sẽ đưa nhau đến những kết-cuộc bi-thiết này, nên khi từ-giã nhau cụ Nguyễn-tri-Phương đã tiễn hạn bằng bài thơ trên, trong khi cụ là người ít ưa thơ phú ! Và 6 năm sau, cụ cũng sẽ tuân-tiết như cụ Phan-thanh-Giản (1873).

*
* *

B.— Các thi-văn viết về Nguyễn-tri-Phương thì rất nhiều. Và nhiều nhất là những bài thơ của các vua, nhất là vua Tự-Đức viết đề ca-tụng công đức của cụ. Những bài thơ này chúng tôi đã chép lại trong những trang trước của sách này.

Sau đây chỉ xin ghi lại một số thi-văn của các thi-gia khác.

Bài văn mừng Thất-tuần cụ Nguyễn-tri-Phương

Tháng bảy năm 1869, nhân lễ Thất-tuần của cụ Nguyễn-tri-Phương, triều-thần có làm bài văn dưới đây chúc mừng cụ và có dâng vua Tự-Đức ngự-lâm. Vua khen hay và cho gởi đến cho cụ.

Bài chúc Thọ này đã được bà Tôn-thất-Phùng (tức Nguyễn-thị-Túy là cháu gọi cụ Nguyễn-tri-Phương bằng ông Cố), đã học thuộc lòng từ nhỏ và đã nhớ chép lại không sai một chữ :

« CUNG DUY

« Thái khai xiển lãng, trung nhơn thụy vụ lão tinh,
Hoàng phạm phu lý, chiêm vương tuế vụ khanh nguyệt.
Cái hiền kiệt chi sinh, nguyên hữ mạng vụ tư thế,
Cố my thọ chi phúc, bất đẳng tư ư nhất gia.

Châu-Công quyền quyền ư Thiệu-Công, nhược đại xuyên chi
kỳ tế,

Nhạc-phũ ân ân Thấn-phủ, dĩ tư quốc chi vụ phiên.

Duy kỳ niệm chi thâm,
Tư kỳ hỷ chi thiết giả.

« KINH DUY

« Võ-hiền-diện, Đại-Học-Sĩ, Tri-dông-tướng,
Tráng-liệt-bá, Nguyễn Tướng-công đại-nhân,
Phiên như vĩ khí,
Tùng bá tranh tư,

Dĩ văn võ chi toàn tài, tế xương mình chi gia hội.

Tam triều tri ngộ,
Tứ kỷ lịch dương,

Khí độ như Tiêu, di kiếm dĩ văn,
Minh đạt như Phòng, di tế dĩ trực.
Nhập chi tắc khiêm khiêm quân-tử,
Xuất chi tắc kiên kiên vương thần.

My hiềm my nguy,
Duy nghĩa duy mạng.

Thừa phong phá lãng, ba đào chi hải Đông Tây,
Mạo tuyết xung sương, thỉ thạch chi trường Nam Bắc,

Công minh đồng pháo,
Danh kỹ chinh yên,

Kim bách luyện, nhi dĩ kiên, cương đảo lão, nhi ích liệt.
Cái duy nhứt thuần thành chi tích, tâm xương giả khí xương,
Cố tuy hữu chẳng hám chi tao, thần định nhi thiên định.

Ngưng nhiên kiều nhạc, sanh hoàn bách chiến chi thân,
Đối thử niên hoa, khương cường thất dật chi lão.
Thiên thọ bình cách, bang gia tạ dĩ cơ quan,
Đế sủng kỳ bàng, thơ thiên dụ kỳ ân-ái.

Bùi-tấn-Quốc dĩ thân hệ thiên-hạ, mạc trạng linh đài,
Hàn Nguy-Công duy tâm tại Triều-đình, ninh tri bạch phát,

Xỉ kiêm dĩ đức, nghi phúc lý chi vĩnh thân,
Vũ dụng vi nghi, hỷ điền hình chi tư tại.

Kính thân bách duyệt,
Cần năm thung linh.

Đồng kính bái »

*
* *

Bài văn trên đây đã được cụ Vũ-Thăng Chủ-tịch Hội-
Đồng Y-học Việt-Nam dịch, và bà Nguyễn-thị-Túy tức bà Tôn-
Thất-Phùng hiệu-định :

KÍNH DÂNG

« Ngày xuân rực-rỡ, mừng người nhân lên bậc Lão tinh,
Cảnh-vật vui tươi, đón vương-giả tới cung khanh
nguyệt.

Trời sinh hiền-kiệt, mệnh trao cho giúp chúa giúp đời,
Phúc phát lão-thần, lòng lo cả việc dân việc nước.

Kia Châu-Công đến Thiệu-Công, kỳ-tể bao phen sông phẳng
lặng,

Nọ Nhạc-Phủ rồi Thân-Phủ, vu phiên bốn cõi nước thanh-bình.

Công càng nghĩ càng sâu,
Lòng càng mừng càng thiết.

KÍNH DÂNG

« Ngài Võ-hiền-diện Đại-học-sĩ, Tri-dống-tướng,
Tráng-liệt-bá, Nguyễn Tường-công đại-nhân.

Khi thiêng-liêng un-đúc bởi sơn-xuyên,
Tinh cứng-cỏi đua chen cùng tòng bà.

Trở tài văn võ hùng anh,

Giúp nước xương minh rạng rỡ.

Đền đáp ơn vua tri-ngộ, nhiếp-chính ba triều,

Nhớ ghi đức to tài bồi, tặng phong bốn độ.

So hàng khí độ, Tiêu-Hà xưa còn hờn kém văn tài,

Sánh bậc đạt minh, Tử-Phòng nọ cũng ghen đua tánh trực.

Vẻ người quân-tử, trong đồng-liêu hết sức nhún-nhường,

Nếp vị vương-thần, ngoài biên-địa vô-cùng đồng-dục.

Chẳng nề hiểm cùng nguy,
Chỉ giữ nghĩa với mệnh.

Tung mây cõi gió, bề sóng cồn vượt cả Đông Tây,
Đãi tuyết đầm sương, trường tên đạn xông pha Nam Bắc.

Công khắc súng đồng,
Tên ghi yên ngựa.

Vàng trui nhiều lửa, thấy tinh dẻo dai,
Gừng trái bao năm, rõ mùi cay nóng.

Bởi sự vốn người thuần tinh thật, lòng hay mà khí càng hay,
Cho nên gặp gió táp mưa sa, thần định song trời cũng định.

Đánh dư trăm trận, trí chẳng hồ-dồ,
Tuổi đã bảy mươi, sức còn khang-kiện.

Trời tăng tuổi thọ, nước nhà nhờ được vinh-quang.

Vua hậu ơn ban, thơ phú tỏ tình luyện-ái,

Kìa Bùi-tấn-Quốc hiến thân cho Thiên-hạ, trông choáng dải
thiên,

Nọ Hàn Nguy-công hết sức với Triều-đình, quên phăng đầu
bạc.

Thọ mà gồm đức, phúc lý này riêng hưởng đời đời,
Võ lại có nghi, điển-hình ấy chung soi mãi mãi,

Kính dâng văn lược mấy hàng,

Bái chúc tuổi thung trường thọ.

Đồng kính bái

*
* *

Sau đây là những câu-đối đi phúng-điếu cụ Nguyễn-tri-
Phương.

Câu đối của Tiễn-vũ-Sứ Ông-tch-Khiêm :

- 1— Thiên dục trong các hạ lập cương thường, cố sử anh hùng vô tích-tử,
- 2— Khiêm bất dự Tương-Công đồng tuân-tiết tự tâm vũ-trụ cầu du-sanh.

DỊCH :

- 1— Trời muốn dùng Ông (ngài) dựng nên cương-thường, nên mới khiến cho kẻ anh-hùng không tiến-thân,
- 2— Khiêm đây không cùng tương-công tuân-tiết, tự thẹn sống thừa trong vũ-trụ.

(G.S. Bửu-Cầm dịch)

Câu đối của ông Võ-văn-Giai đi đieu như sau :

- 1— Xuất sư hữu biểu, huyền cô phạm,
- 2— Chế khồn vô quyền, hức lưỡng nan.

DỊCH :

- 1— Đem quân ra trận có biểu dâng vua, nguy cho thân-phạm cô-đơn,
- 2— Khắc chế nổi nguy-khồn nhưng không có quyền, bị bức-bách giữa hai thế khó khăn.

(G.S. Bửu-Cầm dịch)

Thám-hoa Vũ-phạm-Hàm có viết hai câu đối sau đây đề tưởng-niệm vị anh-hùng họ Nguyễn và cũng đã treo được lên vách Trung-liệt-từ :

- « Thử thành quách, thử giang-san,
bách chiến phong trần dư xích địa,
« Vi nhật-tinh, vi hà-nhạc,
thập niên tâm-sự cộng thanh thiên. »

Bài dịch sau đây ông Nguyễn-bá-Thế đã có đăng ở nhật-báo *Đuốc Nhà Nam*, và trong *Giai-thoại Làng Nho* của Lãng-Nhân cũng đã đăng, xin trích lại cả nghĩa như sau :

« *Vãn thành quách, vãn giang-son,
trăm trận xông pha còn đất đỏ ;
« Nào nhật-tinh, nào hà-nhạc,
mười năm tâm-sự có trời xanh. »*

— Phó-bảng Phan-văn-Ái đã viết một bài thơ trên vách đền Trung-liệt ở gò Đống-đa Hà-Nội (đền này thờ ba vị Nguyễn-tri-Phương, Hoàng-Diệu và Đoàn-Thọ). Thơ này đã được cụ Tiên-Đàm đăng ở báo *Tri-Tân* năm 1945, xin trích lại đây :

*Núi Thái sông Hồng đọ với nhau,
Nước đau nào quản đến thân đau.
Một nền chính-khi trơ mưa gió,
Ba khối hùng-tâm trọi bề dàu.
Nợ với non sông đành phải trả,
Người mà sá hủy kẻ vào dàu.
Lòng trung chỉ có lòng trung biết,
Đỗ-Phủ ngày xưa khóc Vũ-Hầu.*

(Phan-văn-Ái)

— *Tán-lý Nguyễn-thiện-Thuật* (?) có bài thơ sau đây làm điệu cụ Nguyễn-tri-Phương :

*Quần thân niệm trọng tức thân khinh,
Thắng phụ binh gia bất tất bình.
Bách chiến gian-nan năng bất tử,
Nhất hòa cô tức tiện quyên sinh.*

Thiên-đường hữu lộ thăng quân-tử,
 Để khuyết vô do kiến lão-thành.
 Như thử công-danh như thử ngộ,
 Quả nhiên thiên-địa ố hoàn danh.

(Nguyễn-thiện-Thuật)

Dịch :

*Chữ trung coi nặng, nhẹ thân mình,
 Thua được bàn chi cái việc binh.
 Trăm trận khó khăn không sợ chết,
 Một hòa lúng túng vội quyên-sinh.
 Thiên-đường dắt đến hồn quân-tử,
 Để khuyết nào đâu mặt lão-thành.
 Sứ Hán sang Hồ ai dám giết ?
 Chỉ vì trể tạo khéo ghen danh.*

(Hoa-Bằng dịch)

(bài này có người cho là bản dịch một bài thơ của Tôn-thất-Thuyết, nhưng tôi xét kỹ thì đúng là bản dịch của bài trên đây của Nguyễn-thiện-Thuật)

Dịch nghĩa :

*Lòng đối quân thân nặng nên xem mình nhẹ,
 Việc được thua đối với nhà binh không cần bàn.
 Trăm trận đánh gian-nan không thể làm ông chết,
 Một cuộc hòa lằng nhằng khiến ông bỏ mạng.
 Thiên-đường có lối đưa người quân-tử lên,
 Cửa Vua không thấy bậc lão-thành về.
 Công-danh như thế mà mắc phải cảnh như thế,
 Thật rõ trời đất ghét cái danh toàn vẹn.*

Khi cử tang tại Huế, các quan đều có phúng điếu, liên đối thơ văn rất nhiều. Có bài của *Tiến-sĩ Lê-văn-Lý* sau đây đều được mọi người đề ý :

Nhất hàn kinh lược thượng biên ca,
Giáp mã không trung khả nại hà !
Xuất thế huân danh thủy vũ-tru,
Qui thiên thần khí tráng sơn hà.
Gia-truyền duy hữu thanh phong tại,
Quốc-kế ninh tri bạch phát bà.
Truy lệ bi thâm Hoành-lĩnh bắc,
Long-biên thu Nhị bất đình ba.

Dịch :

*Một phương Kinh-lược tiếng ầu-ca,
Giáp mã trên không khó nỗi hà !
Lúc sống huân-danh trùm vũ-tru,
Thác về hùng-khí rạng sơn-hà.
Nếp nhà vẫn giữ màu thanh-đạm,
Lo nước nào hay tóc bạc pha.
Hoành-lĩnh trông về đôi lệ nhỏ,
Giòng thu sông Nhị vẫn trôi qua.*

(theo Phan-trần-Chúc)

*
* *

Nguyễn-văn-Giai tức *Ba-Giai* cảm-khải về việc mất Hà-Nội về tay Pháp đã viết bài Hà-thành thất-thủ-ca, trong ấy có đoạn nói về cụ Nguyễn-tri-Phương, đoạn sau nói về Hoàng-Diệu. Viết về trận đánh Hà-Nội năm 1873, cha con cụ Nguyễn đều người bị thương, người tử-trận, Ba-Giai có những câu :

Năm quij Dậu, tàu vào vừa tới,
 Người Bắc-Kỳ rằng...mời biết Tây..
 Tháng mười mồng một giờ dần,
 Âm âm hạ tỉnh là lần ngày xưa.
 Khi ấy có Khâm-thừa họ Nguyễn,
 Cha con đều ngộ biến thất cơ.
 Phò Lâm mắc nạn bấy giờ,
 Cha già tuyệt thực còn chờ quyen-sinh.

...
 Kể từ năm Dậu bao xa,
 Đến nay tính dốt đã là mười niên,
 Long-thành thất-thủ hai phen,
 Kho tàng hết sạch, binh quyền rã tan.
 Đổi thay trái mấy vì quan,
 Quyen-sinh tự nghĩa có gan bao người ?
 Trước quan Võ-hiền Khâm-sai,
 Sau quan Tổng-đốc, một vài mà thôi ;
 Còn ra vũ-giúp văn-khôi ;
 Quan-bào trăm-hốt nhắc coi ngõ là...
 Khi bình làm hại dân ta,
 Tui tham mở rộng không tha miếng gì,
 Đến khi hoạn-nạn lâm nguy,
 Mắt trông ngư-ngác, chân đi gáp-ghềnh...

...

II

TIỂU-SỬ' CỤ NGUYỄN-DUY (1809—1861)

Nguyễn-Duy, tự Nhữ-Hiền, là em ruột Nguyễn-văn-Chương tức Nguyễn-tri-Phương, sinh ngày 21 tháng chạp năm Kỷ-tị (1809) tại làng Đường-Long tức Chí-Long huyện Phong-Điền, và mất ngày 16 tháng giêng năm Tân-Dậu tại trận Kỳ-hòa tức Chí-hòa (25-2-1861).

Lúc nhỏ ông cũng thông-minh gần giống anh là Nguyễn-văn-Chương. Năm Minh-Mạng thứ 18 (1837), ông thi đậu tú-tài khoa Đinh-Dậu.

Năm Thiệu-Trị nguyên-niên (1841), ông đậu Cử-nhân Khoa Tân-Sửu. Năm sau là năm Nhâm-Dần (1842), ông thi trúng cách. Vào thi Đình, ông đậu Tam-giáp đồng Tiến-sĩ xuất thân.

Liên năm sau (1843), ông được bổ thọ Biên-tu ở Nội-các. Năm Thiệu-Trị thứ 4 (1844), ông thăng Tu-soạn nhưng vẫn làm việc ở Nội-các.

Năm Thiệu-trị thứ 5 (1845), ông được bổ Tri-phủ Tân-An ở Gia-Định.

Năm Thiệu-Trị thứ 7 (1847), ông lại được cải-tổ Tri-phủ Quảng-Hóa ở tỉnh Thanh-Hóa.

Năm Tự-Đức nguyên-niên (1848) nhân ông thân mất, ông xin về đình-gian. Qua năm sau (1849), ông được bổ Tri-phủ Quảng-Ninh ở tỉnh Quảng-Bình.

Từ khi ông ra làm việc các tỉnh, ở đâu cũng được tiếng là liêm-khiết chánh-trực, và mẫn-cần.

Được quan Bổ-chánh tỉnh Quảng-Bình là Trương-dăng-Đệ đề ý và thương tài mẫn đức của ông nên sát cử xin cho ông được hồ-dụng Biện-lý tại Nội, hoặc Án-sát tại ngoại.

Vua Tự-Đức liền phê đòi ông về Kinh để được dẫn kiến. Khi ông vào chầu, được vua ban khen và cho thật-thụ Tri-phủ.

Năm Tự-Đức thứ 4 (1851), ông được thăng thụ Tập-hiền-viện Thị-độc sung Kinh-diên khởi-cư-chú. Năm sau lại thăng thụ Thị-giảng học-sĩ sung Ất-bộ Phó-sứ sang cống Tàu.

Trên đường đi cống-sứ, lúc đến ải Nam-quan thì gặp tụi giặc Tàu đang cướp phá quanh vùng, đường sá bị ngăn trở không đi được, đến mùa Đông năm 1855, ông mới theo đường bẻ mà trở về nước.

Lúc về đến Kinh-đô, vua Tự-Đức cho vời ông vào Điện rồi phán rằng : « Đường đi muôn dặm thật khó khăn hiểm trở, mà một mình chịu nỗi gian nguy suốt 3 năm trời, thật đáng thương ! » Rồi vua ban cho ông một Kim-khánh hạng nhì và 50 lạng bạc, lại thêm một bài thơ để khen ông và an-ủi :

Yên dài nhưt khừ dĩ tam niên,
 Quan-tái uy-tri lộ vạn thiên..
 Kỳ chữ vân phi hồi nhạ lãnh,
 Qui phạm tuyết ủng động đình thuyền.
 Phong trần bạch thủ thần tâm trắng,
 Nhung mã phong trần ngạ ý liên.
 Hà nhưt kinh ba thanh bệ hải,
 Tinh sà hoàn kiến tống Trương-khiên.

Tạm dịch :

*Yên dài một bước trái ba đông,
 Quan ải muôn ngàn nẻo ngại ngừng.
 Núi ngóng tin nhân mây ảm-đạm,
 Thuyền về hồ động tuyết mộng lung.
 Đầu pha gió bụi bạo nài khô,
 Minh giải mưa ngàn chùi bặt lòng.
 Bệ hải ngày nào êm sóng ngạc,
 Chiếc bè quay lại thấy Trương-công.*

*
 * *

Vì công-lao đi sứ, ngay năm ấy ông được thăng Hồng-lô tự-khanh sung Biện-lý bộ Lại và kiêm Nội-các.

Năm Tự-Đức thứ 9 (1856), chiến-thuyền Pháp bắt đầu đến quấy rối đánh phá cướp bóc tại Đà-Nẵng. Vua Tự-Đức sai ông vào hội-đồng với Tổng-đốc Quảng-Nam là ông Đào-Tri đề tru-liệu đắp thêm đồn lũy, đào hầm hố đề tăng cường việc phòng-ngự (đến đây ta lại thấy Triều-đình ta không chuyên huấn-luyện sĩ-quan cao-cấp và quan võ bộ tham-mưu. Gặp giặc mạnh mà lại cứ đưa quan yển ra trận. Hàng quan võ thực-thụ thi phần nhiều là hạng dốt cả).

Công-việc bố-trí phòng-thủ ở Đà-Nẵng xong, ông trở về Bộ tiếp-tục làm việc (lại trở về việc văn !).

Qua năm Tự-Đức thứ 13 (1860), nhân ở Gia-Định có giặc, vua lại cho ông lấy nguyên-hàm và sung Gia-định quân-thủ Tán-ly quân-vụ (qua việc võ!). Vào đến Gia-Định ông cùng Tán-trương Tôn-thất-Trĩ đi đánh giặc.

Năm Tự-Đức thứ 14 (1861), quân Pháp dưới sự chỉ-huy của Trung-tướng hải-quân Charner vây đánh Đại-dồn Chi-hòa. Dồn Chi-hòa (xưa gọi là Kỳ-hòa) là một đồn rất kiên-cố, bố-tri quy-mô, và do Nguyễn-tri-Phương chỉ-huy phòng-ngự. Quân Pháp dàn đại-quân có súng đại-bác các chiến-thuyền bao quanh sông Sài-gòn và các rạch yểm-trợ mạnh mẽ. Pháp đánh liên-miền hai ngày, sử-dụng cả bộ-binh, pháo-binh, kỵ-binh. Các đồn của ta lần lần bị súng lớn tối-tán của Pháp đánh tan vỡ. Quân Pháp được huấn-luyện có phương pháp và rất dũng-cảm, quân ta đông hơn mà thiếu súng, kém huấn-luyện nên bị vỡ chạy tán loạn.

Nguyễn-Duy và Tôn-thất-Trĩ đều bị trúng đạn mà chết tại trận.

Nguyễn-tri-Phương và Phạm-thế-Hiền cũng bị thương, nhưng ráng dẫn tàn quân chạy về Biên-Hòa.

Đại-dồn Kỳ-hòa tan vỡ, Gia-Định bị chiếm. Sợ chạy về Kinh, vua hết sức buồn về tin bại trận mất thành, lại thương tiếc mấy vị trọng-thần kẻ bị thương người tử-trận. Đối với Tán-ly Nguyễn-Duy, vua ban gấm đoạn sô sa đề tằm liệm và 500 quan tiền để lo việc tống-táng. Vua lại sai tỉnh-thần Gia-Định phái bát dân-phu hộ-tống quan-cửu về làng Đường-long an-thổ 1

Ông lại được truy tặng hàm Binh-bộ tả Tham-tri và được liệt tự vào nhà thờ Trung-nghĩa, và sau (1874) được thờ vào nhà thờ Trung-hiếu-từ cùng Nguyễn-tri-Phương và Nguyễn-Lâm (tại Chí-long).

TIỂU-SỬ' PHÒ-MÃ NGUYỄN-LÂM
(1844—1873)

Nguyễn-văn-Lâm tức Phò-mã Nguyễn-Lâm, tự là Mặc-Hiên, là con thứ hai của cụ Võ-hiền Trang-liệt-bá Nguyễn-tri-Phương, sinh ngày 19 tháng 4 năm Giáp-thìn (1844), mất ngày 1 tháng 10 năm Quý-dậu (tức 20-11-1873) tại Hà-Nội.

Lúc nhỏ học-hành rất siêng năng, tánh-ình khiêm-tốn đảm-đạc, không hề ỷ mình con quan lớn mà lên mặt kiêu-cãnh hoặc khoe khoang với người ngoài. Ông chỉ chăm lo đèn sách, không biết chơi bời, nên cũng học giỏi như cha chú.

Năm 1863, cụ Nguyễn-tri-Phương đang làm Bắc kỳ Tổng-thống-quân-vụ đại-thần, đánh tan nhiều đám giặc lớn luôn khuấy phá các tỉnh ở Bắc làm thiệt-hại quan quân rất nhiều và nhiều quan và tướng đã bị giết hoặc bị bắt : Sơn-Tây, Bắc-Ninh, Tuyên-Quang. Thái-Nguyên được yên sau mấy năm giặc cướp là nhờ cụ. Sang năm 1864, cụ lại dẹp luôn các đám giặc ở Hải-đảo và ở tỉnh Hải-Dương và Hưng-Yên. Vua Tự-Đức hết

sức vui mừng và xuống dụ khen (xem chương V). Để tỏ lòng yêu mến và đề thi-án lớn với bậc công-thần danh tướng vua hạ giá gả bà công-chúa Đồng-Xuân là em gái vua cho ông Nguyễn-văn-Lâm. Vua phong Lâm làm Phò-mã Đô-Úy, lúc ấy ông Lâm mới 20 tuổi.

Năm Tự-Đức thứ 25 (1872), ông nghĩ rằng cha hiện làm Tổng-thống quân-vụ đại-thần tại đất Bắc, công việc nặng nề khó nhọc và nguy-hiểm mà đã già yếu vì đã 73 tuổi. Ông muốn ra giúp đỡ và hầu hạ cha cho thỏa tình mong nhớ và thương cha già.

Ông ngỏ lời cùng công-chúa Đồng-Xuân thì bà cũng đồng-ý và vui lòng, nên ông lập tức dâng sớ xin vua cho đi thăm cha ở chốn quân-thứ.

Vua Tự-Đức khen là con có hiếu, nên cũng vui lòng y tấu cho đi.

Ra Bắc-Kỳ thấy cha tuổi già sức lực đã suy kém nhiều nên lại dâng sớ về Triều xin vua cho ở lại để được tùy tùng và giúp đỡ cha.

Vua cũng ý lời cho phép ở lại.

Nhân giặc ở Thượng-du lại nổi lên, cụ Nguyễn-tri-Phương lần đầu tiên sai Phò-mã hợp cùng các tướng đem quân lên đánh giặc. Ông và các tướng lại dùng hỏa-công thiêu hủy đồn trại giặc rất nhiều và giặc vỡ tan chạy hết.

Cụ Nguyễn-tri-Phương khen ông là « Như thế con cũng là can-đảm ».

Năm Tự-Đức thứ 26 (1873), cuối tháng giêng, nhân cụ Nguyễn-tri-Phương được lệnh về Hà-nội giữ thành vì lúc bấy

giờ bọn giặc Pháp Jean Dupuis là tên lái buôn lái súng đến quấy nhiễu ngang tàng ở đất Bắc.

Triều-dinh ta dè-dặt không muốn sinh sự với người Pháp, sau khi đã mất mấy tỉnh Nam-Kỳ, nên cố nén giận và cho sứ vào Sài-gòn nhờ Soái-phủ can-thiệp. Thiều-trưởng Dupré gọi ngay Francis Garnier cùng một đoàn pháo thuyền và lính theo ra Hà-Nội. Điều-dinh mãi chưa xong thì Francis Garnier bí-mật chuẩn-bị đánh thành Hà-Nội. Rồi sáng ngày 20-11-1873 (tức 1-10 năm Quý-Dậu ta), Garnier bất-thần tấn-công đánh thành.

Phò-mã Lâm theo cha đề binh ra cửa Đòng-Nam là phía quân Pháp đánh dữ-dội nhất. Ông cùng cha nhảy lên thành đề đốc quân chống giữ. Không may một viên đạn lạc trúng ngay đầu ông và ông đã ngã gục chết bên chân cha. Ngay sau đó thì cụ Nguyễn-tri-Phương cũng bị thương.

Vi bất-ngờ, Hà-Nội đã thất-thủ và rơi vào tay giặc chỉ trong hơn một giờ đồng-hồ. Sớ chạy về Huế, vua Tự-Đức rất lấy làm lo và thương tiếc. Vua dụ rằng : « Lâm tôi chết trung, làm con chết hiếu như Phò-mã Đô-úy Nguyễn-văn-Lâm thật đáng khen : mình không có trách-nhiệm phải đem quân ra trận, mà lại có cái lòng trung-nghĩa và hiếu đễ như thế, rõ là ơn nước tiếng nhà đời đời trọn vẹn. Thật đáng khen thay ! Đáng tiếc thay ! »

Vua phê cho truy-tặng ông lên chức Binh-bộ tả Thị-lang, được chiếu hàm mà cấp tiền tuất 300 quan và vua ban gấm vóc lụa vải để liệu việc tống táng. Vua lại sai tỉnh-thần Hà-Nội phải bắt dân-pbu hộ tống quan-cửu về làng an-thổ.

Ông cũng được liệt-tự vào hai nhà thờ Trưng-nghĩa và Trưng-hiếu.

*
* * *

IV

QUÂN - ĐỘI VÀ VŨ - KHÍ VIỆT - NAM DƯỚI TRIỀU NGUYỄN

Đọc qua đoạn lịch-sử Việt-Nam về đời cận-kim, lại đọc qua tiểu-sử Nguyễn-tri-Phương, ta không khỏi ngậm ngùi mà thấy bao nhiêu tướng tài, bao nhiêu anh-hùng đã hy-sinh vì nước và đã thất-bại chỉ vì ta quá kém Pháp về quân-sự.

Vậy ta cần cứu xét tổ-chức quân-sự của ta như thế nào dưới các triều Nguyễn, cũng như ta cũng nên biết những vũ-khí ta đã dùng để chống Pháp như thế nào.

Dưới triều Gia-Long Quân Tây-sơn đã thắng quân Tàu một cách oanh-liệt và do một trận Đống-đa mà đánh đuổi 20 vạn quân Thanh ra khỏi bờ cõi... Thế mà Nguyễn-Ánh đã thắng được quân Tây-sơn để thống nhất sơn-hà và lên ngôi báu với niên-hiệu là Gia-Long. Tuy lúc ấy, không còn Quang-Trung nữa và nội-bộ Tây-Sơn đã rạn nứt, nhưng truyền-thống quân-sự Tây-Sơn không phải là không còn. Vậy thì Gia-Long đã có một đạo quân khá mạnh, có tổ-

chức, có binh-khí khá tốt mới lấy lại được nước và thống-nhất cả Trung Nam Bắc.

Binh-pháp giảng dạy trong quân-dội từ trước vẫn theo sách Binh-thư yếu-lược của Trần-hung-Đạo và theo các sách xưa của Trung-Hoa. Và thời Gia-Long cũng đã chịu ảnh-hưởng của Tây-phương. Một tướng-lãnh Pháp (G. Lemonnier) đã nói là Nguyễn-Ánh đã đọc ở Sài-gòn những binh-thư mà Nã-phá-Luân (Napoléon) đã đọc cùng thời đó... « Những cuộc hành binh của vua xứ Nam-Kỳ giống nhau kỳ-lạ với những cuộc hành-binh của Đệ Nhất Cộng-hòa (Première République bên Pháp), giống nhau về tổ-chức, vũ-khí và nhất là về ảnh-hưởng của các binh-gia về cuối thế-kỷ 18 ».

Tác-giả Alexis Faure nói là Cha Cả (Mgr Pigneau de Béhaine, Evêque D'Adran) là một thứ Tổng-trưởng Bộ Chiên-tranh của Gia-Long. « Ông ta xây dựng một thành-lũy ở Sài-gòn, và lập tại đó một trường võ-bị. Ông dịch những sách về quân-sự với những lời chú-thích, viết một cuốn sách riêng cho các võ-quan, giảng dạy cho các thanh-niên này, trong đó có hai vị phụ-tá của vị vua mất ngôi. Ông ta lập những thành lũy kiểu Vauban ở các vị trí quan-trọng trong xứ : Vĩnh-Long, Hà-Tiên, Mỹ-Tho, Biên-Hòa v.v... Trong các việc này, ông luôn luôn được sự giúp đỡ thường-tục và tận-tâm của Olivier de Puymanel ».

Hệ-thống tổ chức quân-dội cũng mang dấu-tích của ảnh-hưởng Tây-phương.

Về quân dịch : Ở các tỉnh Quảng-Binh đến Bình-Thuận. cứ 3 người dân di lính 1 người, từ Biên-Hòa trở vào, 5 người dân di lính 1 người, từ Hà-Tĩnh trở ra Bắc, 1 lính trên 7 dân,

ở các ngoại-trấn là Tuyên-Quang, Hưng-Hóa, Cao-Bằng, Lạng-Son, Thái-Nguyên, Quảng-Yên : cứ 10 dân 1 lính.

Võ-tướng chia làm 9 phẩm như văn-quan.

Dưới đời Gia-Long, theo nguyên-tắc có 113.000 lính : 30.000 võ-trang với súng ống Tây-phương kiểu cũ, thời cuối thế-kỷ 18. Có 15.000 quân pháo-thủ với 400 đại-bác bằng đồng và gang, các súng này đều nạp tiền. Xưởng đúc súng ở Phường Đúc Huế, gồm có 8.000 thợ chuyên-môn. Trong quân-đội còn có 8.000 tượng-binh với 200 voi trận.

Ngoài ra, còn có 12.000 thân-binh, tinh-binh và cấm-binh coi việc phòng-thủ Đế-đò và canh-phòng cung điện nhà vua : 12.000 lính này có súng (súng điều-thương thạch-cơ, bắn và huấn-luyện theo Tây-phương). Ngoài ra còn có 42.000 lính võ-trang kiểu xưa với gươm đao. Thân-binh chia làm Vệ, mỗi vệ có 500 người lính và 50 quân nhạc. Ở các tỉnh các trấn thì có lính cơ, lính mộ. Lính lại chia làm 3 phiên luân-lưu thay đổi nhau, 2 phiên về nghỉ làm ăn, 1 phiên tại ban lo huấn-luyện và phòng-thủ thành-trị. Mỗi phiên chỉ có 4 tháng còn 8 tháng nghỉ để làm ăn.

Sự tổ-chức này về thời bình thì còn khả-quan, gặp thời chiến thì tổ-chức này làm cho quân-đội yếu kém, thiếu quân-số và thiếu huấn-luyện. Lại thêm một tệ-trạng thường xảy ra là quân-số không lúc nào đầy đủ như trên giấy tờ : thời đó cũng đã có lính ma. Lại còn lính kiếng và lính hầu các quan lớn nhỏ !

Thủy-binh có 6 Vệ thủy-quân đóng ở Kinh-đô, ở các tỉnh, và các hải-khẩu cũng đều có thủy-quan trấn giữ với đại-bác và đồn lũy. Có tất cả 17.000 thủy-quan với 3 chiến-

thuyền kiểu Tây-phương, 100 chiến-thuyền lớn có máy bắn đá và đại-bác, 200 chiến-thuyền nhỏ hơn, mỗi thuyền trang-bị 16 đến 20 đại-bác, 500 chiến-thuyền nhỏ có máy bắn đá và 1 đại-bác. Lại có loại thuyền lớn bọc đồng canh-phòng ngoài biển.

Theo một tác-giả người Anh là Chapman thì cách làm súng ở Việt-Nam giống hệt kỹ-nghệ súng đạn ở Ấn-Độ. Và ở thế-kỷ 17 các tàu Pháp thường chở đến nước ta mỗi năm 10.000 súng trường và ta thường mua của người Hòa-Lan, Tây-ban-Nha và Bồ-đào-Nha những đại-bác, đạn đại-bác và thuốc súng, diêm-tiêu, lưu-hoàng v.v..

Quân lính có đồng-phục bằng len dạ mua của người Anh (Theo *Connaissance du Viet-Nam* của Huard và Durand).

Đời Minh-Mạng Dưới đời Minh-Mạng, tổ-chức quân-sự hoàn-bị hơn. Binh-lính được huấn-luyện thêm. Nhà vua luôn luôn ra lệnh tập binh, tập trận, nhưng tinh-thần thượng-võ mỗi ngày mỗi yếu đi và trong đàn-chúng thường chuộng văn mà khinh võ, cho nên tổ-chức trên giấy thì nhiều, tập luyện thì lệnh lạc liên-miên, nhưng mọi việc chỉ làm qua loa lấy lệ, chớ thực-lực mỗi ngày mỗi kém, vì ai cũng cho là thái-bình rồi nên ít lo việc võ-bị.

Binh-chế thì võ-quan có 9 phẩm, mỗi phẩm chia làm 2 bậc chánh và tòng : Chánh nhất-phẩm, tòng nhất-phẩm, chánh cửu-phẩm, tòng cửu-phẩm, v.v... quân đội gồm có *bộ-binh*, *thủy-binh*, *ky-binh*, *tượng-binh* và *pháo-binh*.

Bộ-binh gồm có : Kinh-binh và Cơ-binh. Kinh-binh đóng ở Kinh-đô và có khi sai đi các tỉnh. Kinh-binh được chia

làm : Doanh, Vệ, Đội, Thập, Ngũ. Mỗi ngũ có 5 người, mỗi Thập 10 người, mỗi Đội 50 người (5 thập), mỗi Vệ 10 đội (500 người), mỗi Doanh 5 Vệ (2.500 người). Mỗi Vệ có 2 khẩu thần-công, 200 khẩu điều-thương. Quân ở Bắc thì có súng Tàu. Cơ-binh là lính của mỗi tỉnh và chia làm Cơ có quân-cơ cầm đầu, làm Đội có suất-đội cầm đầu.

Tượng-binh chia thành *Đội*, mỗi *Đội* có 10 voi. Ở Kinh-đô có 150 voi, Bắc-Thành có 110 con, Gia-định thành 75 con, Quảng-Nam 35 con, Bình-Định 30 con, Nghệ-An 21 con, Quảng-Bình, Quảng-Nghĩa, Thanh-Hóa mỗi tỉnh 15 con, Quảng-Trị, Phú-Yên, Bình-Thuận và Ninh-Thuận 10 con. Tổng-cộng *Tượng-binh* có tất cả 500 thớt voi.

Thủy-binh gồm 15 Vệ chia làm 3 Doanh mỗi Doanh do 1 *Chuông-Vệ* chỉ-huy. Có một *Đô-thống* chỉ huy 3 Doanh.

Đời Thiệu-Trị và Tự-Đức Vua Thiệu-Trị trị vì có 7 năm, nên các cơ-chế trong nước ít có gì thay đổi. Lúc ấy Triều-đình Huế lại còn phải đối phó nhiều việc : chống giặc Miên ở Chân-Lạp, chống Xiêm-La, và bắt đầu đã bị Pháp gây rối, nên trong nước không có gì thay đổi.

Đến đời Tự-Đức giặc giã càng nhiều thêm. Vua chú-ý nhiều đến việc võ-bị, cho tuyển lính võ-sinh ở tất cả các tỉnh, mở các khoa thi võ v.v...

Nhưng việc giảng dạy vẫn theo Binh-thư yếu-lược của Trần-hưng-Đạo và các sách xưa của Tàu như các triều trước. Những điều học hỏi của Tây-phương đời Gia-Long hình như bị quên lãng trong khi đang phải đương đầu với Tây-phương.

Vũ-khí không tiến-triển bao nhiêu. Quân ta vẫn dùng súng điều-thương và trong 50 người mới có 5 người có súng, cả năm chỉ được tập bắn một lần, mỗi người lính chỉ được phép bắn 6 phát... Về sau vua cũng kiếm cách cho mua và đúc súng thêm. Nhưng đại đa số đều theo kiểu cũ. Ph. Aude, một y-sĩ trong quân-đội Pháp hồi Pháp đánh chiếm Nam-Kỳ đã phê-bình về vũ-khí đời Tự-Đức như sau :

« Vũ-khí của người Nam dùng rất nhiều và khác nhau : súng thì có những đại-bác đủ cỡ mà phần nhiều là nhỏ, những súng trường miệng loa (espingoles), những bích-kích-pháo, súng đá mang nhãn-hiệu của xưởng Saint-Etienne và chính là kiểu súng của quân-đội Pháp trước 1830, tức là trước khi có sự thay đổi vũ-khí. Hình như có một tên nào đó đã mua lại tất cả súng trường phế-thải và đem bán cho người Nam : hẳn ta không ngờ rằng những súng của ta lại trở ngược chống ta...

« ... Họ cũng dùng những thứ đinh-ba (xà-màu ?) cắm ở đầu một cán tre và ba cạnh châu đầu vào một điểm : Khí-giới này rất tàn-hại và nguy-hiêm. Khốn cho ai đứng trước mũi đinh-ba ... Những đinh-ba đó được họ dùng nhất là để mang kẻ thù họ đi lúc đã bị họ đâm ». Cortambert trong cuốn *Tableau de la Cochinchine* cho là kho khí-giới ở Huế đầy đủ khí-giới nhất ở Á-Châu. Nếu có thật như vậy, thì âu đây cũng chỉ là khí-giới cũ rồi.

*

* *

Dẫu sao xem như trên thì lúc xảy ra vụ xâm-lăng của Pháp ta cũng đã cố-gắng thay đổi vũ-khí nhưng đã quá chậm và không kịp nữa. Về quân-đội thì huấn-luyện cũng theo cách xưa và không đáp-ứng với thời-cuộc.

*

* *

NGUYÊN-VÂN BẢN PHÚC-TRÌNH
CỦA TRUNG-TƯỚNG CHARNER VỀ TRẬN KỶ-HÒA (1861)

*Rapport de M. le Vice-Amiral Charner sur l'affaire de Ki-hoa,
en février 1861.*

Fort de Ki-hoa, 27 février 1861.

« Monsieur le Ministre,

« J'ai l'honneur de vous informer que les formidables positions établies par les Annamites dans la plaine de Ki-hoa sont tombées en notre pouvoir dans la matinée du 25 de ce mois.

« L'ennemi est en fuite, et nous campons dans son principal retranchement.

« Je n'ai pas besoin de rappeler ici, Monsieur le Ministre, que depuis les préparatifs de l'expédition de Chine et pendant la campagne qui vient de se terminer par le traité de Péking,

la ville de Saigon, que nous occupons en Cochinchine, était restée sous la garde d'un petit nombre de défenseurs. Retranchés dans l'enceinte de la ville et dans quelques positions extérieures, ils n'avaient d'autre mission que de nous conserver une position qui, plus tard, pouvait acquérir du développement, et dont nous nous sommes emparés en 1859, dans le but d'obtenir les justes réparations que nous avons à demander au Gouvernement Annamite, réparations qu'il s'obstine à refuser.

« Profitant des affaires qui nous attiraient dans le Nord et du peu de forces que nous avons laissées à Saigon, les Annamites avaient fait des travaux considérables pour se retrancher dans la plaine de Ki-hoa et dominer ainsi tout le pays. Travaillant la terre avec une grande facilité et s'appuyant sur un retranchement principal habilement fortifié, ils avaient donné à leurs lignes un développement extraordinaire, dont on estime l'étendue à 12 kilomètres. De là, ils poussaient continuellement vers nous de nouvelles parallèles et menaçaient notre position de Saigon, où ils nous tenaient enfermés.

« Pour s'emparer de ces ouvrages, il fallait une force d'une certaine importance.

« Dès que l'expédition de Péking eut ramené à Chang-hai une partie du corps expéditionnaire de Chine, le gouvernement de l'Empereur mit à ma disposition des troupes tirées de ce corps et destinées à former une expédition opérant en Cochinchine : je m'empressai, suivant les ordres que vous m'aviez transmis, Monsieur le Ministre, de la réunir à Saigon, et de tout disposer pour frapper un coup vigoureux qui établit solidement notre influence dans ce pays.

« L'expédition formée se composait du 3^e Régiment d'infanterie de marine, du 2^e Bataillon de chasseurs à pied, de dix pièces d'artillerie, d'une section du génie et d'un personnel et d'un matériel d'intendance arrivés sur les transports partis de Chang-hai ; à ces troupes venaient se rejoindre un corps d'infanterie espagnol de 200 hommes et des détachements tirés de la garnison de Saigon, ainsi qu'un renfort de 860 marins composé des compagnies de débarquement ; le tout s'élevait à un effectif d'environ 3000 hommes.

« La ville de Saigon se trouve au Nord d'un immense delta formé par les eaux qui descendent des contre-forts occidentaux des montagnes de la Cochinchine et qui viennent se mêler à celles du Cambodge (Mé-kong). Cette disposition du terrain nous donnait un grand avantage. Avec nos canonniers et même nos frégates, nous pouvions couper presque toutes les routes de l'ennemi, qui, une fois vaincu, ne pouvait nous échapper qu'avec une grande difficulté.

« D'après la configuration du fleuve et de ses affluents, notre droite, en regardant l'ennemi, nous offrait aussi un puissant moyen d'action ; sur une étendue de 5 kilomètres, des pagodes armées de canons rayés de 30 et d'obusiers de 80 interdisaient toute attaque par terre, tout en menaçant les lignes de Ki-hoa.

« Des reconnaissances opérées sur notre gauche nous avaient appris que le terrain était praticable pour le passage des troupes et de l'artillerie.

« Il fut donc décidé que le corps expéditionnaire tournerait par notre gauche les lignes de Ki-hoa et les attaquerait

par le Nord ou le Nord-Ouest, afin de tenter de couper toute retraite à l'armée annamite.

« Les lignes présentent, comme je l'ai dit plus haut, un développement d'environ 12.000 kilomètres, sans compter les forts détachés qui l'entourent de tous côtés. Tous ces ouvrages sont habilement placés et défendus par une nombreuse armée. On se fait difficilement une idée de la multitude d'obstacles qui y sont accumulés. Ce sont des épaulements en terre hérissés de plusieurs lignes de bambous, protégés quelquefois par cinq fossés remplis de trous de loup, par des chevaux de frise et des palissades enchevêtrées avec un art incroyable.

« D'étroites meurtrières ouvertes dans toutes les parties et très rapprochées sont garnies de canons, de pierriers et de gingoles (énormes fusils du calibre d'une livre); chaque soldat est, en outre, armé d'un fusil à pierre avec sa baïonnette, paraissant généralement de confection française. C'est contre ces obstacles et cette défense que nous avons à lutter, et notre tâche était d'autant plus rude que dans ces pays la chaleur s'oppose à la marche de jour et qu'il est nécessaire de faire reposer les troupes après neuf heures du matin, sous peine de s'exposer à un désastre.

« Le plan de campagne était résolu; j'envoyai, dès le 17 de ce mois, l'amiral Page avec la *Renommée*, trois corvettes à vapeur, quatre grandes canonnières et plusieurs avisos, pour reconnaître le fleuve et s'assurer des défenses de l'ennemi de ce côté. En même temps, des chaloupes canonnières allaient bloquer l'embouchure de tous les cours d'eau, arrêtant ainsi toutes les communications des Annamites avec le pays. L'amiral Page rencontra des obstacles sérieux sur le parcours

du fleuve. Après les avoir bien reconnus, il reçut l'ordre de les enlever, en même temps que le corps expéditionnaire attaquerait les lignes de Ki-hoa.

« Le 23 février, toutes les troupes étaient réunies dans la Ville Chinoise, située près de la pagode de Kaï-maï, qui forme l'extrémité gauche de notre ligne de défense de Saïgon. Je me rendis moi-même au lieu de leur campement, dans la soirée, afin d'être prêt à les mettre en mouvement le lendemain, 24, au point du jour.

« Le 24 février, à l'heure indiquée, nos troupes débouchaient dans la plaine, se portant vers le premier fort de l'extrémité droite des ouvrages annamites, distant du lieu de notre départ de plus de 2 kilomètres ; elles marchaient en une seule colonne par un chemin reconnu d'avance et rendu praticable à nos voitures par les soins du génie. Le général de Vassoigne commandait les troupes, et le colonel et plénipotentiaire de Sa Majesté Catholique, Palanca y Gutierrez, m'accompagnait avec les officiers de mon état-major.

« La plaine, accidentée légèrement et couverte d'abord de buissons et de tumulus, se découvrait à mesure que nous avançons vers la ligne ennemie et permit bientôt de déployer notre artillerie, à environ 1100 mètres des ouvrages.

« L'infanterie, déployée en arrière par bataillons en masse, était tenue hors du feu jusqu'à ce que le moment de lancer les colonnes d'assaut fut venu.

« La gauche de la ligne était placée à la hauteur du point où, le marais cessant, il était possible d'arriver jusqu'aux premières défenses de l'ennemi.

« L'artillerie exécuta un feu. Trois colonnes d'assaut étaient préparées d'avance et formées ainsi : celle de la gauche, de deux compagnies de débarquement précédées par les marins abordeurs couverts eux-mêmes par une section du génie, et de deux compagnies de chasseurs à pied ; celle de droite, des troupes espagnoles.

« Le moment de l'action décisive était venu, et les colonnes lancées franchissaient sous une fusillade très nourrie une palissade en bambous et deux lignes de trous de loup séparées par une escarpe hérissée de chevaux de frise et d'obstacles de toute espèce.

« L'ennemi tint bon jusqu'à ce que les assaillants fussent parvenus sur la herme, mais sans engager de lutte corps à corps ; et nos troupes, parvenues au haut du parapet, le virent s'enfuir dans toutes les directions.

« Une plaine découverte, bordée sur notre droite par les ouvrages contigus au camp même de Ki-hoa, s'offrait devant nous sur une grande étendue. Il fallait la traverser dans presque toute sa longueur (environ 6 à 7 kilomètres), afin d'exécuter notre mouvement tournant, et de pouvoir, le lendemain, attaquer l'ennemi au cœur même de sa défense et le plus loin possible de la face qui, au camp, regarde Saigon, l'ennemi ayant accumulé obstacle sur obstacle entre ce front et sa ligne de bataille.

« Le soleil commençait à être trop haut sur l'horizon pour qu'il fut prudent de traverser cette vaste étendue avec des troupes déjà un peu lassées par la chaleur énervante de ces climats ; il fallait d'ailleurs pratiquer dans la ligne

enlevée un passage pour l'artillerie. je fis donner aux troupes un repos jusqu'à trois heures de l'après-midi.

« A trois heures du soir, après avoir laissé la position enlevée à la garde d'une compagnie d'infanterie de marine, je me mis de nouveau en marche.

« Le mouvement en avant reprit sur trois colonnes : celles de droite et de gauche, composées d'infanterie, couvraient l'artillerie, placée entre elles deux en colonne serrée par batterie et prête à un déploiement rapide, si le pays, peu connu dans lequel l'armée s'engageait, nous présentait quelque obstacle ou quelque ennemi imprévu. La cavalerie, lancée sur la gauche, nous éclairait au loin.

« Pendant toute cette marche de flanc, les batteries de position des pagodes couvraient de leurs feux, dans leurs parties extrêmes, tous les bois à notre droite où l'ennemi aurait pu se masser.

« Le mouvement s'exécuta sans opposition : quelques troupes sorties de leurs camps se présentèrent plusieurs fois dans la plaine, mais elles furent rapidement dispersées par un petit nombre de coups de la batterie de montagne et le feu de deux compagnies déployées en tirailleurs.

« Vers six heures, l'armée campait dans un village situé presque sur les derrières de l'ennemi, vis-à-vis du saillant sud-ouest de son camp.

« D'abord troublée par un feu assez vif de pierriers et de gingoles, notre installation au bivouac s'acheva tranquillement, et l'ennemi, repoussé et maintenu à distance par le tir heureusement dirigé de deux pièces de quatre et les

coups de carabine de nos postes avancés, renonça à nous inquiéter pour la nuit. Quinze cents mètres nous séparaient à peine des ouvrages annamites les plus sérieux ; mais les approches mêmes des forts couverts de plantations ne permettaient pas de distinguer d'une façon bien nette toutes les difficultés de la tâche qui restait à accomplir.

« Le 25 février, à six heures du matin, l'armée était disposée dans l'ordre suivant :

« L'artillerie tout entière déployée au centre, vis-à-vis des positions qui semblaient les plus fortes et les mieux armées de l'ennemi ; l'aile droite formée des troupes espagnoles et du corps des marins de débarquement ; l'aile gauche, des 3^{me} et 4^{me} régiments d'infanterie de marine : tous ces bataillons déployés et ayant leur front couvert par des tirailleurs. Le 2^{me} de chasseurs à pied était maintenu en réserve derrière l'artillerie, et les bagages et le convoi suivaient à distance, protégés par une escorte suffisante. La cavalerie continuait à éclairer la gauche au loin.

« Une reconnaissance dirigée par un officier du génie pénétra dans les bois qui s'étendaient en avant de notre gauche, sous une assez vive fustillade, et nous donna des renseignements certains sur la force et la position des principaux ouvrages.

« Les rapports de quelques prisonniers saisis la veille concordèrent tous aussi à nous apprendre que les forts devant lesquels nous nous trouvions, situés à l'extrémité Ouest des lignes de Ki-hoa, étaient habités par les grands mandarins et la réserve des troupes.

« Un succès était donc décisif sur ce point. J'ordonnai l'attaque. L'armée s'ébranla tout entière, et les ouvrages ennemis, cachés pour la plupart derrière les arbres et révélés seulement par le sommet des miradors, ouvrirent bientôt leur feu.

« Une section d'obusiers de montagne, portée à l'extrême droite, leur répondit d'abord, et nos tirailleurs continuèrent à s'avancer, pendant que tout le reste de l'artillerie, déployé au centre de notre ligne, commençait, à partir de 1000 mètres environ, un feu des plus vifs et des mieux dirigés, en avançant au trot par batterie.

« Le tir de l'ennemi, d'abord très violent, diminua d'intensité, lorsque l'artillerie, parvenue, dans son mouvement, à environ 250 mètres de la contrescarpe, fit pleuvoir une grêle de mitraille sur le haut des parapets ; les colonnes d'attaque, qui, formées à l'avance, attendaient le signal, s'élancèrent avec un entrain remarquable qui devait triompher des obstacles de toute nature accumulés autour des remparts et dans l'intérieur même des ouvrages.

« A droite, la colonne d'assaut, formée de marins de débarquement, franchissait six lignes de trous de loup séparées par des palissades et sept rangées de petits piquets, deux larges fossés garnis de bambous pointus et une escarpe en hérisson surmontée de chevaux de frise ; elle était soutenue par le feu de la section d'obusiers de montagne, qui s'avança jusqu'à 100 mètres de rempart.

« Au centre, le commandant du génie, avec une compagnie de sapeurs et trois compagnies d'infanterie de marine, abordait, à travers les mêmes obstacles, un fort en relief assez

élevé dont les feux flanquaient d'une manière dangereuse le saillant Sud-Ouest attaqué par les marins.

« A gauche, une colonne des 3^e et 4^e régiments d'infanterie de marine se jetait sur le saillant voisin.

« L'énergie de la lutte suffirait à donner une idée de l'importance des positions attaquées : les défenseurs se pressaient derrière les parapets, repoussant les échelles à coups de lance et de hallebarde, jetant des pots à feu et faisant éclater par toutes les meurtrières une mousqueterie des plus vives.

« L'envoi de troupes de soutien devint nécessaire : j'envoyai renforcer la colonne de droite par de nouvelles compagnies de marins et des troupes espagnoles qui déployèrent, sous la conduite de leurs vaillants officiers, le plus brillant courage.

« Deux compagnies de chasseurs furent aussi dirigées sur la gauche.

« Enfin un dernier effort fit flotter le drapeau de la France sur les premiers retranchements.

« Mais l'ennemi n'avait pas encore renoncé à la résistance. Des enceintes extérieures séparaient le camp de Ki-hoa en plusieurs forts, dont les terre-pleins étaient successivement battus par les défenseurs de l'ouvrage voisin.

« Malgré ce feu meurtrier, tous rivalisent d'élan et de courage à la voix de leurs chefs. Une poterne, qui conduisait dans l'intérieur du fort du Mandarin, est brisée à coups de hache pendant que la colonne du centre, maîtresse de l'ouvrage qu'elle a attaqué, profite du commandement dont il jouit pour faire pleuvoir une grêle de balles sur l'ennemi. La colonne de

gauche, pénétrant dans le même fort par un autre point, achève de nous assurer la victoire.

« L'ennemi est partout en fuite, poursuivi par notre feu, et laissant derrière lui de nombreux cadavres.

« Dans ces deux affaires du 24 et du 25 février, la résistance de l'ennemi a été acharnée, et il n'a cédé le terrain que devant l'élan et le persévérant courage de nos troupes. Aussi nos pertes ont été sensibles ; elles s'élèvent à 225 hommes mis hors de combat, parmi lesquels se trouvent 12 tués.

Tout le monde, officiers, soldats et marins, a fait brillamment son devoir. Les troupes espagnoles ont rivalisé d'entrain avec les nôtres dans ces deux journées.

Je suis avec respect, etc...

*Le Vice-Amiral Commandant en Chef
les forces navales dans les mers de Chine,*
CHARNER.

VI

NGUYÊN-VĂN TIẾNG PHÁP CỦA HÒA-ƯỚC 1862

(Nội-dung đã được trình bày trong Chương III)

Traité du 5 juin 1862, conclu à Saigon entre la France
et l'Espagne d'une part, et l'Annam de l'autre.

Art. 1^{er}.—Il y aura dorénavant paix perpétuelle entre l'Empereur des Français et la Reine d'Espagne d'une part, et le Roi d'Annam, de l'autre : l'amitié sera complète et également perpétuelle entre les sujets des trois nations, en quelque lieu qu'ils se trouvent.

Art. 2.—Les sujets des deux nations de France et d'Espagne pourront exercer le culte chrétien dans le royaume d'Annam, et les sujets de ce royaume, sans distinction, qui désireront embrasser et suivre la religion chrétienne, le pourront librement et sans contrainte ; mais on ne forcera pas à se faire chrétiens ceux qui n'en auront pas le désir.

Art. 3.—Les trois provinces complètes de Bien-Hoa, de Gia-dinh et de Dinh-Tuong (Mytho), ainsi que l'île de Poulo-Condore, sont cédées entièrement par ce traité en toute souveraineté à Sa Majesté l'Empereur des Français.

En outre, les commerçants français pourront librement commercer et circuler sur des bâtiments, quels qu'ils soient, dans le grand fleuve du Cambodge et dans tous les bras de ce fleuve; il en sera de même pour les bâtiments de guerre français envoyé en surveillance dans ce même fleuve ou dans ses affluents.

Art. 4.— La paix étant faite, si une nation étrangère voulait, soit en usant de provocation soit par un traité, se faire donner une partie du territoire annamite, le Roi d'Annam préviendra par un envoyé l'Empereur des Français, afin de lui soumettre le cas qui se présente, en laissant à l'Empereur pleine liberté de venir en aide ou non au royaume d'Annam; mais si, dans ledit traité avec la nation étrangère, il est question de cession de territoire, cette cession ne pourra être sanctionnée qu'avec le consentement de l'Empereur des Français.

Art. 5. — Les sujets de l'empire de France et du royaume d'Espagne pourront librement commercer dans les trois ports de *Tourane*, de *Balat* et de *Quang-an* (1).

Les sujets annamites pourront également librement commercer dans les ports de France et d'Espagne, en se conformant toutefois à la règle des droits établis.

(1) Quang-Yên.

Si un pays étranger fait du commerce avec le royaume d'Annam, les sujets de ce pays étranger ne pourront pas jouir d'une protection plus grande que ceux de France ou d'Espagne, et si ce dit pays étranger obtient un avantage dans le royaume d'Annam, ce ne pourra jamais être un avantage plus considérable que ceux accordés à la France ou à l'Espagne.

Art. 6. — La paix étant faite, s'il y a à traiter quelque affaire importante, les trois Souverains pourront envoyer des Représentants pour traiter ces affaires dans une des trois capitales.

Si, sans affaire importante, l'un des trois Souverains désirent envoyer des félicitations aux autres, il pourra également envoyer un Représentant.

Le bâtiment de l'envoyé français ou espagnol mouillera dans le port de Tourane, et l'envoyé ira de là à Hué par terre, où il sera reçu par le Roi d'Annam.

Art 7. — La paix étant faite, l'inimitié disparaît entièrement, c'est pourquoi l'Empereur des Français accorde une amnistie générale aux sujets soit militaires, soit civils du royaume d'Annam compromis dans la guerre et leurs propriétés séquestrées leurs seront rendues.

Le Roi d'Annam accorde également une amnistie générale à ceux de ses sujets qui se sont soumis à l'autorité française et son amnistie s'étend sur eux et sur leurs familles.

Art. 8. — Le Roi d'Annam devra donner, comme indemnité, une somme de quatre millions de dollars, payable en dix ans, donnant ainsi chaque année quatre cent mille dollars, qui seront remis au Représentant de l'Empereur des Français à

Saigon. Cet argent a pour but d'indemniser les dépenses de guerre de la France et de l'Espagne.

Les cent mille ligatures déjà données seront déduites.

Le royaume d'Annam n'ayant pas de dollars, le dollar sera représenté par une valeur de soixante-douzièmes de taël.

Art. 9.— Si quelque brigand, pirate ou fauteur de troubles annamite commet quelque brigandage ou désordre sur le territoire français, ou si quelque sujet européen coupable de quelque délit s'enfuit sur le territoire annamite, aussitôt que l'autorité française en aura donné connaissance à l'autorité annamite, celle-ci devra faire ses efforts pour s'emparer du coupable afin de le livrer à l'autorité française.

Il en sera de même au sujet des brigands ou pirates ou fauteurs de troubles annamites qui, après s'être rendus coupables de délits, s'enfuiraient sur le territoire français.

Art. 10. — Les habitants des trois provinces de *Vinh-long*, d'*An-giang* et de *Hà-tiên* pourront librement commercer dans les trois provinces françaises en se soumettant aux droits en vigueur ; mais les convois de troupes, d'armes, de munitions ou de vivres entre les trois susdites provinces et la Cochinchine devront se faire exclusivement par mer.

Cependant l'Empereur des Français accorde, pour l'entrée de ces convois dans le Cambodge, la passe de *Mỹtho*, dite *Cửa-Tiên*, à la condition toutefois que les autorités annamites en prévientront à l'avance le Représentant de l'Empereur qui leur fera délivrer un laissez-passer. Si cette formalité était négligée qu'un convoi pareil entrât sans un permis, ledit convoi et ce qui le compose seront de bonne prise et les objets seront détruits.

Art. 11. — La citadelle de *Vinh-long* sera gardée jusqu'à nouvel ordre par les troupes françaises, sans empêcher pourtant en aucune sorte l'action des mandarins annamites. Elle sera rendue au Roi d'Annam aussitôt qu'il aura fait cesser la rébellion qui existe aujourd'hui par ses ordres dans les provinces de *Gia-dinh* et de *Đinh-tường*, et lorsque les chefs de ces rébellions seront partis et le pays tranquille et soumis, comme il convient à un pays en paix.

Art. 12. — Ce traité étant conclu entre les trois nations, et les Ministres plénipotentiaires desdites trois nations l'ayant signé et revêtu de leurs sceaux, ils en rendront compte chacun à leur Souverain, et à partir d'aujourd'hui, jour de la signature, dans l'intervalle d'un an, les trois Souverains ayant examiné et ratifié ledit Traité, l'échange des ratifications aura lieu dans la capitale de l'Annam.

*

* *

VII

NGUYỄN-VĂN BẢN PHÚC-TRÌNH CỦA FRANCIS CARNIER VỀ TRẬN ĐÁNH CHIẾM HÀ-NỘI (20-11-1873)

Hanoi, le 1^{er} décembre 1873.

« Amiral,

« J'ai l'honneur de vous rendre compte des opérations militaires qui ont amené la prise de la ville d'Hanoi et des principales forteresses de la province dont elle est la capitale.

« Un dernier ultimatum avait été envoyé le 19 dans l'après-midi au Maréchal gouverneur-général du Tong-king. J'exigeais une déclaration écrite qu'il ne s'opposerait pas par la force à l'exécution de mes arrêtés commerciaux et qu'il cesserait ses préparatifs de guerre. Aucune réponse ne m'étant parvenue, je résolus d'attaquer la Citadelle le lendemain matin au point du jour.

« A cinq heures et demie du matin, une première colonne commandée par M. Bain de la Coquerie, enseigne de vaisseau, et composée de trente marins et d'une pièce de 4, quittait le campement pour aller prendre position devant la porte Sud-Ouest de la Citadelle.

« A cinq heures quarante-cinq, une seconde colonne commandée par M. de Trentinian et composée de trente hommes d'infanterie de marine se mettait en marche vers la porte Sud-Est, la plus rapprochée du campement. Enfin à cinq heures cinquante, M. Esmez à la tête de trente marins et de 3 pièces de 4 prenait la même direction, suivi par une réserve de 20 marins du *Décès* commandés par le capitaine d'armes de ce navire. Le camp restait sous la garde de M. Bouillet, ingénieur hydrographe et de dix hommes.

« En rade, le tir du *Scorpion* et de l'*Espingole* avait été préparé dès la veille et devait être dirigé sur les portes Ouest, Nord et Est, c'est-à-dire sur celles que nous n'attaquions pas. Une pièce de 4 fut mise en batterie à cinq heures du matin sur une porte située à quelques mètres du bord de l'eau à l'entrée de la rue (1) aboutissant à la porte Est. Le tir de cette pièce était direct ; le tir de la rade se faisait au jugé ; mais toutes les distances et toutes les directions avaient été repérées avec soin.

« A 6 heures sonnantes, au moment où, à la tête du détachement de M. de Trentinian, je mettais le pied sur le pont du redan (2) de la porte Sud-Est, la mousqueterie de M. Bain éclatait à ma gauche et les premiers des obus de la rade arri-

(1) Rue de la Saumure.

(2) Demi-lune qui protégeait la porte.

vaient dans la Citadelle. La surprise de l'ennemi fut complète. Déconcerté par une attaque aussi multiple et aussi précise, il ne sut pas reconnaître quel était le point réellement menacé. Nous pûmes débarrasser le pont du redan des chevaux de frise dont il était encombré, sans avoir rien à craindre du feu de la place. Quand les canonnières du rempart arrivèrent à leurs postes, nous étions déjà à l'abri contre le mur du redan ; ses défenseurs n'eurent d'autre ressource que de nous jeter des pierres. Nos haches ne réussissant pas à entamer la porte, je fis mettre une pièce en batterie sur le pont ; trois coups à mitraille nous ouvrirent le passage. M. de Trentinian et l'infanterie de marine se précipitèrent immédiatement à l'intérieur du redan dont les défenseurs, ne pouvant se réfugier dans le corps de place, s'enfuirent sur la berme ou se noyèrent dans le fossé. Un feu très vif de tirailleurs fut dirigé sur tout ce qui apparaissait sur le rempart et découragea les tentatives plusieurs fois répétées par les servants de pièces pour les pointer contre nous.

« Pendant ce temps, M. Esmez faisait prendre position à son artillerie sur le pont du fossé et battait en brèche la porte de la place, sous une grêle de pierres jetées par dessus le rempart. Cette porte solide résista longtemps. Dès qu'un passage y fut pratiqué, je pénétrai sous la voûte suivi de quelques hommes et j'aperçus devant moi les porteurs de parasol du mandarin qui dirigeait la défense. J'étais loin de me douter à ce moment que ce mandarin était le Maréchal lui-même et que par une coïncidence singulière, il s'était assigné comme poste de combat la porte même que je devais attaquer. Un court engagement aux revolvers et aux chassepots déblaya complètement la porte, les Annamites

s'enfuirent dans toutes les directions. On acheva de défoncer la porte et deux pièces de canon furent immédiatement montées sur le rempart, prêtes à diriger leur feu vers l'intérieur. Au même moment, une sonnerie de clairon m'annonçait que M. Bain était maître de la porte voisine. Il n'avait éprouvé aucune résistance dans le redan ; à l'attaque du corps de place, il avait essuyé une décharge à mitraille de l'artillerie du rempart qui n'avait atteint personne.

« J'expédiai immédiatement M. de Trentinian à l'intérieur de la Citadelle pour se saisir de la personne du Maréchal ; et M. Hautefeuille, aspirant de 1^{re} classe avec quelques hommes pour prendre possession de la porte Est. J'envoyais en même temps l'ordre à M. Bain, de se porter avec la moitié de son détachement à la porte Ouest par laquelle s'échappaient de nombreux fuyards. Enfin, voyant l'ennemi se réfugier en grand nombre dans la tour située entre les deux portes du Sud et ses deux étages se garnir de défenseurs, je lançais dans cette direction M. Esmez en ne gardant auprès de moi que la réserve. Deux coups à obus bien dirigés déblayèrent la tour de ses défenseurs. Un instant après, M. Esmez faisait flotter à son sommet les couleurs nationales, signal convenu pour faire cesser le feu de la rade. Il était en ce moment 6h55 minutes. M. Esmez se porta immédiatement à la porte Nord. Du côté de la porte Est, M. Hautefeuille n'ayant que 5 hommes avec lui, se trouvait amené en arrière ; je lui envoyai le capitaine d'armes du Dérès avec la réserve et je fis mettre une pièce en batterie pour balayer cette face du rempart. Quelque minutes après le pavillon français flottait sur les cinq portes de la Citadelle. Nous n'avions aucun blessé ».

FRANCIS GARNIER

VIII

THỎA-ƯỚC 5-1-1874 (NGUYỄN-VĂN-TƯỜNG - PHILASTRE)

CONVENTION DU 5 JANVIER 1874

« Le grand mandarin assesseur du Ministre des Cultes Nguyen-van-Tuong, second ambassadeur plénipotentiaire muni de pouvoirs spéciaux pour régler provisoirement les questions pendantes au Tonkin, au nom du Gouvernement de l'Annam, d'une part ;

« Et M. Philastre, lieutenant de vaisseau, inspecteur des affaires indigènes en Cochinchine, chef du service de la justice indigène, chevalier de la Légion d'honneur, muni des instructions de M. le Contre-Amiral Commandant en chef, gouverneur de la Cochinchine française, ministre plénipotentiaire, accrédité près de S. Exc. le Ministre des Relations Étrangères à Hué, et désigné d'urgence par M. Testard, capitaine de frégate commandant les forces navales françaises dans les eaux du Tonkin, pour remplacer M. Garnier dans sa mission politique au Tonkin :

agissant pour le gouverneur de la colonie de la Basse-Cochinchine, d'autre part :

« Après s'être communiqué leurs pouvoirs et les avoir trouvés en règle, sont convenus de ce qui suit :

« Art. I. Tout malentendu cessant..., les troupes françaises qui occupent accidentellement la citadelle de la province de Ninh-Binh et la citadelle de la province de Nam-Dinh évacueront ces places qui seront remises aux autorités annamites ; savoir : celle de Ninh-Binh, dans la journée du 8, et celle de Nam-Dinh, dans la journée du 10 janvier prochain, dans l'état où elles se trouvent actuellement et avec tout le matériel et le numéraire, etc.

« Art. II. De son côté, le Gouvernement Annamite s'engage : 1^o à n'introduire dans chacune de ces citadelles que les troupes indispensables à la police ; 2^o à ne faire aucune concentration de troupes dans l'étendue de ces provinces ; à laisser les communications et routes fluviales ou terrestres libres de tout obstacle pour les troupes et navires que le Gouvernement Français entretient provisoirement au Tonkin ; 3^o à proclamer dès le jour de la remise de ces places une *amnistie* pleine et entière pour tous les sujets de S. M. l'Empereur d'Annam qui auraient pu, à quelque titre que ce soit, être employés par l'autorité.

*

* *

THỎA-ƯỚC 6-2-1874
(*bổ-túc thỏa-ước 5-1-1874*)

CONVENTION DU 6 FÉVRIER 1874

« Les soldats français évacueront la citadelle de Hanoï... et se retireront au Cua-Cam, dans le fort de Haïphong... Les Français s'établissent à Haïphong afin de protéger le royaume annamite contre ceux qui voudraient pénétrer dans l'intérieur du pays contrairement aux lois du royaume et pour forcer les navires du *certain* Dupuis à demeurer au port jusqu'à la conclusion du traité, *au cas qu'il y ait une stipulation autorisant les Européens à venir faire le commerce au Tonkin.* »

« Le jour où les soldats français évacueront la citadelle, elle sera livée avec tous les effets et munitions qui s'y trouveront actuellement... (L'évacuation devait se faire au plus tard dix jours après qu'un local à Haïphong aurait été disposé par les mandarins pour recevoir la garnison française).

« Le 17 janvier, le noble souverain du royaume d'Annam a publié un Édit accordant grâce à tous ceux qui ont pris le

parti de la France. C'est pourquoi les mandarins ne devront pas les poursuivre, mais les protéger contre ceux qui voudraient leur nuire... »

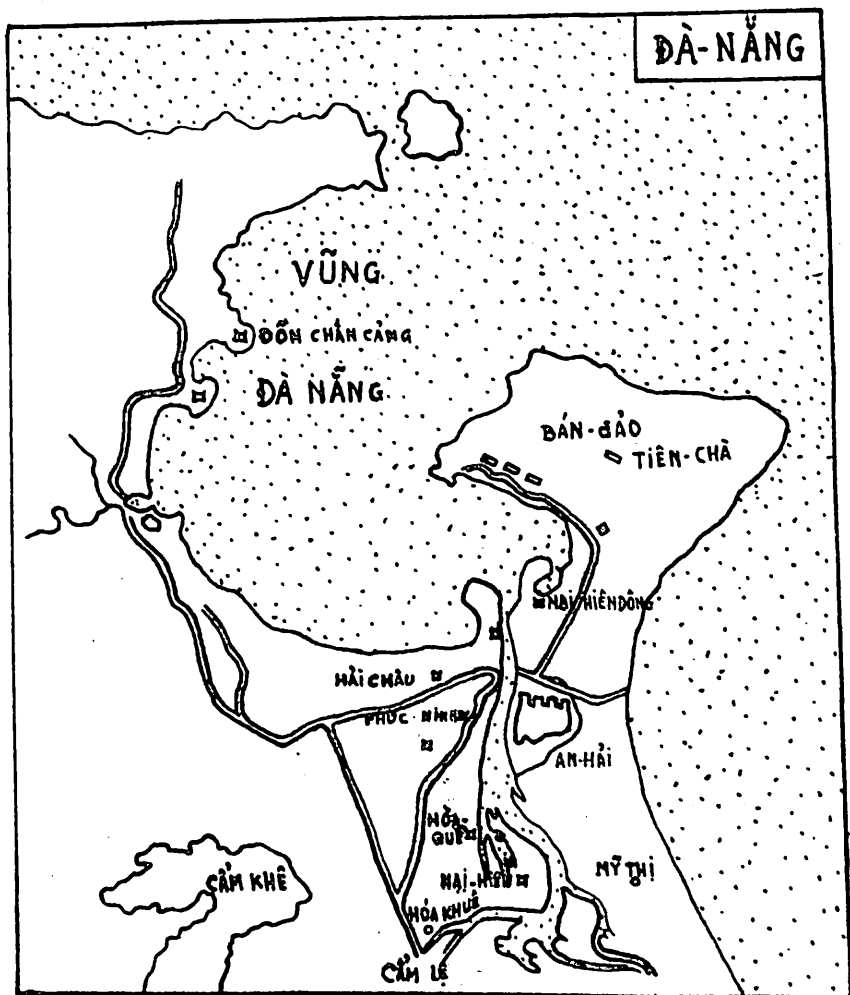
« Personne ne violera la sépulture des Français et des volontaires annamites... encore enterrés dans l'intérieur de la citadelle de Hanoi.

Le gouvernement annamite concédera un terrain sur le bord du fleuve pour construire une habitation au *Résident* français et aux soldats de son escorte ; ce terrain sera près du lieu où, après la conclusion du traité, on permettra aux commerçants français de s'établir...

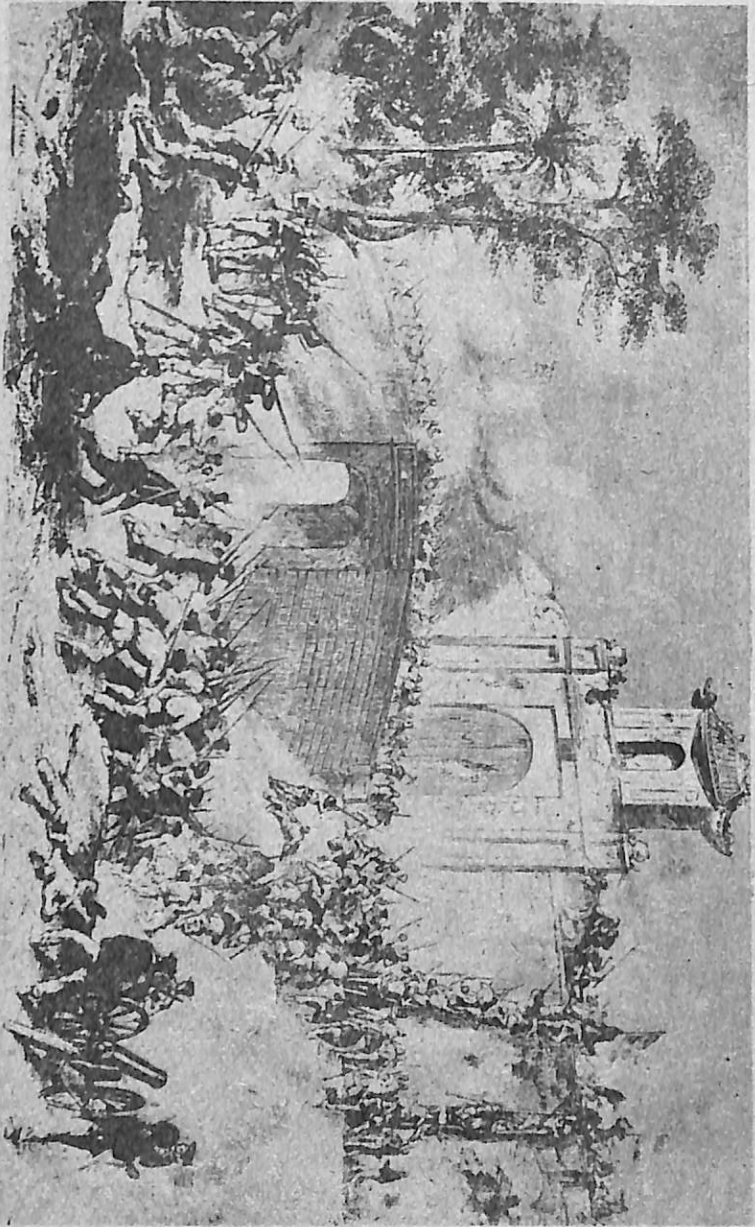
« Le nommé Dupuis, ainsi que les Français et les Chinois qui l'accompagnent, quitteront la ville de Hanoi avant les troupes françaises et se rendront à Haiphong conduits par un officier français ; ils attendront là que le fleuve soit ouvert au commerce... Si Dupuis veut quitter le Tonkin et se rendre en Yunnan en remontant le fleuve par Hung-Hóa, il priera le résident de demander pour lui l'autorisation aux mandarins de Hanoi... Une fois en Yunnan, Dupuis ne reviendra pas au Tonkin avant l'ouverture du fleuve au commerce. Si, au lieu d'aller en Yunnan, il se fixait en quelque endroit appartenant au royaume annamite sans en avoir l'autorisation, les Français s'engagent à aller l'en chasser, et si c'est nécessaire ils requerront le gouvernement annamite qui enverra des soldats de son côté. »

*
* *

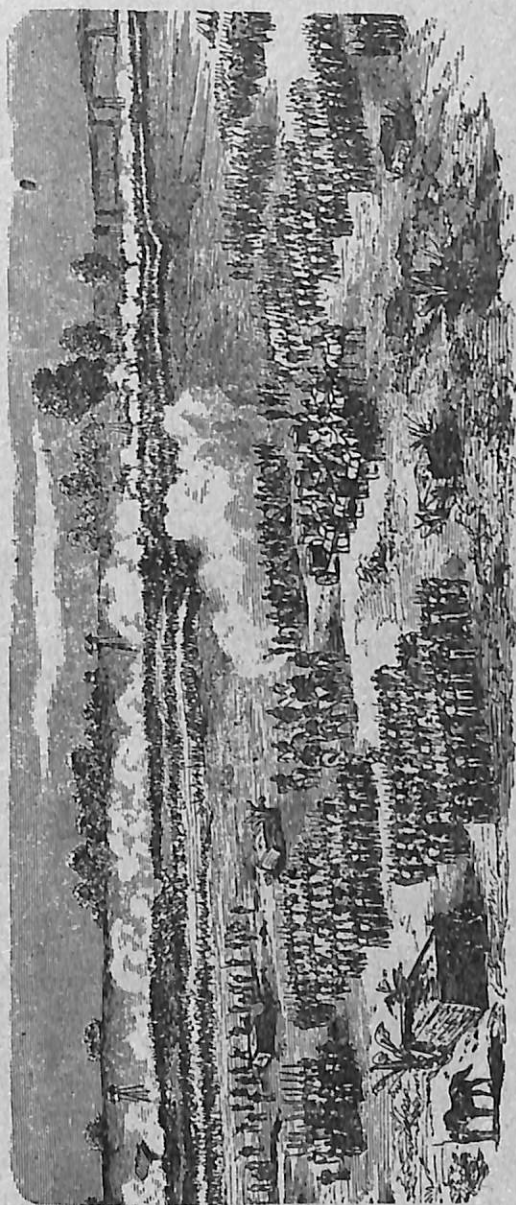
PHẦN HÌNH ẢNH



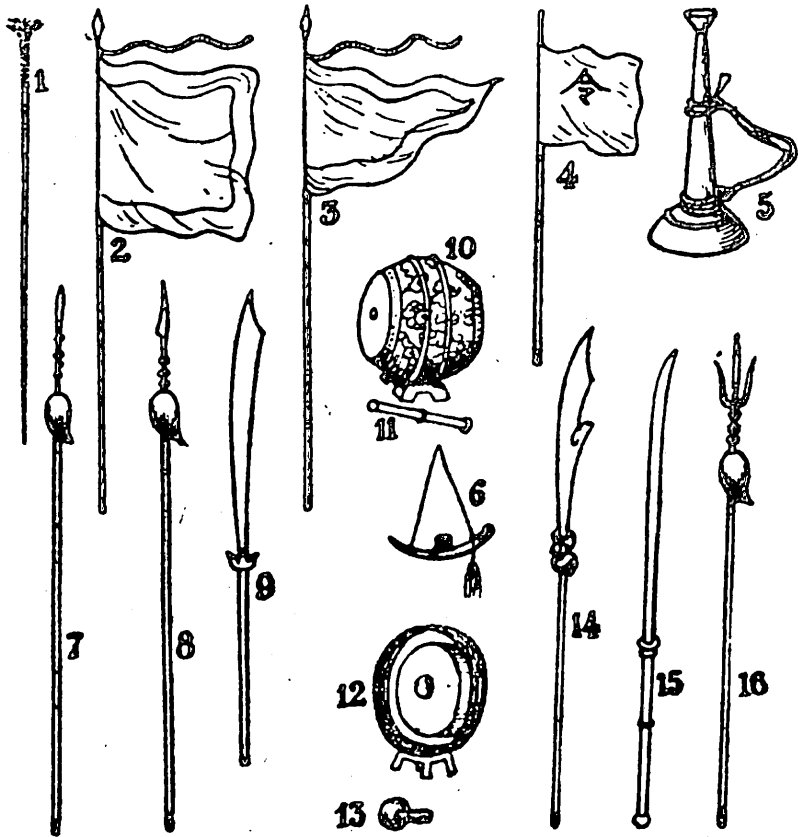
Đà Nẵng và các đôn phòng thủ.



Quân Pháp đánh thành Saigon

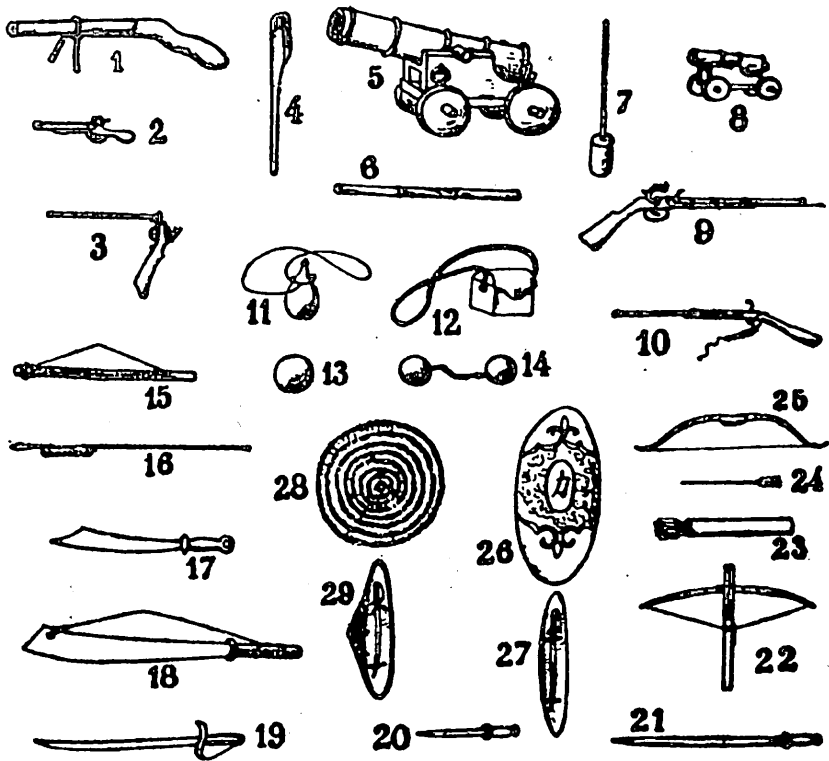


Quân Pháp đánh đại-dồn Kỳ-hòa ngày 24 và 25-2-1861
(Document pour servir à l'histoire de Saigon)

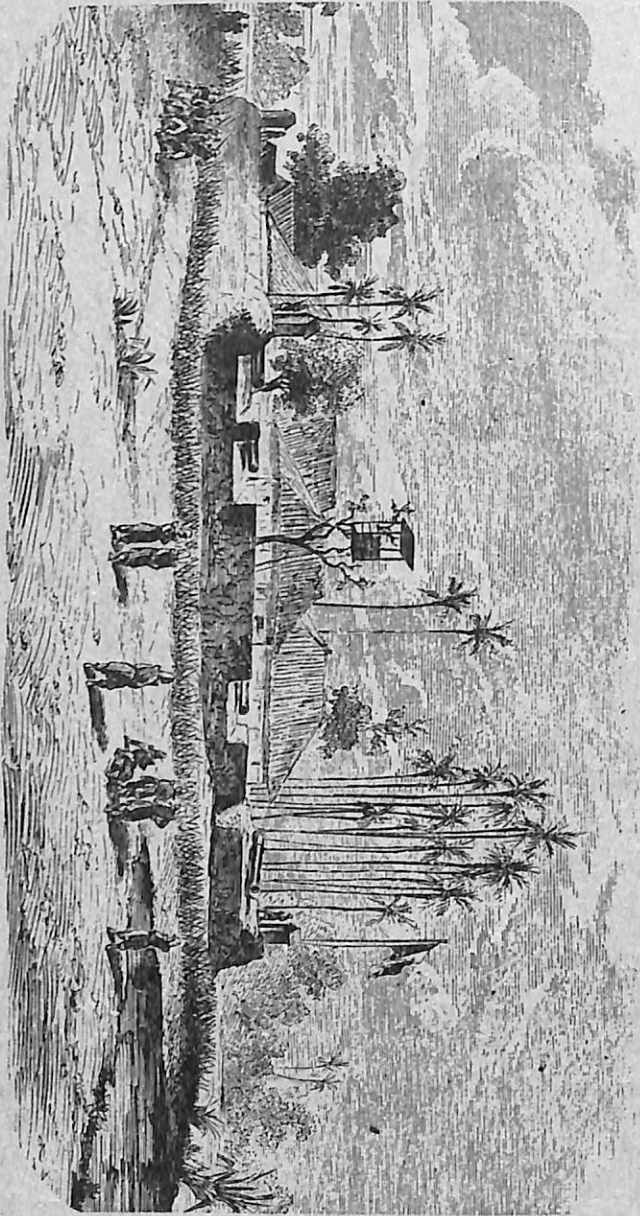


Vũ-khí Việt-Nam dưới triều Nguyễn

1 lao — 2 Cờ vuông — 3 Cờ đuôi nheo — 4 Cờ lệnh — 5 Loa
 6 Còi — 7 Giáo — 8 Mác thương-Phụng — 10 trống — 11 Dùi
 trống — 12 Chiêng — 13 Dùi chiêng — 14 Siêu-đao —
 15 Gươm trường — 16 Đinh ba. (Tài liệu Huard Durant)

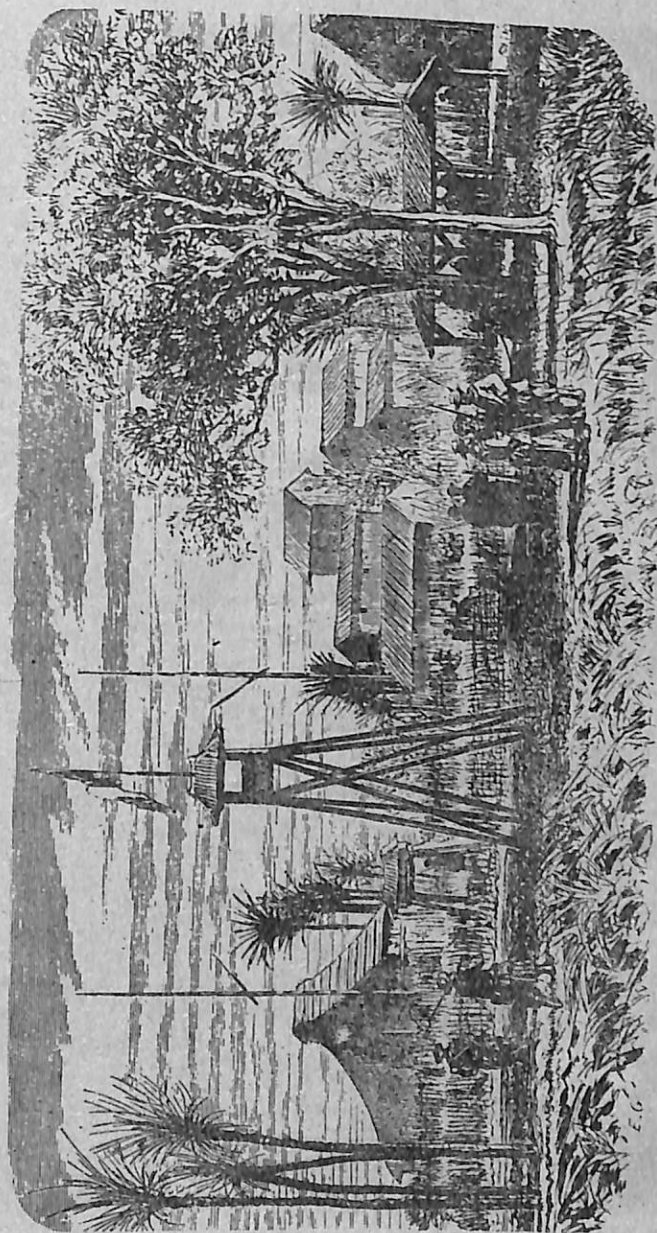


Vũ-khí Việt-Nam.— 1 Súng khóa-sơn — 2 Súng đoàn mã — 3 Súng khai-phúc — 4 Liều thuốc súng — 5 Súng đại-bác — 6 Súng mã-trường — 7 Chày nẹp thuốc súng — 8 Súng thần công — 9 Súng máy đá — 10 Súng hỏa mai — 11 Bầu đựng ngòi — 12 Bao đạn — 13 đạn — 14 Đạn xúc-xích — 15 Hỏa-hò — 16 Hỏa-tiến 17 — Mã-đao — 18 Đại-đao — 19 Gươm 20 Dao găm — 21 Quát — 22 Nỏ hay ná — 23 ống tên — 24 Tên — 25 Cung 26 và 27 Mọc — 28 và 29 Khiên mây (mặt trong và ngoài).

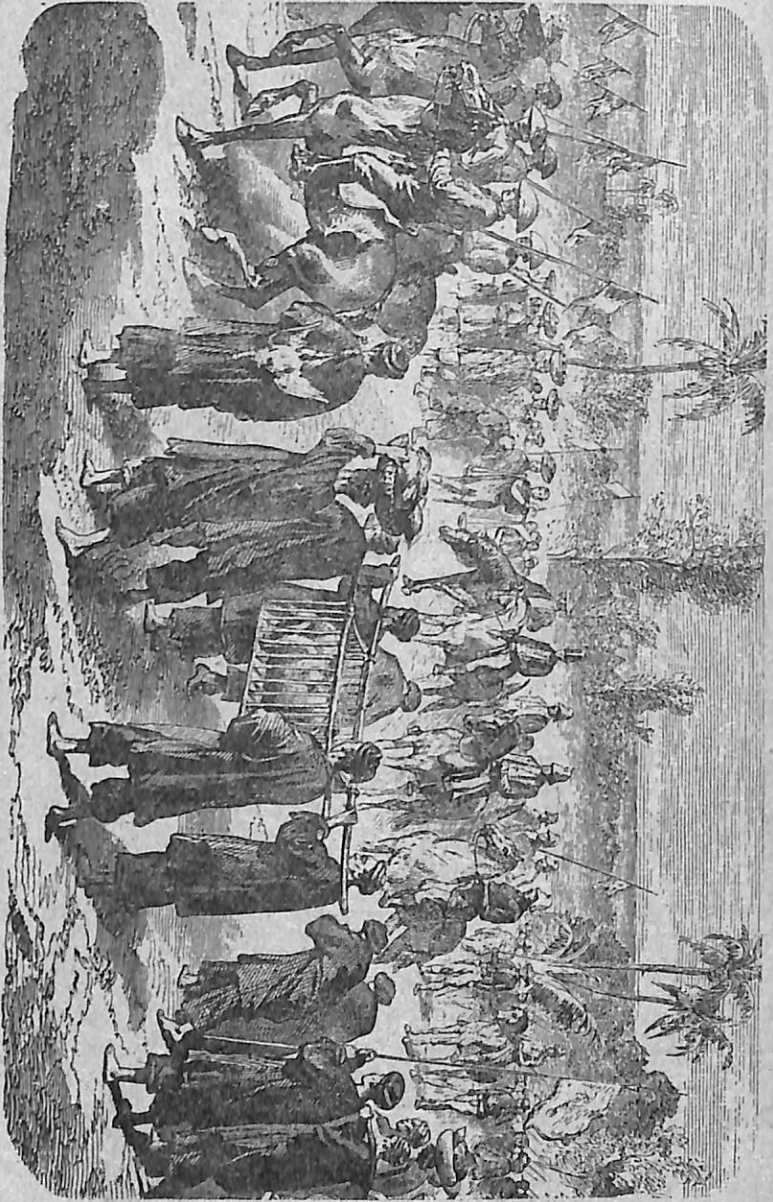


Đồn Kiến-Khương của quân Pháp ở phía Nam đồn Kỳ-hòa

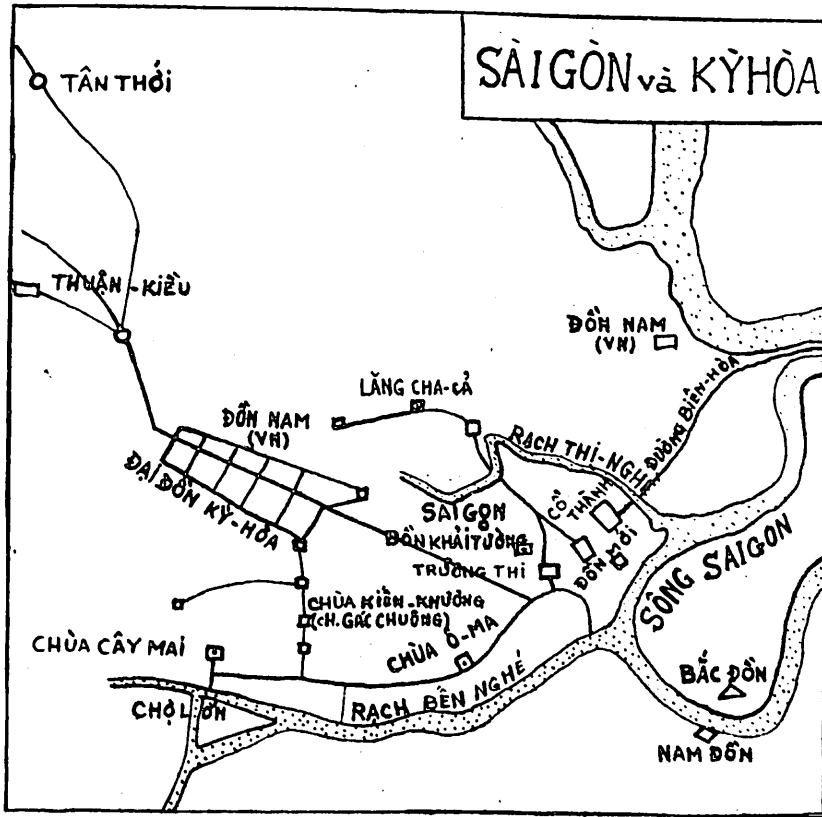
(Fort de la pagode des Clocheston : Carramhert).



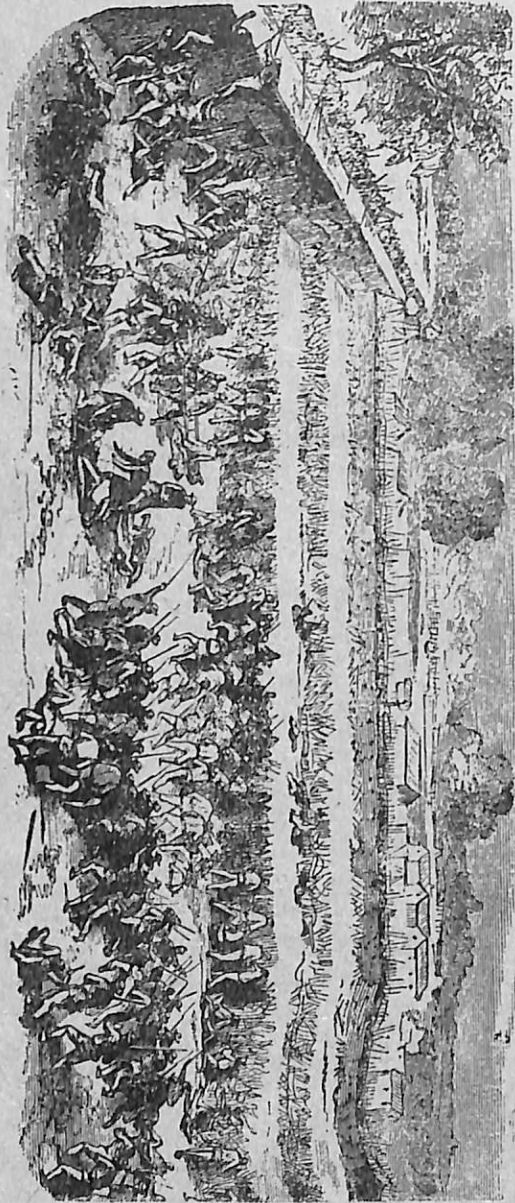
Đồn Rạch-tra ở Tây-Nam Kỳ-Hòa, bị chiếm 24-2-1861



Dân các làng ở Nam kỳ đến gặp lễ quy-phục trước
Trung-tướng Charner theo một tài liệu Pháp (Cortambert)



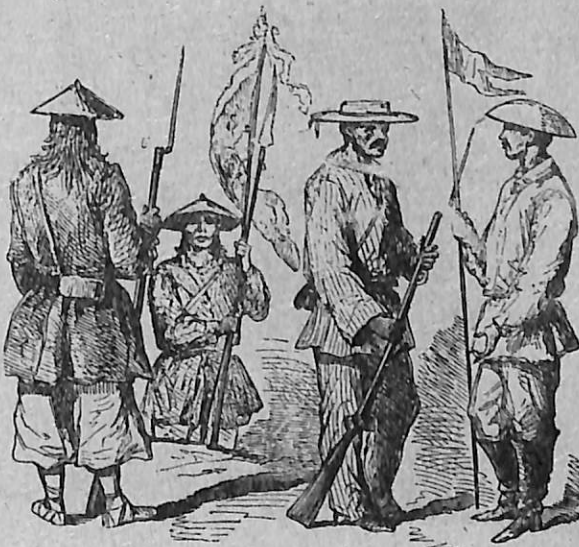
Đại đồn KỶ-HÒA và các đồn của Pháp quanh Saigon



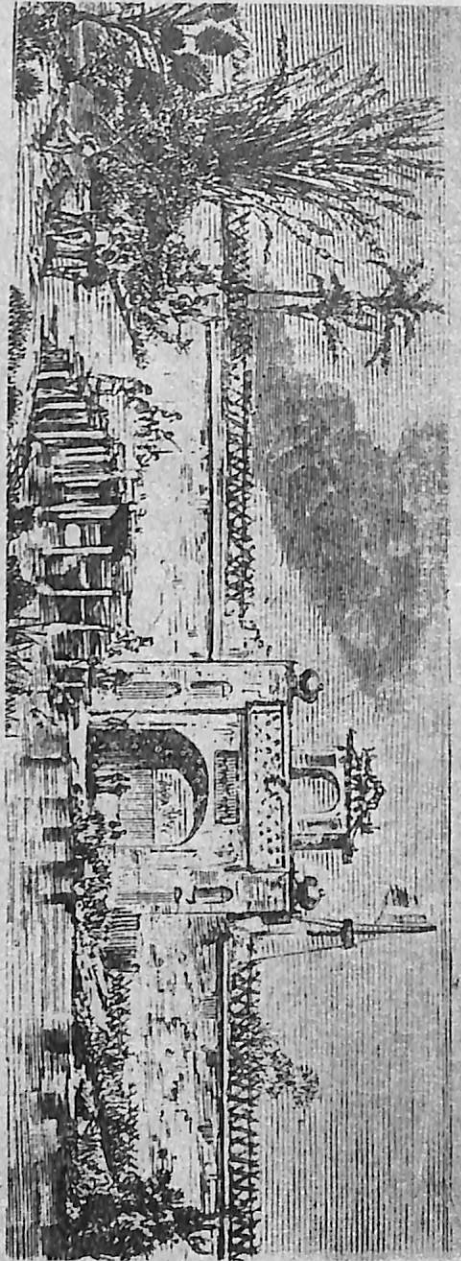
Một trận đờn của Kỳ-hòa bị quân Pháp và I-pho-nho đánh
(Tại liêu của Cortambert)



Lính Viễn-chính Pháp đánh Nam-kỳ

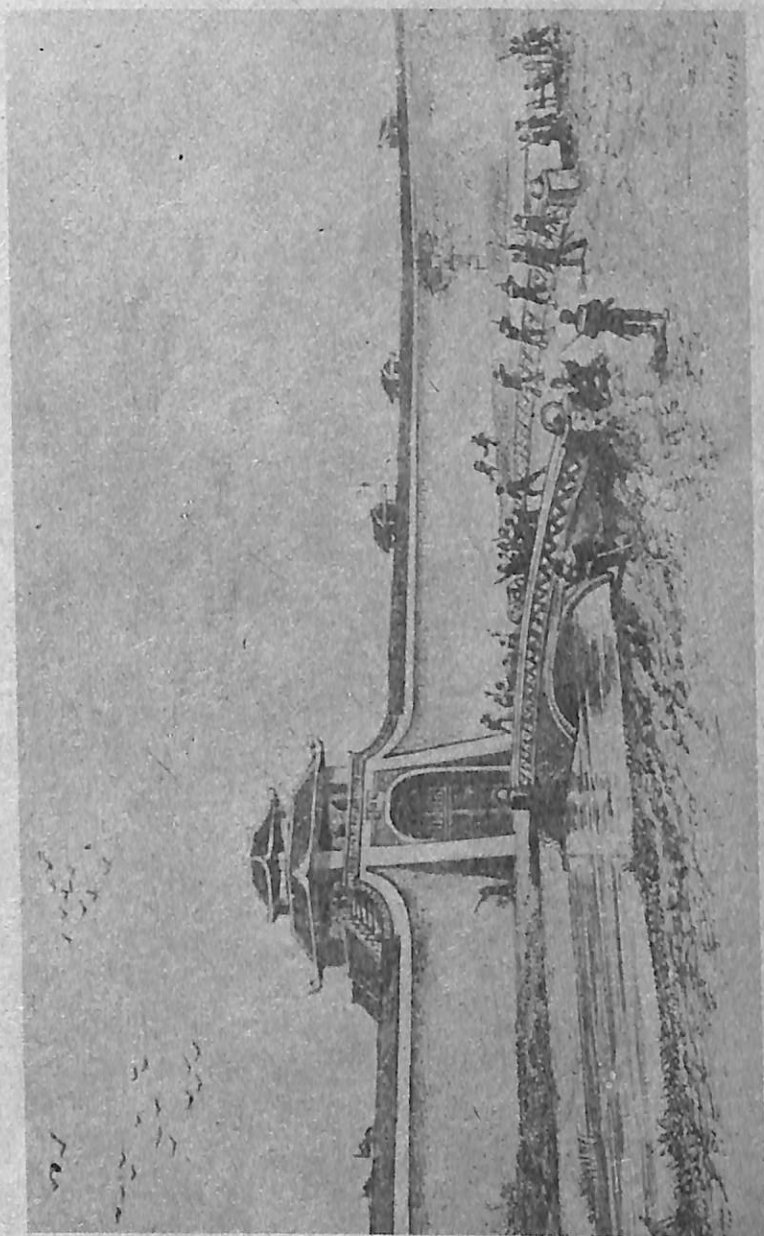


Lính I-pha-Nho và lính Việt theo Pháp

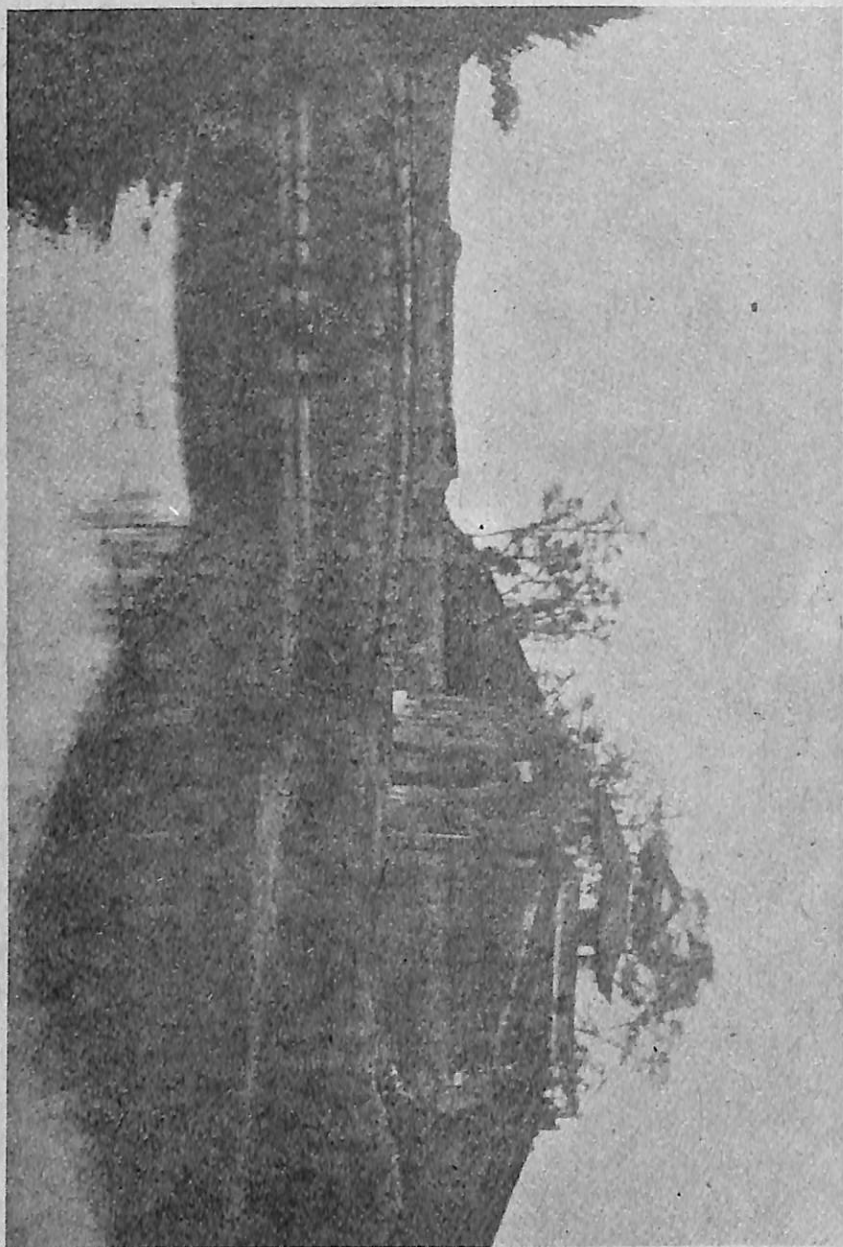


Thành Mỹ-tho đang bị quân Pháp đánh

(*Monde Illustré*) : 1861



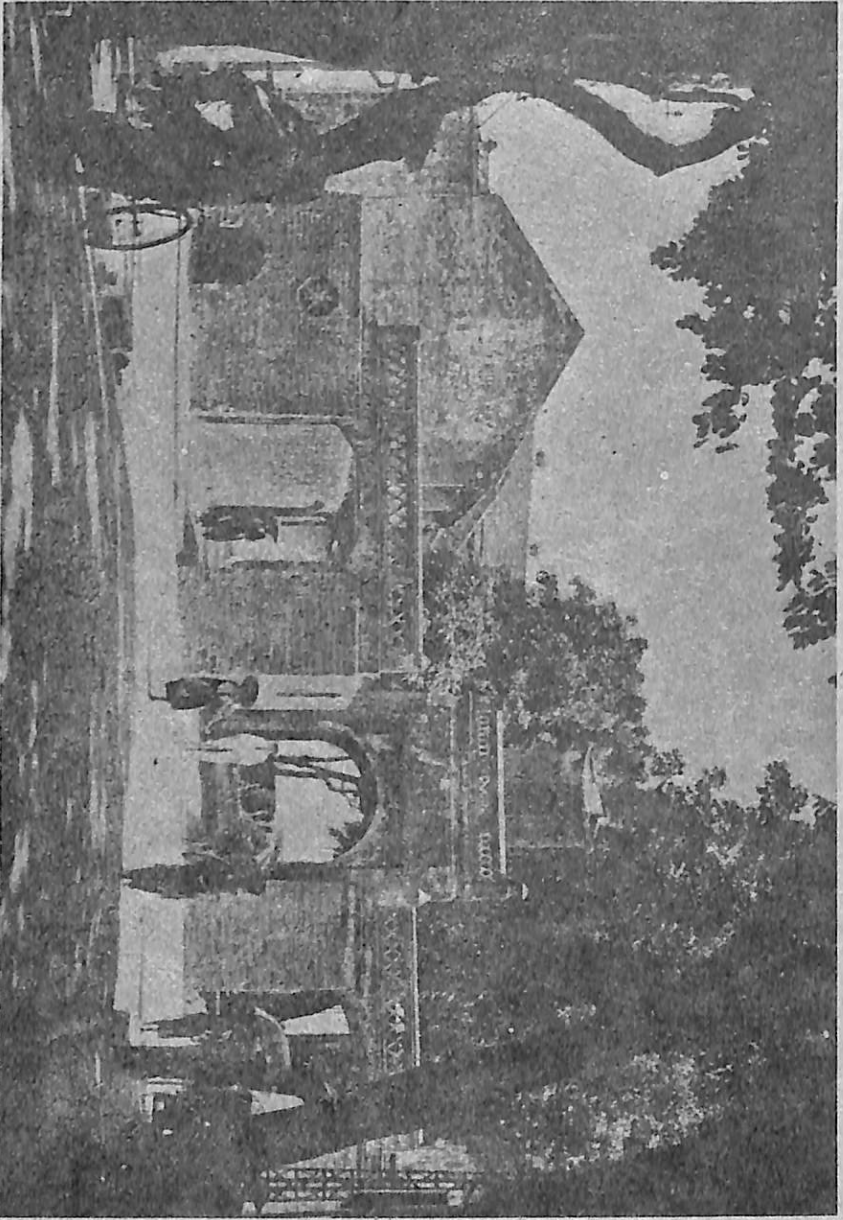
Quân Garnier đánh cửa Nam Hà-nội 20-11-1873



Cửa Bắc Hà-nội



Cột cờ thành Hà-nội



Cửa ô đầu Phố Mới Hà-nội
(Rue J. Dupuis)

Những sách báo tham-khảo

Đại-Nam Nhất-thông-chi

Đại-Nam Thực-lực tiền biên

Đại-Nam thực-lực chánh biên

Gia-phả của Gia-đình Nguyễn-Tri

Việt-Nam Sử-lược Trần-trọng-Kim

Việt-Nam Pháp-thuộc-sử của Phan-Khoang

Việt-Pháp bang-giao sử-lược của Phan-Khoang

Nguyễn-tri-Phương của Phan-trần-Chúc và Lê-Quế

Những trận đánh Pháp của Vũ-ngọc-Phan

Trung-Quốc Sử lược của Phan-Khoang

Trung-Hoa sử-cương của Đào-duy-Anh

Nhật-Bản sử-lược của Châm-Vũ Nguyễn-văn-Tần

Giai-thoại Làng Nho của Lãng-Nhân.

Quán-dân Việt-Nam chống Tây-xâm của Đại-tá Phạm-văn-

Sơn v.v... (Quán-sử).

Nguyễn-trường-Tộ và Y-Đặng Bác-văn của Đào-Đặng-Vỹ

Xã-hội Nguyễn-trường-Tộ và Xã-hội Y-Đặng Bác-Văn của

Đào-Đặng-Vỹ

Nguyễn-trường-Tộ của Nguyễn-Lân

Phan-thanh-Giản của Tam-Thanh và Hoành-Hải

Đông-Dương Tạp-Chí
Tri-Tân Tạp-Chí
Bào Thần-Chung, Báo Đuốc Nhà Nam

*
* *

Histoire moderne du pays d'Annam par Ch. Maybon
L'Empire d'Annam par Ch. Gosselin
Le Tonkin par Jean Dupuis
Histoire de l'Intervention française au Tonkin par Romanet
et Caillaud
Les Français au Tonkin par H. Gautier
L'amiral Dupré et la Conquête du Tonkin par Dutreb
Les Origines du Tonkin par J. Dupuis
Hanoi pendant la période héroïque par Masson
Documents pour servir à l'Histoire de Saïgon par
J. Bouchot
Tableau de la Cochinchine par Cortambert et Rosny
La Conquête de l'Indochine par Thomazi
Francis Garnier à l'assaut des fleuves par Roger Vercelet
Nguyễn-trường-Tộ et son temps par Đào-Đặng-Vỹ
Nguyễn-trường-Tộ et l'Empereur Tự-Đức par Đào-Đặng-Vỹ
Connaissance du Viet-Nam par P. Huard et M. Durand
Histoire du Japon moderne par R. Storry
La Chine par R. Grousset
La Chine et les Chinois par Lin Yutang
Le Japon dans le monde par Gowen
Histoire du Japon par Gowen
Bulletin des Amis du vieux Hué
Grand Larousse Encyclopédique
Histoire Universelle des Pays et des Peuples (Hachette) v.v...



MỤC - LỤC

MẤY LỜI GIỚI-THIỆU	7
TỰA	9
CHƯƠNG I.	A. Những trào-lưu lớn trong lịch-sử thế-giới 23
	B. Các nước Á-Châu trước làn sóng xâm-lãng của Tây-phương 27
	C. Việt-Nam trong cơn gió lốc 42
CHƯƠNG II.	Nguyễn-tri-Phương Nhất gia tam kiệt 51
CHƯƠNG III.	Việt-Nam bắt đầu đụng độ với Tây-Phương Nguyễn-tri-Phương ở Hà-Năng và Sài-gòn 83
CHƯƠNG IV.	Chiến Hòa Thủ 105 Trận Kỳ-Hòa 111
CHƯƠNG V.	Sau Kỳ-Hòa — Mất Định-Trường Mất Biên-Hòa 125
CHƯƠNG VI.	Loạn tại Bắc-Kỳ 147

CHƯƠNG VII.	Pháp gây rối ở Bắc-Kỳ. Tên lái súng Jean Dupuis	169
CHƯƠNG VIII.	Francis Garnier đánh Hà - Nội. Nguyễn-Tri-Phương tuân-liết	183
CHƯƠNG IX.	Sau Francis Garnier và sau Nguyễn-tri-Phương. Philastre trả lại các tỉnh Bắc-Kỳ	213
CHƯƠNG X.	Đề kết-luận : Nguyễn-tri-Phương tử mà bất-tử	223

PHỤ CHƯƠNG

1.	Thi văn về Nguyễn-tri-Phương	233
2.	Tiêu-sử cụ Nguyễn-Duy	244
3.	Tiêu-sử Phò-mã Nguyễn-Lâm	248
4.	Quân-lực và vũ-khí Việt-Nam dưới triều Nguyễn	251
5.	Nguyên-văn bản phúc-trình của Trung-Tướng Charner về trận Kỳ-Hòa	257
6.	Nguyên-văn tiếng Pháp của Hòa-ước 1862	268
7.	Nguyên-văn bản phúc-trình của Francis Garnier về trận đánh chiếm Hà-nội	273
8.	Thỏa-ước 1874 do Nguyễn-văn-Tường và Philastre ký	277





Giá: 800đ.